

Thánh đạo đại nguyên lược
giai / Đức Cha Jeanningros
(Đức Cha Vi) và Cha Chính đã
don

Jeanningros, Constant-Philomène (1870-1921). Auteur du texte.
Thánh đạo đại nguyên lược giải / Đức Cha Jeanningros (Đức Cha Vi) và Cha Chính đã don. 1935.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

16°
Indoch.
92 (2)



THÀNH ĐẠO

Đại Nguyên

LƯỢC GIẢI

ĐỨC CHA Jeanningros (ĐỨC CHA V₁)
và Cha CHÍNH đã soạn

Cuốn thứ nhì
In lần thứ ba

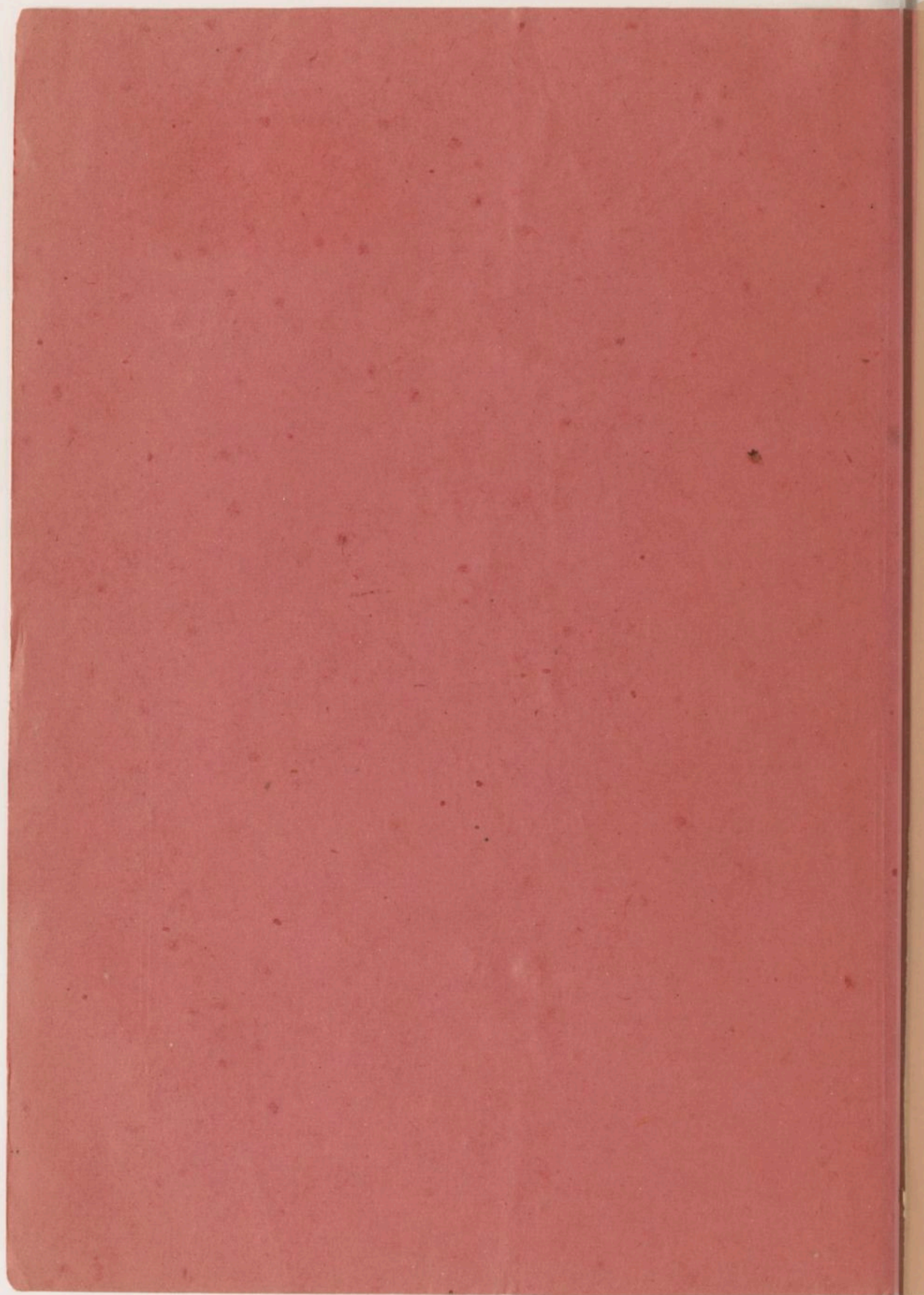


IMPRIMERIE DE LA MISSION
QUINHON (Annam)

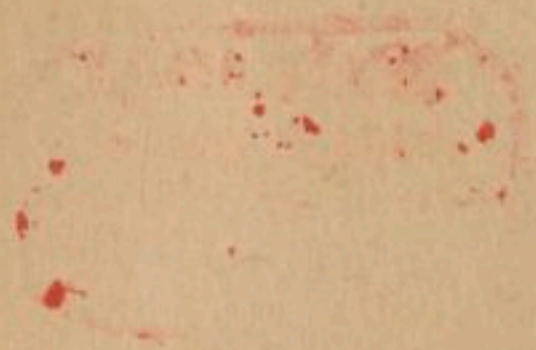
— 1939 —

16°
Indoch.
92
(2)

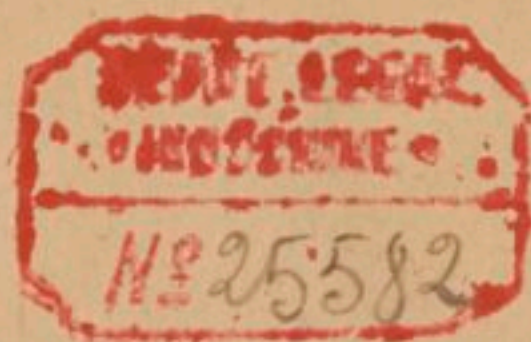
~~16°~~



THÀNH ĐẠO ĐẠI NGUYÊN
LƯỢC GIẢI



THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
CHICAGO, ILL.



THÀNH ĐẠO

Đại Nguyên

LƯỢC GIẢI

ĐỨC CHA Jeanningros (ĐỨC CHA VỊ)
và Cha CHÍNH đã dọn

Cuốn thứ nhì
In lần thứ ba



IMPRIMERIE DE LA MISSION

QUINHON (Annam)

== 1939 ==

162 Muboch
1633

↑ 2 21



IMPRIMATUR :

✠ A. TARDIEU

Vic. ap.

Quinhon, ngày 1 tháng Septembre 1939

PHẦN THỨ SÁU

Giảng về luật Đ C T.

Đoạn Nhứt — Nói chung về các thứ lễ-luật.

- “ Hai — Về ba nhơn-đức cả : Tin, Cây, Kính-mến.
- “ Ba — Về việc thờ-phượng Đ. C. T.
- “ Bốn — Về giải thứ hai.
- “ Năm — Về giải thứ ba.
- “ Sáu — Về giải thứ bốn.
- “ Bảy — Về giải thứ năm.
- “ Tám — Về giải thứ sáu cùng thứ chín.
- “ Chín — Về phép công-bình và sự làm chủ.
- “ Mười — Về những cách làm tài-chủ.
- “ Mười một — Về tội nghịch phép công-bình.
- “ Mười hai — Về giải thứ tám.

ĐOẠN THỨ I

Nói chung về các thứ lễ-luật

1 — H. — Lễ-luật là gì ?

T. — Luật là điều-răn chung (hoặc dạy-bảo hoặc cấm ngăn) theo lẽ phải, đặt làm ích chung, bởi chính Bề-trên đã truyền ra cho mọi người trong hội, và buộc giữ.

Thứ nhứt, nói là điều luật chung — làm ích chung : vì chung luật buộc hết mọi người dưới phép kẻ ra luật ; mà lại Bề-trên chẳng nên kiếm ích riêng một ít người, một buộc lo cho phần nhiều đặng nhờ.

Thứ hai, nói chính Bề-trên truyền ra, nghĩa là kẻ cai trị đặt ra luật buộc mình và kẻ thuộc-về mình mà-thời.

H. — *Có mấy thứ lễ-luật ?*

T. — Có hai thứ : Một là, luật Đ C T. : là chính mình Đ C T. đã truyền ra cho người-ta phải giữ ; hai là, luật người ta : là dấng bề-trên thừa phép Đ C T. mà ra luật buộc kẻ bề-dưới noi giữ.

2 — H. — *Đ C T. đã truyền lễ-luật cho người-ta thế nào ?*

T. — Vốn khi Đ C T. sinh dựng loài người-ta, thì đã ghi-tạc vào lòng mỗi người luật Tánh giáo gọi là *luật Tự-nhiên* : là lương-tâm trí-khôn người-ta, để suy sự phải mà làm, sự bậy mà lánh.

Nhưng-mà đến sau, Đ. C. T. thấy người-ta ít vâng giữ luật tự-nhiên, thì Đ. C. T. hiện ra một cách oai-nghi và phép-tắc kinh-khủng lắm : chớp giăng loà mắt, sấm dậy vang tai, mà rao truyền mười điều răn gọi là *Thiên Chúa thập giới*, và dạy ông Moisen thích vào bia đá mà truyền lại, để cho mọi người rõ biết mà giữ cẩn-thận.

3 — H. — *Vậy Đ C T. đã ban truyền luật cho dân Isarae, còn bôn-đạo đời bây-giờ có buộc giữ chăng ?*

T. — Luật Đ C T. ban ra gồm có hai phần : một phần là 10 giới-răn mới nói trên này : phần thứ hai gọi là « *Điều lệ* »

Phần Điều lệ nói về lễ nhạc và chánh sự : phần này chẳng còn buộc bôn-đạo về luật mới.

Còn mười giới-răn xưa buộc dân Isarae, thì bây-giờ hễ có đạo Chúa Kirixitô, thì càng phải giữ hơn nữa ; vì chưng Đ C G. lập đạo mới, thì chẳng phá điều-răn Đ C T.

đã truyền xưa, như lời Người đã phán rằng: *Tao xuống thế, chẳng phải cho đặt phá luật, một có ý làm cho trọn mà-thối.* Lại khi con trai kia hỏi phải làm đi gì cho đặt rồi linh-hồn, thì Đ C G. dạy rằng: *Muốn cho đặt sống đời-đời, thì hãy giữ luật Đ C T.*

Ấy vậy Đ C T. là đấng sanh-dưỡng cai-trị loài người, chẳng những đã ban lễ-luật, mà lại nhắc đi nhắc lại cho ai nấy được nhớ mà giữ cho trọn, hầu nhờ phần phước đời-đời.

4 — H. — *Mười giải-răn Đ C T. là những điều nào ?*

T. — Mười giải-răn đã tóm trong kinh *Thiên Chúa thập giải.*

Thứ nhất — Kinh chuộng một Đ C T. trên hết mọi sự.

“ hai — Chớ kêu tên Đ C T. vô cớ.

“ ba — Giữ ngày Chúa-nhật.

“ bốn — Thảo-kính cha mẹ.

“ năm — Chớ giết người.

“ sáu — Chớ làm sự dâm-dục

“ bảy — Chớ lấy của người.

“ tám — Chớ làm chứng dối.

“ chín — Chớ muốn vợ chồng người.

“ mười — Chớ tham của người.

Ba giải-răn trước dạy những điều phải giữ mà thờ-lạy kính-chuộng một Đ C T. ; còn bảy điều răn sau thì dạy những điều phải giữ mà ăn-ở cùng mọi người.

Bởi đó theo lời sách Êvang, kẻ kính-chuộng một Đ C T. trên hết mọi sự, và yêu người như mình vậy, thì đã giữ trọn lễ-luật Đ C T.

5 H. — *Luật người-ta là đi gì ?*

T. — Luật người-ta là những lệ, những điều dạy việc phải làm theo lẽ phải, bởi Bề-trên có phép cai-trị đã rao cho kẻ bề-dưới mình giữ cho đặng ích chung.

Luật người-ta chia làm hai thứ :

Một là, luật Hội-thánh, sẽ nói riêng khi giải nghĩa sáu điều luật Hội-thánh.

Hai là, luật phần đời, sẽ nói một ít điều khi sẽ dạy về giải-răn thứ bốn.

ĐOẠN THỨ II

GIẢI-RĂN THỨ NHỨT

Kính-chuộng một Đ C T. trên hết mọi sự

Về nhơn-đức tin, cậy, kính-mến.

6 — H. — *Giải-răn thứ nhứt dạy ta phải giữ những điều gì ?*

T. — Trong giải-răn thứ nhứt Đ C T. dạy phải thờ-phượng, ngợi-khen, kính-mến một Chúa trên hết mọi sự ; chớ có thờ chúa nào khác ; lại phải yêu người ta vì Chúa như mình vậy.

Nhưng-mà cho đặng thờ-phượng Chúa, thì trước phải tin, cậy, kính-mến Người ; cho-nên trước hết thì nói về ba nhơn-đức Tin, Cậy, Kính-mến. — (Còn việc thờ-phượng để nói riêng trong đoạn III.)

Vậy đoạn này chia làm bốn điều :

- I — Về nhơn-đức Tin.
- II — Về nhơn-đức Cậy.
- III — Về nhơn-đức Kính-mến.
- IV — Về tội nghịch cùng nhơn-đức thương-yêu người-ta.



ĐIỀU THỨ I

Về nhơn-đức tin.

7 — H. — *Tiếng nhơn-đức nghĩa đi gì ?*

T. — Nhơn đức hiểu chung là tính nết lành làm cho lòng-trí ta hướng-chiêu muốn làm việc lành phước-đức.

Như việc thường ra dễ cho kẻ có nhơn-đức, thì việc lành ra dễ cho kẻ có nhơn-đức, vì tính lành thêm sức mà làm cho ta hứng vui ái-mộ làm việc hiệp cùng luật Đ C T.

Ấy vậy nhơn-đức cũng như thói quen tốt ; cho-nên hễ người nhơn-đức làm việc lành càng nhiều, thì việc càng dễ làm, và linh-hồn càng mạnh mà làm việc về nhơn-đức ; cũng như việc thương người-ta làm càng lâu, thì càng giỏi càng thạo việc.

H. — *Nhơn-đức chia làm mấy thứ ?*

T. — Bởi việc lành có nhiều thứ nhiều bậc, thì tính lành hướng-chiêu về việc tốt, cũng có nhiều thứ khác nhau : cho-nên nhơn-đức có nhiều thứ, mà đây chỉ nói về ba nhơn-đức cả quá sức tự-nhiên, là Đức tin, Đức cậy, và Đức kính-mến Đ C T.

8 — H. — *Nhơn-đức tin là đi gì ?*

T. — Đức tin là nhơn-đức Đ C T. xuống trong linh-hồn ta, làm cho ta tin thật vững-vàng mọi sự Đ C T.

đã phán và Hội-thánh truyền cho ta tin, vì Chúa là đấng chơn-thật vô-cùng đã truyền dạy.

Việc tin cũng có nhiều cách khác nhau : Hoặc hỏi mình làm việc đức tin dạy, có ý nhớ hay-là nói trong lòng rằng : mình tin sự này. Ví dụ : Khi nói rằng : Tôi tin có Đ C G. ngự thật trong phép Thánh-thể.

Hoặc khi mình làm việc thuộc-về đức tin, mà trong lòng không nhớ đến sự tin, song đã có sự tin sẵn trong lòng. Ví dụ : khi vô nhà-thờ bái quì ; có khi hỏi đó chẳng nghĩ trong lòng rằng thật có Đ C G. ngự trong nhà-tạm, song cũng là việc tin, bởi có sẵn sự tin trong lòng.

Kẻ thì nghĩ đến từng điều rõ-ràng ; người khác tin xấp-nhập là tin một điều gồm các điều khác, như khi xưng rằng : Tôi tin mọi sự Hội-thánh dạy phải tin.

9 — H. — *Đức tin có cần-kíp chẳng ?*

T. — Rất cần-kíp choặng rồi linh hồn, như lời ông thánh Phaolô rằng : *Không đức tin, chẳng có lễ mà đẹp lòng Đ C T. đặng.* Vả lại có luật buộc kẻ đến tuổi khôn phải làm việc tin.

Công-luận Tridentinô gọi đức tin « là đầu mọi sự, là nền cùng là cội rễ » làm cho ta đặng nghĩa lại cùng Chúa. Như cây nhờ rễ chắm sâu, mới đặng sinh ra trái tốt ; cũng một lẽ ấy, linh-hồn ta là cây Đ C T. trồng trong vườn Hội-thánh, trước hết phải có đức tin như rễ chắm sâu vững-chắc, thì mới sinh ra các giống trái-trắng phước-đức.

10 — H. — *Có mấy điều cần-kíp nhứt phải tin mới đặng rồi ?*

T. — Kẻ đã có trí-khôn phải biết và tin ba điều sau này :

Một là, biết và tin có một Đ C T.

Hai là, biết và tin Đ C T. là đấng hay thưởng kẻ lành và phạt kẻ dữ đời sau. (Hai điều trước này cần hơn điều sau.)

BA là, biết và tin Đ C T. có ba Ngôi và Ngôi thứ hai xuống thế ra đời chuộc tội thiên-hạ.

Ấy là ba đều rất cần hãy dạy trước hết, khi gặp kẻ ngoại đạo mà muốn chịu phép Rửa tội. Vì bằng thấy còn kíp, thì hãy dạy thêm một ít đều như sẽ nói khi dạy về phép Rửa tội.

Còn các đều khác như trong kinh TIN KINH, thì cần phải tin, bởi có luật buộc nhất, chẳng tin thì có tội trọng. Ấy vậy kẻ đã đến tuổi khôn, muốn rời linh-hồn, thì phải biết và tin ba đều nói trên này đã ; còn kẻ nhớ đặng, thì có luật buộc phải cho thuộc và tin thêm như sau này :

BỐN là, những đều trong kinh TIN KINH, kinh LẠY CHA.

NĂM là, phải biết và phải giữ 10 điều răn Đ C T. và sáu điều răn Hội-thánh.

SÁU là, phải biết cùng tin phép Rửa tội, phép Giải tội, phép Minh thánh Chúa ; còn mấy phép Bí-tích khác, ai đã gần chịu phép nào, thì phải biết cùng tin phép ấy.

Còn kẻ không thuộc mọi sự này cứ như trong sách, hoặc chẳng hiểu nghĩa, chẳng nhớ cho đủ, mà chẳng phải bởi tại làm biếng trễ-nải, thì chẳng tội gì.

11 - H. - Có mấy cách phạm nhưn đức tin ?

T. - Nhiều lắm, mà đây kể mấy tội trọng hơn :

Một là, cứng lòng chẳng tin sự đạo dạy, như kẻ ngoại và quân lạc đạo.

HAI là, bỏ đạo thánh, hay là bởi sợ phép quan cùng hình phạt mà chối đạo, phạm ảnh, vân vân.

BA là, sợ người-ta chê-cười, nên không dám giữ đạo tổ-tường bề-ngoài.

BỐN là, hồ-nghi một đều gì Hội-thánh buộc phải tin.

NĂM là, làm-biếng chẳng lo vừa sức mà học biết những đều phải tin.

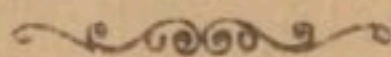
12 — H. — *Có khi nào nên chối đạo thánh hay-là xưng mình theo đạo dối chằng ?*

T. — Chằng khi nào nên : dầu mà trong lòng tin vững-vàng, mà bề-ngoài nói lời gì, làm việc gì ra như chối đạo, thì chằng khỏi tội trọng ; vì đã có lời Đ C G. phán rằng : *Ai chối Tao trước mặt thiên hạ, thì Tao sẽ chối nó trước mặt cha Tao.*

Vậy khi quan cứ phép mà hỏi ta có đạo chằng ; thì chằng nên nói quanh-co dối-trá, một phải xưng đạo tỏ-trường, cho sáng danh Chúa. Thà chịu chết hưởng phước trên trời, chằng thà chối đạo làm mất lòng Đ C T. và làm gương xấu cho người-ta

H. — *Còn khi quan hay là người khác, bởi ghét đạo, chằng cứ phép gì, một lấy ý riêng mà hỏi ta có đạo không, thì có nên dùng mưu nói quanh cho đặng kẻ nghe tưởng mình không có đạo chằng ?*

T. — Cũng chằng nên : vì ra như chối đạo. Nhưng-mà khi người-ta chằng có phép gì mà hỏi vậy, thì hoặc làm-thỉnh, hoặc nói rằng : « *Mình chằng muốn thừa lời hỏi vậy* »... « *Hỏi làm chi ?* » Những cách nói vậy chằng có tội chối đạo, ấy là giấu mình có đạo mà-thời. Cũng như kẻ đi trốn mà ẩn mình khi quan bắt đạo, hoặc lót tiền cho khỏi quan bắt mình hay là kẻ khác, thì chằng có tội chối đạo.



ĐIỀU THỨ II

Về nhơn-đức trông cậy

13 — H. — *Đức trông-cậy là đi gì ?*

T. — Đức trông-cậy là nhơn-đức Đ C T. ban xuống trong lòng ta, làm cho ta cả lòng trông vững-vàng Đ C T. sẽ ban ơn cho ta đặng ở đời này lập công, và ngày sau sẽ

đặng thưởng đời-đời. Ta trông-cậy làm vậy vì công-nghiệp Chúa Cứu-Thế ; bởi Đ. C. T. là đấng chơn thật vô-cùng, chẳng lẽ nào sai lời hứa đặng, lại người phép-lắc vô-cùng, muốn làm sao thì đặng vậy.

14 — H. — *Nhơn-đức cậy có cần kíp chăng ?*

T. — Nhơn-đức cậy rất cần-kíp cho đặng rồi linh-hồn bởi vì nếu ta chẳng cậy trông Chúa ban ơn phù-hộ, thì biết cậy trông ai ? Không trông phần thưởng, thì nào có đành lòng chịu khó mà giữ đạo ? Vả lại có lời Đ. C. Trời buộc ta phải tin cậy Người lòng lành vô-cùng ban ơn cho ta đặng rồi linh-hồn ; cho nên ai ngã lòng trông-cậy, thì phạm tội làm mất lòng Chúa.

15 H. — *Những tội nào nghịch cùng nhơn-đức cậy ?*

T. — Có hai thứ tội nghịch cùng nhơn-đức cậy :

Một là, chẳng trông cậy Đ. C. T. cho đủ : như kẻ thấy tội mình phạm nặng-nề và nhiều, nên hết trông Chúa thứ tha ; hoặc chẳng trông cậy mình sẽ bỏ tính nết xấu đặng, nên buông mình theo đảng tội-lỗi. Lại kẻ chẳng trông Chúa sẽ ban mọi sự cần về phần xác, vân vân...

Sự ngã lòng làm vậy là tội rất nặng, vì là như cầm phép-lắc Chúa có cùng, hay là Chúa chẳng có lòng lành hay thương, một có sự công thẳng hay phạt tội-lỗi người ta mà thôi.

Hai là, trông cậy Chúa quá lẽ ; như kẻ nương cậy lòng lành Chúa thời quá, nên nó nghĩ rằng : Chúa sẽ cho mình ăn-năn tội khi gần chết ; hoặc tưởng Đức Mẹ chẳng để mình xuống hỏa-ngục, nên không lo ăn-năn tội trở lại cùng Chúa.

Cũng có kẻ cậy quá lẽ bởi cậy sức mình đủ mà chống trả ma quỷ, lo việc bồn phận ; nên khi ma quỷ cám dỗ, chẳng xin ơn Chúa phù-hộ nên liều mình phạm tội.

16 — H. — *Người ta muốn khỏi tội nghịch nơn đức cây thì phải dùng phương thế nào ?*

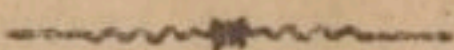
T. — Muốn khỏi sự ngã lòng trông-cây, thì phải nhớ Chúa là Đấng lòng lành rộng rãi vô cùng, hề ai có trông cây ăn năn tội mình thì Chúa sẽ thứ tha. Hãy nhớ những gương các thánh xưa, cũng có người phạm tội làm mất lòng Chúa ; nhưng mà bởi ăn năn và trông cây lòng lành Chúa, thì Chúa đã thứ tha, và đã cho dựng nên thánh ; như vua thánh Đavit, ông thánh Phêrô, bà thánh Maria Magdalêna.

Lại cho dựng khỏi sự trông cây quá lẽ, thì hãy nhớ ba điều này :

Một là, Chúa đã hứa sẽ tha cho kẻ ăn-năn trở lại, song Người chẳng hứa sẽ đợi nó lâu ngày, và không hứa sẽ ban ơn phi thường trước giờ nó chết ; hoặc người đã đợi nó lâu, mà nay đã đến giờ Người nổi cơn thịnh nộ mà phạt chẳng.

Hai là, chớ cây những việc lành mình làm khi đang mắc tội, vì chẳng đáng Chúa thưởng ; còn việc lành đã làm khi còn sạch tội, mà bởi sau sa ngã phạm tội trọng, nếu chẳng ăn-năn trở lại làm lành cùng Chúa, thì mất mọi công-nghiệp.

Ba là, hãy suy sự sống ta rất vắn-vỏi hiểm nghèo : có biết mình sẽ chết nghiệp gì, khi nào mà đợi đến giờ chết sẽ ăn năn ?



ĐIỀU THỨ III

Về nơn-đức kính-mến.

§ I — Về sự kính-mến Đ. C. T.

» II — Người-ta buộc thương nhau.

- » III — Người ta buộc giúp đỡ-nhau.
- » IV — Về sự bố-thí cho kẻ khó-hhăn.
- » V — Về việc khuyên-bảo kẻ có tội đừng chừa

§ I — VỀ SỰ KÍNH-MẾN Đ. C. T.

17 — H. — *Nhơn-đức kính-mến là ơn-đức nào ?*

T. — Đức kính mến là ơn rất trọng Đ. C. T ban xuống trong linh hồn ta, làm cho ta kính mến Chúa trên hết mọi sự, và thương-yêu mọi người như mình ta vậy.

18 — H. — *Nhơn-đức kính-mến có cần-kíp, có ích gì cho ta chăng ?*

T. — Đức kính-mến cần kíp :

Một là, bởi vì có luật tự-nhiên dạy ta phải mến-yêu kẻ làm ơn lành cho ta ; vậy Đ. C. T. đã làm nhiều ơn lành kẻ chẳng xiết, như sinh dựng, cai-quản, phù-hộ ta.... . nên ta phải kính mến Người hết lòng

Hai là, vả lại có luật riêng giải thứ nhất Đ. C. T. đã truyền cho ông Môisen, và Đ. C. G. đã nhắc lại khi Người phán rằng : *Mầy hãy kính-mến Chúa hết lòng, hết sức, hết trí-khôn mầy : ấy là điều răn thứ nhất.*

Sự kính-mến Chúa rất có ích cho người ta :

Một là, vì làm cho ta đặt nên người có nghĩa cùng Chúa.

Hai là, ơn đức này là chính đàng trọn-lành tóm lại các ơn đức khác.

Ba là, sự kính mến Chúa làm cho mọi việc ta làm, dầu nhỏ mọn mặc lòng, cũng đặt nên công đáng lãnh phần thưởng thiên-đàng.

Bởi đó hễ kẻ đã đến tuổi khôn, đã biết có Chúa trọn-tốt trọn lành, thì phải giục lòng kính mến Người.

19 — H. — *Những việc nào nghịch cùng sự kính-mến Chúa ?*

T. — Kẻ trách Chúa chẳng công-bình, chẳng thương người ta, thì phạm hơn đức mến. Mà tội thường hơn là yêu-chuộng sự gì hơn Đ. C. T., như kẻ ham hố công-danh quờn-chức, của cải, mê theo tính xác-thịt, nên cả lòng phạm tội, chẳng sợ làm mất lòng Chúa.

§ II — NGƯỜI TA BUỘC THƯƠNG NHAU

20 — H. — *Ta có buộc thương yêu người ta chẳng ?*

T. — Có luật Đ. C. T dạy rằng : *Bay phải yêu anh em như mình bay.* Vả lại luật tự-nhiên cũng buộc ta phải thương nhau, vì mọi người là con Chúa, cũng một loài, anh em cùng nhau, một gốc một rễ ; sau nữa Đ. C. G. đã đổ máu mình ra mà chuộc tội cho hết mọi người. Vậy ta muốn đẹp lòng Đ. C. T., thì phải yêu hết mọi người như mình ta vậy. Điều-răn kính-mến Đ. C. T. và thương-yêu người ta cũng như một điều-răn vậy ; cho nên Đ. C. G. đã phán rằng : *Chúng bay đừng lòng yêu nhau, thì mới rõ chúng bay có lòng kính-mến Đ. C. T. thật.*

21 — H. — *Ta phải thương-yêu người ta thế nào ?*

T. — Có hai cách thương người ta : hoặc thương bởi đức kính-mến là yêu vì Chúa ; hoặc yêu bởi tình bởi nghĩa, như cha mẹ thương con, con mến cha mẹ, bạn hữu thiết nghĩa yêu nhau. Thương-yêu cho nên thì phải giữ ba điều sau này :

Một là, phải THƯƠNG THẬT TRONG LÒNG, — nghĩa là miệng lưỡi nói thương không đủ ; một hãy muốn sự lành cho người ta. Người ta gặp sự vui, mình hãy vui với người ta ; lại phải sẵn lòng giúp đỡ người ta khi mắc túng cực bề nào.

HAI là, phải YÊU NGƯỜI TA vì CHÚA, — nghĩa là hãy thương vì Đ. C. T. khiến dạy ; lại vì người ta đều bởi Đ. C. T. mà ra, ai nấy là giá Máu thánh Đ. C. G. Như thương người ta bởi có tài-năng, trí-huệ, lịch-sự tử-tế, hoặc bởi làm ơn cho mình mà thôi, ấy là thương theo tính xác-thật tính tự-nhiên, chẳng phải là thương vì Chúa.

BA là, HÃY THƯƠNG NHƯ MÌNH VẬY, — nghĩa là hãy giữ lời Sách thánh dạy rằng : *Hễ sự gì mình muốn kẻ khác làm cho mình, thì phải làm sự ấy cho kẻ khác ; còn sự gì không muốn kẻ khác làm cho mình, thì đừng làm sự ấy cho kẻ khác.*

22 — H. — Có buộc thương hết mọi người chẳng ?

T. — Buộc ta thương hết mọi người chẳng nên trừ ai ; ấy là luật Đ. C. T. đã rao trong Sách thánh : *Bay phải yêu kẻ ghét bay, hãy cầu-nguyện cho kẻ bắt-bớ, bỏ vạ cáo gian bay, đừng bay nên đáng gọi là con Cha cả trên trời, hằng cho mưa nắng đượm nhuần chẳng những cho kẻ lành, song cũng cho kẻ dữ nữa.*

Vậy ta phải yêu kẻ nghịch bề trong và bề ngoài nữa.

MỘT là, BỀ TRONG, là chớ loại nó ra khi ta cầu-nguyện chung cho hết mọi người ; đừng vui mừng khi thấy nó phải khốn-nạn rầu rĩ, đừng giữ lòng ghét muốn báo-thù.

HAI là, BỀ NGOÀI, là phải giữ phép lịch-sự chung với nó như với kẻ khác : nó chào mình phải chào lại ; nó hỏi phải trả lời ; nó mua thứ gì mình đem bán chung cho người ta, thì phải bán cho nó như kẻ khác.

Còn sự cầu nguyện riêng, ở cách thiết nghĩa, mời tới lui thăm-viếng an ủi, thì không buộc ; song ai có làm đặng thì đại phước, vì thắng đặng tính mình và bắt chước gương Đ. C. G.

23 H. Có buộc thương hết mọi người bằng nhau chẳng ?

T. — Không buộc, bởi vì có kẻ ta phải thương nhiều hơn : như cha mẹ, anh em ruột, hơn chú bác, anh em họ ; chú bác anh em họ hơn bạn-hữu ; còn bạn hữu, người đồng-xã hơn người lạ ở xứ khác mình, ít biết,... ; kẻ đã làm ơn cho mình, thì buộc yếu hơn kẻ khác ; nên sự yêu người ta có nhiều bậc khác nhau.

§ III — NGƯỜI-TA BUỘC GIÚP-ĐỠ NHAU THE NÀO

24 — H. — *Việc giúp người ta khi túng-cực, thì phải cứ thứ-lự nào ?*

T. — Khi gặp nhiều người túng-cực cũng như nhau, thì phải cứ thứ-lự như đã nói trên. Mà sự túng-cực có nhiều thứ nhiều bậc : người này túng việc phần hồn, người kia túng việc phần xác ; kẻ thì túng quá lẽ, không ai giúp thì phải khổ-nạn chẳng sai ; người khác thiệt túng, song như không ai giúp, thì cũng có lẽ gỡ mình dặng ; hoặc túng vừa vừa, không ai giúp thì khổ chút mà cũng khỏi dặng.

Vậy thì người ta túng-cực càng nặng càng hiểm, thì càng buộc nhất phải cứu-giúp. Trước hết hãy nhớ linh-hồn và mọi sự thuộc về phần hồn trọng hơn phần xác ; cho nên trong việc giúp người ta thì phải lấy việc người ta rồi linh-hồn làm trọng hơn hết mọi sự khác mà lo trước đã ; rồi cứ luật sau này mà thương giúp :

Một là, về PHẦN LINH HỒN. Hãy lo cho linh-hồn mình trước đã, rồi mới lo việc linh-hồn người ta ; bởi vì đến ngày phán-xét, Đ. C. I, sẽ đòi linh-hồn mình trước.

Hai là, giúp về PHẦN XÁC. Như cứu sự sống, của cái,... — Hoặc mình muốn lo cho mình trước, là chuộng của mình hơn, hoặc lo cứu người ta mà liều phận mình mặc ý, chẳng buộc. Bởi đó chẳng ai phải liều sự sống mình cho dặng cứu sự sống kẻ khác. Mà nhược bằng có ai bởi lòng

thương kẻ khác hơn mình, nên liều sự sống mình mà cứu kẻ khác, thì đáng khen, miễn là chẳng có sự thiệt hại gì nặng hơn ; như sự mất phần hồn, hay là sợ vợ con gia thất phải khổn-khó.... Vì bằng có sự thiệt-hại thể ấy, thì chẳng nên liều mình cứu kẻ khác.

Nhưng-mà có một hai khi, bởi ích chung, hay là bởi việc bon-phận, buộc phải liều sự sống mà cứu kẻ khác : như dân sự phải liều mình mà cứu kẻ lớn. và quân lính phải liều mình đánh giặc mà cứu nhà nước.

25 — H — *Sự thương giúp người-la phần hồn phần xác tóm lại mấy điều ?*

T. — Tóm lại mười bốn điều như dạy trong kinh : THƯƠNG NGƯỜI CÓ MƯỜI BỐN MỐI,....

Các điều đã nói trước này và nói trong kinh ấy đã rõ ; song còn hai điều phải nói thêm, là sự bố-thí và sự khuyên bảo quả-trách kẻ có tội.

§ IV — VỀ SỰ BỐ-THÍ CHO KẺ KHÓ-KHĂN

26 — H. — *Có luật buộc phải bố-thí chăng ?*

T. — Có luật Đ. C. T. buộc phải bố-thí như lời trong Êvang rằng, đến ngày phán xét Đ C G. sẽ phán quả kẻ có tội rằng : *Ô quân khốn-nạn, hãy ra cho khỏi mặt Tao, mà vào lửa đời đời, vì khi xưa Tao đói khát, mà bay không cho Tao ăn uống.* Đ C G. đã phán lời này quả trách người hà-tiện chẳng bố thí, cho ta đặng rõ ; kẻ làm phước cho kẻ khó-khăn, thì cũng như là n phước cho Đ C G. vậy. Bởi đó ông thánh Gioan dạy rằng : *Kẻ nào có của đời này, mà cứng lòng chẳng thương giúp khi thiếu anh em mình túng-cực, thì có lẽ nào đặng kính-mến Chúa ở trong lòng người ấy sao ?*

Lại ví như ta là kẻ khó-khăn, chắc ta muốn cho người ta bố thí cho ta ; vậy thì ta phải lo bố thí cho kẻ khác, bởi vì như đã dạy trên này : mọi sự ta muốn kẻ khác làm cho ta, thì buộc ta cũng phải làm cho kẻ khác.

27 — H. — *Phải bố-thí cho kẻ khó-khăn thế nào ?*

T. — Kẻ khó khăn có ba hạng :

Một là, kẻ thiếu thốn quá sức quá lẽ, chẳng ai giúp thì phải chết đói.

Hai là, kẻ thiệt thiếu-thốn lắm khổ lắm, mà chưa đến đói phải chết : như người tật-nguyên, ăn mày.....

Ba là, kẻ thiếu-thốn thường thường.

Còn người có của cũng có ba hạng :

Một là, kẻ giàu có của dư.

Hai là, kẻ vừa đủ ăn mặc, không nợ-nần, mà không dư bao nhiêu.

Ba là, kẻ đi làm, mới có mà ăn, thường cũng thiếu ít nhiều.

Vậy phải cứ luật như sau này mà bố-thí :

I — Khi gặp kẻ thiếu-thốn NGẶT-NGHÈO QUÁ SỨC QUÁ Lẽ, chẳng ai giúp phải chết đói, thì mình phải giúp nó. Như mình là kẻ giàu có, hoặc không giàu mà đủ ăn đủ mặc, bằng chẳng giúp thì có tội.

Nhược-bằng mình làm mới đủ ăn, có bố-thí, thì mình phải thiếu ít-ít mặc lòng, cũng buộc cứu giúp kẻ phải chết khi chẳng thấy người nào khác cứu nó.

II — Khi gặp kẻ TÚNG-CỰC HẠNG NHÌ, như mình là kẻ giàu có, thì phải bố thí, chẳng giúp thì có tội. Như mình vừa đủ ăn mặc cũng còn buộc bố thí ít nhiều. Bằng mình đi làm mới có mà ăn, thì chẳng buộc nhất.

III — Kẻ NGHÈO THƯỜNG-THƯỜNG thì ai có của dư mới buộc giúp.

§ V — VỀ VIỆC KHUYÊN-BẢO KẺ CÓ TỘI ĐẶNG CHỪA.

28 - H. — Có luật nào buộc ta phải quở trách khuyên-bảo kẻ khác về sự lỗi chẳng ?

T. — Có, vì Đ.C.G. đã phán trong Sấm-truyền rằng : Nếu mày thấy anh em phạm tội, thì hãy đi khuyên nó cho nó chừa.

Vả lại luật tự nhiên buộc ta thương giúp anh em chẳng những phần xác, mà nhứt là phần hồn ; mà sự khuyên anh em chừa tội, thật là sự giúp linh hồn.

Vậy khi có đủ mấy lẽ sau này, thì mới buộc nhứt :

Thứ nhứt, khi mình biết chắc người đó đã phạm tội nặng, mà nó chưa ăn năn trở lại, gần chắc nó sẽ phạm tội nữa.

Thứ hai, khi chẳng có người khác có sức có thể mà khuyên-bảo nó được.

Thứ ba, khi có lẽ mà trông kẻ có lỗi sẽ sửa mình, thì mình mới buộc nhứt phải khuyên-bảo nó.

Nhưng-mà xét bấy điều này rất khó, nên ít khi buộc kẻ bề dưới ; thường buộc cha mẹ, bề trên khuyên kẻ bề dưới.

Kẻ có việc coi sóc, dầu kẻ có lỗi nặng, có sửa hay là không, cũng buộc phải nói đủ theo việc bổn phận-mình. Nhưng mà khi ai có lẽ sợ sự thiệt-hại to bởi sự khuyên bảo mà ra, thì chẳng còn buộc nhứt nữa.

ĐIỀU THỨ IV

Về tội nghịch cùng nhơn-đức
thương-yêu người-ta

29 - H. — Những tội nào nghịch cùng nhơn-đức thương yêu người ta ?

T. — Có nhiều thứ tội : 1) lòng ghét, 2) sự phân-bì, 3) đánh-đập, làm hại người ta, 4) làm gương xấu, đặt cớ cho kẻ khác phạm tội, 5) giúp người ta trong điều tội.

Mỗi thứ tội sẽ nói khi dạy về bảy mỗi tội đầu và điều răn thứ năm ; đây thì nói qua một ít điều 1. — về gương xấu, 2. — về sự đồng tội liên can với kẻ khác.

§ I — VỀ TỘI LÀM GƯƠNG XẤU

30 — H. — *Gương xấu là đi gì ?*

T. — Gương xấu là lời nói việc làm chẳng xứng, nên cớ cho kẻ khác lấy làm trái, bắt chước phạm tội, chịu thiệt-hại phần hồn.

Người ta nói-hành, bỏ-vạ, hát hoa-tình, xui-giục kẻ khác làm hại, báo-thù,.... ấy là gương xấu bởi lời nói mà ra.

Còn mọi sự luật Đ. C. T. cấm, mình làm trước mặt kẻ khác, như uống rượu say, cờ bạc,.... hoặc việc phải làm, mình bỏ chẳng làm : như bỏ xem lễ Chúa-nhật, nên gương xấu bởi việc làm.

31 — H. — *Có luật cấm làm gương xấu chăng ?*

T. — Có luật cấm gương xấu thật lắm, như lời Đ.C. G. đã phán : *Khốn thế-gian vì gương xấu ; thật gương xấu phải có : song khốn cho kẻ làm mà chớ.*

Đ.C.G. đã phú mình chịu nạn chịu chết mà cứu linh hồn người ta cho khỏi tay ma-quỉ ; mà kẻ làm gương xấu nên cớ cho người ta phạm tội, thì xem ra như đưa cướp lại mà giao cho ma-quỉ.

Lại luật tự-nhiên cấm làm thiệt-hại kẻ khác ; mà gương xấu là đều làm thiệt-hại linh-hồn người ta thứ nhất ; giết mạng sống phần xác là tội gớm-ghiếc lắm, thì hại sự sống phần hồn, tội càng nặng hơn nữa bội phần.

32 — H. — *Gương xấu chia ra mấy thứ ?*

T. — Chia nhiều thứ :

Một là, có gương xấu chính ý muốn cho người ta sa ngã : hoặc ý làm hại phần hồn nó. Ví dụ : thấy người nào có lòng sốt sắng, mình cảm-dỗ nó cho dặng nó bỏ đảng nhưn đức. Gương xấu này gọi là gương ma quỷ, vì muốn làm có cho người ta hư mà thôi.

Hoặc có ý theo tính xáo thịt mình, hoặc có ý làm ích riêng cho mình. Ví dụ : kẻ xui giục người khác phạm tội với mình, ... chủ nhà dạy biếu đầy tớ đi làm việc giờ buộc đi xem lễ.

Hai là, có gương xấu bởi đặt có cho người ta sa ngã. Mình chẳng muon, chẳng có ý cho người ta phạm tội, mà lời mình nói, việc mình làm chẳng xứng hợp, nên sinh dịp tội cho người ta : như cha mẹ làm biếng bỏ xem lễ Chúa nhật, thì nên có nên gương xấu cho con cái bắt chước làm biếng xem lễ.

Hai thứ nói trên này (1. , 2.) thì làm sao cũng phải xa lánh, chẳng khi nào nên làm bao giờ.

Ba là, có nhiều khi việc làm vốn chẳng có tội, song kẻ khác hoặc tại yếu-đuối, hoặc tại dốt nát không biết, thì nên có cho nó phạm tội. Ví dụ : như ngày kiêng thịt ăn chay mà mình có phép chuẩn riêng, song mình chẳng nói ra, và ăn thịt ăn cơm trước mặt kẻ chẳng biết mình có phép chuẩn, thì nên có cho nó hồ nghi cho mình, và có khi nó bat chước mà ăn nữa.

Bởi luật cấm ta làm hại linh hồn người ta, nên phải lánh sự làm có cho người ta phạm tội. Ấy vậy buộc người có phép chuẩn phải nói cho nó biết, kéo nó phạm tội. Ví bằng sợ nó không tin, lại giữ luật Hội-thánh cũng không thiệt hại gì nặng cho mình, thì khi ấy thà cứ kiêng thịt ăn chay, kéo nó phạm tội. Mà chẳng buộc liệu mình, chẳng buộc tốn công mất của, mà ngăn-cấm sự tội kẻ khác. Ví dụ : quân làm mướn đòi tiền quá giá, mình không buộc trả quá giá, kéo nó nói lộng ngôn chưởi rủa.

Về gương xấu thì hãy nhớ điều này :

Người nói làm càng lớn, tiếng càng tốt, lại kẻ nghe thấy càng yếu-đuối phần hồn, thì càng dễ nên có sinh thiết hại phần hồn.

33 — H. — *Kẻ đã làm gương xấu làm hại phần hồn người ta buộc phải làm những điều gì ?*

T. — Thiết hại phần hồn người ta khó mà đền bồi lắm. Kẻ đã làm gương xấu cho người ta, buộc phải tỏ lòng ăn năn tội sửa mình, làm việc lành giữ đạo sốt sắng cho đáng làm gương tốt bù lại và cầu nguyện cho kẻ bị gương xấu.

§ II — VỀ SỰ GIÚP TRONG VIỆC TỘI

34 — H. — *Giúp người ta trong sự tội là đi gì và mấy thứ ?*

T. — Sự giúp người ta trong sự tội là khi mình làm việc gì có sức đem về việc xấu, việc tội kẻ khác ; như bán gà cho nấu cúng, bán tre cho kẻ ngoại dựng nêu,....

Vả lại sự giúp việc tội có hai cách :

THỨ NHẤT, là SỰ GIÚP CHÍNH Ý : Là khi mình làm sự gì có sức có thể đem về ý kẻ làm việc xấu : đã biết nó làm điều tội đều chẳng nên, mà mình giúp nó, có ý cho nó làm trọn việc. Sự giúp làm vậy có bốn cách sau này :

Một là, khi ai khiến dạy bày biểu kẻ khác làm điều tội ; như cha mẹ, quan thầy, chủ nhà khiến biểu con cái đầy tớ làm hại của người ta.

Hai là, khi ai khen ngợi reo mừng hay là tỏ bày điều gì ưng việc xấu, việc tội người ta : như đánh trống, gảy đờn, khi kẻ ngoại làm việc ma-quỉ.

Ba là, khi ai binh-vực giúp-đỡ cho kẻ khác làm việc tội cho thành ; như ai trừ kẻ cướp, giấu đứt của nó ăn trộm về.

Bốn là, khi làm việc tội có ý sinh sự tội, như bán giấy vàng bạc, nhang,...

Bấy nhiêu đều nói trước này, chẳng nên làm, chẳng nên giúp khi nào, vì là đều tội tỏ tường.

THỨ HAI, là GIÚP CÁCH BỀ NGOÀI MÀ THÔI ; mình làm việc chẳng có luật nào cấm, chẳng có việc tội như nấu cơm, đi chợ, trái chiều....đang khi làm việc ấy mình chẳng có ý giúp ai làm sự tội, song bởi kẻ khác nhờ việc mình làm mà phạm tội, thì té ra mình giúp nó làm việc tội. Ví dụ : nấu cơm rồi kẻ ngoại lấy một phần mà cúng.

35 H. Có khi nào nên giúp cách thứ hai này chăng ?

T. — Khi biết việc mình muốn làm sẽ nên có, hoặc sẽ giúp cho kẻ khác phạm tội, thì phải có đủ những điều sau này mới nên làm :

Một là, việc ta muốn làm là việc tốt, ít nữa là việc không luật nào cấm.

Hai là, ý ta làm có ý tốt, có ý ngay lành, chẳng có ý xấu bậy.

Ba là, cho có đủ lẽ mà làm việc ấy : nghĩa là phải sánh việc tốt mình muốn làm với việc xấu sẽ xảy ra có cân nhau chẳng ; lại phải xét việc xấu chắc sẽ có, hoặc không có. Ví dụ : người đi bán gà tại chợ, bán cho kẻ tới mua, kẻ ngoại mua nấu mà cúng. Việc bán con gà chẳng luật nào cấm, người bán chẳng có ý xấu, muốn làm ăn mà thôi thì chẳng buộc xét người mua có ý cúng hay là không.

Về điều thứ nhất, thứ hai thì dễ xét ; còn điều thứ ba là cho có đủ lẽ, thì nhiều lần ta xét chẳng đặng, không rõ việc ta làm có đủ lẽ mà làm chưa : chừng thì phải lo hỏi cha bần sở ; người sẽ xét và định nên làm hay không.

Đây chỉ nói trồng mà thôi :

Hễ việc tội người ta làm càng nặng chừng nào, và làm hại thể nào, thì việc ta giúp bề ngoài càng phải có lẽ mạnh hơn chừng ấy. Ví dụ mình biết chắc kẻ ngoại mua tre

mà dựng nêu, thì phải có lễ rất mạnh mới nên bán cho nó.

(ờn việc người ta làm giúp tội cách gần hơn thế nào, thì phải có lễ mạnh hơn thế ấy ; như người có đạo muốn ăn thịt ngày thứ sáu, thì phải có lễ mạnh lắm, mới đặt nấu thịt cho nó ăn.

Lại có kẻ việc bốn phận buộc phải ngăn cấm, đừng để kẻ khác làm sự xấu ; người ấy thường buộc ra sức mà can gián kẻ làm sự dữ ; hề có lễ nào ngặt lắm mới đặt giúp việc tội.

Vả lại thường lễ kẻ giúp việc tội là tội-tá và kẻ bán buôn, nên đây nói sơ qua ít điều về hai thứ ấy.

36 H. *Tội-tá khi nào nên giúp cách bề ngoài sự tội chủ mình.*

T. — Thường cứ ba luật này cho biết khi nào nên giúp, khi nào không nên.

Thứ nhất. — Như việc nó phải làm là việc chẳng có tội, và đem về sự tội cách xa-vời, thì mới đặt làm, vì nó là tội-tớ, chẳng làm thì bị đuổi, chẳng có phép xét ý chủ thế nào, tốt xấu làm sao. *Ví dụ :* đưa tội-tớ thường buổi chiều phải thắng ngựa cho chủ đi chơi ; dầu có bữa chủ sẽ đi cờ bạc, trai gái rượu chè mặc lòng, thì nó cũng phải thắng ngựa, không lẽ dám đoán sự xấu cho chủ ; phải đoán chủ đi chơi mà thôi.

Thứ hai. — Như việc nó làm là đều chẳng có tội, song nó giúp và đem về tội chủ cách gần hơn. *Ví dụ :* rót rượu cho chủ uống, khi biết sao lão cũng say mê mang, thì phải có lễ mạnh hơn mới nên làm, là như không rót thì chủ đánh-đập khốn nạn.

Thứ ba. — Khi việc nó làm là việc giúp sự tội kẻ khác thật sự, nghĩa là khi việc ấy chỉ để cho người ta phạm tội, thì chẳng nên làm. *Ví dụ :* ngày rằm chủ dạy biếu làm gà,

nấu xôi chè đặng cúng, thì tôi tớ dầu thể nào cũng không nên làm.

37 — H. — *Khi nào kẻ bán-buôn phạm tội giúp người ta trong việc tội ?*

T. — Thường kẻ buôn-bán phải giữ các điều sau này, cho khỏi giúp người ta trong việc tội :

Một là, chẳng nên bán thứ gì có ý để làm việc dị đoan mà thôi, chẳng dùng việc gì khác, hay là ít dùng mà làm việc khác. *Ví dụ* : phật, nhang, giấy tiền vàng bạc...

Hai là, khi của bán là giống dùng làm việc nên cũng đặng, việc hư cũng đặng : như rượu, gươm, thuốc độc... như biết chắc người ta sẽ dùng làm bậy, thì chẳng nên bán ; nhưng mà khi không biết kẻ mua sẽ dùng thể nào, thì nên bán. Cũng có đôi khi phải hỏi kẻ mua.

Ba là, khi của bán là thứ thường dùng cách tốt, không mấy khi dùng làm việc tội, như gà, vịt, heo, bò, tranh tre, gạo nếp.... thì nên bán cho mọi người, miễn là kẻ mua đừng nói mua về làm việc dị đoan ; không buộc hỏi nó mua về làm việc gì. *Ví dụ* : ngày tết, bữa rằm mình gánh đồ ra chợ mà bán, thì trong lòng biết chắc nó mua về cúng, song nó mua như thường không nói, mua về làm gì, thì cứ việc bán cho nó.

Song như bữa tết, ai tới mua cây tre mà xin đốn chừa cái ngọn lại, cũng như nói ý dụng nêu, cho nên không đặng bán cho nó.

Bốn là, như kẻ ngoại mua vườn đất mà chôn, thì cũng nên bán ; miễn là mình đừng bán mất quá, hay là đi nói với thầy địa lý biểu nó chỉ chỗ đất mình đặng mình bán cho nó, và miễn-là đừng thông công trong việc dị-đoan và đừng sinh gương xấu.



ĐOẠN THỨ III

Về việc thờ phượng Đ. C. T.

I -- Nói chung về sự thờ phượng.

II -- Về những tội nghịch cùng nhờn-đức thờ-phượng

ĐIỀU THỨ I

Nói chung về sự thờ phượng

38 -- H. *Sự thờ-phượng Đ C T. là làm sao ?*

T. -- Thờ phượng Đ. C. T. là hạ mình xuống trước mặt Người, xưng mình thấp hèn mà nhìn có một mình Người là Đấng chí tôn vô đối, là cội-rễ mọi sự, đã sinh dựng mọi loài mọi vật, lại làm chủ cả gìn giữ cai trị mọi sự, nên đáng cho người ta làm tôi tá Người.

39 H. *Có mấy cách thờ phượng Đ. C. T. ?*

T. -- Có hai cách : Một là, thờ phượng bề trong, là khai trong trí trong lòng ta nhìn biết Đ.C.T. như mới nói trên.

Hai là, thờ-phượng bề ngoài : là khi ta làm các việc bề ngoài, như đọc kinh, xem lễ, quì gối mà tỏ ra ta có lòng thờ lạy Đ. C. T. bề trong.

40 -- H. -- *Có buộc thờ lạy Đ. C. T. bề ngoài chăng ?*

T. -- Kẻ có lòng thờ-phượng Chúa bề trong chưa đủ, bởi vì Chúa dựng-nên người ta có phần hồn phần xác ; cho nên phần xác cũng phải hiệp với linh hồn mà thờ phượng Chúa. Lại các việc làm bề ngoài như vậy, nên như dấu mà biết kẻ nào giữ đạo Đ. C. T., kẻ nào không.

Nhưng mà sự thờ-phượng Đ. C. T. bề trong là đều cần hơn và trọng hơn việc làm bề ngoài. Vì bằng làm việc bề ngoài mà chẳng có sự thờ-phượng Chúa trong lòng, thì ta chẳngặng đẹp lòng Chúa, một ra kẻ giả hình, như dân Giudêu xưa Đ. C. G. đã trách rằng : *Dân này tôn kính Tao bằng môi miệng, mà lòng nó ở cách xa Tao lắm.*

41 — H. — *Giải răn thứ nhứt dạy thờ lạy kính mến một Chúa ; còn Đức Mẹ và các thánh có nên thờ phượng như Đ. C. T. chăng ?*

T. — Chẳng nên thờ lạy Đức Mẹ và các thánh bằng Đ.C.T., bởi vì dầu mà Đức Bà đặng ơn sinh ra Chúa Cứu-thế, dầu mà các thánh đã đặng phước rất trọng mặc lòng, cũng về loài người ta, chẳng có quờn chức cao trọng làm chủ cả mọi sự, cho nên không đặng thờ lạy như Đ C T.

Mà như ở đời này ta phải kính các quan, tuy chẳng bằng kính vua, song ta lấu đầu ân cần kêu xin các đấng ấy tàu rồi cho ta ; thì ta phải có lòng kính các thần thánh đặng xin cầu thay nguyện giúp cho ta đặng mọi sự lành. Song bởi Đức Mẹ đã đặng ơn cùng quờn chức trọng hơn các thánh, thì ta phải tôn kính Người hơn các thánh khác.

42 — H. — *Những người đã chết vì đạo, hay là kẻ giữ đạo sốt sắng lắm, đã qua đời cách tốt lành, có nên kính thờ kêu xin chăng ?*

T. — Sự kính những kẻ ấy cách riêng thì nên ; ai ai dầu một mình, dầu một ít người hiệp nhau, cũng đặng kính và cầu nguyện cùng các đấng tử đạo, hay là kẻ qua đời mà có danh tiếng sốt sắng đạo đức, cho đặng nhờ công nghiệp các đấng ấy giúp đỡ trước mặt Chúa.

Nhưng mà chẳng nên làm việc kính trọng thể theo phép Hội thánh kính các thánh : chẳng nên làm nhà thờ

kinh, hay là đem tên các đấng ấy vào kinh các thánh. Đến ngày Hội thánh đã định đem vào sổ các thánh, thì mới nên làm việc thờ kính trọng thể.

43 — H. — *Vậy thì chẳng nên thờ lạy các thánh bằng Đ. C. T., sao mà ta hằng cầu nguyện cùng các thánh?*

T. — Khi ta cầu nguyện cùng Chúa, và khi kêu xin cùng Đ. Bà và các thánh, thì việc khác nhau lắm.

Vì chừng khi ta xin sự gì cùng Chúa, thì ta nhìn biết có một mình Đ. C. T. là chính Đấng phép-tắc vô cùng, ban mọi ơn cho ta phần hồn phần xác. Mà khi ta kêu xin các thánh, thì là vì ta biết các đấng ấy đã có công trọng, có thần thể trước mặt Chúa, để xin Đ. C. T. ban ơn cho ta hơn. Cũng như đời này người ta biết ai có thần thể với quan, với vua, thì xin người ấy nói giùm cho mau được việc.

44 — H. — *Hài cốt và dấu các thánh có nên kính chăng?*

T. — Nên, bởi vì xưa các thánh còn sống, thì phần xác là đền thờ Đ. C. Thánh Thần ngự; lại ngày sau hài cốt các thánh sẽ hiệp nhau sống lại sáng láng tốt lành.

Sự kính dấu các thánh đẹp lòng Đ. C. T., bởi vì Người đã dùng đồ của các thánh người ta để làm dấu khí, mà làm phép lạ.

45 — H. — *Có nên kính thánh Giá, ảnh Chuộc tội, ảnh tượng Đ. C. G., Đ. Bà và các thánh chăng?*

T. — Nên, bởi vì chẳng có ý kính cây gỗ, hình đồng hình sắt hay là tờ giấy; một dùng những dấu ấy mà nhắc lại sự thương-khó Đ. C. G., nhưn đức, gương tốt Đức Mẹ và các thánh. Cho nên khi ta quì lạy, đọc kinh trước hình thánh Giá hay là ảnh Chuộc tội, thì ta có ý thờ phượng Đ. C. G. đã chịu chết trên cây thánh Giá.

Lại khi làm việc kính ảnh tượng các thánh, thì ta nhớ đến những gương nhưn đức các đấng ấy đã làm xưa. Con

mắt thấy ảnh tượng thì dễ cầm tri mà đọc kinh, dễ nhớ những ơn rất trọng kẻ khác đã đặng xưa, mà giục lòng tin cậy Đ. C. G., Đức Mẹ và các thánh.

ĐIỀU THỨ II

Về những tội nghịch cùng nhờ
đức thờ phượng

46 — H. *Những tội nào nghịch cùng sự kính chuộng Đ. C. T. ?*

T. — Có ba giống tội này nghịch cùng sự kính chuộng Đ. C. T. :

1) Tội thờ ma quỷ bụt thần, trời đất, ông bà.

2) Tội tin cậy sự dị-đoan.

3) Tội khinh dễ của thánh.

Nên điều này chia làm ba khoản.

§ I — VỀ TỘI THỜ MA QUỶ BỤT THẦN.

47 — H — *Thờ phượng ma quỷ bụt thần là làm sao ?*

T. — Là lấy những vị những vật thọ sanh mà thờ dường như nó là Chúa thật ; hoặc tế lễ, hoặc thờ lạy cung kính kêu xin khẩn cầu cùng nó, vì tưởng nó là cội rễ dựng nên mọi sự. Tội này là tội cực trọng, vì là thật nguy nghịch cùng Chúa, bởi vì thờ lạy thần dữ, vật hèn bằng Chúa.

Có ba cách phạm tội này :

Một là, khi ai kính thờ nhìn biết một vật thọ sinh nào dường như Đ.C.T. : như thầy chùa thờ phật, kẻ ngoại thờ trời, tưởng các vị ấy là Chúa cần khôn sinh dựng mọi sự.

Hai là, khi ai đã biết thần phật ma quỷ chẳng phải là Chúa, song còn muốn cậy nhờ nó phù-hộ cho mình : như kẻ lấy tên bụt thần ma quỷ mà thề.

Ba là, khi ai bề trông chẳng có lòng cung kính tin cậy chút nào, song bắt đắc dĩ, vì sợ bình-khồ sợ mất chức quyền, của cải, nên bề ngoài làm bộ cung kính ; như thấp nhang, quì lạy, lấy nón, cúi lưng.

Vậy sự thờ bụt thần trong ba cách nói trước này, cách nào cũng là tội trọng thấy thấy, vì chẳng nhìn hay là bỏ Chúa sinh dựng mọi sự tỏ tường.

§ II — VỀ VIỆC TIN CÂY DỊ ĐOAN.

48 — H. — *Tin cây dị đoan là gì ?*

T. — Là tin những điều phi lý, những sự không sức giúp người ta trong điều lành dữ, như tin chim kêu, gà gáy... Vốn nó chẳng giúp chẳng chỉ điểm nào lành dữ hết, song tin cây thì tưởng có mà thôi. Như kẻ sớm mai ra đi gặp đờn-bà, ngày đó có gặp sự may, buồn bán lời, thì nó làm thinh không nói đến sự gặp đờn-bà ; mà như rủi nó gặp sự chẳng vừa ý, tức thì nó nói tại đã gặp đờn-bà.

Vả lại trong nước Annam chẳng biết mấy thứ dị-đoan mà kẻ cho cùng, nên đây nói tắt một lời : Hễ sự gì chẳng có thể mà sinh điều kia đặng, như con chim kêu chẳng có sức chỉ hay là buộc ngày ấy phải có điều nọ sự kia, như có khách-thừa... vậy thì tin nó là sự dị-đoan,

Nhưng mà cũng có nhiều khi nhiều vật ta nghĩ không ra, không biết có phải là điều dị-đoan, hay là tại vốn tính có thể ấy, thì thà làm thinh. Ví dụ : Có ai nói rằng : nay mai thì cũng có mưa ít nhiều vì con chim kêu, bay cách nọ cách kia, ta chớ vội đoán là dị-đoan làm chi, vì hoặc thói thường người ta từng biết.

§ III — VỀ TỘI KHINH DỀ CỦA THÁNH

49 — H. — *Tội khinh đề của thánh chia ra mấy cách ?*

T. — Chia ba cách sau này :

Thứ nhất. Tội phạm đến sự thánh, chịu phép bí tích chẳng nên, như kẻ đi xưng tội mà cả lòng giấu tội nặng và chịu phép Giải tội, hoặc đi rước lễ khi còn mắc tội trọng. Tội ấy hết sức nặng, vì là giày đạp của rất châu báu là chính Mình thánh Chúa.

Lại kẻ phạm đến những của dùng mà làm lễ, như chén thánh, khăn thánh..., và kẻ lấy đồ đã làm phép hoặc đã dùng việc thờ-phượng mà dùng việc thường, như kẻ ngoại lúc giặc Ất-Dậu lấy áo lễ mà may đồ ngựa.

Những kẻ giày đạp, bứt xé cách khinh dễ những của đề thờ kính, như ảnh tượng, nước thánh... đều có tội khinh dễ của thánh.

Thứ hai. Tội khinh dễ của thánh, nhiều cách lắm : như nói chuyện, cười giỡn trong nhà thờ có đề Mình thánh Chúa ; hoặc đánh lộn đồ máu ra, hoặc phạm tội nặng hơn nữa trong nhà thờ : ấy là tội khinh dễ chỗ thánh.

Thứ ba. Tội phạm đến người thánh, là khi ai đánh đập mắng chửi mấy người thuộc về Đ.C.Γ. cách riêng, như thầy cả-các thầy có chức thánh, lại mấy người đã khấn hứa buộc mình ở nhà dòng.

ĐOẠN THỨ IV

GIẢI RĂN THỨ HAI

Chờ lấy tên Đ. C. T. mà thề đối

50 — H. — *Giải răn thứ hai cấm và dạy những điều gì ?*

T. — Trong giải-răn thứ hai :

Một là, cấm lấy tên Đ. C. T. mà hư thề, mà nói chơi bời, cấm thề quấy.

HAI là, cấm nói lộng ngôn và cấm rửa mình hay là kẻ khác.

BA là, dạy phải giữ lời khấn hứa cùng Chúa.

Vậy đoạn này chia làm ba điều :

I — Về sự thề.

II — Về sự nói lộng ngôn và rửa mình.

III — Về sự khấn.

ĐIỀU THỨ I

Về sự thề

51 — H. — *Thề là làm sao ?*

T. — Thề là kêu đến Chúa là Đấng chơn thật vô cùng, mà xin Người làm chứng đều mình nói : hoặc quả quyết đều gì có, hay là chẳng có, mà cho đặng quả quyết cho mạnh cho chắc hơn, thì xin Chúa làm chứng sự ấy thật như vậy ; hoặc hứa sự gì mà muốn cho ra chắc chắn hơn, thì xin Chúa làm chứng mình thật có lòng giữ đều hứa. Cũng có kẻ xin Chúa phạt như có thề dối.

Vã lại sự thề có hai cách :

Một là, khi nói ra ngoài miệng, như kẻ nói rằng :
« Tôi xin Chúa làm chứng. »

Hai là, khi làm dấu bề ngoài, như đặt tay trên sách Êvang, giơ tay lên trước ảnh Chuộc tội... mà chỉ mình có ý kêu Chúa làm chứng.

52 — H. — *Có khi nào nên thề chẳng ?*

T. — Vốn sự thề là việc làm sáng danh Chúa, bởi vì xưng ra Người là Đấng chơn thật vô cùng, thấu biết hết mọi sự ; cho nên khi có đủ điều như sau đây thì nên thề :

Một là, phải có sự thật, là đều mình quả quyết có thì thật có, không thì chắc không ; đừng nói dối nói láo. Như

thề mà hứa làm sự gì, thì phải quyết lòng làm sự ấy chắc.

HAI là, phải có sự cần, sự trọng, phải nghiệm xét coi có đáng thề hay là coi thề vậy có ích chẳng. Thường thường như chẳng có linh bề trên dạy, thì đừng thề hay hơn.

BA là, khi thề mà hứa, thì phải hứa sự tốt, chẳng nên thề mà hứa đều tội, đều chẳng nên.

Thề mà chẳng có ba điều nói trước này thì mắc tội thề quấy.

53 — H. — *Thề quấy có mấy cách ?*

T. — Có ba cách :

MỘT là, *thề dối*, là thề mà chẳng có sự thật. Sự thề làm vậy làm mất lòng Chúa, bởi vì ra như mình tin Đ.C.T. chẳng biết sự thật, và như Chúa đồng lòng làm chứng dối cho người ta.

HAI là, *thề vọt*, là khi chẳng có sự cần sự trọng, mà người ta xin Chúa làm chứng việc nhỏ mọn. Kể thề vậy vô ích, như con nít chơi, hay là kẻ buôn bán, thì thường lỗi nhẹ. Nhưng mà hiểm lắm, bởi vì nó liêu mình thề dối.

BA là, *thề lỗi phép công bình*, là khi thề mà làm việc luật Đ.C.T. cấm ; hoặc làm hại người ta, như kể thề mà hứa sẽ đánh người ta, báo thù, hoặc thề sẽ đốt nhà kẻ khác.

54 — H. — *Kể đã thề mà hứa thì buộc phải giữ thế nào ?*

T. — Kể thề mà hứa đều gì nên, đều phải, thì buộc phải giữ lời thề ; nhất, bởi vì MỘT là, phải giữ lời hứa theo phép công bình ; HAI là, bởi mình đã xin Chúa làm chứng, ví bằng sai lời hứa, thì ra như Chúa làm chứng dối.

Nhưng mà ai thề mà hứa làm đều tội, thì chẳng nên, chẳng đáng giữ lời thề, vì không lẽ Chúa làm chứng sự tội. Khi thề vậy đã mắc tội thề quấy, mà như giữ lời thề, thì lại phạm tội khác nữa.

Lại như ai thề mà hứa làm sự vô ích, dầu chẳng phải là đều tội, như thề sự cỡi ngựa, thì cũng chẳng buộc phải giữ lời thề ; vì Chúa không làm chứng sự vô ích.

55 — H. — *Có khi nào khỏi giữ lời thề chẳng ?*

T. — Có nhiều điều hồi mình thề vốn là sự nên sự tốt, song đến sau hoá ra khác xa : hoặc sinh hại mình hại người ta, hoặc khó giữ lắm, hay là không thể giữ đặng, thì khỏi giữ. Ví dụ : kẻ thề hứa cúng mười đồng bạc, mà sau bị ăn trộm chẳng còn đủ mà cúng ; hoặc sự mình hứa nghịch ý bề trên, cha mẹ...

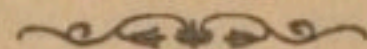
56 — H. — *Có nên lấy tên Đức Mẹ và các thánh mà thề chẳng ?*

T. — Nên, bởi vì kẻ kêu tên Đức Mẹ, các thánh, hoặc kêu đến sự nào chỉ đến Đ. C. T. cách riêng, như trời đất.... thì cũng như xin Chúa làm chứng vậy.

57 — H. — *Có nên lấy tên bụt thần ma quỷ mà thề chẳng ?*

T. — Chẳng khi nào nên, vì nó là loài dối trá chẳng có thể làm chứng sự thật cho ai.

Vả lại sự lấy tên ma quỷ mà thề cũng như cầu khẩn cùng nó, cho nên nghịch cùng sự kính chuộng Đ C T.



ĐIỀU THỨ II

Về sự nói lộng ngôn và rửa mình

58 — H. — *Nói lộng ngôn là đi gì ?*

T. — Nói lộng ngôn là hoặc nói, hoặc làm, hoặc tưởng trong lòng những điều xúc phạm đến Đ C T., Đ. Bà, các thánh, hay là các đảng thuộc về Đ. C. T. cách riêng. Ví dụ, nói Đ. C. T. bỏ quên người ta, chẳng cứ phép công bình, chẳng thưởng kẻ lành, chẳng phạt kẻ có tội. Hoặc

nói Đức Mẹ chẳng hay thương người ta ; hoặc nói như quân Giudêu xưa nhạo-báng Đ. C. G. rằng : *Ví bằng mày phải là con Đ. C. T., thì hãy xuống khỏi cây thánh Giá.*

Tội nói lộng ngôn là tội nặng lắm, bởi vì kẻ nói, hoặc tưởng làm vậy, thật là khinh-dể Đ. C. T. tổ tông. Cho nên Người chẳng những phạt kẻ nói lộng ngôn đời sau ; mà nhiều khi Người cũng phạt nó nặng nề đang khi còn sống ở đời này

59 — H. — *Lấy tên Chúa hay là các thánh, hay là lấy lời trong Kinh thánh mà nói chơi, có tội chăng ?*

T. — Kẻ nói có ý khinh-dể nhạo-báng thật thì có tội nặng ; mà nhiều khi người ta nói vậy, bởi nhẹ tính không nghĩ đến điều mình nói, cho nên lỗi nhẹ, hoặc chẳng có tội gì.

Nhưng mà hãy giữ thể kéo mà lời nói chơi bời, nói vô ý, ra gương xấu cho kẻ khác.

60 — H. — *Kẻ giận nắng mưa gió .. mà chưởi có tội chăng ?*

T. — Có tội nặng nhẹ tùy ý nó. Như nó giận chưởi làm vậy, bởi ghét Chúa sao có mưa nắng không theo ý nó, thì cũng như chưởi Chúa nên phạm tội nặng. Còn như bởi sự nóng nảy quá hay là buồn-bực phản-nản sao trời có mưa hoài, vân vân, chẳng có ý nào sốt, thì thường là tội nhẹ, có khi khỏi tội.

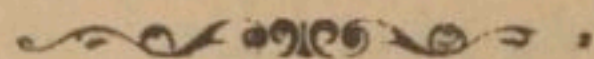
61 — H. — *Sự rửa là làm sao ?*

T. — Rửa là chúc sự dữ cho mình hay là cho kẻ khác : như khi chúc sự chết tươi, hùm bắt, ôn dịch, v. v.

Khi có việc trọng mà người ta thề nói : Như đều tôi nói chẳng thật, thì xin Chúa phạt tôi sự nọ điều kia, thì chẳng có tội. Nhưng mà thường người ta rửa mình hay là

kẻ khác bởi lòng giận dữ buồn-rầu, như cha mẹ rửa-nội con cái, người ta đánh lộn chửi-rủa nhau chúc nhiều đều dữ.

Kẻ làm vậy chẳng khỏi tội, bởi vì việc này nghịch đều răn thứ năm và hơn-đức thương-yêu người ta.



Về sự khẩn

62 — H. — *Khẩn là làm sao ?*

T. — Khẩn là tự ý hứa cùng Đ. C. T. mình sẽ làm việc gì lành, hay là sẽ bỏ đều gì xấu, lại buộc mình giữ đều hứa vậy ; bằng chẳng giữ thì mình mắc tội. Ví dụ : người hứa cùng Chúa mỗi tuần sẽ đi xem lễ ngày thường một lần, chẳng đi thì mắc tội ; hay là người hà-tiện buộc mình bố-thí, không làm, thì có tội.

Đừng lộn việc khẩn hứa cùng việc dốc lòng. Ví dụ : ai đi xưng tội rước lễ, giục lòng sốt-sắng dốc lòng sẽ đi viếng Minh-thánh Chúa mỗi ngày một lần, mà chẳng có ý buộc mình nhất. Người ấy sau làm biếng không đi, thì chẳng mắc tội, bởi vì khi dốc lòng chẳng có ý buộc mình đến đôi không giữ thì mắc tội ; cho nên chẳng phải là sự khẩn-hứa.

Ấy vậy việc khẩn là việc trọng, cho nên con-nít và kẻ điên cuồng chẳng có trí đủ, hứa sự gì thì chẳng phải là sự khẩn-hứa thật. Dầu người khôn lớn muốn khẩn đều gì cùng Chúa, thì phải suy-nghĩ trước đã ; hãy coi xét mình có sức giữặng chẳng ; hỏi Cha linh-hồn trước khi buộc mình thì hay hơn, và mới khỏi liều mình mang lấy tội.

63 — H. — *Có nên khẩn-hứa đều gì cùng Đức Mẹ và các thánh chẳng ?*

T. -- Sự khẩn thuộc về việc thờ phượng Đ. C. T. cho nên kẻ hứa sự gì cùng Đức Mẹ hay là cùng các thánh, thì phải đem về Đ. C. T. mới dâng. Bằng khẩn sự gì cùng đấng thánh nào, thì chẳng qua là lời nói làm vậy, song thật là khẩn cùng Chúa mà xin đấng thánh ấy dâng việc hứa cùng Chúa ; hay là khẩn sự ấy cho Chúa vì lòng kính Đức Mẹ hay là các thánh.

64 — H. — Buộc phải giữ lời khẩn thẻ nào ?

T. — Vì bằng khẩn đều gì nhẹ, như kẻ khẩn đọc kinh gì vắn-vắn một lần, hay là khẩn thí đôi ba tiền ; thì bỏ đều khẩn có lỗi nhẹ.

Còn như việc mình khẩn là đều trọng, như khẩn lần-hột ba chuỗi, đi xem lễ... thì hãy xét người khẩn có ý buộc mình thẻ nào. Kẻ có ý buộc mình nhất đến đôi như bỏ thì kẻ là tội nặng, thì bỏ việc khẩn mắc tội nặng. Nhưng mà việc trọng mắc lòng, khi người ta hứa có ý buộc mình cách nhẹ, thì bỏ việc khẩn cũng mắc tội nhẹ mà thôi.

Vả lại việc khẩn có nhiều cách lắm : hoặc khẩn riêng một mình trước mặt Chúa mà thôi ; hoặc khẩn hứa trọng thẻ cùng Đấng bề-trên trước mặt Hội-thánh, như các thầy-dòng, các người chịu chức thầy năm... Ai đã khẩn trọng thẻ thì buộc nhất hơn.

Kẻ thì khẩn buộc mình ít lâu ; người khác có ý buộc mình trọn đời.

65 — H. — Có khi nào khỏi giữ lời khẩn chẳng ?

T. — Ai đã khẩn đều gì mà sau chẳng có thể giữ dâng, thì khỏi giữ. Còn như việc khẩn ra khó lắm, thì hãy thưa Cha linh hồn xin người chuẩn, hoặc đổi việc nào khác dễ hơn.

H. — *Người qua đời chưa kịp làm việc khẩn, con cái bà con có buộc giữ chẳng ?*

T. — *Người qua đời đã khẩn việc làm, như xem lễ, đọc kinh, ăn chay,... thì con cái bà con khỏi giữ ; nhưng mà khi khẩn cúng vật gì hoặc tiền-bạc mà giúp việc lành, mà con cái bà con biết ý kẻ qua-đời, thì buộc giữ : chẳng theo ý kẻ đề của cho mình thì mắc tội.*

66 — H. — *Lời khẩn có làm cho việc ra trọng hơn và thêm công hơn chẳng ?*

T. — *Việc mình đã khẩn ra trọng hơn bội phần, vì sự khẩn thuộc về nhơn-dức kính-chuộng, là nhơn-dức rất đẹp lòng Chúa. Lại lời khẩn buộc nhất phải giữ, nên việc ra có công hơn. Ví dụ : đến ngày ăn-chay đã có luật Hội-thánh buộc, mà thêm lời khẩn sẽ giữ ngày ấy, thì việc thêm công bởi vì giữ đều đã buộc mình nhất lắm.*

ĐOẠN THỨ V.

GIẢI-RĂN THỨ BA

Giữ ngày Chúa-nhật.

67 — H. — *Giải-răn thứ ba dạy đi gì và cấm sự gì ?*

T. — *Trong giải-răn thứ ba : 1.) dạy ta phải giữ ngày Chúa-nhật và lễ cả : 2.) cấm làm việc xác trong những ngày ấy, nên chia làm hai điều :*

I — *Dạy việc phải làm mà giữ ngày Chúa-nhật.*

II — *Về sự kiêng việc xác ngày Chúa-nhật.*

Việc phải làm mà giữ ngày Chúa-nhật.

68 — H. — *Ý sao mà cứ ngày Chúa-nhật mà lo việc thờ-phượng ?*

T. - Vốn có luật tự nhiên dạy mọi người phải kính tôn thờ-phượng ngại-khen Đấng đầu cội-rễ là Đ C T., như đã nói trong điều-răn thứ nhứt. Nhưng mà thờ-phượng trong lòng cách riêng chưa đủ, phải thờ-phượng ngại-khen bề ngoài và cách chung nữa, nên cần phải có ngày nào để lo việc ấy. Bởi đó trong luật ông Moisen Đ C T. đã ban cho người ta sáu ngày mà lo việc phần xác, còn ngày thứ bảy dạy lo việc thờ phượng. Vì vậy thuở xưa dân Giudêu giữ ngày thứ bảy cho đặng nhớ và cảm ơn Đ C T. đã dựng nên muôn vật trong sáu ngày, rồi nghỉ ngày thứ bảy.

Vả lại từ đời các thánh Tông đồ, bởi ơn Đ.C.T.T. soi sáng thì Hội thánh dạy các giáo hữu mọi nơi phải giữ ngày Chúa nhật mà nhớ Đ. C. G. đã sống lại, mà thờ phượng ngại khen tạ ơn người đã chuộc tội chịu chết cho ta, và ngày thứ nhứt đã sống lại vang hiên.

69 - H. - *Ngày Chúa-nhật phải làm đi gì ?*

T. - Trong ngày Chúa-nhật mọi người giáo hữu đã có trí khôn, khi chẳng có sự gì cần vội ngăn trở, thì buộc nhứt phải đi xem lễ ; bằng làm biếng kiếm chuyện tránh trút thì mắc tội trọng.

Bởi đó kẻ làm thầy giảng phải dạy bảo thúc giục bọn đạo, nhứt là bọn đạo mới cho nó biết sự đi xem lễ ngày Chúa-nhật ngày lễ cả, là đều lẽ luật buộc nhứt lăm : và cắt nghĩa cho nó biết sự xem lễ nên được nhiều ơn ích trọng là dường nào.

70 - H. - *Xem lễ cho nên phải có những điều nào ?*

T. - Cho đặng xem lễ nên y theo luật :

Một là, phải có mặt nơi thầy cả làm lễ ; nghĩa là hoặc nghe hoặc thấy các phần lễ, cho nên dầu không thấy, song nghe các phần lễ : như, kẻ dui, kẻ ở sau phòng, ngoài

cửa,... cũng gọi là xem lễ, vì theo đấng thầy cả và bốn đạo trong các phần lễ. Nhưng mà khi nhà thờ chật quá, cực chẳng đã mới để cho họ ngồi ngoài cửa, sau phòng, ngoài hè, vì thường những nơi ấy khó mà cầm trí đến sự xem lễ.

Hai là, phải có ý tứ cầm trí chăm-chỉ đến sự xem lễ. Ít nữa là phải có ý chung là mình xem lễ cho đấng thờ phượng Chúa ; còn bề ngoài ở nghiêm trang không làm điều gì vô phép, hay là làm cho mình lo ra đến sự khác, như nói chuyện, ngủ gục, xem ngang ngó ngửa. Bởi đó kẻ nào khi xem lễ mà nói chuyện dông dài hay là ngủ lâu, chẳng có ý đến lễ cho đủ, thì chẳng gọi là giữ trọn luật xem lễ, nên mắc tội.

Nhưng mà sự đọc kinh, nguyện gẫm lần hạt, xét mình trong khi xem lễ thì nên, vì các việc ấy cũng về sự thờ phượng, và trí khôn cũng chăm chỉ được các phần lễ.

Còn người giúp lễ, đánh đờn, dọn đồ lễ, thắp đèn,... trong mùa lễ, thì cũng xem lễ nên. Dầu người lo ra chút đỉnh về việc nhà, sự làm ăn.... rồi cầm trí lại, thì cũng gọi là giữ trọn luật xem lễ.

71 — H. — *Phải xem trót lễ chẳng ?*

T. — Hễ buộc xem lễ thì phải xem từ đầu đến hết lễ ; bằng chẳng thì mắc tội nặng nhẹ tùy bỏ phần trọng hay là bỏ một chút mà thôi.

Khi chẳng có sự gì ngăn trở, một hồi làm biếng trễ nải, trong ba phần lễ bỏ một thì mắc tội trọng. Như kẻ tới khi rung chuông lần trước ; hoặc tới khi sang Êvang rồi và khi thầy cả tráng chén bỏ mà về, thì là bỏ phần trọng.

Ấy vậy ai nấy phải xem cho trót lễ, đừng bắt chước thói xấu những người nhẹ tính nhẹ dạ, khi thầy cả mới vừa ban phép lành, đã bỏ ra về, chẳng đợi cho huân tất ;

cùng chẳng kịp nghe rao lịch cho biết việc phải giữ trong tuần ấy.

72 H — Có buộc nghe giảng và đọc kinh ba buổi trong ngày Chúa nhật chẳng ?

T. — Vả nghe giảng tuy rằng không có luật buộc nhật như sự xem lễ-mặc lòng, song cũng buộc vì lẽ khác. Chẳng nghe giảng dạy thì mình dốt nát, cho nên phạm nhiều điều, bỏ nhiều việc, thì mắc tội.

Còn sự đọc kinh trong ngày Chúa-nhật lễ cả cũng chẳng buộc nhật thật ; song vì thói thường trong bốn đạo mọi nơi đều phải giữ xưa nay, thì cũng như đã thành luật, nên có bỏ thì ra gương xấu.

Vả lại nhật là kẻ mắc ngăn trở đi xem lễ không đặng, thì ít nữa là đọc kinh chung hoặc riêng trong nhà, cho đặng làm việc thờ phượng ngợi khen Đ. C. T. trong ngày Chúa-nhật.

73 — H. — Khi nào không đi xem lễ mà chẳng có tội ?

T. — Những cơ sau này làm cho khỏi đi xem lễ ngày Chúa-nhật.

Một là, là không thể đi đặng, như kẻ đau đớn yếu đuối đi không nổi, hoặc có đi, thì về sợ mắc bệnh nặng.

Hai là, kẻ mắc chạy ghe đi tàu lỡ chừng ; kẻ mắc coi nhà, giữ con nít cho kẻ khác đi ; kẻ ở xa xuôi quá, hay là đàng đi hiểm trở, mưa gió lụt lội. Còn sự đàng xa thì tùy người yếu mạnh, đàng tốt xấu... Thường nơi nào cách xa đàng đi bộ một giờ rưỡi, thì không buộc đi nữa. Nhưng mà kẻ ở xa thường đi không đặng, chớ lấy cơ đó mà bỏ luôn, hãy lo đi xem lễ một hai khi.

Ba là, vì lòng thương người ta nên phải bỏ xem lễ, như giữ kẻ liệt mong sinh thì, giúp kẻ ốm đau nặng, đi rước cha, chạy thuốc, vân vân.

Bốn là, việc có ích to hoặc chung hoặc riêng, như lính canh đồn giữ giấc, lúa còn ngoài đồng nhiều, phải đem về cho kịp khỏi trôi lụt.

Có một điều hãy nhớ mà dạy bốn đạo, là người ta thường không cho đầy-tờ đi xem lễ, cứ bắt coi nhà giữ trâu bò, đi cỏ rác, lấy thế rằng là việc cần; làm vậy thì tôi-tờ không mấy khi đi xem lễ đặng. Bởi đó phải liệu làm sao cho nó đi xem lễ ít nữa là một tháng hai lần. Việc coi nhà cũng vậy: có kẻ cứ lãnh phần coi nhà cho khỏi đi xem lễ, sự ấy chẳng nên.

Về sự kiêng việc xác ngày Chúa-nhật

74 — H. — *Cấm làm việc xác trong ngày Chúa-nhật là cấm những việc nào?*

T. — Việc xác cấm trong điều răn thứ ba là các việc xác làm hơn trí khôn, như cày bừa, gieo gặt, dặt củi, đẽo đục,.... những việc vậy thì chẳng nên làm, trừ ra khi có cơ nào chuẩn như sẽ nói sau.

Việc về trí khôn như học hành, đọc sách, viết chữ..., thì nên làm ngày Chúa-nhật lễ cả.

Còn nhiều việc phần xác cũng có, trí khôn cũng có, như vẽ, chuyền chuỗi, kết bông hoa,... những việc này có làm chơi thì được, mà chẳng nên làm cả ngày.

Vả luật dạy kiêng việc xác ngày Chúa-nhật lễ cả, chẳng những là cho ta được rảnh rang lo việc tấn ích phần hồn, mà lại phần xác được thanh-thời bớt nhọc nhằn lao tổn. vì nhiều kẻ ham việc làm luôn chẳng ngớt ngày nào, quên nghỉ, hao mòn sức lực, mau yếu mau rũ; nên Đ. C. T. là Cha nhơn lành sinh dưỡng phần hồn phần xác, dạy ta phải làm phải nghỉ cho có chừng có luật. Vậy ta phải kính giữ cho hết lòng, mới khỏi tội khỏi hại.

75 — H. — *Làm việc xác ngày Chúa nhật bao lâu mới có tội ?*

T. — Làm lâu mới thành tội nặng, như làm việc hơn hai giờ đồng-hồ tây (1 giờ Annam) thì thường kể là tội nặng. Cũng có nhiều khi làm việc không bao lâu, chẳng quá hai giờ, nhưng mà bởi sinh gương xấu cho người ta, thì có tội trọng.

76 H. — *Khi nào nên làm việc xác ngày Chúa-nhật ?*

T. — Đặt làm việc xác những khi sau này :

Một là, khi có việc cần việc gấp, ví bằng chẳng làm thì phải thiệt hại nặng lắm. Ví dụ : nước lớn lụt to, không sửa bờ đập cho mau thì nó lở đi.

Hai là, bề trên trong Hội thánh đã chuẩn cho làm.

Ba là, khi có việc cần về sự thờ phượng, như quét nhà thờ, dọn màn ảnh liễn trong nhà thờ. Còn sự giúp việc thờ phượng cách xa, như đồ nề, xây nhà, thì có phép Bề trên chuẩn mới nên.

Bốn là, các việc cần kíp trong nhà, như nấu cơm, gánh nước, quét nhà,.... thì nên làm ; nhưng việc xay lúa, giã gạo, như có làm trước đặt thì hay hơn ; chờ để bữa Chúa nhật mà làm.

Năm là, lại cũng có nhiều việc về phần xác, mà bởi thói quen thì nên làm ngày Chúa-nhật, như câu cá, đi săn bắn chơi, vân vân.

ĐOẠN THỨ VI

GIẢI RĂN THỨ BỐN

Thảo kính cha mẹ

77 — H. — *Giải răn thứ bốn dạy những sự gì ?*

Trước hết giải răn thứ bốn dạy con cái phải ăn ở thể

nào, phải làm việc thế nào mà thảo kính cha mẹ, và cha mẹ phải giữ những điều nào với con cái.

Vã lại kẻ bề trên mọi bậc thay mặt cha mẹ cho kẻ bề dưới; cho nên điều răn thứ bốn cũng dạy về việc kẻ bề dưới, kẻ bề-trên phải ăn ở thế nào, cho xứng đáng bậc và bổn phận mình. Bởi đó điều răn này dạy mọi người mọi bậc phải ăn ở thế nào, phải làm những việc gì cho khỏi lỗi việc bổn phận. Đây giải lược qua một ít điều cần hơn.

I — Về việc bổn phận cha mẹ, con cái

II — Về việc bổn phận kẻ bề-trên, kẻ bề-dưới. (*)

ĐIỀU THỨ I

Về việc bổn phận cha mẹ và con cái.

I — Những điều con cái buộc giữ với cha mẹ

II — Những điều cha mẹ buộc giữ với con cái.

§ I — NHỮNG ĐIỀU CON CÁI BUỘC GIỮ VỚI CHA MẸ

78 — H. — Con cái phải ăn ở cùng cha mẹ thế nào?

T. — Có lời Sách thánh dạy rằng: *Mầy hãy thảo kính cha mẹ mầy và chớ quên sự đau đớn mẹ mầy. Hãy nhớ rằng: nếu cha mẹ chẳng sanh thành mầy, thì chẳng có mầy; bởi đó mầy hãy báo hiếu cha mẹ cho đặng trả ơn người đã làm cho mầy.*

Ấy vậy đạo làm con phải giữ ba sự sau này:

Thứ NHỨT, thương yêu cha mẹ cho thật lòng, vì công ơn cha mẹ sanh thành dưỡng dục, chịu cực chịu khổ vì con, nên con phải nhớ mà tận tình yêu mến cha mẹ.

Nhưng mà sự yêu mến cha mẹ trong lòng vậy, thì con cái phải tỏ ra trong việc làm, cách ăn ở:

(*) Còn bổn phận vợ chồng, để nói sau khi dạy về phép hôn phối.

Một là, phải xin Chúa trả ơn cho cha mẹ, cầu nguyện cho cha mẹ đặng sống lâu sức khỏe phần hồn phần xác.

Hai là, phải giúp đỡ cha mẹ ; ví bằng cha mẹ nghèo khổ, hoặc đã già không ai nuôi dưỡng, thì con cái phải lo nuôi nấng theo sức mình. Cha mẹ ốm đau, con phải chạy thầy kiếm thuốc cùng sớm viếng tối thăm, an ủi phần hồn phần xác, lo đi rước thầy-cả, vân vân.

Khi cha mẹ đã qua đời phải lo chôn cất, cầu hồn xin lễ, cấp táng tang chế theo phép đạo. Lại của cha mẹ để lại thì con cái chia nhau, chẳng nên làm sự gì nghịch ý cha mẹ đã tỏ ra khi còn sống.

Ba là, chẳng nên giận ghét, phản-nản ngỗ-nghịch với cha mẹ.

Bốn là, chớ khi nào làm cho cha mẹ rầu rĩ ưu phiền.

79 — THỨ HAI : Phải có lòng hiếu thảo cung kính ; bởi vì Đ. C. T. đã đặt cha mẹ lên mà coi sóc sửa trị mình thay mặt Người. Cho nên con cái phải giữ lòng khiêm nhượng, phải cung kính hết sức, theo lời Sách thánh dạy rằng : *Hãy thảo kính cha mẹ, cho chúng bay đặng sống lâu dài dưới thế gian này.*

Bởi đó đạo làm con : Một là, khi đi thì thưa, khi về phải trình ; cha mẹ kêu phải thưa phải dạ ; chớ ở, chớ nói hay là làm đều gì vô phép ; cho nên hễ ai cả lòng mắng chửi, khinh khi, ngăm đe, mảy tao mi tớ với cha mẹ, thì phạm tội trọng.

Hai là, dầu cha mẹ sửa trị nói đều gì oan ức, thì hãy cam lòng chịu, chớ buồn giận, vì có ca rằng : Cha mẹ nói oan, quan xử hiếp.

Ba là, lại chớ khi nào đem sự lỗi cha mẹ ra nói cho người ta biết mà nhạo cười. Mà hoặc cha mẹ mắc tính mê

nết xấu gì, thì phải giấu giếm sự ấy, và cầu nguyện cùng Chúa, xin Người ban ơn xuống cho cha mẹ đáng sửa mình.

Tôi nghịch cùng sự thảo kính cha mẹ rất trọng, đến đôi tuong luật ông Môisen đã có lời Đ. C. T. dạy rằng : *Nếu có ai cả dám nói xúc phạm đến cha đến mẹ mình, thì nó phải luận chết mà chớ.*

80 — THỨ BA : Phải vâng lời chịu lụy cha mẹ trong những điều phải lẽ. Bởi vì như mới nói trên này : cha mẹ thay mặt Chúa, cho nên con cái chẳng vâng lời cha mẹ, thì ra như chẳng chịu lụy Đ. C. T. Đã có lời ông thánh Phaolô dạy rằng : *Hãy chịu lụy vâng lời cha mẹ, vì chưng Đ. C. T. đã truyền dạy làm vậy*

Một là, trước hết con cái phải tuân cứ lời cha mẹ dạy trong những điều về việc rỗi linh hồn, như đọc kinh, xem lễ,....

Hai là, cha mẹ dạy biểu sai khiến việc gì, thì con cái phải vâng làm tức thì ; đừng bắt chước đũa cứng cối phản nân, cực chẳng đã mà chịu lụy bề ngoài ; còn trong lòng thì buồn bực năn nỉ.

Ba là, cha mẹ dạy biểu con cái ở nhà, không cho đi chơi bởi mất nét, thì cũng phải vui lòng theo ý cha mẹ cấm.

Bốn là, trong việc hôn nhân phải bàn tính với cha mẹ xin người phân định nơi vừa xứng bậc mình, đừng theo ý riêng ; ví bằng cha mẹ chỉ định làm bạn với kẻ mình chẳng ưa, thì hãy xin cha mẹ kiếm nơi khác.

Vả lại đã nói rằng : phải vâng lời trong sự phải lẽ mà thôi. Nên ví bằng cha mẹ dạy sự gì nghịch cùng luật Đ. C. T. Ví dụ : biểu đi ăn-trộm ăn-cắp, thì con cái cháng nên vâng lời ; như nghe lời làm theo, thì có tội, vì phải vâng giữ luật Đ. C. T. hơn là vâng lời người ta.

§ II — NHỮNG ĐIỀU CHA MẸ BUỘC GIỮ VỚI CON CÁI.

81 — H. — *Cha mẹ phải giữ những điều gì với con cái ?*

T. — Cha mẹ chẳng những phải thương yêu con cái vì là một máu với mình, theo tính tự nhiên như loài thú vật thương con, mà lại phải thương yêu vì là của trọng Đ. C. T. đã phú cho mình coi sóc phần hồn phần xác, ngày sau phải thừa lại cùng Chúa.

Bởi đó kẻ làm cha mẹ chẳng những buộc thương con cái, mà lại phải lo dạy dỗ nuôi dưỡng phần hồn phần xác, phải lo sửa trị và làm gương tốt cho đặng con cái bắt chước và rồi linh hồn.

82 — H. — *Cha mẹ buộc nuôi dưỡng dạy dỗ con cái thế nào ?*

T. — Một là, về *phần xác* : Buộc lo cho con cái khoẻ mạnh, từ đầu thai đến lớn. Hễ cha mẹ làm điều gì thiệt hại cho con còn trong bụng mẹ, thì có tội trọng. Khi sinh rồi, phải nuôi dưỡng cho cần mẫn, phải cho ăn mặc theo bậc mình ; chớ để xơ xài rách rưới, chớ bắt chần bò chần trâu, mẫn mùa nọ qua năm kia. Khi vừa đủ trí khôn, như mình là kẻ có đủ ăn, thì liệu cho nó học hành chữ nghĩa ; ít nữa là tập nghề nghiệp vừa sức nó : trai đan lát cày bừa, gái vá may mua bán, vân vân.

Hai là, về *phần hồn* : Cha mẹ phải lo cho con cái biết cách thế cho ngày sau đặng rồi, và ăn ở với người ta cho phải phép. Khi mới lọt lòng, hãy lo liệu cho nó chịu phép Rửa tội ; chừng lớn khôn, phải lo tập luyện cho nó thuộc các kinh quen đọc, và cắt-ngĩa cho nó hiểu biết những điều cần phải tin phải giữ ; phải dạy biếu nó đọc kinh xem lễ, nghe dạy xưng tội, chớ để nó chơi bời bè bạn với đũa trác nết.

Còn sự ăn ở với người ta cũng phải dạy cho nó biết

sự khiêm nhường, yêu nhau hoà thuận ; biết thừa biết trình, biết kẻ lớn người già ; chẳng nên để nó cậy tài ý của mà khinh dễ người ta ; hãy lo sửa dạy mọi bề cho nó ra người phép tắc nết na. Chẳng những phải dạy dỗ, mà lại phải tập luyện con từ hồi còn thơ bé, cùng xem-xét tính nết con cho cẩn thận, coi nó hay nghiêng chiều về đảng nào, mới ngăn ngừa sửa dạy đặng.

83 — H. — *Cha mẹ buộc sửa trị con cái chẳng ?*

T. — Buộc, vì đã có Sách thánh dạy rằng : *Cha chẳng dám đánh con, ấy là ghét con. Bối đó thương cho roi cho vọt.*

Một là chớ để nó lằng loàn hỗn hào, mà không dám động đến nó. Cha mẹ phải giữ kẻo mà nó mắc tính mê nết xấu, như hay chưởi rửa, nói hoa tình tục tĩu, cờ bạc,.... bởi vì có nhiều đứa hư đi tại cha mẹ để làm vậy, chẳng sửa phạt cho kíp.

Hai là, nhưng mà khi sửa trị con cái, chẳng nên theo cơn giận lấy lòng độc miệng dữ mà đánh chưởi rửa nộ. Nhứt là chẳng nên đánh lầy theo hồi nóng giận, kéo con sinh bệnh hoạn. Cha mẹ sửa con hãy làm như thầy thuốc chữa bệnh : liệu tính phương nào xứng hợp lỗi con, cho nó chữa được, thì mới có ích.

84 — H. — *Sao mà cha mẹ phải làm gương tốt cho con cái ?*

T. — Cha mẹ phải làm gương tốt cho con cái bắt chước ; vì chưng kẻ siêng giữ phép trong đạo, thì mới dễ khuyên bảo con cái. Như cha mẹ say sưa, xác xược, chưởi rửa, hỗn hào, thì khuyên bảo con cái giữ phép tắc nết na, làm sao được ? Như biếu con đi đọc kinh xem lễ, còn mình thì cứ nằm ngủ, có lẽ nào con cái vâng ? Nó sẵn lòng bắt chước việc cha mẹ làm hơn là nghe dạy bảo ; cho nên trong lời nói việc làm, cách ăn nết ở trong nhà, thì cha mẹ phải

lo giữ mọi điều cho nhằm luật phép, chớ có điều gì mở đường cho con cái biết sự tội.

85 — H. — *Anh em chị em với nhau phải giữ những điều gì ?*

T. — Anh em chị em buộc thương yêu, giúp đỡ nhau hơn là người dưng, như đã dạy về nhơn đức thương người ta. Bấy giờ cha mẹ mất sớm hoặc đau đớn yếu đuối, nên anh hay là chị phải lo việc nhà, thì mấy đứa em phải kính vâng như cha mẹ vậy ; vì khi ấy là *quyền huynh thế phụ* ; và buộc người anh người chị ấy phải lo cho các em cũng như cha mẹ lo cho con vậy.

Việc bốn phận kẻ bề trên, kẻ bề dưới.

86 — Kẻ bề trên thay mặt cha mẹ thay mặt Chúa lo cho bề dưới ; cho nên có nhiều điều buộc con cái giữ với cha mẹ, thì cũng buộc kẻ bề dưới giữ với kẻ bề trên như vậy.

Đây nói chung về vua-chúa quan-quyền, thầy dạy chức việc,.... với dân sự, học trò ; rồi dạy riêng về việc chủ nhà đầy tớ.

87 — H. — *Có buộc dân sự vâng phục vua-chúa quan-quyền chăng ?*

T. — Buộc, vì đã có lời Sách thánh dạy rằng : *Bởi phép Tao ban thì vua chúa đặt cai trị, và bởi Tao soi sáng nên vua chúa ra luật phải lẽ.* Lời này làm chứng Chúa đã ban phép cho các đấng làm vua quan điều chế mọi việc phần xác cho dân mình đặt nhờ. Cho nên kẻ làm dân, hoặc ở tạm ngụ nước nào, thì buộc giữ luật nước ấy. Bởi đó dân sự phải vâng phục kẻ có chức trên mình, khi dạy điều phải lẽ, bằng chống cãi thì nghịch thánh ý Đ. C. T. và có tội. Như lời ông thánh Phaolô đã dạy rằng : *Kẻ nào chống cãi chẳng vâng phục quyền phép phần đời, thì là*

chống cãi chẳng vâng phục Đ. C. T. Ấy vậy kẻ làm con dân phải có lòng cung kính vua-chúa quan-quyền ; chớ xét đảng bề trên có ăn ở xứng đáng chức phận mình cùng chẳng, một phải tin thật, bởi Chúa ban, thì các đảng ấy mới có quờn cai trị, cho nên phải vâng trong các điều phải lẽ.

Lại dân sự phải cầu nguyện xin Chúa ban ơn cho các đảng ấy đừng trợn niêm bỗn phận, mà cai trị dân theo phép công bình.

Vả lại các đảng bề trên trong Hội thánh, chức càng cao, việc càng trọng, thì kẻ bề dưới càng phải thương mến, cung kính, vâng phục ; nên càng phải giúp lời cầu nguyện cho đảng ấy hơn.

Đã hay rằng : phải tôn kính các đảng bề trên, nhưng mà đảng nào lo lắng cho mình cách riêng, như cha sở, thầy dạy, kẻ có chức trong xứ trong làng, thì mình phải thương kính và cầu nguyện cho các đảng ấy cách riêng.

88 — H. — *Các đảng bề trên buộc giữ những điều nào ?*

T. — Một là, trong việc ra luật : a) buộc dạy đều phải lẽ, dạy việc lành việc tốt ; ví bằng dạy đều tội đều nghịch cùng luật Đ. C. T., như khi vua dạy bỏ đạo Thiên Chúa, thì dân sự chẳng buộc vâng.

b) Hãy cứ đều vừa sức thương người ta giữ nổi mà buộc ; còn đều nặng quá sức, khó giữ lắm, thường chẳng có phép dạy, trừ ra khi có ích chung cả thể : như khi quan tướng biến lính qua nơi hiểm hiểm mạng sống,....

c) Phải dạy đều làm ích chung ; vì chung ích lợi chung hơn sự hại riêng. Cho nên dầu luật dạy việc bất tiện cho một ít người, thì ai nấy cũng buộc giữ.

Hai là, phải thương yêu, phải giúp đỡ, an ủi, dạy dỗ kẻ bề dưới, và lo cho nó an cư lạc nghiệp, đừng thói tốt dân lành, chẳng khác nào cha mẹ lo cho con vậy.

BA là, trong việc làm lời nói, hãy làm gương tốt cho kẻ bề dưới.

BỐN là, phải quở trách sửa phạt kẻ có lỗi, cho xứng ân oai công binh ; đừng tây vị, đừng kiếm ích riêng ; chẳng nên cậy quyền hiếp chúng, giận ghét hay là báo thù.

89 — H. — *Học trò phải ở với thầy dạy thế nào ?*

T. — Một là, phải thương yêu kính phục. Hai là, phải vâng lời chịu lụy. Vì chúng thầy là cha mẹ, là bề trên, là kẻ lao tâm tiêu tứ mà lo cho mình được thông minh, được tốt nết, biết nghề nghiệp, có công cao ơn trọng với mình lắm : nên phải thương phải kính, phải vâng phục trong mọi điều phải lẽ.

Ấy vậy trò nào biếng nhác bỏ qua ngày giờ, chẳng chuyên học tập, chẳng bỏ thói xấu, chẳng lo sửa mình ; ấy là những điều lỗi bỗn phận, phiền lòng thầy, cho nên mắc tội. Bằng khinh dễ kính cương, giận ghét, nói hành, rửa tội, thì càng nặng tội hơn nữa. Mà lại luật nhà nước cũng có án cho học trò bội sự.

90 — H. — *Kẻ làm tôi tá phải giữ những điều gì với chủ nhà ?*

T. — Những điều kẻ bề dưới phải giữ với bề trên, thì tôi tá cũng phải giữ với chủ nhà như vậy ; theo lời ông thánh Phaolô dạy rằng : *Kẻ làm tôi tá phải cung kính vâng phục và đẹp lòng chủ mọi đàng*. Cho nên chủ nhà dạy biểu làm việc gì thì phải làm ; bằng vô cớ mà bỏ việc, thì lỗi phép công bình, bởi vì đã chịu vâng làm theo ý chủ mướn.

Vả lại phải giữ lòng trung với chủ ; nghĩa là của chủ phải gìn giữ như của mình, gia công kiệt lực mà làm, mà bình vực chủ trong mọi việc. Chớ ăn xơi bớt của chủ, chớ trộm cắp, chớ biếng nhác trễ bỏ việc làm.

91 — H. — *Chủ nhà phải ăn ở làm sao với tôi-tớ ?*

T. — Có lời ông thánh Phaolô dạy rằng : *Ai chẳng lo*

lãng cho tôi-tá nhưt là kẻ thuộc về mình, thì nó như người bỏ đạo, và xấu hơn kẻ ngoại.

Bởi đó kẻ làm chủ nhà phải giữ những điều sau này :

Một là, phải ở hiền lành cùng tôi-tớ, hãy nhớ nó cũng là con Chúa, và Máu thánh Đ. C. G. đổ ra vì nó ; có khi trước mặt Chúa nó có phước hơn mình. Phải lấy lòng thương xem nó như con cái mình ; chớ hắt hủi, chưởi rủa, nói những lời đau độc cộc cằn.

Phải cấp dưỡng đủ ăn đủ mặc ; chớ để nó đói khát rách rưới tả tơi, đừng bắt nó làm những việc nặng quá, hay là làm thâu đêm tối ngày. Khi đau ốm, phải viếng thăm chạy thuốc cho nó, đừng bỏ nó cơ-khở, nói nó làm bệnh giả dò.

Hai là, phải dạy dỗ sửa phạt, vì chủ nhà lãnh tôi-tớ ấy là lãnh phần coi sóc thế cho cha mẹ nó ; nên phải xem sóc phần hồn phần xác nó đủ đều như cha mẹ vậy.

(Lo cho nó giữ đạo nên sửa nét xấu, làm gương tốt cho nó,..... như đã nói về cha mẹ.)

Ba là, chủ nhà đã mượn tôi-tớ bao nhiêu, thì phải trả đủ như lời hứa. Đừng chận đầu chận đuôi cướp của tôi-tớ ; chớ đuổi nó cho khỏi trả tiền mượn. Như rủi nó làm gãy cây bẻ bát chẳng phải tại lỗi nó, thì đừng bắt bồi trừ cấn.

Nhưng mà như tôi tớ làm biếng bỏ trâu bò ăn phá của người ta, mình phải thương-bồi, thì nên trừ tiền mượn nó, bởi vì tại lỗi nó. Lại như nó bỏ mà đi, hay là đau nặng lâu ngày mà mình phải nuôi dưỡng, thì cũng khỏi tính công mấy ngày nó đi, nó đau nữa. Song khi tôi tớ lo việc vừa sức, chủ nhà chẳng nên hẹp hòi với nó ; hãy nhớ lời Sấm truyền rằng : *Nếu con đặt đũa giúp trung tín, cẩn thận, thiệt thà, thì hãy coi nó như mình con và ở với nó như anh em mình vậy.*

ĐOẠN THỨ VII
GIẢI RĂN THỨ NĂM
Chớ giết người.

92 — H. — *Giải-răn thứ năm cấm sự gì ?*

T. — Giải-răn thứ năm cấm theo ý riêng mà giết mình hay là người ta, và cũng cấm làm hại phần xác, làm hại phần hồn :

Hại phần xác như chặt, đánh gãy chơn tay hay là phải dấu nặng ; hại phần hồn là làm gương xấu, xui giục phạm tội. Sau nữa cũng cấm sự giận ghét, báo thù. (Đã nói về gương xấu là tội nghịch nhơn đức thương yêu người ta ; còn về sự giận ghét, hãy coi chỗ bầy mối tội đầu.)

Đây chỉ nói :

I — Về sự hại mạng sống mình,

II — Về sự hại mạng sống người ta.

ĐIỀU THỨ I

Sự hại mạng sống mình

93 — H. — *Có bao giờ nên tự ý mà giết mình chẳng ?*

T. — Chẳng khi nào nên, vì sự sống chết ta ở tại Đấng cao cả là Đ. C. T. ; nên ai theo ý riêng mà giết mình, thì mắc tội soán quờn Đ. C. T. và nghịch lẽ tự nhiên.

Nhưng mà có nhiều đấng thánh tử vì đạo nộp mình cho quan, hoặc nhảy vào đồng lửa chưa kịp quan dạy, thì chẳng mắc tội giết mình, vì các đấng ấy đã có ơn riêng chỉ dẫn.

94 H. — *Có khi nào nên liều mình phải chết chẳng ?*

T. — Khi chẳng có điều cần điều có ích trọng, thì chẳng nên làm việc hiểm nghèo thường ai làm thì có lẽ chết, như liều mình qua nơi hiểm nghèo, uống rượu say mê, hay là sự khác sinh bệnh nặng.

Nhưng mà khi có sự cần có ích, thì nên, và có khi phải liều mình ; như quân lính liều mình vì nhà nước, thầy cả liều mình cứu linh hồn người ta,....

95 — H. — *Có nên chặt chơn tay, hay là hại xác mình chẳng ?*

T. — Khi chẳng có sự gì cần có ích cho cả-và xác thì chẳng nên ; vì luật buộc phải giữ mạng sống cũng dạy phải giữ mỗi phần trong xác cho toàn. Vả lại mỗi phần trong xác người ta đều có ích, cho nên không dặng làm hại nó ; song như có sợ nó làm hại cả-và xác thì nên chặt bớt. Cũng một lẽ ấy, kẻ hãm mình đền tội, có ý cho xác ra ốm o gầy vồ chịu phục linh hồn, thì nên, vì là việc lành.

ĐIỀU THỨ II

Về sự hại mạng sống người ta.

Sự giết người ta có ba thứ : Một là, giết kẻ tội nhờn ; Hai là, giết kẻ nghịch toan giết mình ; Ba là, giết kẻ vô tội.

96 — H. — *Ai dặng quờn giết kẻ tội nhờn ?*

T. — Có một kẻ làm đầu trong nước có phép giết kẻ tội nhờn, vì kẻ ấy dặng quờn cai trị gìn giữ mọi sự trong nước, cho nên sự gì có ích lợi cho nhà-nước thì có phép làm. Quan quyền có được giết, thì cũng thừa luật lệnh vua chúa mà thôi.

Còn những kẻ bề dưới chẳng có phép theo ý riêng mà giết ai ; dầu gặp kẻ phạm tội nặng thế nào, dầu chồng thấy vợ ngoại-tình, cha mẹ thấy con thất-hiếu, dầu gặp đứ tra trộm cướp làm hại nhiều người, cũng chẳng nên tự ý mà giết bao giờ.

97 — H. — *Khi thấy kẻ nghịch loạn xông vào giết mình, có nên giết nó cho mình khỏi chết chẳng ?*

T. — Bằng kẻ ấy chẳng có phép giết mình và mình chẳng có phương nào thoát đặng, có một sự giết nó, mình mới sống, thì nên ; vì phải thương nó sau. Bằng đánh nó gãy tay chơn đã đủ cứu mình đặng, thì chẳng nên giết nó nữa.

Còn như có lòng thương kẻ nghịch thù, sợ nó mất phần hồn, thì nên liều mạng sống mình, chẳng buộc giết nó cho khỏi chết.

98 — H. — *Có nên giết kẻ thù mà cứu sự sống kẻ khác chẳng ?*

T. — Kẻ hung dữ loạn xông vào giết kẻ vô tội mà mình không phương nào khác cứu đặng, thì cũng nên giết kẻ dữ mà cứu kẻ lành. Việc này cũng về như đức thương giúp người ta, dạy thương kẻ khác như mình ; cho nên việc ta làm đặng mà cứu mình, thì cũng nên làm mà cứu kẻ khác. Song chẳng buộc, trừ ra kẻ vô tội ấy là cha mẹ, vợ con, anh em, hay là mình là quân lính đã lãnh việc canh giữ, thì mới buộc mà thôi.

99 — H. — *Có nên giết kẻ cướp mà cứu của ta chẳng ?*

T. — Như quân ăn cướp giựt của cao giá hay là của cần kíp trong nhà, mà mình không thể mà giành lại đặng, thì nên đánh mà giành lại ; hoặc nó chết, mình cũng khỏi tội. Còn như khi có thể khác mà giành lại đặng, như đi kiện nó, thì chẳng nên đánh giết.

Sau hết như kẻ cướp lấy của mình đã đem đi mất rồi, hay là chưa kịp lấy mà bắt đặng, thì chẳng nên giết, vì là sự báo thù nó, chẳng phải là giành của. Nhưng mà có đánh phạt nó cho chừa lỗi, thì mình cũng không tội.

ĐOẠN THỨ VIII

GIẢI THỨ SÁU VÀ THỨ CHÍN

Chớ làm tà dâm. Chớ muốn vợ chồng người.

I — Về những tội nghịch cùng hai điều-răn này.

II — Về nhơn đức sạch sẽ.

ĐIỀU THỨ I

Về những tội nghịch cùng điều-răn này.

100 - H — *Hai giải-răn này cấm những sự gì ?*

T. — Giải-răn thứ sáu cấm những điều nghịch cùng nhơn đức sạch sẽ *bề ngoài* : như miệng nói, tai nghe, mắt xem sự chẳng nên, hay là tay chơn đá đến chỗ chẳng nên của mình hay là kẻ khác.

Còn giải thứ chín cấm những điều nghịch cùng nhơn đức sạch sẽ *bề trong* : như lòng động lòng lo, nhớ đến sự quấy quá mà lấy làm vui muốn theo ; hoặc ước ao muốn sự chẳng nên, hoặc nhớ việc xấu-xa đã làm mà lấy làm vui,...

Ấy vậy hai điều ấy cấm việc làm, lời nói, sự tưởng trong trí và mọi điều hay làm cho người ta xiêu về sự dâm dục ngoài phép hôn-phối ; lại dạy người ta ở trinh khiết.

101 - H — *Hễ khi nào tình dâm dục nổi động lên bề trong hay là bề ngoài thì có mắc tội luôn chẳng ?*

T. — Như ai khi vô cớ cả lòng đã liệu mình làm việc sinh ra sự xao-xiển làm vậy, thì chẳng khỏi mắc tội.

Nhưng mà khi động làm vậy bởi ma quỷ cám dỗ, hoặc bởi có nào khác mình chẳng muốn chút nào, và lòng trí mình chẳng ưng vui theo cơn xao-xiển ấy, thì khỏi tội. Bởi đó cũng có nhiều khi tính xác thịt động về đảng ấy, hoặc khi ngủ hoặc khi thức, song bởi mình chẳng có ý muốn trước, chẳng đặt cớ chẳng ưng theo, thì không có tội.

102 — H. Còn sự tri tưởng, lòng lo, mắt xem, miệng nói, tai nghe, tay chơn đá-dến về đảng ấy, thì tội thế nào?

T. — Những điều ấy vốn chẳng phải là tội luôn đâu ; như khi có ý lành, có việc cần kíp mà chẳng sợ ưng vui theo, thì không có tội. Còn khi nào có ý xấu hay là liệu mình vui theo, thì có tội luôn ; còn tội nặng nhẹ theo việc mình làm sinh ra sự xấu cách nào :

Một là, có việc xét theo sức loài người ta nó hay sinh sự dâm dục chẳng ai khỏi dặng. Ví dụ : tự ý rờ rẫm chỗ kín kẻ khác, không mấy khi mà khỏi tội trọng.

Hai là, có việc vốn hiểm nghèo, nhưng mà có khi sinh sự vui dâm dục, có khi không, như sự xem thấy nhan sắc người ta ; thì có khi mắc tội trọng, có khi tội nhẹ, có khi chẳng có tội gì.

Ba là, có nhiều việc cũng chỉ về đảng dâm dục cách xa-xa vậy mà thôi, chẳng mấy khi sinh sự vui về đảng ấy ; như nam nữ gặp nhau, xem qua, nói một tiếng chơi. Những việc vậy thường không tội hay là có tội nhẹ mà thôi.

Bởi đó các việc kể trước này sinh tội thì ra khác tùy theo việc, theo tính người, theo tuổi và theo người có nhơn đức người không ; lại cũng tùy theo việc ấy lâu hay là mau mà sinh tội nặng hay là nhẹ.

Vốn sự hiểm nghèo thứ nhất là đá-đến, hai là mắt xem, ba là tư tưởng, bốn là miệng nói và tai nghe.

Song khi đá-đến kẻ khác hay là nói lời tục tĩu, thì thường thêm tội làm gương xấu.

103 — H. — *Khi lâm phải áy náy về tội này, thì phải làm thế nào ?*

T. — Trước hết phải cứ lương tâm ; rồi đều gì nghi ngại thì hỏi cha linh hồn trong toà giải tội, hay là có gấp thì ngoài toà cũng nên. Song đừng tọc mạch muốn biết muốn xét những điều vô ích ; nhất là chẳng nên hỏi anh em chúng bạn, kéo sinh sự thiệt hại hiểm nghèo.

104 — H. — *Tội nghịch điều-răn thứ sáu và thứ chín nặng nề thế nào ?*

T. — Hễ ai đã có tri khôn hiểu biết luật Đ. C. T. cấm ngặt mọi điều về sự dâm dục, mà ngoài phép hôn-phối dám ưng vui theo sự ô uế xác thịt, bất kỳ bề trong hay là bề ngoài, thì mắc tội trọng.

Vả chẳng có tội nào Đ. C. T. phạt nặng cho bằng tội dâm dục. Xưa người đã làm lụt cả mà sát phạt cả-và loài người ta, trừ một nhà ông Noe mà thôi. Đến sau người đốt cả-và thành Sôđôma và năm thành khác, vì người ta dơ bẩn mê dâm dục.

Ta muốn hiểu sao mà tội này rất nặng rất đáng ghét, thì hãy suy những lẽ sau này :

Thứ nhất : Kẻ phạm tội ấy phá thứ tự Đ. C. T. đã lập mà lưu truyền loài người ta, bắt linh hồn làm tội xác hèn và làm cho tính người ra hèn hơn thú vật vô linh tính.

Thứ hai : Trong Sách thánh biết là mấy lời đã cấm ngặt tội ấy tỏ tường. Ông thánh Phaolô đã đoán quả quyết rằng : *Chẳng có người nào mê dâm dục đứng lên nước thiên đàng.*

Thứ ba : Xúc người ta, nhưt là kẻ đã chịu phép Rửa tội cùng phép Thánh-thể, thì đã nên đền thờ Đ. C. T. ba Ngôi ngự. Vậy kẻ phạm tội dâm dục, thì thật là phá đền thờ trọng vọng ấy, nên chẳng khỏi phạt nặng, như lời ông thánh Phaolô đã dạy rằng : Chớ thì anh em chẳng biết mình là đền thờ Đ. C. T.... Nếu có ai làm sự dơ dáy trong xác mình mà phạm đến đền thờ Đ. C. T., thì Đ. C. T. sẽ hủy hoại nó đi, vì chưng đền thờ Đ. C. T. là giống thánh, mà đền thờ ấy là chính mình anh em mà chớ.

Thứ bốn : Khi đã mê-man chứng dâm dục, thì sinh nhiều điều thiệt hại phần hồn phần xác.

105 H. — *Tội dâm dục hại phần hồn là làm sao ?*

T. — Hễ mê sắc dục, thì Một là, thường mắc tội trọng, cho nên chẳng mấy khi làm được việc lành.

Hai là, chẳng suy hiểu, chẳng ái mộ những sự thiêng liêng, một mê-man những sự hèn thế gian, muốn sống luôn, sợ chết quá lẽ, lần hồi ra ghét Đ. C. T., ra cứng lòng, mất đức cậy. Dầu mà nó nghe giảng, hay là có kẻ khuyên bảo thế nào, thì cũng chẳng được ích gì, phần nhiều thì chết khốn nạn mà sa hoả-ngục, như lời ông thánh Ligôriô đoán rằng : « Những kẻ ở trong hoả-ngục phần nhiều thì tại tội dâm dục. »

106 — H. — *Tội dâm dục hại phần xác thế nào ?*

T. — Một là, nó làm cho hao mòn sức lực, sinh bệnh hoạn xấu xa ; biết bao nhiêu tật nguyên trong thế gian bởi chứng quái gở này mà ra.

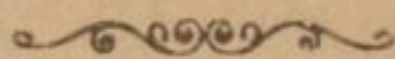
Hai là, nó làm cho nhớ danh xấu tiếng, làm cho ai nấy cũng chê cũng gớm.

Ba là, nó sinh chứng gian xảo, ghen tương, giận ghét, oán thù, dâm chém nhau.

Bốn là, nó làm hư tài trí, ra chứng dở dang, mê muội, tối tăm, ra loài vô tâm vô trí.

Bởi đó kẻ mê dâm dục rất khó mà sửa mình ; nhiều khi mê muội đến nỗi chẳng còn biết phải trái, bất kể nên hư, một buông-tuồng theo nỡ, chẳng khi nào phỉ ; dầu muốn chữa bỏ thì rất khó hơn các vết xấu khác.

Ấy vậy tội này càng hiểm nghèo, thì kẻ có đạo càng phải ra sức xa lánh, và tập rèn như đức sạch sẽ.



ĐIỀU THỨ II

Về nhưn đức sạch sẽ

107 — H — *Đức sạch sẽ là gì ?*

T. — Là đức dạy mọi người phải kiêng cử cho dứt tình mê dâm dục trong ý tưởng, lời nói, việc làm ; còn trong bậc vợ chồng thì phải giữ chế độ cho nhằm luật tự nhiên và lễ luật Chúa ; chẳng nên mê theo tình hư xác thịt.

Vả đức sạch sẽ có hai bậc :

Bậc nhứt gọi là đức đồng trinh, là giữ mình trinh khiết từ bé cho đến chết.

Bậc nhì có hai thứ : một là đức trinh-ngẫu hai là đức thủ-tiết.

Hai bậc nhì cũng nên công trọng, mà bậc nhứt càng cao trọng hơn nữa bội phần.

108 — H. — *Vì sao mà biết đức đồng trinh rất quý trọng trước mặt Chúa và trước mặt người ta ?*

T. — Vì những lẽ sau này :

Thứ nhứt : Các dân ngoại các phương các nước, từ xưa nhần nay, đều thì khen ngợi kính chuộng, lấy làm đẹp lòng thần phật, và lấy làm cần kíp cho kẻ có chức tể lễ. Nhiều nhà-nước buộc sai vãi phải giữ mình đồng trinh ; ai phạm thì bị xử tử.

Thứ hai : Kẻ có đạo gọi hơn đức sạch sẽ, nhưt là đức đồng trinh, là hơn đức rất tốt lành rất đáng yêu mến ; là hơn đức thánh hơn, hơn đức thiên thân, cùng trân trọng kính yêu những kẻ giữ đức ấy, nhưt là thầy cả thầy dòng và những người nữ tu.

Lại trong Hội thánh cũng buộc kẻ muốn lên chức thánh hay là vào dòng, phải khẩn giữ đức đồng trinh, đức thủ tiết.

Thứ ba : Đức Mẹ thà chẳng được làm mẹ Chúa trời, chẳng thà mất đức ấy ; lại muôn vàn thánh nam nữ đã dứt bỏ mọi sự sang trọng mà chịu trăm bề khốn cực choặng giữ đức ấy.

Thứ bốn : Chúa Cứu-thế ra đời đã chọn người nữ đồng trinh làm mẹ, và ở đồng trinh trọn đời ; mà trong các thánh Tông đồ thì Người tỏ lòng yêu ông thánh Gioan hơn, vì ông thánh này đã giữ đức đồng trinh theo gương Chúa. Lại Đ. C. G. đã cao rao đức sạch sẽ đặng phần thưởng rất trọng vọng mà rằng : *Phước cho kẻ có lòng thanh sạch, vì sẽ đặng xem thấy mặt Chúa.*

Thứ năm : Trong Kinh thánh nhiều nơi chỉ tỏ hơn đức này rất đẹp lòng Chúa lắm, cho đến đôi nhiều khi Chúa làm phép lạ mà gìn giữ hơn đức ấy cho tôi-tá Người, như đã cứu bà thánh Anê cho khỏi quân ô-đồ.

109 — H. — *Vậy giữ mình đồng trinh được ích trọng lắm sao ?*

T. — Rất có ích đời này và đời sau nữa :

Một là, phần xác khỏi những điều thiệt hại bởi tính xác thịt mà ra, và được người ta yêu vì kính chuộng.

Hai là, phần hồn đặng hiểu biết và ái mộ những sự thiêng liêng ; như lời ông thánh Phaolô rằng : *Những*

người theo tinh xác thịt, thì không hiểu được những sự thiêng liêng về Đ. C. T. đâu.

Vả kẻ đồng trinh cũng được thông thả vui vẻ mà lo phần rỗi, một chỉ lo đẹp lòng Chúa mà thôi, chẳng có chia lòng chia trí về sự vợ chồng con cái, mà lại được sức mạnh mà thắng các nết xấu khác, nhất là những nết xấu bởi tình tư dục mà ra.

Ba là, trên nước thiên đàng các thánh đồng trinh hằng châu chực gần Đ. C. G., như đã nói trong Sách Apocalypsê ; lại có dấu riêng sáng láng trên đầu.

110 — H. — *Mọi người phải khẩn giữ mình đồng trinh chăng ?*

T. — *Chẳng buộc ; Đ. C. G. một khuyên chung rằng ; Phước cho kẻ giữ lòng sạch sẽ, vì sẽ đặng xem thấy mặt Đ. C. T. Song chẳng phải mọi người giữ được hết thấy đâu ; có một kẻ Chúa ban ơn riêng, mới giữ đặng mà thôi. Lại ông thánh Phaolô đã dạy tỏ rằng : Thầy muốn cho anh em hết thấy giữ mình đồng trinh như thầy, thầy khuyên làm vậy cho anh em được nhờ, chẳng phải buộc cho đến đôi ai chẳng giữ thì phạm tội đâu.*

Vả Hội thánh cũng không buộc, để mặc ý ai tùy ơn trên soi lòng mở trí. Chớ theo ý riêng mà khẩn giữ mình, song phải bàn tính với cha linh hồn mình trước đã. Trong việc này chẳng nên cậy sức riêng, nhưng mà hãy nhớ kẻ Chúa gọi lên bậc rất trọng ấy thì đông, song thiếu chi kẻ biếng nhác, chẳng ra sức hăm khớp gò cương, ham mê sự đời mà phạm tội, nên đã mất ơn rất quý báu đường ấy.

111 — H. — *Vậy phải làm thế nào cho được giữ đức sạch sẽ và hăm dẹp tình tư dục ?*

T. — Phải dùng phương thể chung và phương thể riêng :

Phương thể chung : Một là, phải sợ tội trọng hơn sợ chết, và suy những sự thiệt hại phần hồn phần xác bởi tội ấy mà ra, cùng nhớ đức sạch sẽ rất quý trọng là dường nào.

Hai là, chờ cây sức riêng mình chút nào, vì kẻ có ơn Chúa thì mới giữ được đức sạch sẽ mà thôi ; phải ở khiêm nhượng, vì Đ. C. T. hằng hạ kẻ kiêu ngạo xuống, mà để cho nó sa phạm những tội ô uế cho xấu hổ.

Ba là, phải hết lòng tin cậy mà phú dâng linh hồn và xác mình làm của riêng Chúa cùng Đức Mẹ, mà cứ giữ lòng bền đỗ mỗi ngày làm đôi ba việc lành có ý xin ơn ấy. Và khi bị túng ngặt, thì cầu nguyện cho sốt sắng hơn mà xin ơn Chúa cứu chữa cho kịp, như thầm thí rằng : « Lạy Chúa, xin cứu chữa lấy tôi cho kịp. » « Lạy Đức Nữ đồng trinh chẳng hề mắc tội tổ tông, xin cầu cho tôi trong cơn túng ngặt này. »

Bốn là, phải có ý chỉ mà xa lánh những cơ những dịp hay làm cho mình bị cám dỗ phạm tội, vì hễ ai liệu mình ở đâu thì phải đó mà chờ. Hoặc một hai khi vì lẽ cần, nên tránh không đụng dịp hiểm, thì lúc ấy phải gìn giữ cho lắm, mà than thở cùng Chúa rằng : « Lạy Chúa, xin cứu lấy tôi ; này tôi phải hư mất, xin Chúa hãy cứu vớt lấy tôi. »

Phương thể riêng : Một là, phải chống trả tức thì ; nghĩa là khi lương tâm vừa biết có sự hiểm nghèo, thì chẳng nên dự dự lần lữa chút nào, phải chống trả liền ; lại phải chống trả cho thật lòng, ra sức mà bỏ đi cho dứt ; phải nhứt định : tôi không ưa không chịu chút nào. Khi bị cám dỗ về tội này, hễ không chống, ấy là thua mà chờ.

Chớ suy nghĩ chính tội ấy làm chi, một đêm lòng đem trí về đảng khác, là suy nghĩ đến những sự có sức giúp mình chống lại cho được : như sự nhớ Đ. C. T. ở trước mặt, nhớ thiên đảng, hoả ngục, sự thương khó Chúa,... nhứt là mở lời kêu xin Chúa cùng Đức Mẹ cứu vớt.

HAI là, phải lấy lòng ngay thật mà thưa với Cha linh hồn biết rõ mình phải cảm dỗ, phải hiểm nghèo thể nào, cho người giúp đỡ, và phải sẵn lòng vâng lời người trong mọi việc nên, phải năng xưng tội rước lễ.

BA là, phải hãm mình bề trong bề ngoài, là giữ lòng trí cho lăm, giữ ngũ quan cho nhất, nhứt là con mắt và tay chơn ; bắt xác chịu khổ một hai đều, ăn uống cho tiết kiệm, nhứt là xa lánh sự rượu chè, vì nó là chính mối dâm dục.

BỐN là, phải làm việc luôn, khi thì làm việc xác, khi thì học hành coi sách vở, phải chuyên việc bổn phận mình ; có nghề nào phải lo chí thú chuyên việc nghề ấy. Đừng ở không nhưng, vì sự ở không nhưng là cội-rễ mọi sự dữ, nhứt là cội-rễ tội dâm dục.

112 — H. — *Về tội dâm dục phải xét mình thế nào ?*

T. — Một là, về các tội mới thì phải xét số tội là bao nhiêu và mấy thứ tội, theo sức mình ; cùng xét cơ tội cho đặng xa lánh. Còn về chỗ nơi, cách thể phạm tội, thì chẳng nên xét tới, kéo sinh dịp cảm dỗ ; một phải giục lòng ăn năn chí quyết cải chữa, ấy là điều cần kíp hơn hết mà thôi.

HAI là, khi muốn xưng tội cũ, thì hãy nhớ trông mình đã lỗi nặng một lần hay là nhiều lần về điều-răn thứ sáu, mà xưng bấy nhiêu thì đã đủ.

ĐOẠN THỨ IX

GIẢI-RĂN THỨ BẢY VÀ THỨ MƯỜI

Nói chung về phép công bình và sự làm chủ của

113 — H. — *Trong hai giải-răn này cấm những điều gì ?*

T. — Giải thứ bảy cấm những tội nghịch đức công bình bề ngoài, như sự ăn trộm cắp, phá phách làm thiệt hại, hãm cầm, xói bót... Còn giải thứ mười cấm những sự bề trong sai phép công bình, như ước, muốn ăn trộm. Nói tắt một lời : theo nhưn đức công bình hề sự gì của ai, thì phải trả cho nấy. Cho nên ai biết mình đã lỗi về điều ấy, thì phải lo thường lại cho người ta y cữ, hoặc y giá. Dầu mà chẳng có ý lấy của người ta, hề khi nào biết của gì chẳng phải của mình, thì buộc trả lại cho chủ của.

Vốn đã có luật tự nhiên buộc thương người như mình, nên cũng cấm chẳng cho phạm đến của ai. Dầu kẻ ngoại đạo hay là người mọi-rợ mê muội thể nào mặc lòng, cũng đều ghét kẻ trộm, mà nước nào cũng có luật phạt kẻ trộm cướp.

Đ. C. T. đã in lẽ luật ấy trong lòng người ta, mà khi ban mười điều-răn cho ông Môisen, thì đã nhắc lại rõ ràng, cấm nhất sự ăn trộm, ăn cắp, và mọi cách làm hại của người ta. Bởi đó đã có lời ông thánh Phaolô dạy rằng : *Anh em chớ làm ; kẻ trộm cướp chẳng có lẽ nào lên thiên đàng đặng.*

114 — H. — *Phép công bình là đi gì ?*

T. — Là phép ban cho người ta được giữ, được dùng của mình, cùng được làm việc gì chẳng thâm phạm đến ai, cho mình đặng ích, mà chẳng ai đặng ngăn cấm. Ví dụ : Tôi đã mua con bò, thì thành của tôi, tôi được giữ được dùng ; ai bắt trộm, tôi có phép bắt lại. — Những chim trời

cá biển, những vật gì chưa có ai làm chủ, tôi được bắt, được lấy; chẳng ai ngăn cấm đặng.

Đàng chung người ta đi, tôi đi, không lẽ gì riêng, không ai cấm-ngăn tôi được.

115 — H. — *Sự làm chủ của là làm sao?*

T. — Sự làm chủ là quyền phép được giữ được xuất phát của mình tự ý mình. *Ví dụ*: Tôi có cái áo, tôi muốn mặc, muốn để dành, hay là cho, bán, cũng đặng, mặc ý tôi.

Vả sự làm chủ có hai cách:

Thứ nhất: là làm chủ trọn, là đặng bán, đặng cho, hoặc dùng của thế nào mặc ý, chẳng lỗi phép công bình với ai. *Ví dụ*: Tôi có tiền có áo, muốn dùng, muốn để, muốn bán, muốn cho, hay là bỏ đi mặc ý tôi, không lỗi phép công bình cùng ai. Kể chẳng mắc nợ ai, mà có ruộng đất tư, muốn bán, muốn cúng mặc ý mình chẳng ai ngăn trở đặng.

Thứ hai: là làm chủ chẳng trọn: hoặc làm chủ dùng mà thôi; hoặc làm chủ của, mà chẳng đặng dùng hoa lợi; là khi một của mà có hai ba chủ. *Ví dụ*: Người kia đã cố đám ruộng cho mình, thì mình là chủ dùng, người cố là chủ ruộng; nên chẳng bên nào được bán, được phá đám ruộng ấy một mình, mà khỏi lỗi phép công bình với nhau.

116 — H. — *Người ta có đặng làm chủ của đời này chẳng?*

T. — Đặng; vì Đ. C. T. là chính chủ mọi sự trên trời dưới đất, đã ban phép cho mọi người được làm chủ của cải mình đã đặng theo phép công bình; mà lại được dùng tự ý, được giữ cho vững bền, đến đổi ai lấy của ấy sai phép công bình, thì đặng lấy lại. Bởi đó ai lấy hay là làm hại của kẻ khác trái lẽ, thì nghịch thánh ý Chúa, phạm đức công bình, cũng phải trả phải bồi y cữ.

117 — H. — *Người ta có làm chủ linh hồn và xác cùng tài trí mình chăng ?*

T. — Chẳngặng làm chủ cách trọn, một làm chủ dùng mà thôi ; vì Đ. C. T. đã ban hồn, xác, tài trí cho ta dùng theo thánh ý Chúa, để làm ích cho ta mà thôi. Vì vậy ta chẳngặng phá, chẳngặng dùng trái lẽ hay là bỏ hư, kéo mắc tội nghịch thánh ý Đ. C. T. Ví dụ : Kẻ giết mình ; kẻ có sức làm việc mà làm biếng, để vợ con cha mẹ đói khát ; kẻ có trí đủ mà học, không lo học, hoặc dùng tài trí mà làm sự dữ ; thì đều mắc tội dùng của Chúa chẳng nên.

118 — H. — *Người ta cóặng làm chủ người ta chăng ?*

T. — Chẳngặng làm chủ cách trọn ; nhưng mà cũngặng làm chủ công việc kẻ ở đợ, ở mượn với mình, như đã dạy trong giải răn thứ bốn.

Vốn luật tự nhiên và luật đời cấm chẳng cho bán tuyệt mãi người ta như bán loài vật. Nên sự cha mẹ bán con như quen nói quen làm, âu là như cho con làm con ruột, con nuôi, hay là ở cố thân mà thôi ; còn thiệt việc mua bán thì chẳng nên.

119 — H. — *Aiặng làm chủ của ?*

T. — Có một loài người taặng làm chủ của, bởi vì có một loài người taặng trí khôn biết nhận của cải về mình, và biết dùng theo thánh ý Đ. C. T.

Dầu người điên cuồng, dầu con nít chưa đến tuổi khôn, miễn là có kẻ giữ của cho, thì cũngặng làm chủ của cải thuộc về mình.

120 — H. — *Con cái khi còn ở nhà cha mẹ cóặng phép làm chủ của gì chăng ?*

T. — Khi con cái còn ở với cha mẹ, thì mọi của cải

trong nhà là của cha mẹ. Con cái chẳng có phép bán, cho, hay là dùng cách nào tự ý, trừ ra khi cha mẹ dạy biếu hay là cho phép.

Song con cái thường cũng đặt làm chủ một hai vật riêng cha mẹ bà con cho, như tiền gạo, bánh, trái, khăn... Những của ấy là vật mọn, nên muốn dùng cách nào mặc ý.

Còn của khá giá, như áo quần, ruộng đất, sách vở, thì đặt phép dùng mà thôi; chẳng nên phá, nên bán, nên cho, khi cha mẹ không cho phép.

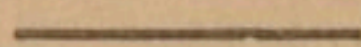
Còn thứ gì cha mẹ cho, hay là làm thỉnh để bán, như heo gà nuôi riêng, thì con cái nên bán nên giữ làm của tư, trừ ra khi cha mẹ thiếu thốn.

Theo lẽ tự nhiên thì vợ chồng cũng đều làm chủ mọi của trong nhà. Nhưng mà chồng là đàn anh có phép hơn; song chẳng đặt bán mua của gì to giá mà chẳng cho vợ hay biết.



ĐOẠN THỨ X

Về cách làm tài chủ



121 — H. — *Có mấy cách đặt làm chủ của?*

T. — Người đặt của gì thành của mình nhiều thứ nhiều cách lắm: hoặc đặt của gì chưa có chủ, hay là mất chủ; hoặc có chủ mà chủ dành để cho mình lấy làm của tư. Nên đây chia làm hai điều.

I — Về sự chiếm, bắt, được của gì.

II — Của kẻ khác để lại, trối, bán, cho mình.



ĐIỀU THỨ I

Chiếm bắt dặng của gì

Đây giải về các thứ vật thứ của, hoặc chưa có chủ bao giờ ; hoặc đã có khi trước, mà bây giờ chẳng còn. Cứ luật tự nhiên các thứ của ấy ai dặng trước, nấy làm chủ. Vậy điều này chia làm bốn khoản :

§ I — Về sự bắt loài vật.

§ II — Về của rơi-rớt, của bỏ luôn.

§ III — Về của lâu năm lâu đời.

§ IV — Về của bồi của thêm.

§ I — VỀ SỰ BẮT LOÀI VẬT

122 — H. — *Loài vật người ta bắt dặng, chia dặng mấy thứ, và ai dặng làm chủ nó ?*

T. — Chia ba thứ :

Một là, loài vật ngoài đồng trên rừng, chẳng ai nuôi, muốn đi đâu ở đâu mặc thích : như chim trời cá nước....

Những loài vật ấy theo tục : *tiên chiếm giả đắc*, ai bắt dặng trước, thì thành của nấy, cho đến khi nó sảy mà không bắt lại dặng. Bởi đó ai đồ cá trong lờ đó người ta, bắt loài vật mắc bẫy, bắt chim trong lồng, cá trong ao trong địa người ta, thì phạm phép công bình, phải bồi thường.

Lại những loài vật đã bị thương tích nặng, thì về kẻ bắn ,kẻ đánh nó. Nhược bằng bị dẫu nhẹ-nhẹ, và kẻ bắn ngã lòng không kiếm nữa, thì ai bắt dặng nấy nhờ.

Hai là, loài vật người ta bắt về nuôi, mà vốn nó là giống ở thông dong ngoài đồng trên núi, như con sóc, con công,... người ta nuôi lâu đã quen nhà quen chủ.

Những thứ làm vậy ai nuôi nấy làm chủ, cho đến khi

nó trốn không về, mà chủ không bắt dặng nữa. Chừng đó ai bắt dặng về nấy.

Bà là, loài vật tự nhiên quen ở với người ta, như trâu, bò, ngựa, chó, gà,... Các vật này có chủ hết, nên dẫu nó đi lạc đâu mặc lòng, không ai dặng bắt làm của mình, một phải trả cho chủ. Ví dụ : gà ngủ lộn nhà, để lang, thì chẳng dặng tham mà ăn trứng bắt con,...

§ II — VỀ CỦA RƠI-RÓT, CỦA BỎ.

123 — H. — *Được của người ta bỏ rớt bỏ sót, có nên giữ làm của tư chẳng ?*

T. — Của người ta bỏ rớt bỏ sót, hay là của người ta đi lạc, thì ai gặp phải trả cho chủ nó ; bằng chẳng biết chủ, thì phải giữ gìn xem sóc cho đến khi gặp chủ mà trả. Như có hao công tổn của, thì dặng phép đòi chủ bồi tiền phí tổn. Ví dụ : thấy con ngựa đi lạc, sợ cộp ăn bọm bắt, thì hơn đức thương yêu buộc mình phải bắt giữ, cùng rao ai có ngựa tới nhìn. Sau chủ ngựa tới nhìn, thì người giữ nên đòi tiền cỏ.

Còn những của xí được mà mình chẳng có công lao khó nhọc gì, thì phải trả cho chủ, chẳng nên bắt chuộc.

Luật Annam hề xí được của gì, nội trong năm ngày phải trình quan. Mà thói thường thì cứ với làng xóm kẻ lân cận, cho người ta khỏi nghi cho mình gian.

Đang khi giữ của đó, như rủi hư mất, mình khỏi bồi thường.

— H. — *Khi mình đã rao bảo đủ, mà chẳng gặp chủ của, thì làm sao ?*

T. — Khi mình được của ấy đã lâu, đã rao bảo đủ, mà chẳng thấy ai nhìn, thì mình cũng dặng dưng. Sau may có gặp chủ, thì trả vừa giá của ấy cho chủ. Còn như không lẽ nào trông gặp chủ nữa, thì dặng dưng luôn, hay là thì

cho kẻ khó khăn, hoặc cũng làm việc lành phước đức càng hay.

Còn của người ta bỏ luôn, thì cũng chưa có chủ, nên ai gặp trước nấy đặng. Ví dụ : lúa sót, đỗ sót. Nhưng mà kẻ mót hái dùng ăn cấp, kéo lỗi công bình.

§ III — VỀ CỦA LÂU NĂM LÂU ĐỜI

124 — H. — *Của người ta chôn đã lâu đời ai đặng có nên lấy làm của tư chẳng ?*

T. — Của người ta chôn đã lâu đời, nên chẳng biết ai làm chủ, thì bất kỳ trong đất nào, hễ ai gặp trước nấy đặng. Ấy là lẽ tự nhiên và luật nước này. Ví dụ : Kẻ làm vườn trong vườn ai, đào đất may gặp của gì quý, thì của ấy về nó ; chủ vườn chẳng đặng giành.

Song như chủ biết hay là nghi chỗ nào có của quý, nên vườn người ta đào kiếm ; chúc ấy ai kiếm được phải giao hết cho chủ vườn đào, chẳng nên giấu bớt.

Sau nữa kẻ biết của quý, chẳng nên phỉnh kẻ không biết mà mua rẻ cho đặng làm giàu.

125 — H. — *Khi ai dùng của đã lâu năm, sau có kẻ đòi hỏi, thì làm sao ?*

T. — Khi mình đã đặng làm chủ của gì lâu năm, tưởng là của mình, té ra sau có kẻ đòi hỏi ; vì bằng kẻ ấy có giấy-mực chứng-cớ chắc chắn, thì phải trả cho nó, vì chúng theo phép công bình, vật huân bốn chủ. Ví dụ : cha mẹ để ruộng lại, không rõ từ đời nào ; sau có người tới hỏi, tỏ giấy-mực chứng-cớ ruộng ấy là của nó, thì mình phải trả.

Nhưng mà luật nước, hễ ruộng bán lại thực đã mãi 30 năm rồi, thì đã thành của người mua ; chuộc lại không đặng nữa, trừ ra khi chủ ruộng đi khỏi xa.

§ IV — VỀ CỦA BỒI CỦA THÊM.

126 — H. — *Của bồi của thêm thì làm sao ?*

T. — Một là, vật tự nhiên sanh-sản, như gà vịt trâu bò,... nái của mình sinh bao nhiêu, thì về mình bấy nhiêu, theo lời tục ngữ rằng : hễ con thì theo mẹ.

Hai là, khi ruộng đất mình kề sông suối, lụt bồi lần một khi một ít, thêm được bao nhiêu, thì về mình bấy nhiêu. Còn khi lụt lớn lở to bên kia, bồi nhiều bên này, chúc ấy theo lệnh quan phân xử.

Ba là, ruộng đất mình người ta trồng gieo thứ gì, thì thứ đó vốn về mình, mà phải hườn công cho kẻ trồng, hay là hoa lợi chia theo lời đã giao-kết. Còn kẻ ở đỗ, kẻ mướn vườn, có trồng trỉa giống gì, sau đi thì chẳng đáng phá ; một phải để lại cho chủ đất, và chủ trả công trồng trỉa.



ĐIỀU THỨ II

Của người ta để lại, trời, bán, cho.

Muốn để của mình cho ai làm chủ, thì phải nói ra, hay là tỏ dấu gì cho bên kia biết, và bên kia tỏ lòng đồng ưng chịu mới thành. Hai bên có lời với nhau làm vậy, thì kêu là giao-kết. Cho nên điều này phân ra hai khoản :

§ I — Giải chung về sự giao-kết.

§ II — Giải riêng một ít cách hay giao-kết với nhau.

§ I — NÓI CHUNG VỀ SỰ GIAO-KẾT.

127 — H. — *Sự giao-kết là làm sao, và có mấy cách ?*

T. — Giao-kết là khi người ta buộc mình làm đều nọ việc kia với nhau, như trong việc mua, bán, cho, mướn, gởi,.....

Việc giao-kết có nhiều cách lắm ; song kể qua ít thứ sau này mà thôi :

Một là, giao-kết hoặc cho nhưng-không : là khi một phía chịu làm sự gì cho phía kia, mà chẳng đòi phía kia chịu đi gì hết. Ví dụ : Phêrô cho quần áo, hay là để con ngựa cho con cháu.

Hoặc cả hai bên đều có phần phải chịu. Ví dụ : Trong sự mua bán, một bên chịu vật, một bên chịu tiền.

Hai là, giao-kết hoặc có giấy mực chứng cứ. Ví dụ : Mua bán vườn đất làm giấy-mực lý trưởng ký chứng,....

Hoặc giao miệng không, hay là biên sớ cho nhớ mà thôi ; như khi mua đồ, mua thuốc,...

128 — H. — *Người nào đặt phép giao buộc mình ?*

T. — Theo luật tự nhiên, ai đã đến tuổi khôn, biết suy xét sự buộc mình phải giữ, thì đặt giao. Cho nên con nít còn dại và kẻ điên-cuồng, say sưa mê man, có giao buộc mình điều gì, thì kể như không, chẳng buộc giữ.

Vả lại kẻ có tuổi khôn, mà còn ở nhà cha mẹ, như có vật nhỏ mọn là của tư mình, thì có phép giao-kết nội của đó. Còn hứa cho, bán của nhà, mà cha mẹ không đành, thì lời giao chẳng thành, chẳng buộc giữ. Ví dụ : đứa con 16 tuổi đã bán một chục vườn lúa, cha mẹ có ưng chịu, mới xong ; bằng không, thì kẻ mua chẳng được lấy.

129 — H. — *Người ta đặt giao về sự gì ?*

T. — *Thứ nhất* : Sự gì là của tư mình, thì mới nên giao. Ví dụ : Phêrô mượn con trâu Jacôbê mà cày, thì chẳng có phép bán.

Thứ hai : Việc có thể làm được, giữ được ; vì không lẽ buộc giữ việc quá sức mình.

Thứ ba : Giao về việc xấu, việc tội, việc có luật cấm, thì lời giao chẳng thành.

Thứ bốn : Hễ giao về sự gì thì phải chỉ định rõ ràng : *Ví dụ* : Người chịu bán cây, phải định mấy cây, lớn nhỏ mấy thước, chở đến nơi nào,...

130 — H. — *Cho thành lời giao, thì phải ưng chịu thế nào ?*

T. — Việc giao-kết là buộc mình sẽ làm việc gì cho nhau, nên :

Một là, phải muốn thật trong lòng.

Hai là, ý mình muốn phải tỏ ra bề ngoài, hoặc nói, hoặc làm dẫn gì cho bên kia hiểu mình đành chịu giao,

Ba là, phải có cả hai bên ưng chịu thật.

Bốn là, kẻ giao phải tự ý mình ưng chịu, chẳng ai ép uổng.

131 — H. — *Khi người ta lằm, hoặc bị phỉnh gạt, thì việc giao thành chăng ?*

T. — Sự lằm sự phỉnh có hai thứ . 1^o lằm về chính việc mình muốn giao ; 2^o lằm về việc tùy, như về hình sắc, tài năng,...

Một là, hễ lằm hoặc phỉnh về chính việc muốn giao, thì làm cho lời giao kết ra không, chẳng buộc giữ. *Ví dụ* : một người mua rượu, người kia đưa dầu, thì chẳng thành sự mua bán.

Hai là, khi lằm về việc tùy, như hình sắc,... thì thường kể việc giao đã thành ; trừ ra khi lằm thế ấy mà người ta phải thiệt hại khá nặng. *Ví dụ* : Mua ngựa tưởng ngựa hay lắm, mà nó cũng thường thường ; sự mua bán kể là xong. Còn như bán con trâu hay bán người ta, mà không cho kẻ mua hay, thì kẻ mua nên trả trâu đòi tiền tại.

132 — H. — *Người ta sợ, hoặc có kẻ ép uổng, có thành lời giao chăng ?*

T. — Kẻ giao phải chịu vì sợ lắm, hoặc bị ép uổng quá sức, đến đôi ra như mất trí khôn, thì lời giao chẳng thành, chẳng buộc giữ ; vì chẳng có thật lòng muốn giao.

Mà thường kẻ tại sợ, tại ép mà giao, thì cũng còn tự ý mình đành chịu, nên khó xét ; gặp việc vậy, hãy thưa với bề trên cho rõ đầu đuôi, rồi cứ lời người phân xử.

133 — H. — *Lời giao kết đã thành, có buộc phải giữ chăng ?*

T. — Buộc phải giữ cho trọn, vì là luật riêng kẻ giao đồng tình buộc mình phải giữ với nhau. Bởi đó kẻ lỗi lời giao trong việc trọng, thì phạm tội nặng, lỗi trong việc nhỏ mọn thì mắc tội nhẹ.

Vả lại cũng có việc dầu kẻ giao chết rồi, mà còn buộc tới con cháu phải giữ.

Trừ ra những khi sau này, thì kẻ giao khỏi giữ lời giao nữa.

Một là, khi đã làm xong mọi việc như lời giao thì thôi, chẳng còn buộc đều gì nữa.

Hai là, khi hai bên đồng tình tháo lời giao, hoặc ưng thuận mà đổi việc khác.

Ba là, khi việc hai bên buộc giữ, đã trừ cản với nhau rồi ; như một người mắc nợ người kia 35 đồng, người kia lại bắt con ngựa của người này giá cũng 35 đồng.

Bốn là, khi lời giao không giữ nổi, như khi rủi tự nhiên của đã giao hư mất.



§ II — NÓI RIÊNG MỘT ÍT CÁCH HAY GIAO KẾT.

134 — H. — *Người ta thường giao trong những việc nào ?*

T. — Khi ai hứa hoặc cho của gì, có ý để cho kẻ khác làm chủ ; hoặc cho mượn, cho vay, gởi của, mua bán,.... ấy là việc giao-kết ; song phải giữ theo luật tự nhiên và theo thói quen xứ mình, thì lời giao mới thành.

135 — H. — *Lời hứa là làm sao, và buộc giữ chăng ?*

T. — Khi người ta tự ý hứa mình sẽ cho, hoặc sẽ làm điều gì cho ai, mà có ý buộc mình, thì thành lời giao-kết. Còn khi nói vậy mà chẳng có ý buộc mình giữ, thì ra đều dốc lòng mà thôi, chẳng thành việc hứa thật.

Vậy khi đã hứa đều gì cách chắc chắn kĩ-cang, thì buộc giữ cho trọn, vì lời nói nên nợ ; có nợ thì phải trả.

136 — H. — *Của đã cho có nên đòi lại chăng ?*

T. — Ai thật lòng cho của gì, mà bên kia đã ưng nhận lấy làm của mình ; thì kẻ cho chẳng còn làm chủ của ấy, chẳng nên lấy lại.

137 — H. — *Kẻ cho mượn, người lãnh của phải giữ sự gì ?*

T. — Của cho mượn có hai thứ : Một là vật dùng rồi hãy còn nguyên, như sách vở, trâu bò, xe ngựa ; hai là vật dùng rồi chẳng còn, như củi đuốc, lúa gạo,...

Một là, *Người cho mượn* phải giữ hai điều này.

a) Phải nói cho kẻ mượn biết vật độc-hiểm thế nào, kéo bên kia không giữ thế mà bị hại, như ngựa có chướng hay đá, con trâu hay báng,....

b) Phải đợi đến kì đã hẹn mới nên đòi của mình, kéo lỡ việc đang kia ; trừ ra khi có việc ngặt gấp, bằng không dùng của mình thì phải thiệt hại to, mới nên đòi trước kì hẹn.

Hai là, *Kẻ mượn phải giữ như sau này :*

a) Như mượn của gì dùng rồi còn nguyên, thì buộc lo giữ gìn cho cẩn thận như của mình vậy. Nên phải chịu tổn phí mà nuôi dưỡng gìn giữ nó.

b) Phải dùng nó theo lẽ phải, vừa như đã chịu với chủ cho mượn, đừng dùng quá phép, hay là sai lời giao. *Ví dụ :* Mượn ngựa đi một buổi đàng, thì chẳng nên cỡi hai ba ngày.

c) Đến kì hẹn phải lo trả, chớ đợi đòi hỏi, kéo nặng lòng chủ đã làm ơn cho mình.

d) Đã mượn của dùng rồi còn nguyên, như tại lỗi mình không lo không giữ kỹ-lưỡng, nên của đó hư mất, thì buộc phải bồi.

Còn như tự nhiên rủi ro của hư mất, chẳng tại lỗi kẻ mượn, thì khỏi bồi thường ; tài chủ phải chịu mất của, chẳng nên bắt bồi. Bằng hồi mượn đã giao cách nào khác, thì phải giữ cách ấy.

138 — H. — *Có luật buộc phải cho mượn chẳng ?*

T. — Khi gặp kẻ túng cực xin mượn của mình, mà chẳng có lẽ trông sau nó trả đặng, thì chẳng buộc cho mượn, một buộc bố thí ít nhiều, như đã dạy trong số 27.

Còn kẻ túng thế xin mượn, sau có lẽ trả đặng, thì vốn buộc cho mượn một ít.

Nhưng mà bởi nhiều khi khó đòi lắm, nên thật chẳng mấy khi như đức thương yêu buộc nhất phải cho mượn theo lời kẻ xin ; thường buộc làm phước cho người ta mà thôi.

139 — H. — *Cho vay ăn lời có lỗi nhưn đức công bình chẳng ?*

T. — Cho vay ăn lời theo luật cũ nhà nước là 100

quan trong 10 tháng được lời 30 quan : — 1) vốn chẳng lỗi phép công bình : 2) nhiều khi lỗi đức thương-yêu.

Một là, *vốn chẳng lỗi phép công bình* ; vì chúng vật gì sinh lợi, thì lợi cho chủ nó. Vậy đời bây giờ người buôn bán nhiều lắm, kẻ có của bày ra nhiều thế sinh lời, cho nên tiền bạc hay sinh lợi cũng như vật khác vậy. Của mình để làm lợi, mà để cho kẻ khác dùng, thì mình mất lợi đó.

Lại để của cho kẻ khác dùng, thường lo lắng sợ mất. Vì thấy nhiều người hoặc xa-xỉ cờ-bạc phá của ; hoặc rủi ro đau đớn làm ăn túng rỗi ; nên sau trả không nổi.

Vậy để tiền bạc cho kẻ khác nhờ, mà ăn phần lợi thì phải, chẳng lỗi công bình.

Nhưng mà kẻ cho tiền ngày tiền tháng, kẻ đòi lời quá luật, thì chẳng khỏi tội.

Hai là, *kẻ cho vay hay lỗi đức thương yên người ta*. Bởi vì kẻ cho vay thấy người ta túng thế đã chẳng tha lời, mà lại bắt thay giấy đem lợi nhập bồn.

Lại khi có người túng quá tới xin nhờ, mình biết nó sẽ lo trả, lẽ thì giúp cho mượn không, hoặc ăn lời một ít mà thôi ; mà cứ ăn lời theo lệ, thì sinh cực cho nó.

Chẳng nên vịn lấy thói quen, luật nhà nước, cứ đặt nợ ăn lời, mà chẳng chịu thương giúp ai ; vì chúng có luật Đ. C. T. buộc giúp đỡ kẻ túng cực.

Cho nên những người cứ lòng tham ăn lời trái lẽ, hoặc nhờ dịp người ta túng thế mà đòi lợi ngật lắm hay là nhiều quá, thì đều mắc tội.

140 — H. — *Kẻ gọi của, người lãnh, thường buộc giữ làm sao ?*

T. — Một là, *người giữ của* : a) Buộc gìn giữ cẩn thận như của mình, thì phải bồi.

b) Chủ có ư ng cho mình dùng của gởi, thì mới nên dùng.

c) Người ta hỏi của, mình phải giao lại ; vì chưng như hăm eăm chẳng giao, thì ra như chiếm đoạt của người ta trái phép.

HAI là, kẻ gởi của : a) Đã hứa trả công cách nào, thì phải giữ lời hứa.

b) như kẻ lãnh chẳng nhờ của gởi, thì chủ phải trả phần sở tồn cho nó.

c) Như rủi của hư mất, chẳng tại lỗi người giữ, thì kẻ gởi phải chịu ; chẳng nên bắt bồi.

141 — H. — Trong việc gởi mua bán, thì phải giữ những điều nào ?

T. — Việc gởi mua bán, không định một chừng dặng ; phải tùy ý, tùy lời người gởi và kẻ lãnh mua bán đã giao kết với nhau làm sao, thì giữ như vậy.

Một là, a) Ai gởi của cho kẻ khác mua bán thế cho mình, mà chẳng định giá nào, để mặc ý người lãnh ; thì sau trúng giá nào, kẻ gởi phải chịu giá ấy.

b) Đã hứa sẽ trả công chừng nọ chừng kia, đến khi việc xong rồi, phải huờn công, chẳng nên bắt bẻ có vừa ý mình hay không, mà truất bớt.

c) Bằng kẻ lãnh đã phải tốn hao của nó bao nhiêu trong việc lo mua bán, thì người giao việc phải thưởng lại.

HAI là, kẻ lãnh việc mua bán, phải giữ của người ta cho kĩ lưỡng ; phải lo mua bán y như lời giao, và theo thói quen người tử tế giữ với nhau trong việc đó.

142 — H. — Trong việc mua bán phải cứ giá nào ?

T. — Trong việc mua bán, buộc phải giữ giá công bình ; nghĩa là cứ giá vừa phải, đừng bán mắc quá, đừng

mua rẻ quá. Thường kẻ mua bán một thứ một kì một chỗ, chẳng mấy khi cứ một giá như nhau. Ví dụ : Cây nhiều một thứ một chỗ một kì, kẻ thì bán 15 đồng bạc, người thì bán 13 đồng, người khác bán 14 đồng. Cho nên giá của bán thường chia làm ba bậc : giá thượng, giá hạ, giá trung. Như cây nhiều mới nói, giá thượng là 15, giá hạ 13, giá trung là 14 đồng bạc. Vậy trong việc mua bán hai bên cũng nên cứ theo ba giá người ta thường mua bán nơi ấy, lúc ấy.

Còn sự giao của lãnh tiền, thì hãy cứ như thói quen kẻ ngay thật buôn bán với nhau.

143 — H. — *Của mình bán có tí-tích, có buộc tỏ ra chăng ?*

T. — Của mình bán có tí tích bề ngoài, người ta dễ thấy, thì chẳng buộc chỉ cho người ta ; song phải bán cho vừa giá của có tí.

Còn tí-tích kín đáo. — a) Buộc tỏ ra những điều làm cho của đó ra hèn, ra vô ích, hoặc thành hiềm nghèo cho kẻ mua. Bằng chẳng nói ra, thì việc mua bán nhiều khi chẳng thành.

b) Còn các điều làm cho của ra hèn một ít, mà người ta cũng còn dùng dặt ; kẻ mua chẳng thiệt hại cho lắm, thì chẳng buộc tỏ ra. Mà khi kẻ mua hỏi tí-tích, mình phải nói, đừng chối ; kéo mà ra phỉnh gạt người ta. Thói thường kẻ bán hay khen của mình, kẻ mua hay du-bận, bằng chẳng có ý phỉnh gạt, cũng chẳng ra việc tội

144 — H. — *Cờ bạc là làm sao, có nên chơi chăng ?*

T. — Cờ bạc là tiếng chung, hiểu về các cách chơi có đặt cuộc thắng bại, nhứt là có ăn thua tiền tài.

Sự chơi cờ bạc một hai khi, như trong ngày tết nhứt, có ý vui chơi giải trí, giữ lòng ngay thật công bình, ăn

thua một ít tiền bạc mà thôi, lại chẳng có sự xấu khác xen vào, thì vốn chẳng có tội gì.

Nhưng mà bởi có luật nhà nước cấm, lại cờ bạc hay sinh các sự dữ sau này, cho nên đừng chơi, kéo mà mắc tội, cùng hư thân phận.

Một là, cờ bạc hay làm cho kẻ chơi sa-đà say-mê, hao tổn ngày giờ, bỏ việc cửa nhà bòn phận.

Hai là, làm cho mất của mất tiền, hết gia nghiệp, rồi rầu rĩ sinh bệnh thất tình.

Ba là, sinh gian-lận, gặt-gẫm, tham-lam, trộm cắp, làm nhiều điều trái phép công bình.

Bốn là, sinh cãi-cọ, kinh địch, mắng chưởi, đánh lộn nhau.

Năm là, sinh rượu chè trai gái, vì bợm cờ bạc những nhóm nhau đêm hôm ăn uống chơi bời.

Sáu là, làm cho cha mẹ phiền hà, vợ con ghen tương chưởi rủa.

Bảy là, làm cho nhờ danh xấu tiếng, vì kẻ mê cờ bạc người ta kể là đứa hoang đứa xấu.

Bấy nhiêu sự cùng nhiều sự dữ khác bởi cờ bạc mà ra, thường thấy trước con mắt xưa nay : cho nên cha mẹ đạo đức đều cấm con cái, các đấng bề trên hằng cấm bề dưới, chẳng cho chơi cờ bạc kéo sa-đà.

Ấy vậy nhứt là kẻ làm chức việc, làm thầy dạy, làm bề trên, hãy kiêng cử cho chín, mà làm gương cho kẻ bề dưới.



ĐOẠN THỨ XI

Tội nghịch hơn đức công bình

145 — Vốn sự tra tay ăn trộm ăn cướp, ai nấy biết rõ là tội ; song bởi mưu ma quỷ, bởi lòng tham lam, thì người ta quen phạm đến của cải nhau, lỗi hơn đức công bình nhiều thế nhiều cách, khôn kể cho cùng.

Đây ta chẳng nói đến việc phạm đến danh tiếng thân thể người ta ; một nói qua ít đều về tội phạm đến của cải mà thôi.

Vậy đoạn này chia làm bốn đều :

- I — Về tội ăn trộm.
- II — Về tội phá phách của người ta.
- III — Về bậc tội phạm đến của cải người ta.
- IV — Về việc bồi thường.

ĐIỀU THỨ I

Về sự ăn trộm

146 — H. — Ăn trộm là làm sao ?

T. — Là lén lấy của người ta trái lẽ. Nhưng mà điều răn này dùng tiếng ăn trộm mà chỉ gồm các cách phạm đến của người ta trái phép công bình, nhưt là những cách thường hơn, như sau này :

Một là, *ăn cướp* hay là hiếp người ta cách nọ thế kia, cho mình được ích lợi. Ví dụ : kẻ có quyền thế ép tình người ta phải bán, phải làm việc cho mình, mà chẳng trả tiền, trả công, hay là trả ít quá lẽ ; hoặc hăm dọa cho người ta đem của cung đốn mình.

HAI là, *ăn cắp*, xới bớt, kẻ giữ tiền của, kẻ thâu chuẩn, thâu đa nạp thiếu, chuẩn ít hô nhiều ; hoặc lẩn ruộng lẩn dất một khi một ít.

BẢ là, *gian lận* trong việc mua bán đồ ehác : bán đồ giả, đồ pha trộn, đồ có tì-tích mà phỉnh gạt người ta. Hoặc cân, đo, đong, đếm léo-lặn ; hoặc phỉnh kẻ thật thà mà bán quá giá thượng, mua rẻ quá giá hạ...

BỐN là, *tròng tréo* trong việc giao kết cho lợi mình thiệt chúng ; hoặc bề ngoài xin mượn, mà trong lòng quyết lấy luôn không trả.

NĂM là, *cho vay ăn lời quá hạng* : hoặc cho tiền tháng, tiền ngày, tiền góp ; hoặc cho tiền lúa, tiền đường, tiền tranh... nhưn hồi người ta túng ngặt mà mình định nhẹ giá quá lẽ.

SÁU là, *ăn hối lộ* trong việc xử đoán ; ăn lót mà làm chứng gian.

BẢY là, *cờ bạc ăn gian lận* ; hoặc phỉnh kẻ chưa thạo, hay là mình không gian lận, mà ăn của đứa trộm cắp người ta.

Bấy nhiêu sự ấy, cùng các cách hại nhưn ích kỷ, thì giải này đều cấm.

147 — H. — *Vợ con tôi tớ ăn cắp của nhà có tội chăng ?*

T. — Một là, vợ ăn cắp của nhà thì có tội ; vì chồng là chính chủ trong nhà hơn. Trừ ra chồng rít quá, cực chẳng đã vợ phải lén lấy một ít của dư mà dùng việc cần kíp. Ví dụ : sắm áo xống, dầu đèn ; giúp đỡ cha mẹ đói khát, thì mới khỏi tội. Vì khi ấy nhưn dùng thế cho chồng trong việc phải dùng.

HAI là, con cái ăn cắp của nhà mà cờ bạc rượu chè, trai gái, thì phạm tội nặng ; vì làm cho cha mẹ cực lòng hai thế : một là rầu mắt của ; hai là rầu con hư. Bằng cấp này ít nhiều mà sắm đồ cần, nhưn mua giấy viết, khăn túi, thì chẳng mắc tội nặng.

BA là, tôi tớ ăn cắp của chủ nhà, cũng mắc tội như người ngoài ; mà lại lỗi đức trung tín nữa. Có một khi chủ bỏ đói khát, nên nó ăn cắp hoa-quả, đồ thường mà ăn, mới khỏi tội.

148 — H. — *Hãm cầm của người là làm sao ?*

T. — Những của phải trả cho người ta theo lẽ công bình, mà mình chẳng trả. Có nhiều cách như sau này :

Một là, các của đã lấy trái phép công bình, như trộm cướp, xói bớt...

Hai là, của vay mượn tới kỳ mà chẳng trả ; hay là lần lữa để lâu quá, làm cho chủ của ưu phiền.

Ba là, của người ta gửi chẳng chịu giao ra, hay là giao không đủ số.

Bốn là, của người ta cầm cố chẳng chịu cho chuộc, hay là hẹn rày hẹn mai cho mình nhờ thêm hoa-lợi.

Năm là, của mình lấy lộn hay là người ta trả lầm, mình đã biết mà chẳng thối lại.

Sáu là, xí được của người ta, hoặc lục súc lạc tới ở nhà mình, mà chẳng lo trả lại cho chính chủ.

Bảy là, chẳng trả công cho kẻ mình đã thuê mượn, hay là mua bán giá-cả giáp-ất xong rồi, vô cớ mà bớt nhấc.

Tám là, chẳng nộp thuế, cho nên thiệt hại đến kẻ khác.

Chín là, giữ của kẻ chết mà chẳng trả nợ cho kẻ ấy, hay là chẳng làm theo lời trời.

Ấy là những cách thường lỗi công bình phạm đến điều răn này.



ĐIỀU THỨ II

Về sự làm thiệt-hại của người ta

149 — H. — *Làm thiệt-hại của người là đi gì ?*

T. — Là tại việc mình làm, lời mình nói, cách mình ở, có sức làm cho người ta mất của, tổn công, hao lợi, phải thiệt hại ; mà mình không nhờ của ấy. Ví dụ : Giận nhà kia, đánh chết con chó nó ; cáo gian, quan bắt nó tổn công đôi ba ngày ; thấy trâu bò phá lúa nó, mà làm thỉnh để vậy cho bỏ ít ; bỏ vạ, nên nó mất nhờ nhà giàu kia đương giúp đỡ nó.

Làm thiệt-hại người ta có nhiều cách như sau đây :

Một là, mình làm hay là sai-biểu, mượn mượn kẻ khác làm thế cho mình.

Hai là, xui giục đốc suất, bày mưu kế, chỉ cách thế cho người nào làm thiệt hại kẻ khác.

Ba là, hiệp nhau, đồng tình với nhau mà làm cho người ta phải thiệt-hại.

Bốn là, chứa trộm cướp điểm đảng, oa trừ của gian, bởi đó nó vững thế mà làm hại người ta.

Năm là, bòn phận mình phải ngăn can, mà chẳng ngăn can, như cha mẹ, bề trên, để con cái, kẻ bề dưới trộm cắp, phá phách làm hại người ta.

Sáu là, các cách giúp đỡ kẻ làm hại người ta : như giúp tiền cho ai đi kiện gian ; khiêng gánh giùm cho quân trộm cướp ; canh chừng cho đũa phá của người ta...

Ấy là những cách làm thiệt-hại người ta trái phép công bình, phạm tội về điều răn này.

150 — H. -- *Rủi làm hư hại của người ta có tội chăng ?*

T. — Chẳng mắc tội trước mặt Đ. C. T. ; vì mình chẳng dè việc mình làm là hư hại ; sự hại bởi tình-cờ rủi-

ro mà thôi, chẳng có trong ý mình. Ví dụ : Cầm cái đồng hồ coi tốt xấu, rủi sảy tay rớt bể.

Nhưng mà xử theo luật đời có nhiều khi mắc tội ; vì quan quyền chẳng biết đặt trong lòng trong ý người ta, một cứ việc bề ngoài mà xét đoán, cùng lo cho người ta dè giữ đừng làm thiệt hại nhau mà thôi. Ví dụ : Bắn chim, rủi chết bò người ta ; trâu sảy chuồng ăn lúa, theo luật đời mình mắc tội, phải bồi.

ĐIỀU THỨ III

Về bậc tội phạm đến của cải người ta.

151 — H. — *Phạm đến của cải người ta mắc tội thế nào ?*

T. — Vốn là tội nặng, vì luật Đ. C. T. cấm ngặt ; nhưng mà khi ăn trộm hay là phá-phách ít lắm, chẳng thiệt-hại tài chủ bao nhiêu. Ví dụ : ăn cắp năm ba xu, thì cũng ra tội nhẹ.

Đã hay rằng : ăn trộm nhiều, hại nhiều, là tội nặng ; mà nhiều đến chừng nào ? thật là khó nhứt định. Những thầy lý đoán nường theo ông thánh Ligôriô, chiếu tiền bạc xứ này bây giờ, thì định phỏng ước như vậy :

Một là, ăn trộm của nhà nước hay là hội nào to lắm chừng 2\$, 2\$ 50.

HAI là, của nhà giàu lắm, chừng 1\$.

BA là, của nhà giàu vừa, chừng 5, 6 cắt bạc.

BỐN là, của nhà đủ ăn, chừng 4, 5 cắt bạc.

NĂM là, của nhà nghèo khổ thiếu ăn, chừng 1 cắt, 1 cắt rưỡi.

SÁU là, của kẻ ăn mày, chừng đôi ba xu.

Ấy là định ước chừng cho biết có bậc khác nhau, song còn phải tùy người tùy chỗ, theo thì theo việc mà

định. Vậy khi xưng tội phải khai giá của và người bậc nào, cho cha giải tội định liệu.

152 — H. — *Có khi nào phạm của ít mà tội nặng chẳng ?*

T. — Có. Một là, của ít mà hại nhiều. Ví dụ : ăn cắp cây kim làm cho thợ may mất công đôi ba ngày.

Hai là, ăn cắp mỗi lần mỗi ít, mà nhập lại thành nhiều. Ví dụ : muốn lấy năm bảy quan, mà sợ chủ của biết, nên lấy lần hồi mỗi khi năm ba tiền, thì phạm tội nặng.

Nhưng mà kẻ chẳng có ý lấy nhiều, lâu lâu gặp dịp thì ăn cắp một ít, dầu sau tính lại đã nhiều, cũng chẳng phạm tội nặng. Ví dụ : tuần này nắm thuốc, nắm chè, tuần kia ít trái cam trái ổi, vài ba mươi đồng tiền.

Ba là, đồng tình rủ nhau lấy mỗi đứa mỗi ít, mà chủ của mất nhiều. Ví dụ : Rủ nhau bẻ mỗi đứa năm ba trái bắp, nên chủ bắp mất nhiều, thì sự thiệt hại nặng đây cũng tại mỗi một đứa ; bởi đó đứa nào cũng đều mắc tội nặng.

Bốn là, kẻ buôn bán cân, đong léo lện ; kẻ làm bầu làm thợ cạo, xới bột của bạn bè một đứa một ít, tuy chẳng thiệt hại cho ai nặng, song góp lại thành nhiều, thì phạm tội nặng : vì nó quyết lấy của trái lẽ đến chừng nặng, và làm hại chung.

Cũng có khi chẳng phạm nặng về đức công bình, mà phạm nặng về đức thương yêu. Ví dụ : ăn cắp vật hèn, mà làm cho nhà ấy sinh nghi nan kinh địch, đánh chửi nhau.

153 — H. — *Lấy của người ta mà làm việc lành phước đức có phạm tội chẳng ?*

T. — Một là, lấy trái ý chủ chẳng bằng lòng theo lẽ phải, mà cùnng cấp bố thí, thì mắc tội ; vì mình chẳng phải là chủ, nên chẳng có phép phân phát theo ý mình.

HAI là, gặp kẻ đương túng ngặt thái quá, phải giúp kéo nó chết, mà bởi ta chẳng có gì, nên lấy của dư ai sẵn đó vừa đủ cứu nó, thì chẳng có tội. Vì hồi này đức thương yêu buộc nhất kẻ có của dư phải giúp người ta cho khỏi chết : bởi mạng sống người ta trọng hơn của dư mình. Cho nên chúc ấy nó được lấy mà cứu mình, thì ta cũng đừng lấy mà cứu nó.

154 — H. — *Ước ao của cái có tội chẳng ?*

T. — Thấy của kia vật nọ mà muốn, ước, chẳng phải là tội luôn đâu, phải xét coi muốn, ước cách nào :

Một là, ước ao được của theo lẽ phải, thì chẳng có tội gì. Ví dụ : toan lo làm-ăn trông cho có của, buôn-bán trông cho lời, mà chẳng có ý làm thiệt hại ai.

HAI là, mơ ước được của cách phi thường. Ví dụ : mơ ước được vàng được ngọc, thành-linh phát giàu sang. Mơ ước thế ấy, dầu chẳng phạm đức công bình, mà e chẳng khỏi lỗi nhẹ, vì cũng là lòng tham lam vô ích.

BA là, ước ao được của cách trái lẽ. Ví dụ : nghĩ mưu nọ thế kia mà gian lận cho được của, hoặc quyết trộm cắp, phá phách..., tuy chưa phạm điều răn thứ bảy, mà phạm điều răn thứ mười, nên có tội.

155 — H. — *Kẻ đã phạm hai điều răn này phải làm thế nào ?*

T. — Kẻ phạm điều răn thứ mười, nghĩa là phạm tội bề trong mà thôi, thì ăn năn chừa cải, xưng tội đền tội đã đủ. Song kẻ phạm điều răn thứ bảy, còn phải đền của cùng bồi mọi phần thiệt-hại mình đã làm cho người ta, mới hầu khỏi tội.

ĐIỀU THỨ IV

Về sự đền-bồi.

156 — H. — Đền-bồi là làm sao ?

T. — Là khi ai đã lỗi phép công-bình cầm của người ta, hoặc bởi gian tham, trộm cắp..., hoặc bởi lòng ngay, như xí được, hay là phá phách làm cho người ta tổn của hao công, thì phải trả lại, thường lại, cho người ta khỏi phần thiệt hại.

157 — H. — Có luật nào dạy phải trả phải bồi chăng ?

T. — Có luật Đ. C. I., luật tự nhiên, luật nhà nước, buộc nhất, hề ai phạm đến của người ta trái phép công bình cách nặng, phải trả phải đền cho tài chủ. Cho nên kẻ đền dặng mà cố ý chẳng đền, thì mắc tội, mà chẳng dặng lên thiên đàng. Vì đã lỗi công bình, thì phải sửa lại cho công bình ; mà sửa lại cho công bình, thì phải làm cho người ta hết thiệt-hại ; cho hết thiệt-hại, phải đền bồi đủ số. Cho nên buộc kẻ đã lỗi công bình, phạm của người ta, phải trả phải bồi cho tài chủ.

158 — H. — Phải trả bao nhiêu ?

T. — Biết tại lỗi mình đã làm cho chúng thiệt-hại bao nhiêu, phải trả bấy nhiêu. Vì vậy kẻ đã trộm cắp, phá phách của người ta, chẳng những phải trả phải đền nội của mình đã lấy, đã phá, mà lại phải bồi các phần hoa-lợi chắc bởi của ấy mà ra, cùng các phần thiệt hại bởi mất của ấy mà ra. Ví dụ : dắc trộm một con bò, ít tháng sinh được một con, phải trả vừa mẹ vừa con. Phá một gánh mạ giá đáng 5 quan, nên chủ ruộng túng phải mua một gánh 10 quan cho kịp cấy : đền 5 quan chưa đủ, phải bồi 10 quan, chủ ruộng mới hết thiệt hại.

159 — H. — Phải trả khi nào ?

T. — Một là, khi nào trả đặng phải trả liền, chẳng có lẽ gì hệ, chẳng nên giãn ra. Vì của càng nhiều, để càng lâu, thiệt hại càng to, thì tội mình càng thêm nặng.

Hai là, trả hết chưa nổi, trả nổi đặng phần nào, phải trả phần nấy, lần lần cho đến khi trả đủ.

Ba là, túng cùng chẳng có của gì mà trả, thì phải quyết thật lòng khi nào có của sẽ trả đủ.

Ấy vậy kẻ mắc của người ta, phải lo làm ăn siêng năng nhín nhúc cho có của trả nợ, đến bồi, mới kẻ là thật lòng muốn trả.

160 — H. — Phải trả cách nào ?

T. — Trả cách nào cũng dặng, miễn là người ta hết thiệt hại thì đủ, hay là đã trả đủ theo phép công bình buộc thì thôi. Ví dụ : ăn trộm của nhà kia chục quan, lại xí được chục quan nữa, mình mượn chớ hai chục quan đem trả, chẳng may chìm sông mất hết. Chức ấy còn phải trả chục quan tiền ăn trộm cho nhà kia hết thiệt hại, mới xong. Còn chục quan xí được khỏi trả nữa : vì mình chẳng có lỗi gì đó, nên phép công bình không buộc gì nữa.

161 — H. — Phải trả cho ai ?

T. — Một là, đã phạm đến của ai, thì phải trả cho nấy. Bằng chủ của chẳng còn, phải trả cho kẻ ăn gia tài chủ ấy. Hoặc cánh tài chủ chẳng còn ai, thì phải lấy của ấy mà cúng thí.

Hai là, như chẳng biết tài chủ là ai : nếu của bởi lòng gian, thì phải trả cách chung, hay là làm việc lành phước đức. Ví dụ : kẻ buôn bán đong, cân gian lận tại chợ nào, phải đong lên, cân nới tại chợ ấy, mà bồi lại. Bằng của bởi lòng ngay, như của mượn của gởi, muốn giữ lấy cho mình cũng được, vì của nầy bây giờ chẳng khác gì của xí

được mà tìm chủ chẳng ra vậy ; hay là lấy làm việc lành phước đức càng tốt.

Gặp các chuyện làm vậy, thà bàn tính với cha linh hồn thì hay hơn.

162 — H. — Có khi nào phải trả thế cho kẻ khác chẳng ?

T. — Có. — Một là, con cái phải trả nợ cho cha mẹ đã qua đời, kẻ ăn phần gia tài phải trả nợ cho chủ trời của.

HAI là, cha mẹ, quan quyền, chủ nhà thấy con cái, dân sự, tội-tớ làm hại người ta, mà bởi mình chẳng ngăn can, nên nó mới làm hại đặng ; chúc ấy nó chẳng bồi, mình phải bồi thế.

BA là, kẻ lãnh việc giữ của người ta, mà chẳng giữ cho vừa đủ, hay là cố ý để ai lấy, phá ; kẻ lấy, phá chẳng bồi, thì mình phải đền.

BỐN là, kẻ bảo lãnh phải trả thế cho kẻ mình đã lãnh, khi nó chẳng trả hay là trả chẳng đặng ; mà trả rồi, được đòi nó thối lại cho mình, và bồi mấy phần thiệt hại mình đã chịu vì nó.

NĂM là, kẻ đồng tình hiệp nhau mà làm thiệt hại người ta : như mấy đứa kia chẳng bồi, thì một mình đứa này phải bồi thế cho đủ số ; rồi được đòi nó trả lại phần riêng nó đã lấy, đã phá, cho mình khỏi thiệt hại.

SÁU là, những kẻ giúp kẻ khác mới làm nổi việc thiệt hại người ta. Nếu chính kẻ làm thiệt-hại chẳng đền-bồi, thì nó phải bồi thế. Ví dụ : tại tên Giáp bày mưu kiện gian, nên tên Ất mới biết đi kiện. Bởi thằng Binh khiêng với thằng Đinh, nên mới bắt trộm được con heo, chúc ấy tên Ất và tên Đinh chẳng bồi, thì tên Giáp và tên Binh phải bồi thế. Rồi cũng được đòi hai đứa kia thối lại cho mình mấy phần riêng nó đã làm hại, đã lấy.

Bấy là, kẻ vâng lời sai khiến mà làm hại người ta, bằng kẻ sai khiến chẳng bồi, thì mình phải bồi thế. Rồi được đòi kẻ sai khiến trả lại cho mình khỏi thiệt hại.

Sau nữa luật nhà nước còn bắt nhiều thứ người phải bồi thế ; như kẻ đại thơ, chứng kiến, liên can....

163 — H. — *Có khi nào khỏi trả chẳng ?*

T. — Cũng có một hai khi ; như khi đã khẩn trừ với nhau đủ rồi ; khi tài chủ thiệt đành lòng tha nợ, tha bồi. Nhưng mà nội sự làm thình chẳng đòi hỏi, chưa kể là thật bằng lòng tha nợ. Vì nhiều khi hoặc tài chủ quên, hay là ngã lòng không trông trả, hoặc vì nể sợ mất lòng, nhứt là kẻ mắc nợ là kẻ lớn có quờn thế, cho nên chủ của làm thình, mà chẳng phải là đành lòng tha nợ.

ĐOẠN THỨ XII

GIẢI RẪN THỨ TÁM

Chớ làm chứng gian

164 — H. — *Giải răn thứ tám cấm những điều gì*

T. — Giải răn này cấm lấy miệng lưỡi mà làm hại người ta, cho nên cấm những điều sau này :

- 1 — Cấm nói láo, phỉnh phờ người ta ;
 - 2 — Cấm làm chứng dối ;
 - 3 — Cấm nói hành, bỏ vạ ;
 - 4 — Cấm chưởi rủa, làm sỉ nhục cho người ta ;
 - 5 — Cấm vô tích cơ mà đoán sự trái cho người ta ;
 - 6 — Cấm tỏ sự kín người ta đã nói cho mình, mà buộc mình giữ luôn.
-

ĐIỀU THỨ I

Về sự nói dối



165 — H. — Nói dối là làm sao ?

T. — Nói dối là nói nghịch cùng lương tâm ; nghĩa là trong lòng tưởng có, mà nói không, tưởng không mà nói có. Sự nói dối có ba thứ như sau này :

- 1 — Nói dối mà làm hại người ta ;
- 2 — Nói dối làm ích mình, hoặc cho kẻ khác ;
- 3 — Nói dối chơi cho vui, chẳng làm hại, chẳng làm ích cho ai.

166 — H. — Sự nói dối có tội chăng ?

T. — Sự nói dối vốn là đều tội, bởi vì làm nghịch cùng lương tâm vì lương tâm đoán khác, mà mình nói khác.

Đã có lời Đ. C. T. phán dạy : *Hễ sự gì có, thì bay nói có, không thì bay nói không.* Ông thánh Phaolô dạy bốn đạo rằng : *Anh em hãy lánh sự nói dối, hãy cứ sự thật mà nói cùng người ta mà chớ.* Chính mình Đ. C. G. đã gọi những kẻ hay nói dối là con cái ma quỷ, vì ma quỷ là gốc và cội-rễ những sự dối-trá.

Vả lại như nên nói dối, thì mọi sự trong loài người ta ra đồi tệ, chẳng còn mua bán giao-kết đặng ; vì bằng người ta cứ lòng gian mà nói láo, thì chẳng còn ra loài người nữa, chẳng còn tin nhau đặng nữa.

Bởi đó trong các việc thường người ta hỏi thưa với nhau, nhứt là khi cha mẹ, bề trên, kẻ lớn hỏi kẻ bề dưới, thì chẳng nên nói dối, nói phỉnh.

Nói dối làm thiệt hại người ta trong đều nặng, thì mắc tội nặng. Làm thiệt hại nhẹ, hoặc nói dối khoe mình

ít nhiều chẳng hại đến ai, thì tội nhẹ. Còn kẻ nói dối chơi cho vui, chẳng có ý gạt người ta, thì không có tội.

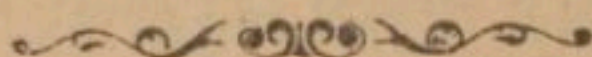
Cũng có nhiều khi nói không thật vì lằm, chẳng phải là nói dối, nên chẳng có tội ; như đều gì tưởng có, té ra không ; và có khi nói thêm bớt thêm thừa cho mạnh chuyện, mà chẳng động phạm đến ai, thì cũng chẳng mắc tội.

Còn những kẻ hỏi tọc mạch vô lối, hoặc hỏi có ý hại ta hay là kẻ khác, thì chẳng cần nói thật, song đừng nói dối, có nói quanh-co dong-dẫn cho nó hiểu chuyện khác cũng không sao.



ĐIỀU THỨ II

Về sự làm chứng dối



167 — H. — *Làm chứng dối là làm sao ?*

T. — Làm chứng dối là chẳng cứ lương tâm, chẳng cứ sự thật, một khai dối việc ai trước mặt người ta, trước mặt quan.

Kẻ làm chứng gian chẳng những phạm tội nói dối, lỗi đức yêu người, mà nhất là phạm phép công bình, vì tại có mình khai dối, nên người ta phải tổn công, hao của, mất tiếng tốt, mà lại quan tha kẻ có lỗi và phạt kẻ vô tội. Như kẻ làm chứng gian có thề, thì thêm tội thề dối nữa.

Lại cũng có nhiều tội khác giống tội làm chứng gian : như kẻ mạo tờ, sửa giấy, làm bằng giả, đóng con dấu giả, hoặc yểm-giấu đơn trạng thơ từ kẻ ngay, chẳng cho thấn đến bề trên ; cùng mọi mưu gian người ta thường dùng trong việc kiện cáo, thì đều có tội nặng nhẹ, tùy theo việc mình làm hại người ta nặng hay là nhẹ.

Ấy vậy những người đã làm chứng dối, làm mưu gian cho người ta thiệt hại, thì phải lo bày tỏ sự thật ; lại phải bồi mọi phần thiệt hại người ta đã chịu vì mình nữa.

ĐIỀU THỨ III

Về sự nói hành, bỏ vạ cho người ta

168 — H. — *Nói hành là làm sao ?*

T. — Nói hành là khi chẳng có lẽ cần và có ích mà tỏ sự xấu kẻ khác khi vắng mặt kẻ ấy, làm cho nó mất tiếng tốt trước mặt kẻ nghe ; cho nên chính sự nói hành là tại tỏ sự xấu người ta cho kẻ chưa biết.

169 — H. — *Bỏ vạ là làm sao ?*

T. — Bỏ vạ là nói bày đặt sự xấu người ta chẳng có : hoặc nói thêm tội lỗi chứng xấu người ta ; cắt nghĩa trái lời người ta nói, việc người ta làm ; thấy người khác đặt danh thơm tiếng tốt, thì kiếm ngỗ chê thế nọ điều kia ; hoặc chối việc lành, kéo nó đặt nổi danh nổi tiếng.

170 — H. — *Sự nói hành bỏ vạ, có tội nặng nhẹ thế nào ?*

T. — Vốn sự nói hành bất luận cách nào, cũng đều có tội, vì kẻ nói hành làm mất tiếng tốt người ta, cũng như kẻ ăn trộm, kẻ phá của người ta vậy ; mà tiếng tốt trọng hơn của cải đời này, như lời Sách thánh rằng : *Có tiếng tốt thì quý hơn nhiều của cải*. Còn tội bỏ vạ thì nặng hơn tội nói hành, vì thêm sự nói dối, phạm đến nhưn đức công bình nữa.

Nói hành, bỏ vạ có khi tội nặng, có khi tội nhẹ, tùy làm mất tiếng tốt người ta nhiều hay là ít. Mà cho đặt biết sự mình nói nặng nhẹ chừng nào, thì xét ba điều sau này :

Một là, như việc mình nói là đều trọng, sự có can hệ, làm mất tiếng tốt nhiều, thì thành tội nặng.

Hai là, bằng kẻ nói là người đáng tin, như thầy dạy, chức việc nói hành bỏ và đều gì, thì kẻ nghe dễ tin hơn người thường, hơn dân sự; bởi đó kẻ bị nói hành, bỏ và dễ mất tiếng tốt hơn; cho nên mắc tội nặng hơn người thường, hơn dân sự.

Ba là, người bị mình nói hành bỏ và đó là ai, là người thế nào? Như phải là người lâu nay có danh thơm tiếng tốt, hay là có chức-quần người ta kính phục, thì tội mình ra nặng, vì làm cho kẻ ấy mất tiếng trọng, và làm cho người ta chẳng còn kính phục kẻ ấy như trước nữa.

Kẻ có chứng nói hành, bỏ và hãy nhớ lời ông thánh Phaolô đe rằng: *Kẻ hay nói hành, thì chẳngặng lên nước thiên đàng*; lại ông thánh Jacôbê cũng trách rằng: *Lưỡi những người ấy giống như lửa hay đốt mọi sự, hay liếm mọi sự, cùng là như mạch đầy những thuốc độc hay giết người ta.*

171 — H. — Có khi nào nên nói sự xấu kẻ khác ra chẳng?

T. — Có bốn khi sau này, nói sự xấu người ta mà chẳng có tội:

Một là, khi có ích trọng cho chính mình kẻ nói, như khi nói choặng cầu cứu hay là choặng bàn bạc sự gì...

Hai là, khi có ích cho kẻ lỗi, như nói cho kẻ bề trên khuyên bảo sửa dạy nó.

Ba là, khi có ích chung cho nhiều người, như câu nghị rằng: « Tri gian bất tở, kì tội diệt đồng », là khi mình biết kẻ muốn làm hại người ta mà mình làm thình, không trình không cáo, thì cũng như đồng tội với nó.

Bốn là, khi tội người ta đã trởng ra tỏ tường, ai ai cũng biết cũng nghe, hay là phần nhiều người ta đã nghe,

như kẻ hút nha phiến, kẻ có hai vợ, kẻ có chứng say sưa, thì nói chuyện đó chẳng làm mất tiếng, chẳng mắc tội nói hành ; trừ ra khi chính chỗ mình nói, người ta chưa biết việc ấy.

172 — H. — *Kẻ nghe nói hành, bỏ vạ, có phạm tội chăng ?*

T. — Một là, kẻ nghe nói hành mà chẳng ưa, hay là nói chuyện khác cho khuây, hoặc ngăn-can kéo người ta nói nữa, thì chẳng những chẳng có tội, mà lại đặt công bình tiếng tốt người ta, và ngăn-can sự tội.

Hai là, kẻ nghe nói mà vui bởi sự mới lạ, chẳng phải vui vì người ta mất tiếng tốt, chẳng phải vui vì kẻ mình ghét ra hư hèn, thì thường có tội nhẹ, vì nghe những điều vô ích và cũng hiểm nghèo.

Ba là, kẻ nghe nói hành mà ưng vui vì kẻ khác đã phải hư phải mất tiếng, thì dễ tội thành nặng, vì vui trong điều tội và vui vì sự thiệt hại người ta.

Bốn là, kẻ giúp người ta nói hành, như hỏi thăm, giục nói cho mình nghe, thì phạm tội như kẻ nói hành.

Khi xưng tội giải thứ tám, phải thưa mình đã nói hành thể nào, đều trọng hay là đều nhẹ ; trước mặt đông người hay là ít, vì như đông người nghe, thì tội ra nặng hơn.

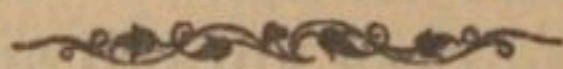
173 — H. — *Người đã nói hành, bỏ vạ buộc làm những điều nào ?*

T. — Đã buộc hễ ai đã làm hư của người ta trái phép công bình, thì phải trả phải bồi : cho nên kẻ nói hành, bỏ vạ, cáo gian, đã làm hư tiếng tốt người ta ; thì cũng phải trả tiếng tốt và bồi mọi phần thiệt hại người ta phải chịu vì mình.

Kẻ bỏ vạ cáo gian, vốn thì phải xưng ra mình đã vu oan đối trá ; dầu xưng ra thể ấy phải xấu hổ, cũng phải

chịu, vì không thể khác mà trả tiếng tốt lại đặng. Vì bằng sợ phải thiệt hại nặng lắm, thì phải thừa cha linh hồn, rồi cứ lời người dạy bảo.

Còn kẻ nói hành mà thôi, chẳng thêm điều gì, có sao nói vậy, thì chẳng buộc xưng sự nói hành ra trước mặt kẻ nghe ; một phải liệu thể nào cho kẻ mất tiếng tốt đặng tiếng lại : như kiểm đip mà khen nó trước mặt người ta, hay là sự lỗi nó làm thì kiểm lời mà chữa cho nó khỏi xấu.



ĐIỀU THỨ IV

Về sự chưởi rửa, làm sỉ nhục người ta.

174 — H. — *Sự chưởi rửa, làm sỉ nhục là đi gì và có tội thể nào ?*

T. — Tội này là khi nhiếc mắng khinh khi, hoặc nói lời xấu hổ, hoặc làm dấu nào mà nhạo báng kẻ có mặt ở đó, làm cho nó mất danh trước mặt những người nghe. Khi nói về người chẳng có mặt đó, thì ra như nói hành mà thôi.

Chưởi rửa, nhiếc mắng, làm sỉ nhục trước mặt làm vậy, thì người ta lấy làm xấu hổ hơn, nên mắc tội nặng hơn, tội nói hành nữa. Như đã có lời Đ. C. G. phán rằng ; *Ai gọi anh em mình rằng đại, thì nó đáng phạt trong biển lửa.*

Còn sự xét tội nặng nhẹ, cùng trả tiếng tốt thể nào, phải cứ những điều đã giải về sự nói hành ; bằng đã làm sỉ nhục trước mặt nhiều người, thì phải thú tạ trống trải trước mặt những người ấy.

Còn sự làm mất lòng nhau, thì có khi cũng mắc tội nặng, nhưng mà việc thú tạ ít khi buộc nhất, khi gặp nhau chào hỏi như thường thì thôi.

ĐIỀU THỨ V

Về việc nghi và đoán sự trái cho người ta.

175 — H. — Vô tích có mà nghi hay là đoán sự trái là làm sao, và có tội thề nào?

T. — Nghi là tưởng vậy mà chưa lấy làm chắc mọi bề ; đoán là lòng quả quyết lấy làm chắc chắn.

Vậy nghi, đoán sự trái là khi thấy việc xấu chẳng biết ai làm, mà mình nghi mình đoán người nọ người kia làm ; hoặc lấy lẽ nhỏ mọn hay là chẳng có lẽ gì, mà mình nghi mình đoán ý xấu việc xấu cho kẻ nầy người khác. Dầu chẳng nói chẳng tỏ sự nghi sự đoán ra bề ngoài, song bề trong đã phạm đức thương yêu và đức công bình, vì đã làm cho nó mất tiếng tốt trong lòng mình.

Vô có mà đoán sự xấu cho người ta, thì vốn là đều tội ; hễ đoán đều nặng, thì tội ra nặng ; đều nhẹ thì tội ra nhẹ ; vì sự xét đoán tội phước người ta là việc Đ. C. T. mà thôi.

Còn sự hồ nghi là tội nhẹ, trừ ra khi vô có mà nghi cho người ta những đều nặng lắm, mới ra tội trọng. Nhưng mà khi có đủ lẽ mà đoán mà nghi, thì chẳng có tội ; lại tội xét trái việc kẻ khác, vốn là đều nặng, song nhiều khi ra nhẹ, vì tại kẻ xét bởi nhẹ tính hay vội xét và thường xét những sự nhỏ mọn.

Những kẻ hay nghi hoặc xét đoán sự trái cho kẻ khác, thì hãy nhớ lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Bay chớ xét ai, thì ngày sau mới khỏi Đ. C. T. xét bay nghiêm nhất ; vì chừng bay xét việc kẻ khác thề nào, thì Đ. C. T. cũng sẽ xử việc bay như vậy.*



ĐIỀU THƠ VI

Về việc tỏ sự kín người ta.

176 — H. — *Tỏ sự kín người ta là đi gì, và có tội chăng?*

T. — Tỏ sự kín người ta ra là mình biết điều gì người ta muốn giấu mà mình nói cho kẻ khác biết :

Hoặc sự tự nhiên kín như thơ từ người ta gửi cho nhau ; hoặc sự kín người ta nói cùng mình, mà mình hứa giữ chẳng thuật lại với ai ; hay là sự kín người ta nói cho mình, mà xin mình giữ chớ lậu ra.

Khi chẳng có lẽ cần, chẳng có ích gì, mà tỏ ra sự kín tự nhiên, thì có tội ; song nặng nhẹ thế nào, phải xét việc mình tỏ ra đó có mất lòng, có thiệt hại người ta nặng hay là nhẹ. Còn sự người ta nói mà mình hứa giữ kín, hay là người ta xin đừng lậu, thì chẳng nên tỏ ra cho kẻ khác biết, kéo mắc tội ; trừ ra khi có lẽ mà sợ mình hay là kẻ khác phải thiệt hại, thì mới nên.

Luật tự nhiên cấm ngặt chẳng dặng lén coi thơ người ta gửi cho nhau, trừ ra khi mình biết gần chắc trong thơ viết đều nhỏ mọn người ta không muốn giữ kín. Dầu cha mẹ, bề trên dặng phép khán thơ mà coi sóc con cái học trò, song cũng chẳng nên tỏ ra cho kẻ khác biết.

PHẦN THỨ BẢY

Về luật Hội thánh

Đoạn I — Nói chung về sáu điều luật Hội-thánh.

„ II — Về việc giữ ngày lễ cả.

„ III — Về việc ăn chay.

„ IV — Về việc kiêng thịt.

Còn việc xưng tội rước lễ sẽ nói trong phần thứ IX.

ĐOẠN THỨ I

Nói chung về sáu điều luật.

1 — H. — Điều răn Hội-thánh là đi gì ?

T. — Là những luật những điều Hội-thánh đã lập mà truyền dạy hội-hữu phải giữ đều nọ tránh việc kia, cho được nhờ ơn ích. Luật lệ Hội-thánh đã ra xưa nay nhiều lắm, nhưng mà đây chỉ nói sáu điều răn chung mà thôi ; vì sáu điều này buộc hết mọi người hội hữu.

Thứ nhất — Xem lễ ngày Chúa-nhật cùng các ngày lễ buộc.

,, *hai* — Chớ làm việc xác ngày Chúa-nhật cùng các ngày lễ buộc.

,, *ba* — Xưng tội trong một năm ít là một lần.

,, *bốn* — Chịu Mình thánh Đ. C. G. trong mùa lễ Phục-sinh

,, *năm* — Giữ chay những ngày Hội thánh buộc.

,, *sáu* — Kiêng thịt ngày thứ sáu cùng những ngày khác Hội-thánh dạy.

2 — H. — Đã có mười giải răn Đ. C. T. dạy đủ, Hội-thánh còn lập sáu điều làm chi nữa ?

T. — Như xét mọi sự Hội-thánh buộc giữ, thì thấy là có ý giúp bổn đạo giữ luật Đ. C. T. cho trọn. Như luật Đ. C. T. dạy phải thờ phượng Chúa, phải giữ ngày Chúa nhật ; thì Hội-thánh dạy bổn đạo phải xưng tội rước lễ ít là một năm một lần, dạy đi xem lễ ngày Chúa-nhật, lễ-cả, kéo mà người ta chẳng lo việc thờ phượng cho đủ.

Vả kẻ muốn giữ luật Đ. C. T., thì cần phải chống trả tính xác thịt ; cho nên Hội-thánh đã buộc kẻ có đạo làm ít việc hãm mình choặng ép phần xác vâng phục phần hồn.

Ấy vậy Hội-thánh chẳng có ý thêm luật mới mà dạy đều gì khác luật Đ. C. T., một cắt nghĩa cho ta biết phải giữ luật Đ. C. T. khi nào, cùng thể nào mà thôi.

3 — H — *Bổn đạo phải giữ điều răn Hội-thánh thể nào ?*

T. — Phải kính giữ cho trọn, khác nào luật Chúa, vì Hội-thánh thừa lệnh Chúa mà lập luật ra.

Trong phần thứ bốn giảng về quờn hoành Hội-thánh, đã rõ Đức Giáo-tông và các đấng Giám-mục nối quờn ông thánh Phêrô và các thánh tông-đồ, mà coi sóc giáo-hữu thay mặt Đ. C. G. Vậy các đấng ấy có lập luật gì, thì giáo-hữu phải vâng phục, theo lời Sách thánh dạy rằng : *Vì bằng có ai chẳng vâng lời Hội-thánh, thì hãy xem nó như người vô đạo vậy.* Bởi đó ta phải lấy lòng cung kính mà giữ các điều răn Hội-thánh ; bằng không, thì cũng như ta chẳng vâng lời chịu lụy Đ. C. G. vậy.

ĐOẠN THỨ II

Giữ ngày lễ buộc

4 — H. — *Giữ ngày lễ buộc là làm sao ?*

T. — Cho đặng giữ ngày lễ cả theo ý Hội-thánh buộc, thì phải kiêng việc xác và xem lễ, lo việc đọc kinh thờ phượng, cũng như ngày Chúa-nhứt vậy. (*coi phần thứ VI, đoạn thứ V*)

5 — H. — *Trong địa phận này buộc giữ những ngày lễ nào ?*

T. — Hội-thánh đã lập nhiều ngày lễ mà kính các phép mầu nhiệm Đ. C. G. ra đời, kính rất thánh Đ. Bà cùng các thánh. Nhưng mà trong xứ này có nhiều ngày lễ cả, bởi có phép Đ. Giáo-tông chuẩn, thì dời qua ngày Chúa-

nhật sau, như lễ Ba Vua, lễ Minh thánh Chúa, lễ ông thánh Phêrô, Phaolô... ; cho nên trong địa phận ta Hội-thánh buộc giữ bốn ngày lễ cả sau này mà thôi :

1^o — Lễ Sinh nhật Đ. C. G..

2^o — , , Đ. C. G. thăng-thiên.

3^o — , , Đ. Bà mông-triệu thăng-thiên.

4^o — , , Các thánh Nam-Nữ.

Bốn lễ cả này, bất luận nhằm ngày nào trong tuần, thì bốn đạo phải đi xem lễ và kiêng việc xác, cũng như ngày Chúa-nhật vậy.

ĐOẠN THỨ III

Về sự ăn chay

6 — H. — Sự chay lòng là làm sao ?

T. — Sự chay lòng nói đây chẳng phải là giữ lòng chay sạch như khi dọn mình rước lễ. Giữ ngày chay theo phép Hội-thánh, là từ nửa đêm cho đến trưa bữa sau, phải nhịn đói ; trưa đặt ăn no ; đến tối lót lòng ít nhiều rồi nhịn đến nửa đêm. Ấy vậy ăn chay lòng là :

1^o — Một ngày nên ăn no một bữa mà thôi ; thường ăn lổi gần trưa ;

2^o — Phải kiêng thịt cả ngày.

Đ. Giáo-tông đã ban phép cho bốn đạo xứ này đặt dùng mỡ nước mà nấu đồ ăn trong ngày ăn chay và các ngày kiêng thịt ; có trứng gà trứng vịt các thứ sữa, dầu kẻ ăn chay cũng nên dùng bữa trưa bữa tối.

3^o — Buổi tối nên lót lòng sơ.

Việc lót lòng tối thì khó ra hạng lệ ; phải theo sức người mà định. Như người tối thường ăn ba chén ; thì ngày chay lót lòng ăn được một chén ; còn như người

nào thường ăn nhiều lắm, thì lót lòng tối cũng ăn hơn một chén cơm.

Lại ngày ăn chay cũng chẳng cấm nống nước chè, trà pbe... ăn năm ba lóng mía, cũng không phá chay. Còn kẻ ăn chay mệt quá, hoặc phải làm việc như thường, thì sáng ngày nên ăn đôi ba miếng cơm, hay là nửa chén cháo đỡ lòng cũng được.

7 — H. — *Điều răn này dạy ăn chay những ngày nào ?*

T. — Vốn điều răn này buộc những kẻ có đạo đã đủ 21 tuổi phải ăn chay mấy ngày sau này :

1^o — Trót mùa Chay-cả là từ lễ Tro đến lễ Phục-sinh.

2^o — Ngày chay bốn mùa, là ngày thứ tư, thứ sáu, thứ bảy đầu mỗi một mùa xuân, hạ, thu, đông.

3^o — Một ít ngày chay thánh, là mấy ngày áp lễ trọng.

Việc ăn chay cùng việc kiêng thịt, đời trước các bôn đạo quen giữ nhiệm nhặt. Nhưng mà đến sau có nhiều kẻ lấy làm nặng nề khó lòng, cho nên lần lần Hội-thánh tha bớt nhiều ngày. Vả xứ này người ta phần nhiều nghèo quá, và chẳng mạnh mấy, thì Toà-thánh đã lấy lòng thương mà chuần khỏi nhiều điều. Bởi đó sẽ nói về việc ăn chay kiêng thịt buộc giữ trong địa phận này mà thôi.

8 — H. — *Trong địa phận ta còn buộc ăn chay những ngày nào ?*

T. — 1^o — Mùa chay cả buộc ăn chay các ngày thứ sáu và thứ tư Tuần thánh.

2^o — Ngoài mùa Chay-cả thì ăn chay có một ngày áp lễ Sinh-nhật Đ. C. G. Cho nên một năm ăn chay có chín ngày mà thôi.

Chín ngày ấy kẻ đã đúng 21 tuổi trọn, khi giữ được mà cố ý chẳng giữ, thì mắc tội trọng ; trừ ra khi có phép chuần, hoặc bị đau đớn yếu đuối lắm ; hoặc kẻ phải làm

việc nặng nề cả ngày, như cày, cuốc, gánh nặng cả ngày. Kể đã đến 60 tuổi, cùng đờn bà gần ngày, hay là nuôi con còn bú, thì bấy nhiêu kẻ ấy khỏi ăn chay.

Còn mấy người chưa đến 21 tuổi, vốn luật ăn chay chưa buộc, nhưng mà có ăn chay tập hãm mình đền tội, thì càng tốt.

ĐOẠN THỨ IV

Về việc kiêng thịt

9 - H. - *Trong địa phận này buộc kiêng thịt những ngày nào ?*

T. — Đức Giáo-tông đã chuẩn nhiều ngày, còn buộc kiêng thịt những ngày sau này mà thôi :

1^o — Các ngày thứ sáu cả năm ;

2^o — Các ngày thứ tư mùa Chay-cả ;

3^o — Ngày áp lễ Đ. B. Mông-triệu thăng thiên ;

4^o — Ngày áp lễ sinh nhật Đ. C. G.

Vậy kẻ nhớ ngày kiêng thịt mà không cứ, thì mắc tội nặng ; trừ ra khi có phép chuẩn hay là có lễ gì đáng, mới khỏi kiêng thịt mấy ngày đã kể đó. Song như ăn một hai miếng mà thôi, hay là húp một hai xỉ nước thịt, thì chẳng có tội gì, hoặc có tội nhẹ mà thôi.

Các thứ chim quen kể là loài nước, như cộc-cộc, rùa, vịt nước, le-le, v. v. thì nên ăn ngày kiêng thịt bởi vì đã quen kể như cá vậy.

10 - H. - *Luật kiêng thịt buộc những người nào ?*

T. — Hễ người bần đạo đã đến tuổi khôn, và bảy tuổi tròn, thì buộc kiêng thịt ; con nít chưa có trí khôn và người đã nghe dạy mà chưa chịu phép Rửa tội, nên chưa vào sổ Hội-thánh, thì chẳng buộc giữ luật Hội-thánh.

11 — H. — *Có khi nào khỏi kiêng thịt ngày kiêng chẳng ?*

T. — Đã dạy rằng : Ai có phép chuẩn thì khỏi, nhưng mà cũng có một hai khi có lẽ khác làm cho người ta khỏi kiêng thịt :

1^o Khi chẳng có thể mà kiêng dặng, như khi chẳng có giống gì khác mà ăn. Ví dụ : người đi tàu đi ghe, hoặc lên núi non, chẳng có đồ khác mà ăn, thì khỏi kiêng thịt.

2^o — Kể đau đớn yếu đuối nên ăn thứ khác không dặng.

Kể quên lửng hay là chẳng nhớ ngày chay, mà ăn cơm ăn thịt như thường, thì chẳng có tội gì. Nhưng mà kẻ nào bỡi làm biếng đi xem lễ đọc kinh, chẳng nghe rao lịch, chẳng biết bữa nào phải ăn chay kiêng thịt, nên mới quên mới lằm lằm vậy, thì mắc tội trước mặt Chúa.

12 - H. — *Hội-thánh buộc bổn đạo ăn chay kiêng thịt làm chi ?*

T. — Vốn Chúa dạy ta phải hãm mình đền tội ; nhưng mà có dễ mặc ý người ta định liệu, âu là có nhiều kẻ trễ nải chẳng lo tới ; nên Hội-thánh, là mẹ hơn lành, định cho có chừng mà buộc con cái phải giữ cho được nhờ phần ích.

Vậy việc ăn chay kiêng thịt chính ý là cho được hãm mình đền tội, cùng dọn mình sốt sắng lo việc kính thờ Chúa cho xứng đáng hơn. Như xưa Đ. C. G. toan đi giảng, cũng ăn chay 40 đêm ngày, làm gương cho ta. Dân Giudeu khi cực khổ đói dầu quyết trở lại cùng Chúa, cũng ăn chay hãm mình đền tội. Dân ngoại muốn cầu đảo tế tự trọng thể cũng ăn chay năm đất. Đây kể sơ qua ý tứ những ngày chay Hội-thánh buộc :

1^o — Chay cả có ý cho ta hãm mình đền tội theo gương Đ. C. G. đã ăn chay 40 đêm ngày xưa, hầu thông

phần thương khó và phần sống lại hiển vinh cùng Chúa ; lại cho được dọn mình sốt sắng mà mừng lễ Phục-sinh.

2^o — Chay mùa có ý hãm mình đền tội mùa trước, mà xin cho được mùa sau khỏi mất mùa, bình hoạn, tai nạn phần xác phần hồn ; lại xin Chúa thêm ơn riêng cho những kẻ lên chức trong Hội-thánh, vì có lệ phong chức trong những ngày chay mùa.

3^o — Chay thánh là ăn chay kiêng thịt mấy ngày áp lễ trọng, có ý dọn mình ngày trước cho kỹ lưỡng mà kính ngày lễ cho trọng thể sốt sắng hơn.

4^o — Kiêng thịt ngày thứ sáu có ý kính Đ. C. G. chịu nạn chịu chết trong ngày ấy.

Ấy vậy đã rõ ý tứ việc chay, là hãm mình đền tội, phải có bề ngoài bề trong. Cho nên kẻ ngoài miệng kiêng bớt của ăn, mà trong lòng không kiêng chừa tội lỗi, dầu nó khỏi lỗi luật chay, nhưng mà không được ích gì.

13 — H. — Ăn chay kiêng thịt được những ích gì ?

T. — Các thánh chỉ những ích sau này :

1^o — Đền tội lỗi mình đã phạm. Vì hễ có tội thì có phạt ; có chịu khó đền ở đời này, đời sau mới khỏi đền trong lửa luyện hình.

2^o — Đặt chừa tội lỗi. Vì hãm mình nhất niệm, thì lòng thú phải phục lòng thần, nên dễ làm lành lánh dữ. Như lời ông thánh Phaolô tông đồ rằng : *Xác tôi yếu đuối, thì linh hồn tôi mạnh mẽ.*

3^o — Nền công nghiệp đáng thưởng thiên đàng. Như lời Đ. C. G. dạy rằng : *Ai chịu đói khát vì đạo ngay, ấy là phước thật : vì sau sẽ được no đủ.*

4^o — Ngăn cơn thanh nộ Đ. C. T. Như lời ông thánh Basiliô rằng : « Ăn phạt hòng đến, mà kẻ có tội ăn chay

hãm mình, thì Đ. C. T. người cơn giận, mà tỏ lòng lân mẫn. » Như xưa dân thành Ninivê nghe tin Chúa toan đoán phạt cả và dân đều ăn chay hãm mình, thì Chúa đã tha thứ.

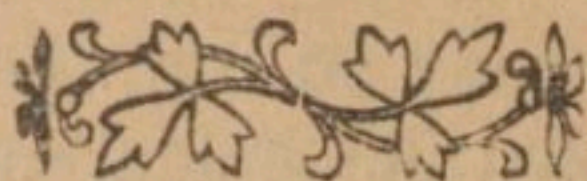
5^o — Ma quỷ kiêng sợ. Như lời ông thánh Antôn rằng : Kẻ siêng ăn chay hãm mình, thì ma quỷ sợ mà ngăn trở. » Lại xưa D. C. G. phán cùng Môn-đồ rằng : *Có sự ăn chay cầu nguyện mới đuổi được thứ quỷ này .*

6^o — Cũng đặng sáng trí mà hiểu lẽ sâu nhiệm. Như lời ông thánh Augustinô rằng : Gương đóng bụi thì mù, chẳng chiếu vật cho rõ ; bụng no nê thì mê, không hiểu lẽ cho thấu.

7^o — Phần xác cũng khỏi nhiều bệnh hoạn. Như lời ông thánh Chrysôtômô rằng : « Sự ăn chay kiêng cử làm cho xác khỏi nhiều bệnh hoạn. » Vì biết là mấy thứ bệnh bởi tại mê ăn uống mà ra. Mình chế trị phần xác, mà thật làm cho xác nhờ.

Vì vậy xưa nay các thánh nam thánh nữ, các người ngoan đạo, chẳng những ăn chay kiêng thịt theo luật Hội-thánh, mà lại thêm nhiều ngày lắm : có kẻ ăn chay kiêng thịt cả tháng, cả năm, cả đời.

Phần ta ai chẳng muốn noi gương thánh lập công trọng, thì ít nữa là mình giữ mấy ngày Hội-thánh đã chỉ định, cho khỏi mắc tội.



PHẦN THỨ TÁM

Phân biệt việc lành việc dữ

1 — Đã hay rằng : vâng giữ lẽ luật Đ. C. T., điều răn Hội-thánh, ấy là việc lành có công đáng thưởng ; lỗi lẽ luật ấy là việc dữ có tội đáng phạt. Mà làm việc phước tội thể nào, cũng bởi lòng người ta mà ra ; cho nên trước hết giải ít điều về lương tâm, đoạn chỉ khi nào việc làm đáng thưởng phạt, sau hết phân các thứ tội.

Vậy phần này chia làm năm đoạn :

Đoạn I — Về lương tâm.

, , *II* — Về việc người ta làm.

, , *III* — Về công nghiệp.

, , *IV* — Nói chung về tội.

, , *V* — Về bảy mối tội đầu.

ĐOẠN THỨ I

Về lương tâm

2 — H. — *Lương tâm là gì ?*

T. — Lương tâm là trí khôn đoán xét việc nên mà làm, việc hư mà lánh. Kbi ta toan làm việc gì, thì trí khôn ta nghĩ sự ấy phải trái thể nào, nên làm hay là chẳng ; như việc lành, thì trước nghe như tiếng trong lòng giục làm ; làm rồi, thì tự nhiên vui mừng ; còn việc dữ, dầu chẳng ai thấy biết, thì trong lòng cũng ái ngại, lo sợ như thể có ai ngăn trở chẳng muốn ta làm. Ấy là lương tâm chỉ bảo đừng lành. Dầu nó chẳng bày tỏ việc nên hư thể nào mặc lòng, song cũng thôi thúc giục giã bề trong. Vì

dụ : ai thấy của người ta mà sửa ăn cắp, thì trong lòng ái ngại lo sợ, ấy là tiếng lương tâm biểu chó lấy, vì chẳng nên lấy của người ta.

3 — H. — *Lương tâm đoán việc có mấy cách ?*

T. — Lương tâm người ta đoán việc có nhiều cách như sau này :

Một là, lương tâm đoán thật, *đoán nhằm*, là sự phải thì đoán phải, sự chẳng thì đoán chẳng. Ví dụ : đoán việc bố thí là tốt, đoán sự ăn trộm là xấu.

Lương tâm *đoán lầm* là khi sự không tội đoán là tội, sự có tội đoán là không ; tội nặng đoán là nhẹ, tội nhẹ đoán là nặng.

Kẻ lầm chẳng phải bởi lỗi mình, dầu mình đã xét kỹ hết sức, cũng không hiểu, không rõ, như có làm việc chẳng nên mà tưởng nên, thì khỏi tội. Nhưng mà khi lầm bởi lỗi mình, là tại mình làm biếng không lo hỏi, không lo nghe dạy, nên mới lầm, thì cũng mắc tội.

Hai là, lương tâm hoặc *đoán chắc chắn* chẳng nghi nan chút nào, hoặc hồ nghi không dám đoán chắc phía nào.

Ba là, có người thì lương tâm *rộng quá*, sự tội đoán rằng không tội, tội trọng kể là tội nhẹ ; có người thì lương tâm *nhật quá*, không tội mà đoán có tội, tội nhẹ thì đoán nặng.

4 — H. — *Lương tâm đoán chắc chắn chẳng nghi, dầu đoán nhằm dầu đoán lầm mặc lòng, có phải theo chẳng ?*

T. — Phải theo, vì lương tâm là mẹo mực bề trong Đ. C. T. đã ban cho mỗi một người, để chỉ dẫn cho biết việc đó lẽ luật Đ. C. T. buộc phải làm hay là phải lánh. Bởi đó hễ lương tâm khiến cách chắc chắn vững vàng

việc gì phải làm, việc gì phải lánh, thì phải tuân cứ luôn ; bằng chẳng, thì phạm tội. Như lời ông thánh Phaolô dạy rằng : *Việc gì chẳng cứ lương tâm thì nên tội*. Ví dụ : vốn ngày thứ năm, mà lương tâm đoán lầm là ngày thứ sáu, thì phải kiêng thịt ; bằng ăn thịt thì mắc tội.

5 — H. — *Khi lương tâm hồ nghi, không biết chắc nên làm hay là không thì phải liệu thế nào ?*

T. — Trước hết phải hỏi thăm kẻ khác, nhưt là cha linh hồn, xin dạy cho biết nên hay là chẳng nên. Bằng hỏi thăm không đặng, và phía nào cũng có lẽ mạnh, thì mặc ý mình theo phía nào cũng đặng ; rồi sau có dịp thì hỏi cho biết.

6 — H — *Lương tâm rộng quá có nên theo chẳng ?*

T. — Chẳng nên, vì lương tâm thế ấy hay vịn lấy một hai lẽ nhỏ mọn mà đoán sự không nên rằng nên ; bởi đó dễ mở đường cho mình phạm tội.

Những người trễ nải việc linh hồn, một lo cho sung sướng phần xác, thì lương tâm càng ngày càng rộng. Bởi đó muốn khỏi lương tâm rộng quá, thì phải siêng năng việc linh hồn, là xưng tội chịu lễ, đọc kinh xem lễ, phải bắt phần xác chịu khó giữ những việc luật Chúa, chớ kiểm lễ chữa mình ; đừng bạn bè với kẻ xấu nét, kéo ra giống như nó.

7 — H. — *Lương tâm đoán nhặt quá có hại gì chẳng ?*

T. — Cũng hại nhiều bề, vì lương tâm thế ấy hay làm cho mình nghi ngại sợ sệt quá lễ, dầu việc nên cũng chẳng dám chắc là nên ; lại có khi kiểm những lẽ vô ích làm chứng lỗi nhỏ mọn rằng tội to.

Khi có lương tâm làm vậy, thì phải vâng lời cha linh hồn, người dạy sao mình cứ vậy, thì xong mọi bề.

Lại cho khỏi lương tâm nhất quá, phải giục lòng trông cậy Đ. C. T., và tập hơn đức khiêm nhượng ; vì cũng có nhiều khi tại người ta cậy mình kiêu ngạo, cứ ý riêng, nên lương tâm khuấy khuấy làm vậy.

ĐOẠN THỨ II

Về việc người ta làm đáng thưởng đáng phạt thế nào.

8 — H. — Có mấy điều cần kíp cho việc người ta làm ra đáng thưởng hay là đáng phạt ?

T. — Phải có ba điều này :

Một là, phải biết việc mình làm là việc nên hư tốt xấu ; nhược bằng vô tình không biết, không nghĩ đến sự mình làm nên hay là chẳng nên, thì dầu việc lành cũng không đáng thưởng, dầu đều tội cũng không đáng phạt. Ví dụ : khi ai ngủ mê mà đọc kinh, khi quên từng mà ăn thịt ngày thứ sáu, thì việc ấy chẳng đáng thưởng, không đáng phạt, bởi vì hồi làm chẳng biết đến việc mình làm là việc lành dữ thế nào.

Hai là, phải muốn. Nếu ta đã biết sự gì rồi, song ý ta chẳng muốn làm đều ấy chút nào ; dầu việc đó xảy ra hoặc tại tự nhiên, hoặc có kẻ ép uôn, thì chẳng kể đáng là việc đáng thưởng phạt. Ví dụ : tình cờ nghe người ta nói lời tục tĩu, song chẳng có ý muốn nghe, chẳng đem vào lòng, thì chẳng mắc tội,

Ba là, phải làm tự ý, nghĩa là lòng thông thả muốn làm hay là chẳng làm, tự ý mình chọn. Bỗng bị ép chẳng làm chẳng đáng, thì việc làm ấy chẳng phải là việc mình muốn làm chút nào, nên chẳng đáng thưởng đáng phạt.

Ví dụ : khi bắt đạo quan dạy lính kéo bừa kẻ có đạo bước qua thánh Giá, mà người có đạo không muốn chút nào, lại ra sức chống trả luôn, thì chẳng mắc tội phạm ảnh.

9 — H. — Ý muốn chia ra thế nào ?

T. — Ý muốn việc làm chia ra nhiều thứ nhiều cách khác nhau như sau này :

Một là, khi người ta biết việc mình làm tốt xấu thế nào mà cả lòng muốn làm, thì thật là muốn trọn. *Ví dụ :* biết là ngày thứ sáu nhịn ăn, mà cứ ăn thịt.

Nhưng mà cũng có khi muốn chưa trọn, trí khôn còn rối rắm, hoặc chưa biết rõ, hoặc nửa muốn nửa không, mơ màng như khi nửa ngủ nửa thức, thì việc tội cũng thành tội, song bớt tội ít nhiều tùy theo lòng muốn.

Hai là, có khi muốn chính việc đó mà chắc nó sinh việc khác, thì việc khác ấy cũng kể là việc mình muốn, vì tại cơ mình làm việc đó, nên mới sinh ra việc kia. *Ví dụ :* lấy trộm cái sòng kẻ đưa đồ, nên nó phải thiệt hại. Muốn chính việc là lấy sòng, còn sự nó mất tiền đưa đồ là tại cơ mình lấy sòng mà ra.

Ba là, sự muốn có khi ra bề ngoài, hoặc nói, hoặc tỏ dấu gì khác. *Ví dụ :* chủ nhà biểu đầy tớ phá của người ta.

Cũng có nhiều khi người ta không nói gì, không làm dấu gì, song cũng như tỏ mình đánh mình muốn việc làm đó. *Ví dụ :* cha mẹ chủ nhà thấy con cái đầy tớ cờ bạc, rượu chè, mà làm thinh chẳng quở phạt, thì thật cha mẹ chủ nhà xem ra ưng ý, cũng như đánh như muốn con cái đầy tớ làm vậy, nên cha mẹ, chủ nhà chẳng khỏi tội.

10 — H. — Vậy thì ai làm việc xấu bởi kẻ khác ép làm hoặc bởi sợ, chẳng có tội sao ?

T. — Ví bằng chống trả hết sức, song người ta ép quá nên phải làm, thì việc mình làm chẳng có ý muốn chút

nào, cho nên không kể là đáng phạt, như đã nói về người có đạo bị kéo qua ảnh thánh Giá.

Nhưng mà khi người ta ép vừa vừa, có ra sức chống lại cũng đáng ; sự ấy dầu bớt lòng muốn ít nhiều, song chẳng làm cho người ta khỏi tội. Ví dụ : gặp chúng bạn đãi rượu, nó ép uống, cứ rót mời, còn mình không muốn say, song bị mời quá uống say ; việc say ấy chẳng làm mất lòng Chúa bằng khi tự ý uống say, nhưng mà cũng không khỏi tội.

Khi người ta sợ quá lẽ nên mất trí khôn, không còn nghiệm xét việc mình làm là thể nào, thì việc làm ấy chẳng đáng phạt. Ví dụ : mẹ ẵm con đi đường, tình cờ gặp cạp chạy ngang qua, thất kinh quăng con mà chạy ; hồi quăng con chẳng còn trí khôn, nên khỏi tội.

Còn kẻ sợ hung, song chưa mất trí khôn, hãy còn suy nghĩ việc mình làm nên hư tốt xấu thể nào, thì có khi khỏi tội có khi không : bởi vì lẽ luật có điều buộc chặt hơn điều khác. Ví dụ : bỏ xem lễ bởi mưa lụt sợ chết trôi, sợ bệnh hoạn, thì khỏi tội ; bởi vì luật chẳng buộc chặt đến đôi phải liệu sự sống mà đi xem lễ.

Còn như ai sợ đánh khảo sợ chết, nên chối đạo, thì chẳng khỏi tội ; vì luật cấm chặt, dầu sợ chết cũng chẳng nên chối đạo phạm ảnh.

(*Coi phần thứ VI — 12.*)

11 — H. — *Có khi nào người ta làm việc vốn là việc tốt, việc chẳng có luật nào cấm, nhưng mà chẳng thành việc lành chẳng ?*

T. — Có nhiều khi việc ta làm vốn là việc tốt, việc vốn chẳng có tội, nhưng mà bởi có tội nào xen vào hiệp với việc ấy, thì việc lành ta làm đó thành tội, hoặc chẳng còn đáng thưởng nữa. Ví dụ : sự bố thí là việc tốt, bằng

đầy tớ ăn cắp của chủ nhà mà bố thí, thì việc ấy chẳng kể là việc lành.

Lại hề kẻ làm việc lành bởi ý xấu, thì việc lành ấy hoặc ra vô ích, hoặc ra đều tội. Ví dụ : thí của cho đặng người ta khen mà thôi, thì việc ấy chẳng còn đáng thưởng chút nào.

12 — H. — Muốn cho việc làm khỏi ra vô ích thì phải liên cách nào ?

T. — Phải dâng mọi việc cho Đ. C. T., theo lời ông thánh Phaolô dạy rằng : *Dầu khi ăn dầu khi uống, dầu khi làm việc gì khác, thì phải có ý làm cho sáng danh Chúa.* Nếu ta làm việc chẳng có dâng cho Chúa, thì việc ra vô ích ; song chẳng buộc mỗi khi làm việc phải có ý dâng, miễn là sớm mai khi ngủ thức dậy, ta dâng mọi việc sẽ làm cả ngày cho Chúa, thì đã đủ.

Nhưng mà các đấng thánh các người ngoan đạo đang khi làm mỗi việc hay nhắc lòng lên cùng Chúa ; lại cũng xin Đức Mẹ, thiên thần giữ mình, chỉ dẫn giúp đỡ cùng dâng việc mình cho Chúa. Ấy là phương rất dễ mà làm mọi việc trọn lành, lập nhiều công nghiệp. Vậy ta hãy học đòi bắt chước.

H. — Khi dâng làm vậy phải có ý nào ?

T. — Phải có ý cho sáng danh Chúa và có ý đền tội, xin Người thêm ơn cho ta làm mọi việc tử tế, đặng lập công đáng thưởng ngày sau đời đời.

ĐOẠN THỨ III

Về công nghiệp bởi việc lành mà ra

13 — H. — *Công nghiệp là đi gì ?*

T. — Công nghiệp là giá ta sẽ lãnh bởi việc lành ta làm, là phần thưởng Đ. C. T. ban cho kẻ làm việc lành. Công nghiệp có hai thứ :

Một là, phần thưởng ta chắc sẽặng theo lẽ công bình, bởi có lời Đ. C. T. đã hứa sẽ ban cho kẻ lành làm việc lành, nên người sẽ trả chắc chắn chẳng sai.

Hai là, phần thưởng chẳng bởi lời Chúa hứa, một bởi lòng lành rộng rãi Đ. C. T. mà thôi ; Người muốn ban thì ban, muốn không thì không. Ví dụ : sự ăn năn tội trở lại cùng Chúa, và ơn bền đỗ ta sẽặng, chẳng bởi công nghiệp ta, song thật tại lòng lành Chúa ban mà thôi.

14 — H. — *Ta chắc lập công nghiệp chẳng ?*

T. — Việc lành ta làm đương khi có ơn nghĩa cùng Chúa ; thì chắc có công ngày sau đặng thưởng, như lời Đ. C. G. phán rằng : *Bay hãy vui mừng, vì phần thưởng đã để dành cho bay trên trời ;* và như lời ông thánh Phao-lô rằng : *Đ. C. T. đã để dành phần thưởng cho tôi theo sự công bình. Người là quan xét công bình sẽ ban phần thưởng ấy cho tôi trong ngày phán xét.*

Nhưng mà cho đặng công nghiệp ấy, thì việc lành phải làm tự ý như đã dạy trước, lại phải có ba điều sau này :

Một là, phải làm việc lành khi còn sống ở đời này ; kẻ chết rồi, như các thánh trên thiên đàng, các linh hồn trong luyện hình, và kẻ phải phạt trong hoả ngục, thì chẳng còn lập đặng công nghiệp nữa,

HAI là, phải làm việc lành khi có ơn nghĩa cùng Chúa, vì kẻ mắc tội trọng là kẻ nghịch cùng Chúa, chẳng lẽ Chúa thưởng công việc nó.

BA là, phải làm bởi ơn Chúa giúp và giục lòng, vì nếu ta làm bởi tính tự nhiên hay là bởi tính xác thịt, thì việc làm chẳng đáng thưởng. Ví dụ hai người ưa hạp tính nhau lắm, nên yêu nhau giúp đỡ nhau cách riêng, thì sự yêu ấy chẳng có công gì đáng Chúa thưởng.

15 — H. — *Vậy kẻ mắc tội trọng làm việc lành chẳng đáng công nghiệp sao ?*

T. — Thật thì kẻ mắc tội trọng đã mất ơn nghĩa Chúa đã nên kẻ nghịch thù cùng Người, dầu có làm việc lành cũng chẳng đáng công đáng thưởng đời sau theo lẽ công bình. Nhưng vậy Chúa lòng lành vô cùng cũng ban ơn cho nó ăn năn trở lại, nên việc lành kẻ có tội chẳng phải là vô ích. Bởi đó có rủi ro sa chước ma quỷ mà phạm tội trọng, thì phải lo làm việc lành, đặng Chúa lòng lành đoái thương, mà ban ơn cho ta ăn năn trở lại cho kịp.

Vả lại việc lành đã làm đang khi có ơn nghĩa cùng Chúa, mà sau ngã phạm tội trọng, thì việc lành ấy mất hết công nghiệp. Nhưng mà có ăn năn trở lại cùng Chúa, thì việc lành ấy sẽ đặng công lại theo bậc ăn năn đền tội sốt sắng lắm hay là vừa.

16 — H. — *Có lập đặng công nghiệp cho kẻ khác chăng ?*

Lập công thể cho kẻ khác lãnh phần thưởng đời sau, thì chẳng đặng ; nhưng mà cũng đặng lập công có ý đền tội cho kẻ khác, và đặng làm việc lành mà xin ơn cho kẻ khác.

Ấy vậy khi ta cầu nguyện cùng Chúa hay là dâng việc lành cầu cho kẻ có tội, thì nó đặng nhờ ơn tha thứ và ơn ăn năn trở lại, mặc đòi Chúa ban cùng ý tốt nó vâng

theo ơn ấy. Còn sự đáng thưởng đời sau bởi việc lành mà ra, thì ai làm việc nấy đáng mà thôi.

17 — H. — *Chúa sẽ thưởng công việc lành thế nào ?*

T. — Ở đời này Chúa sẽ ban ơn thêm cho đáng lập công nhiều hơn nữa, cùng thêm sức cho ta lánh đáng tội lỗi, và bền đỗ trong ơn nghĩa Chúa ; sau hết Người sẽ thưởng công ta trên nước thiên-đàng, là cho hưởng phước vô cùng.

Ấy vậy ta phải giục lòng trông cậy ơn Đ. C. T. mà làm nhiều việc lành lập công đang khi còn sống, vì chết rồi chẳng còn đáng làm việc đáng thưởng nữa.

ĐOẠN THỨ IV.

Nói chung về tội.

18 — H. — *Tội là gì ?*

T. — Sự tội là những điều nghịch cùng thánh ý Đ. C. T.. Ấy vậy những sự lỗi bởi lòng lo tưởng nhớ, ước ao, lời nói, việc làm, sai lẽ luật Đ. C. T., luật Hội-thánh, hay là bỏ việc có luật buộc, ấy là đều tội. Những kẻ co cượng chống cãi, chẳng vâng lời các đấng bề trên khiến dạy những điều công bình phải lẽ, thì cũng có tội, vì là nghịch thánh ý Đ. C. T. như đã dạy về điều răn thứ bốn.

Hễ việc gì khi làm, mình kịp nghĩ việc ấy là sự xấu, sự chẳng nên, mà mình còn ưng làm, thì mới thành tội trước mặt Chúa ; như đã dạy về việc đáng thưởng phạt.

19 — H. — *Có mấy giống tội ?*

T. — Có hai giống : một là tội tổ-tông, là tội ông Adong bà Evà đã phạm và lưu truyền cho ta, (như đã

giải trong phần thứ II) Tội này không phân nặng nhẹ, ai nấy cũng mắc bằng nhau.

Hai là tội riêng mình phạm khi làm việc luật cấm, hoặc bỏ việc luật dạy phải làm.

H. — *Tội mình làm có mấy thứ ?*

T. — Có hai thứ :

Một là, *tội trọng* là tội làm cho kẻ phạm mất nghĩa cùng Chúa và đáng phạt đời đời.

Hai là, *tội nhẹ* là tội làm bớt ơn nghĩa Chúa trong lòng kẻ phạm, và đáng phạt đời này, hoặc đời sau trong lửa luyện hình.

20 — H. — *Phải có mấy điều cho tội mình làm ra tội trọng ?*

T. — Phải có ba điều sau này :

Một là, phạm luật trong điều trọng : hoặc chính việc mình làm mình bỏ là điều trọng, như sự ăn cướp, bỏ xưng tội năm ; hoặc việc làm chẳng xấu gì mấy, song tại kẻ làm có ý xấu nặng, hay là có việc gì xấu nặng xen vào, thì cũng thành tội nặng.

Hai là, phải kịp suy biết việc mình làm là điều xấu nặng : nhưng mà chẳng cần biết rõ xấu nặng chừng nào, như khi lương tâm nghĩ rằng việc này luật cấm nhất, hoặc hồ nghi là lỗi nặng, mà mình cả lòng làm, thì ra tội nặng. Còn khi lương tâm xét lăm tưởng việc mình làm đó là lỗi nhẹ, thì chẳng mắc tội nặng trước mặt Chúa.

Ba là, phải có sự ưng theo muốn làm thật, như đã thấy nơi giải về việc đáng thưởng phạt.

21 — H. — *Cho ra tội nhẹ phải có mấy điều ?*

T. — Bỏ việc gì có luật buộc, làm việc gì có luật cấm, thì mới có tội. Hễ vừa biết một chút việc mình làm là

việc chẳng nên và có hơi ưng một thí, thì đã đủ mắc tội nhẹ.

Vậy trong ba điều mới giải phải có cho thành tội trọng, bằng thiếu một điều, thì tội ra nhẹ, như chỉ sau này :

Một là, khi nào sự biết chưa thật ; vừa kịp biết mờ mờ mà thôi, như khi nổi nóng giận mà mắng nhiếc, khi tình cờ bối nhẹ tính bối tọc mạch, ngó sơ qua sự quấy quá một chút, vừa biết rõ là việc tội, liền bỏ, thì có tội nhẹ.

Hai là, khi sự ưng theo chưa trọn, là khi đã có hơi chịu về sự xấu, song chưa ưng cho thật sự. Ví dụ : khi tư tưởng sự quấy quá mà lòng mình cũng có chê ghét, cũng có theo chút đỉnh, mà khi vừa sức nhớ liền bỏ, thì thường là tội nhẹ.

Ba là, khi phạm trong điều nhẹ, đều nhỏ mọn, như ăn cắp mỗi hai tiền, giận một chút, dầu lòng muốn ưng theo thật, thì thường là tội nhẹ mà thôi.

22 H. — *Có khi nào tội nhẹ ra trọng chăng ?*

T. — Có nhiều khi vốn là tội nhẹ, song tại cơ khác, thì hoá ra tội nặng.

Một là khi lương tâm đoán lầm lấy việc nhẹ làm trọng. Ví dụ : ăn cắp hai ba tiền của nhà giàu vốn là tội nhẹ, nhưng mà kẻ tưởng chắc là đều nặng mà còn lấy, thì mắc tội trọng.

Hai là, tại ý xấu kẻ làm. Ví dụ : nói dối làm hại người ta nặng.

Ba là, việc vốn nhẹ, mà kẻ làm biết sẽ sinh dịp cho kẻ khác phạm tội nặng ; như khi nói lời không xứng, lời hai ý, trước mặt con nít, nên gương xấu cho nó phạm tội.

Bốn là, khi việc vốn nhẹ, song hiểm nghèo cho kẻ làm hay là cho kẻ khác phạm tội nặng ; như kẻ đã từng biết

mình yếu đuối lắm, song cũng chẳng giữ ngũ quan, chẳng lánh dịp tội, liều mình phạm tội nặng.

NĂM là, một hai khi nhiều đều nhẹ cũng góp đặng làm một việc thành một tội nặng. Ví dụ : kẻ muốn lấy của người ta nhiều song ăn cắp lần lần, khi hai ba tiền cho đến chục quan.

23 - H. — Một người đã phạm nhiều tội nhẹ có làm mất lòng Chúa bằng kẻ phạm tội trọng chẳng ?

T. — Phạm nhiều tội nhẹ cũng chẳng mất nghĩa cùng Chúa, chẳng mất sự sống phần hồn, cho nên nhiều tội nhẹ cũng không bằng một tội trọng.

Nhưng vậy tội nhẹ cũng là tội, cũng làm mất lòng Chúa, làm hại linh hồn, vì bớt ơn nghĩa Chúa, làm cho ta ra yếu đuối ; cho nên phải xa lánh hết lòng hết sức, cho đặng thêm ơn nghĩa cùng Chúa, để chống trả chước cám dỗ, mà khỏi phạm tội trọng.

24 - H. — Có khi nào việc làm có một, mà sinh ra nhiều tội chẳng ?

T. — Có nhiều lần trong một việc tội người ta làm mà sinh ra nhiều tội khác nhau :

Một là, khi làm hay là toan làm việc tội, rồi bỏ không làm nữa, đoạn làm lại hay là quyết làm lại : bỏ rồi tái lại mấy lần, thì cũng phạm mấy tội riêng nhau. Ví dụ : kẻ quyết ăn trộm, đã đi rồi trở lại không muốn ăn trộm nữa, sau lộn lại đi ăn trộm, thì phạm tội hai lần.

Hai là, khi một việc có nhiều luật buộc khác ý nhau thì phạm nhiều tội. Ví dụ : thầy cả dạy làm việc đền tội là ăn chay một bữa thứ sáu trong mùa Chay cả, nếu người xưng tội đã đến tuổi ăn chay, có phạm chay bữa đó, thì mắc hai tội : một là phạm luật Hội-thánh, hai là bỏ việc đền tội. Còn phạm thịt ngày thứ sáu trong mùa

Chay cả, phải là kẻ chẳng buộc chay lòng, thì phạm một tội mà thôi, vì luật dạy kiêng thịt ngày thứ sáu và kiêng thịt trong mùa Chay, thì cũng một ý như nhau.

25 - H. — *Có khi nào người ta chẳng làm việc gì bề ngoài, mà bề trong cũng mắc tội làm mất lòng Chúa chẳng ?*

T. — Có nhiều khi người ta chẳng làm sự gì bề ngoài mắc lòng, song nội việc trong lòng đã có tội. Vả tội bề trong chia ra như sau này :

Một là, sự vui về điều tội mình đang tưởng trong lòng, dầu mà chưa quyết lòng phạm tội ấy, song suy tưởng sự tội và thấy trong trí dường bằng có tội ấy trước mặt mình, mà vui theo nó, thì có tội. Như lời Sấm truyền rằng : *Chúa góm những sự lo tưởng đều xấu trong lòng người ta.*

Hai là vui về điều tội đã phạm, là khi nhớ đến sự tội mình đã phạm khi trước (bất kỳ đã xưng hay là chưa xưng,) mà lấy làm vui sướng, thì thành ra phạm tội ấy một lần nữa. Vả lại khi vui về tội kẻ khác đã phạm, cũng có tội như vậy nữa.

Ba là, lòng ước ao sự chẳng nên, là khi mơ ước hay là quyết làm sự gì có tội, như ước ao muốn phạm tội gì đó, dầu bề ngoài chưa làm việc tội, song đã phạm tội ấy trong lòng rồi. Như lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Kẻ nào xem người nữ mà muốn phạm tội cùng nó, thì nó đã phạm tội tà dâm trong lòng rồi.*

Bốn là, khi làm biếng bỏ việc lẽ luật buộc, như bỏ việc thờ phượng Đ. C. T., bỏ việc bòn phân. Ví dụ : Cha mẹ, kẻ bề trên chẳng ngăn cấm con cái, kẻ bề dưới, khi thấy nó lổi luật Đ. C. T., để vậy chẳng sửa phạt, thì chẳng khỏi tội.

26 - H. — *Có nên vui về sự lành bởi sự dữ mà ra chẳng ?*

T. — Cũng nên, miễn là mình vui chẳng phải vui về

sự dữ về sự bậy, một vui về sự lành mà thôi. Ví dụ : kẻ vui về được thông dong mà giữ đạo, vì chủ nhà đã chết, hay là quan trấn đã mất chức, đã chết.

Nhưng vậy cũng hiểm nghèo, vì sợ khó phân biệt mình vui nội sự lành hay là cũng vui về sự dữ đó nữa chẳng ; nên thà đừng vui thể ấy làm chi.

Vả lại cũng nên ước ao cho người ta mắc sự dữ phần xác, cho đặng nó tủy thân mà ăn năn trở lại cùng Chúa.

27 - H. — *Người ta phạm tội làm mất lòng Chúa và phải thiệt hại phần hồn thể nào ?*

T. — I. — *Kẻ phạm tội trọng :*

Một là, làm mất lòng Chúa đến đổi dầu công nghiệp thánh hơn cả thế gian phạt tạ đền một tội trọng, cũng chưa cân xứng ; vì chưng kẻ phạm tội trọng :

a) là vật rất bèn mọn mà cả lòng làm nghịch cùng Chúa là đấng cao trọng vô cùng, phản nguy cùng Chúa khác nào thẳng Luxiphe chẳng chịu phục Đ. C. T. ;

b) lấy sự hèn hạ thế gian làm hơn Đấng chí-tôn đã dựng nên mọi sự, quản trị mọi loài ;

c) rất vô ơn bội nghĩa cùng Chúa, là chính Đấng đã sanh dưỡng, đã ban cho mình mọi ơn phần hồn phần xác, cùng đã chịu nạn chịu chết mà cứu chuộc mình.

Hai là, linh hồn kẻ phạm tội trọng thì mất ơn nghĩa cùng Chúa, cho nên :

a) trước đặng hiệp làm một cùng Chúa, làm con Đ. C. T. yêu dấu, thì lìa bỏ Chúa mà làm tôi ma quỷ ;

b) mất sự sống thiêng liêng đã đặng khi chịu phép Rửa tội.

c) bằng không kịp ăn năn trở lại cùng Chúa trước khi chết, thì công nghiệp các việc lành đã làm thấy đều mất hết, mà lại phải phạt đời đời trong hoả ngục.

Ấy vậy dưới thế gian này chẳng có tai hại, chẳng có sự dữ nào đáng sợ bằng tội trọng, cho nên phải sợ phải gớm nó hơn dịch khí, hơn hết mọi sự khốn nạn đời này ; vì chung một tội trọng không kịp ăn năn đền bồi trước khi chết, thì đủ mà mất phần phước thiên đàng, phải hình phạt hoả ngục.

II — *Còn tội nhẹ*: dầu chẳng làm cho ta mất ơn nghĩa Chúa, dầu chẳng mắc án phạt đời đời ; nhưng mà vốn thật là đều xấu xa vô phép trước mặt Chúa, và làm hại linh hồn ta nhiều bề :

Một là, bớt ơn Đ. C. T., và làm cho ta mắc vạ phải phạt đời này hay là trong lửa luyện hình.

Hai là, bớt công nghiệp việc ta làm.

Ba là, làm cho linh hồn ra yếu đuối, cho nên rất khó chống trả chước cám dỗ.

Ấy vậy theo lý-đoán ông thánh Ligôriô, thì tội nhẹ cũng làm hại linh hồn ta hơn mọi sự tai hại phần xác đời này ; vì nó làm cho ta nguội lạnh trể nải lần lần sa phạm tội trọng. Như lời Kinh thánh dạy rằng : *Kẻ khinh dễ đều nhỏ mọn, thì sẽ ngã trong đều trọng*. Vậy ta phải xa lánh cho hết sức.

ĐOẠN THỨ V.

Về bảy mối tội đầu.

28 — H. — *Mỗi tội đầu nghĩa là làm sao ?*

T. — Mỗi tội vốn chẳng phải là tội thật, một chỉ chứng xấu, tính xấu, ra như tật thiêng liêng làm hại linh hồn ta, và hay sinh ra các thứ tội.

Khi Đ. C. T. mới dựng nên loài người, thì lòng thú

phục lòng thần, tự nhiên làm việc lành phước đức. Nhưng mà sau khi nguyên tổ phạm tội rồi, thì trí khôn ra tối tăm, ý muốn ra yếu đuối về đường lành, hướng chịu về sự dữ. Bởi đó mọi người mắc phải tình tư dục hay chịu về đường trái.

Vậy tính xấu là tật thiêng liêng làm hại linh hồn ta đó, thì đã quen gọi là mỗi tội, hay là tội đầu ; bởi vì nó là như gốc như cội rễ các tội thường phạm. Cho nên mỗi tội vốn chẳng phải là tội luôn ; khi nào mình có ưng chịu theo sự xấu, thì mới có tội ; bằng chống trả mạnh mẽ, chẳng để lòng theo tính xấu, thì chẳng những không tội, mà lại thêm công nghiệp trước mặt Chúa nữa.

29 — H. — Có mấy mỗi tội đầu ?

T. — Có bảy chứng đáng gọi là đầu cội rễ hay sinh ra các tội : một là *kiêu-ngạo* ; hai là *hà-tiện* ; ba là *dâm-dục* ; bốn là *ghen-ghét* ; năm là *mê ăn uống* ; sáu là *hờn-giận* ; bảy là *làm biếng việc lành*.

Tội dâm dục đã giải trong phần thứ sáu (Đoạn VIII) ; vậy đoạn này chia làm sáu điều :

I — Về sự kiêu ngạo.

II — Về sự hà tiện.

III — Về sự ghen ghét.

IV — Về sự mê ăn uống.

V — Về sự hờn giận.

VI — Về sự làm biếng việc lành.



ĐIỀU THỨ I

Về sự kiêu ngạo

30 — H. — *Kiêu ngạo là gì ?*

T. — Là chứng làm cho người ta yêu chuộng và tặng mình lên quá lẽ ; lấy mình làm trước và khinh rẻ kẻ khác.

Vốn người ta yêu mình cho phải lẽ, chẳng khinh dễ ai, chẳng cậy sức riêng, một nhớ mọi sự mình đã đặt là của Đ. C. T. ban, thì chẳng có tội. Nhưng mà tật kiêu ngạo bay làm cho ta yêu mình trọng mình thái quá, nó giục ta :

Một là tưởng mình có nhiều điều báu trọng, mà thật chẳng có ; hoặc có, cũng chẳng bao lâu.

Hai là, tưởng những sự lành, những điều trọng đã đặt là bởi sức riêng mình, bởi công nghiệp mình, mà chẳng xét mọi sự mình đặt đều bởi ơn Chúa đã ban xuống cho.

Ba là, ham hố quá lẽ, muốn cho đặt cao sang ước ao những điều làm cho mình đặt thành danh nổi tiếng.

Bốn là, lấy của mình, việc mình làm hơn của người, việc người ; tưởng mình làm đặt việc kẻ khác làm không nổi. Bởi đó chê của chê việc kẻ khác, muốn người ta cung kính yêu vì ; bằng có ai chê trách, thì buồn giận oán thù.

Năm là, muốn theo ý riêng mình, ít muốn phục quờn vâng phép.

Bấy nhiêu chứng ấy ai mà bền lòng chống trả cho mạnh mẽ, ắt đặt công trước mặt Chúa. Nhưng mà ít kẻ hăm khớp gò cương, một ưng chịu theo nó, nên mắc vòng tội lụy.

31 – H. – *Tội kiêu ngạo trọng nhẹ thế nào ?*

T. – Tội kiêu ngạo chia đặt làm hai bậc :

Một là, *bạc nhứt* là kẻ tâng mình lên đến đôi tượng không còn ai hơn mình, nên chẳng chịu vâng luật Đ. C. T. chẳng chịu phục các đấng bề trên ; như quân lạc đạo chẳng vâng phục Đ. Giáo-tông. Tội này chẳng khác tội thẳng Luxiphe đã làm nghịch cùng Chúa ; cho nên rất nặng chẳng khi nào ra nhẹ.

HAI là, *bạc nhĩ*. Sự kiêu căng, khoe khoan, xấc xược, như khi thấy mình có của cải, tài năng, chức quờn, danh vọng, nên ở cách hơi trên, muốn cho người ta cung kính, thì có tội nhẹ mà thôi. Trừ ra khi liêu mình làm thiệt hại người ta nặng thì phạm tội trọng. Ví dụ : thầy thuốc đốt chẳng rõ bệnh người ta, mà dám cả gan làm thuốc, liêu mình hại bệnh người ta.

32 — H. — *Tội kiêu ngạo thường sinh tội nào ?*

T. — Kể theo tính kiêu ngạo thường phạm những tội sau này :

MỘT là, hay ham hố chức quờn, dầu mình chẳng xứng đáng, cũng tưởng mình xứng đáng chức ấy.

HAI là, cậy mình đủ sức đủ tài gánh nổi những việc quá sức mình, mà chẳng cậy ơn Chúa giúp. Người thế ấy thường chuyên những việc quá bòn phận mình.

BA là, khoe khoan tài đức cho người ta kính chuộng ngợi khen .

BỐN là, làm bộ tài năng, giả hình nhưn đức, giả dạng giàu sang cho người ta kính trọng.

NĂM là, cứng đầu cứng cổ, chẳng vâng lời kẻ bề trên ; cứ ý riêng, chẳng thuận ý với ai.

SÁU là, hay giận hờn, hay cãi lầy, hay chê trách làm mất lòng người ta ; lại ít chịu thua ai.

33 H. — *Cho đăng chữa tính kiêu ngạo phải liệu thế nào ?*

T. — Phải dùng những phương thế sau này :

MỘT là, hãy nhớ mình là giống gì, xét mình thật thiếu thốn sút kém mọi bề ; có làm được chút gì lành, thì nhờ Đ. C. T. thương giúp mới làm được mà thôi.

HAI là, suy sự sống người ta vẫn vỏi lăm ; mọi sự sang trọng đời này chẳng khác mây bay khói toả.

Ba là, dầu làm nhiều việc lành việc tốt, mà bởi chỉ lo làm cho được danh được tiếng, thì hoá ra vô ích, hay là mắc tội trước mặt Chúa mà thôi.

Bốn là, nhờ Đ. C. T. năng đề kẻ kiêu ngạo phải xấu hổ sỉ nhục, mà thường ban ơn giúp kẻ khiêm nhường.

Năm là, năng nhớ Đ. C. G. là chính gương nhưn đức khiêm nhường, mà kêu xin Người xuống ơn choặng chữa tội kiêu ngạo.



ĐIỀU THỨ II

Về sự hà tiện



34 — H. — *Hà tiện là làm sao ?*

T. — Hà tiện là chững làm cho người ta mê tham của cải thế gian quá lẽ.

Vốn sự muốn tiền của, lo giữ, lo thêm theo lẽ phải, thì chẳng phải là tội ; mà lại biết ơn Đ. C. T. đã ban cho mình, để làm việc lành phước đức, bố thí cho kẻ khó khăn, mình dùng theo ý ấy, thì lập đặng kho tàng thiêng liêng trên trời. Bằng tham lam yêu chuộng của cải quá lẽ, mới có tội.

35 — H. — *Tội hà tiện nặng nhẹ thế nào ?*

T. — Kẻ theo tính hà tiện tham của đến đổi bỏ quên Đ. C. T., bỏ quên việc rồi linh hồn, một chăm lo cho được nhiều của cải mà thôi, thì có tội trọng. Ông thánh Phaolô gọi tội này là giống tội thờ bụt.

Lại kẻ bởi lòng hà tiện mà làm hại cho kẻ khác trong đều nặng, thì cũng có tội trọng.

Còn kẻ rít quá, lo lắng về của cải quá lẽ, mà chẳng

lỗi phép công bình, thì vốn có tội nhẹ mà thôi. Nhưng mà chứng nầy mở đường nhiều tội khác :

Một là, hà tiện thì ra cứng lòng chẳng biết thương giúp kẻ bần nhơn.

Hai là, hăng lo choặng giữ tiền bạc, đặng thêm ruộng đất, đặng nhiều của cải, chẳng còn lo đến việc linh hồn bao nhiêu.

Ba là, sinh lòng gian tham chẳng giữ lễ phải trong việc tiền tài, làm nhiều điều trái phép công bình.

36 — H. — *Phương thế nào mà chữa tính hà tiện ?*

T. — Một là, hãy suy của cải đời nầy là phù vân, sớm còn, tối mất ; đến khi chết chẳng đem theo được thứ gì. Hãy nhớ lời Đ. C. G. đã trách người kia rằng : *Ớ đũa đại đột kia, mấy phải chết nội đêm nầy thì những của cải mấy để cho ai ?*

Hai là, suy kẻ giàu có, khó lên nước thiên đàng, như lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Dắt con camêlô qua lỗ kim còn dễ hơn kẻ giàu có vào nước thiên đàng.*

Ba là, bố thí cho kẻ khó khăn.

Bốn là, coi Đ. C. G. và Đức Mẹ đã giữ sự khó khăn thế nào. Phước cho kẻ có lòng khó khăn vì ngày sau sẽ đặng của trên trời.

ĐIỀU THỨ III

Về sự ghen ghét

37 — H. — *Tính ghen ghét là làm sao, và sinh ra tội nào ?*

T. — Ghen ghét là buồn bực phân bì, vì thấy kẻ khác đặng sự lành thanh lợi phần hồn hay là phần xác.

Khi thấy người ta khôn ngoan hơn đức, hoặc đặng

của gì, mà phân bì muốn ra sức cho đặng như vậy ; hoặc khi buồn vì sợ người ta đặng chức quyền làm hại cho mình, thì chẳng phải là tội. Thật tội ghen ghét là phân bì, buồn bực, phân nân vì thấy kẻ khác đặng sự lành thì kẻ như mình phải thiệt hại ; người ta đặng danh tiếng bao nhiêu, thì kẻ như mình phải mất tiếng bấy nhiêu.

Tội này vốn nặng, vì nghịch nhơn đức thương yêu dạy ta phải mừng khi thấy người ta đặng sự lành. Có nhiều khi ra tội nhẹ, vì kẻ ghen tương thường chưa kịp suy cho đủ, hoặc phạm trong đều nhẹ.

Tính ghen tương sinh ra những chứng xấu sau này :

Một là, sinh sự ghét người ta.

Hai là, vui mừng quấy khi thấy người ta bị sự dữ.

Ba là, nói hành, nói gièm, năn nỉ...

38 — H. — *Phải làm sao cho đặng chữa tính ghen ghét ?*

T. — Một là, nhớ kẻ ghen ghét chẳng khác nào thằng Cain đã giết em là ông Abêlê, lại giống ma quỷ đã cám dỗ tổ-tông.

Hai là, xét việc ghen tương chẳng thêm sự lành cho mình, mà lại thêm buồn bực khó chịu.

Ba là, suy người ta là anh em với nhau, làm tôi một Chúa, Chúa dạy phải thương yêu nhau ; thấy ai đặng sự lành, thì phải vui mừng mà cảm ơn Chúa.

ĐIỀU THỨ IV

Về sự mê ăn uống

39 — H. — *Mê ăn uống là làm sao ?*

T. — Chứng mê ăn uống làm cho người ta ham hố việc ăn uống quá lẽ.

Vốn ăn uống biết ngon biết vui, thì chẳng có tội gì,

vì Đ. C. T. đã cho đồ ăn uống có mùi ngon ngọt cho ta dễ dùng mà nuôi xác cho sống. Bằng ai ăn uống mà có một ý cho vui xác thịt mà thôi, thì mới có tội.

Trong việc ăn uống người ta mắc tội :

Một là, khi uống rượu quá chén, say mê, chẳng còn tỉnh táo. Trừ ra kẻ chẳng quen uống rượu, nên chẳng ngờ là say, mà rủi say thì khỏi tội.

Hai là, khi đã no nê mà còn ăn uống, có một ý cho vui sướng xác thịt.

Ba là, ăn uống quá lẽ làm hại phần xác hay là phần hồn ; hoặc làm thiệt hại kẻ khác. Ví dụ : bởi chồng ăn uống thái quá, nên vợ con phải đói khát.

Bốn là, sắm đồ ăn uống quý lạ quá bậc mình.

40 — H. — Tội mê ăn uống nặng nhẹ thế nào ?

T. — Mê ăn uống thường kẻ là tội nhẹ, trừ ra những khi sau này là tội nặng :

Một là, khi ai theo tính xác thịt đến nỗi chẳng còn yêu sự gì hơn việc ăn uống, thì bụng nó là Chúa nó thờ, như kẻ ông thánh Phaolô đã quả xua.

Hai là, bởi mê ăn uống bỏ việc bốn phần trong đều trọng ; hoặc xa xỉ của, hoặc nợ nần, làm hại người ta cách nặng.

Ba là, khi lỗi luật Hội-thánh buộc ăn chay kiêng thịt.

Bốn là, khi ăn uống làm hại phần xác nặng : hoặc uống rượu say đến nỗi mất trí khôn, không biết phân biệt nên hư phải quấy nữa. Còn kẻ say ít ít, chưa mất trí khôn thì mắc tội nhẹ. Nhưng mà trước khi say làm vậy đã biết mình sẽ có chén, thì sẽ nói sẽ làm những điều có lỗi nặng, hay là làm gương xấu cho kẻ thấy, kẻ nghe, thì phạm tội nặng.

41 — H. — *Chứng say sưa sinh ra sự dữ nào ?*

T. — Mê uống rượu say sưa thường sinh những sự tệ sau này :

Một là, trí sáng trở nên u ám mê muội ; xác hồn ra yếu đuối, không còn làm nổi việc phải làm.

Hai là, bồi thêm lửa dâm dục.

Ba là, sinh sự xa xỉ tiền của, gây ngà giận ghét nhau.

Bốn là, làm cho phần xác phải trăm sự hiểm nghèo : sinh đủ thứ bệnh hoạn ; hoặc chết đàng chết sá, chẳng khác loài cầm thú.

42 — H — *Cho kẻ khác uống rượu say có tội chăng ?*

T. — Như biết có cho uống thêm chắc nó say mê, thì chẳng nên cho, chẳng nên bán nữa, kéo làm có cho nó phạm tội mà mình cũng mắc tội. Trừ ra khi sợ khốn khó nặng thì mới nên cho thêm, bán thêm. Ví dụ : như chẳng bán chẳng cho nữa, thì sợ nó đánh đập thù oán mà cáo gian, đốt nhà... Lại khi rượu nên phương thuốc chữa bệnh, thì nên cho, như cho kẻ mắc dịch uống rượu mạnh, dầu nó say mê mang, cũng không có tội ; vì rượu trị bệnh trước mới say sau, và có một ý cho lành bệnh mà thôi. Nhưng mà chẳng nên cho kẻ gần chết uống say, đặng nó khỏi biết sự đau đớn ; vì làm cho nó bất tỉnh, mất trí khôn, ấy là việc dữ ; mà chẳng khi nào nên làm sự dữ cho được sự lành.

43 — H. — *Phương thế nào cho đặng chữa chứng mê ăn uống say sưa ?*

T. — Một là, đọc kinh nhắc lòng lên cùng Chúa trước khi ăn uống.

Hai là, lánh nơi thường uống rượu, đừng bạn bè với người trà rượu, với kẻ ham ăn uống chơi bời vô ích.

Ba là, suy xét chứng say sưa làm hại phần hồn phần xác thế nào.

Bốn là, đang khi ăn uống phải giữ phép thích trung; chớ duông theo tính xác thịt. Hãy nhớ lời ông thánh Phao-lô dạy rằng : *Anh em hãy giữ đừng để lòng mình ra mê ăn uống say sưa, kẻo anh em phải chết thình lình, ăn năn tội chẳng kịp chẳng ?*

44 — H. — *Hút nha-phiến có tội thế nào ?*

T. — Ghiền nha-phiến cũng thuộc về chứng mê ăn uống ; vì kẻ hút nó thì mau ghiền ; ghiền rồi khó bỏ, lại sinh nhiều điều thiệt hại phần hồn phần xác, hại vợ con gia sự, và cũng hại chung, như đã thường thấy. Vì vậy kẻ hút chơi một ít lần liền mình ghiền, thì chẳng khỏi tội trọng. Trừ ra kẻ hút thử một hai lần mà thôi, không liền mình ghiền, cũng không sinh gương xấu nào khác, thì mới khỏi tội nặng.

Còn kẻ ghiền rồi, mà chẳng ra sức chữa bỏ hay là bớt lần lần cho dễ bỏ dứt, thì cũng chẳng khỏi tội nặng. Trừ ra kẻ ghiền đã thâm niên yếu liệt, sợ bỏ dứt phải đau nặng, hoặc phải chết : chúc ấy khỏi tội ; nhưng mà cũng phải cầm chừng, hút vừa đủ mà thôi. Sau nữa nghe nói hút cho lành bệnh nọ bệnh kia, thì chẳng nên tin. Vì xưa nay thường thấy kẻ tin làm vậy, thì đã ghiền hết, chẳng sót mấy người. Té ra thêm bệnh nọ, mà cũng không hết bệnh kia.

ĐIỀU THỨ V

Về sự hờn giận.

45 — H. — *Hờn giận có mấy cách và có tội chẳng ?*

T. — Hờn giận có hai cách :

Một là, bằng bởi lòng tốt, ý lành, mà giận, quở trách,

sửa phạt kẻ xấu tính, xấu nết, chẳng chịu chữa, thì là giận phải lẽ. Ví dụ : cha mẹ, chủ nhà thấy con cái, đầy tớ làm đều trái, nên tỏ lòng giận, nói nặng lời cho nó sửa mình, thì vốn chẳng có tội. Kìa Đ. C. G., cũng có giận làm vậy khi Người đuổi kẻ làm vô phép trong đền thánh Giêrusalem. Có một khi kẻ bề trên giận trách phạt quá lẽ, mới có tội.

HAI là, phần nhiều kẻ giận hễ gặp sự gì trái ý mình, liền theo tính nóng nảy trong lòng hay là bề ngoài, mà giận quá lẽ và muốn báo thù.

Kẻ giận làm vậy, chẳng mấy khi có ý lành ; nó một cử tính tự nhiên xao xiển bối rối trong lòng mà buồn lòng độc, miệng dữ cùug muốn báo hại người ta thì nhiều khi phạm tội trọng.

Còn kẻ giận nổi xung tâm một chút, nói vài lời nặng, rồi bỏ qua thì thường là tội nhẹ.

46 - H. - *Chứng hờn giận sinh ra những tội nào ?*

T. — Hờn giận thường sinh ra những tội sau này :

Một là, hờn giận ghét trong lòng, tội muốn báo thù làm hại người ta.

HAI là, tội giận bề ngoài, nhiều khi ra hoảng hốt, như mất trí khôn, chẳng còn biết suy lẽ nữa.

Ba là, tội nói hành, bỏ vạ, nói lộng ngôn, mắng chưởi, rủa nộp ;

Bốn là, tội rầy rà, đánh đập ; có khi đâm chém, tra thuốc độc....

47 - H. — *Phải làm sao cho dặng chữa tính nóng giận ?*

Một là, nhớ lòng hiền lành Đ. C. G. đã thương kẻ làm mất lòng Người, lại ghe phen nhìn kẻ phạm tội.

HAI là, suy những sự dữ bởi tính xấu này mà ra.

BA là, đang khi nổi giận, khoan nói khoan làm.

BỐN là, hãy tập nhưn đức hiền lành nhĩn nhục, nhớ lời Đ. C. G. dạy rằng : *Hãy học cùng Tao, vì T. hiền lành và khiêm nhượng trong lòng.*

ĐIỀU THỨ VI

Về sự làm biếng

48 — H. — *Làm biếng là làm sao ?*

T. — Làm biếng là tính ơ hờ, trễ nải, làm cho người ta :

a) chẳng muốn ép mình giữ đạo nên, cho đặng rồi linh hồn ;

b) chẳng muốn chịu khó làm việc cho xứng bòn phận mình, một muốn ở không nhưng vô sự.

Kẻ ra sức chống trả tính làm biếng, mà lo đủ mọi việc bòn phận, thì thêm công nghiệp trước mặt Chúa.

Còn kẻ theo tính biếng nhác, chẳng ép mình chịu khó, thì thường mắc tội nhẹ ; bằng làm biếng quá nên bỏ việc trọng, việc cần kíp phải làm, thì có tội trọng. Ví dụ : người ở gần nhà thờ làm biếng bỏ xem lễ Chúa-nhứt, thì không khỏi tội trọng.

49 — H. — *Tính làm biếng có sinh ra tội gì chẳng ?*

T. — Làm biếng hay sinh những sự dữ sau này :

Một là, sơ sai việc bòn phận, làm việc lấy có lấy rồi, nhàm lờn việc lành, hay lỗi luật phép.

Hai là, ở nhưng không mất ngày giờ vô ích.

Ba là, lòng động lòng lo về sự hèn thế gian, chỉ muốn việc vui chơi.

BỐN là, non lòng yếu sức, chẳng muốn chịu khó làm việc lành cho đặng rồi linh hồn.

50 — H. — *Dùng những phương thế nào cho đặng chữa tình làm biếng ?*

T. — Một là, ân cần lo việc thờ phượng Chúa, chí thú làm việc bốn phận.

Hai là, hãy suy chết rồi chẳng còn làm được việc lành.

Ba là, ở đời này phải chiến trận cùng ba thù ; ai làm biếng, chắc phải thua luôn.

Bốn là, nhớ lời ông thánh Phaolô : *Công linh chịu khó đời này chẳng bao lăm, chẳng bao lâu, mà phần thưởng đời sau thì chẳng hay cùng, chẳng hay hết.*

PHẦN THỨ CHÍN

Về ơn Đ. C. T. và bảy phép bí tích

Đoạn I — Về ơn Đức Chúa Trời.

, , *II* — Nó chung về các phép Bí-tích.

, , *III* — Về phép Rửa tội.

, , *IV* — Về phép Thêm sức.

, , *V* — Về phép Minh thánh.

, , *VI* — Về việc tế lễ Misa.

, , *VII* — Về phép Giải tội.

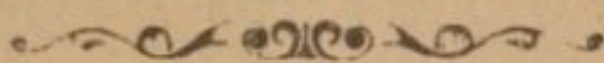
, , *VIII* — Về phép Xức dầu thánh.

, , *IX* — Về phép truyền chức thánh.

, , *X* — Về phép Hôn-phối.

ĐOẠN THỨ I

Về ơn Đức Chúa Trời



1 - H. — *Bởi sức tự nhiên ta cóặng giữ luật Đ. C. T. và rồi linh hồn chẳng ?*

T. — *Chẳng đặng ; có ơn Chúa giúp thì mới đặng. Vì chưng trí lực loài người bởi tội tổ-tông đã ra tối tăm yếu đuối ; dầu luật tự nhiên cũng khó biết cho đủ, khó giữ cho trọn. Tuy còn biết làm lành lánh dữ ít nhiều : như thấy trong kẻ ngoại có người giữ công bình, có kẻ làm phước, bố thí...; thì các việc lành ấy có công đáng thưởng đời này mà thôi.*

Còn phần thưởng thiên-đàng, thật là quá công việc người ta làm theo sức tự nhiên. Cho nên nội sức tự nhiên người ta, chẳng những là chẳng giữ lề luật Chúa cho trọn, mà lại chẳng làm được việc lành nào cho đáng thưởng trên thiên-đàng, theo lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Chẳng có Tao giúp sức cho bay, thì bay chẳng đặng làm việc gì lành.*

Ông thánh Phaolô cũng đoán rằng : *Bởi sức riêng thì chẳng đặng thưởng việc gì lành ; có ơn Đ. C. T. giúp, thì mới đặng mà chớ.*

Ấy vậy ta hãy nhớ ơn Đ. C. T. rất cần kíp :

Một là, cho ta đặng tin cậy kính mến Đ. C. T.

Hai là, cho đặng biết luật Đ. C. T. mà giữ cho trọn.

Ba là, cho đặng muốn và làm việc lành xứng đáng lãnh phần thưởng trên nước Thiên-đàng.

Bốn là, cho đặng chống trả chước ma quỷ cám dỗ và giữ ơn nghĩa cùng Đ. C. T. cho bền đỗ.

2 - H. - *Ơn Đ. C. T. là gì?*

T. — Mọi sự lành ta đặt về phần hồn phần xác, vốn hết thấy là ơn Đ. C. T.; nhưng mà đây có ý nói về ơn siêu tánh mà thôi.

Vậy ơn Đ. C. T. là sức thiêng-liêng quá bôn tính tự nhiên loài người ta, Đ. C. T. ban xuống vì công-nghiệp Đ. C. G., cho ta đặt rồi linh hồn.

Một là, ơn Đ. C. T. là sức thiêng-liêng *quá bôn tính tự nhiên*: nghĩa là ơn Chúa nhắc người ta lên bậc trọng hơn, và giúp cho đặt làm nhiều việc quá sức tự nhiên loài người.

Hai là, Đ. C. T. *ban xuống*: nghĩa là chẳng có đứng nào ban ơn cho ta đặt; dầu Đức Mẹ, dầu Thần thánh cũng nguyện xin cho ta mà thôi; có mình Đ. C. T. là chính Đấng ban mọi ơn, như lời Sách thánh dạy rằng: *Mọi ơn lành người ta đặt, thì bởi trên trời mà xuống, và bởi Đ. C. T. mà ra.*

Vả Đ. C. T. chẳng mắc nợ ai, một bởi lòng nhơn từ rộng rãi xuống ơn cho ta rồi linh hồn.

Ba là, *vì công nghiệp Đ. C. G.*: nghĩa là việc ta làm, lời ta xin, vốn chẳng xứng đáng Chúa tha tội và thương giúp ta. Nhưng mà nhờ có Đ. C. G. ra đời chịu nạn chịu chết, lập công nghiệp vô cùng cho ta, thì ta mới đặt nghĩa cùng Đ. C. T. và đáng Chúa thương giúp, như lời ông thánh Phaolô dạy rằng: *Đ. C. G. đã chịu chết cho ta... ta đã nhờ máu rất thánh Đ. C. G. cho đặt nghĩa lại cùng Chúa.*

Bốn là, *cho ta đặt rồi linh hồn*: nghĩa là mọi ơn Đ. C. T. ban xuống có ý giúp ta làm việc lành lập công cho ngày sau đặt lãnh phần phước đời đời; cho nên ông

thánh Phaolô dạy rằng : *Ơn Đ. C. T. làm cho ta đặng sống đời đời.*

Ấy vậy chẳng có ơn Đ. C. T. ban xuống, thì chẳng ai đặng rồi linh hồn.

3 — H. — *Ơn Đức Chúa Trời chia làm mấy thứ ?*

T — *Ơn Đ. C. T. chia hai thứ : một là ơn nghĩa thánh, hai là ơn giúp.*

Một là, *ơn nghĩa thánh* là ơn ở bên đỡ trong linh hồn ta, làm cho ta có nghĩa thiết cùng Chúa và đáng hưởng phước thiên-đàng. Khi nào phạm tội trọng liền mất ơn ấy.

Ơn nghĩa thánh này lại phân làm hai thứ :

Thứ nhứt, là ơn làm cho ta khỏi tội, nên lành trước mặt Đ. C. T., nên con trung nghĩa Chúa, và đáng lên nước thiên-đàng. *Ơn* này thường gọi là *ơn nghĩa thứ nhứt*. Khi ta chịu phép Rửa tội, hoặc khi mắc tội trọng mà chịu phép Giải tội nên, thì đặng *ơn nghĩa thứ nhứt* này.

Thứ hai, khi kẻ đã có *ơn nghĩa thứ nhứt* rồi, hoặc chịu phép bí-tích hoặc làm việc gì lành, thì đặng thêm *ơn nghĩa* cho nhiều hơn nữa. *Ơn* thêm này thường gọi là *ơn nghĩa thứ hai*.

Hai là, *ơn giúp*, là sức thiêng liêng Đ. C. T. ban xuống cho kẻ lành đặng giữ và thêm *ơn nghĩa thánh* ; cho kẻ có tội dặng ăn-năn trở lại.

Ơn giúp này cũng chia làm hai thứ :

Thứ nhứt. *Ơn giúp* bề trong ; như khi Đ. C. T. mở lòng ta trở lại, lánh dịp tội, hoặc sốt sắng cứu giúp linh hồn kẻ khác, chịu khó cho đặng tấn tới trong đàng ơn đức.

Thứ hai. Ơn giúp bề ngoài. Ví dụ : Chúa cho cha mẹ có đạo coi sóc dạy dỗ, bề trên nhắc bảo dẫn đường lành, nghe giảng, đọc sách, thấy gương tốt...

Mọi ơn Đ. C. T. ban xuống mà giúp bề trong hoặc bề ngoài thì đều quý báu và cần kíp cho ta lắm ; nhưng mà ơn giúp bề trong trọng và cần nhứt, vì chừng chẳng có ơn Chúa mở trí giục lòng ta, thì mọi ơn giúp bề ngoài ra vô ích.

4 — H. — *Ơn Đ. C. T. ban xuống giúp người ta, có sinh ích lợi luôn chẳng ?*

T. — Ơn Đ. C. T. sinh ích lợi thì tùy theo kẻ dùng ơn nên hay là chẳng, kẻ càng ra sức dùng nên thì càngặng ích lợi chẳng sai ; còn kẻ chẳng dùng nên, thì chẳngặng ích gì.

Kìa ông thánh Aucuxitinh, bà thánh Madalêna đã dùng ơn Đ. C. T. mà ăn năn trở lại và nên thánh. Ông thánh Phanxicô-Xavie bởi nương theo ơn Chúa thì đãặng đem muôn dân trở lại đạo thánh Chúa.

Phải chi bôn đạo lo dùng ơn Chúa cho nên luôn, thì mauặng giàu có mọi giống phước đức và chắc chắn rồi linh hồn. Nhưng mà kẻ làm biếng trễ nải từ bỏ ơn Chúa, thì nhiều, ai hầu kẻ xiết ?

5 — H. — *Kẻ từ bỏ ơn Đ. C. T. có mắc tội chẳng ?*

T. — Kẻ cả lòng chống cãi ơn Đ. C. T. giục bảo về đường lành thì chẳng khỏi tội nặng, vì những lẽ sau này :

Một là, ơn Chúa là của báu trọng Đ. C. G. đã lấy Máu rất thánh mình mà chuộc. Vậy Đ. C. T. ban ơn cho ta, thì chẳng khác gì Chúa rưới máu thánh Người trong linh hồn ta ; cho nên kẻ từ bỏ ơn Đ. C. T. thì ra như làm hư giày đạp máu thánh và công nghiệp Đ. C. G. vậy.

Hai là, ơn Đ. C. T. là phương thế rất cần kíp cho ta

đặng rồi linh hồn, cho nên kẻ từ rầy ơn cần kíp làm vậy, thật là giết linh hồn mình.

Ấy vậy kẻ vong ân bội nghĩa thì làm mất lòng Đ. C. T. và đáng phạt nặng lắm, theo lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Kẻ chẳng có (là kẻ chẳng dùng ơn Chúa nên) thì sẽ cất lấy đi hết... Tao đã kêu bay, mà bay chẳng thèm nghe, Tao giơ tay ra kêu bay tới ; mà chẳng ai tới Tao... Bây giờ bay kêu Tao, Tao chẳng nghe ; bay tìm Tao, mà chẳng gặp Tao nữa.*

6 - H - Đ. C. T. có ban ơn cho mọi người bằng nhau chẳng ?

T. — Đã hay rằng Đ. C. T. chẳng mắc nợ ai. Người làm chủ mọi ơn, muốn ban cho ai nhiều ít, mặc thừa thánh ý Người. Song ai lo lắng mà dùng mọi ơn Chúa cho nên, thì Người sẵn lòng xuống ơn thêm như lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Kẻ nào có, thì sẽ đặng thêm cho giàu có dư dật.* Vậy muốn cho Đ. C. T. ban ơn cho nhiều, thì :

Một là, hãy lo dùng mọi ơn Chúa cho nên, đừng bỏ ơn nào ra vô ích.

Hai là, phải ân cần lo cầu nguyện cho sốt sắng, vì đã có lời Đ. C. G. phán rằng : *Bay hãy xin thì bay sẽ đặng.*

Ba là, hãy lo dọn mình chịu các phép bí-tích cho xứng đáng, nhứt là năng dọn mình rước Mình thánh Chúa ấy là mạch mọi ơn lành dưỡng nuôi linh hồn.

ĐOẠN THỨ II

Nói chung về các phép bí-tích

- I — Bí-tích là đi gì và chia mấy thứ.
 - II — Về chất và mô trong phép bí-tích.
 - III — Ai đặng làm, ai đặng chịu phép bí-tích.
-

ĐIỀU THỨ I

Bí-tích là đi gì, và chia mấy thứ.

7 — H → *Bí-tích là đi gì ?*

T. -- Là dấu nhiệm bề ngoài Đ. C. G. đã lập ra mà chỉ cùng ban ơn thiêng liêng trong linh hồn người ta.

a) dấu nhiệm bề ngoài ; nghĩa là trong phép bí-tích có đều bề ngoài mắt thấy, tai nghe đặng, mà chỉ việc bề trong. Ví dụ : Xối nước trên đầu kẻ chịu phép Rửa tội và nói : Tao rửa mày, v. v..., thì việc làm lời nói chỉ đến ơn thánh bề trong rửa linh hồn cho khỏi tội. Người ta thấy việc bề ngoài làm vậy, mới dễ hiểu dễ tin việc mầu nhiệm trong lòng kẻ chịu phép bí-tích.

b) Nói là dấu Đ. C. G. đã lập ra, vì chúng có một mình Đ. C. G. là Chúa phép tắc vô cùng, là căn bản mọi ơn thánh, mới làm đặng cho dấu này lời kia chỉ cùng sinh ơn thiêng-liêng trong linh hồn người ta. Bởi vậy công đồng Tridentinô đã luận rằng : « Hễ người nào dạy rằng : « các phép bí-tích đạo mới chẳng phải là Đ. C. G. lập ra hết thấy, thì dứt phép thông công. » Lại ông thánh Thoma dạy rằng : « Bởi có một mình Đ. C. G. đặng phép ban ơn cho ta, cho nên cũng có một mình Đ. C. G. lập đặng phép bí-tích mà thôi. » Dầu Hội-thánh lập nhiều lễ nhạc dạy phải giữ khi làm phép bí-tích, song chẳng phải là lập thêm phép bí-tích nào đặng.

c) Nói là dấu chỉ cùng ban ơn thiêng-liêng, bởi vì các phép bí-tích Đ. C. G. đã lập, có sức chỉ và sinh ơn thánh trong linh hồn người ta.

Chúa đã lập bảy phép như thế là bảy nhiều máng Chúa dùng mà đổ xuống mọi ơn ta thiếu thốn phần hồn và phần xác. Cho nên chẳng phải là bởi công nghiệp kẻ làm, kẻ chịu phép bí-tích, một bởi thánh ý Đ. C. T. đã định cho mỗi một phép đặng sức linh nghiệm sinh ơn thiêng liêng trong linh hồn người ta.

PHẦN IX — Đoạn 2 : Nói chung về các phép bí-tích 141

8 — H. — Có mấy phép Bí-tích ?

T. — Có bảy : là phép Rửa tội, phép Thêm sức, phép Minh thánh Chúa, phép Giải-tội, phép Xức dầu thánh cho kẻ gần chết, phép Truyền chức thánh, và phép Hôn-phối.

Ấy là điều chắc chắn ta phải tin, vì những lẽ sau này :

Một là, từ đời các thánh Tông-đồ Hội-thánh cứ dùng bảy phép này, lại có lời công đồng Tridentinô luận rằng : « Hễ ai dạy rằng : các phép bí-tích nhiều hơn hay là ít hơn bảy phép này là phép Rửa tội, phép..., thì dứt phép thông công. »

Hai là, trong Sách thánh chẳng nói Đ. C. G. lập phép bí-tích nào khác, mà có lời chỉ bảy phép bí-tích này mà thôi.

Ba là, theo lời ông thánh Thoma giải nghĩa, thì Đ. C. G. lập bảy phép bí-tích rất xứng hợp với tính loài người ta, vì chung sự sống phần hồn tương-tợ sự sống phần xác. Có bảy điều cần mà giữ sự sống người ta : Con người ta trước sinh ra, sau lớn lên, ăn uống nuôi xác, uống thuốc khi mắc bệnh, giúp đỡ hồi lâm chung, có kẻ lớn cai trị, lại sinh sản mà nối loài người. Vậy Đ. C. G. đã lập :

Một là, phép Rửa tội cho ta đăng sự sống thiêng-liêng.

Hai là, phép Thêm sức linh hồn cho mạnh.

Ba là, phép Minh thánh Chúa nuôi dưỡng linh hồn.

Bốn là, phép Giải tội chữa tật tội lỗi.

Năm là, phép Xức dầu thánh khử trừ vết tích tội lỗi, mà giúp đỡ trong giờ lâm tử.

Sáu là, phép Truyền chức thánh cho có đấng cai trị gìn giữ Hội-thánh coi sóc bốn đạo.

Bảy là, phép Hôn-phối để mà sinh sản con cái giữ đạo thánh Chúa cho đến ngày tận thế.

9 — H. — Các phép Bí-tích chia làm mấy thứ ?

T. — Thường các phép Bí-tích chia những thứ sau này :

ĐẠI NGUYÊN

Một là, phép bí-tích kẻ chết và phép bí-tích kẻ sống.

a) phép Rửa tội và phép Giải tội gọi là *bí-tích kẻ chết*, bởi vì kẻ chưa dâng ơn nghĩa Chúa, cũng như chết trước mặt Đ. C. T. Khi chịu phép Rửa tội khỏi tội tổ-tông, mới dâng sự sống thiêng-liêng. Lại như ai sau rủa phạm tội trọng, mất nghĩa cùng Chúa, thì nhờ phép giải tội cho dâng sống lại thiêng liêng.

b) Còn các phép bí-tích khác gọi là *bí-tích kẻ sống*, bởi vì có một mình kẻ đã dâng ơn nghĩa Chúa, là sự sống thiêng-liêng, mới nên chịu các phép ấy mà thôi.

Hai là, phép bí-tích chịu một lần, phép bí-tích dâng chịu nhiều lần.

a) Ba phép : Rửa tội, Thêm sức, Truyền chức thánh, thì in trong linh hồn kẻ chịu một dấu thiêng liêng chẳng hề mất. Dầu mắc tội trọng, dầu mà chết, dấu này cũng còn dính trong linh hồn luôn, cho nên ba phép này *chịu dâng có một lần mà thôi*.

b) Phép Xức dầu thánh và phép Hôn-phối cũng có lẽ *chịu nhiều lần*, mà nhưt là phép Giải tội và phép Minh thánh Chúa, là hai phương linh diệu Chúa lập để cho ta năng dùng mà hãm dẹp các tính xấu và giữ đạo cho trọn.

10 — H. — Trong bảy phép Bí-tích, phép nào cần hơn, phép nào trọng hơn ?

T. — Vốn bảy phép bí-tích thật là rất trọng, rất cần cho bốn phận loài người, nhưng mà phép Rửa tội và phép Giải tội cần kíp hơn, vì làm cho ta dâng nghĩa lại cùng Chúa, và được chịu các phép khác.

Phép Minh thánh Chúa trọng hơn hết, vì các phép khác là phương Chúa dùng mà xuống ơn thánh cho ta ; còn phép Thánh Thể thì có chính Minh Đ. C. G. là mạch mọi ơn thánh, ăn mình trong hình bánh rượ. Khi chịu các phép khác thì dâng ơn Chúa, còn khi chịu phép Thánh Thể thì dâng chính mình Chúa ngự trong linh hồn.

ĐIỀU THỨ II

Về chất và mô trong phép bí-tích

11 — H. — *Những sự gì cần kíp cho thành một phép bí-tích ?*

T. — Có ba sự sau này :

Một là, phải có đồ dùng gọi là chất.

Hai là, phải có lời nói kêu là mô.

Ba là, phải có người làm phép bí-tích và có ý muốn làm sự Hội-thánh làm.

Trong ba điều này thiếu một, thì chẳng thành phép bí-tích. Bởi đó cho nên dầu cho nhắm chất trúng mô, bằng kẻ làm không có chức, hoặc làm không có ý muốn làm việc Hội thánh làm, thì chẳng thành phép.

12 — H. — *Chất trong phép bí-tích là gì ?*

T. — Chất là vật dùng, hay là việc làm bề ngoài, lấy mà làm phép bí-tích. Ví dụ : Nước, việc xối nước khi làm phép Rửa tội ; việc xưng tội trong phép Giải tội.

Bảy phép bí-tích đều có chất riêng, hoặc vật dùng hoặc việc làm. Hội-thánh dạy dùng vật nào thì phải dùng vật nấy. Bằng đổi chất ra giống khác, chẳng còn phải là vật Đ. C. G. đã dạy dùng mà làm phép bí-tích, thì chẳng thành phép. Ví dụ : lấy rượu mà rửa tội, lấy bánh bột gạo mà làm lễ, thì chẳng thành phép.

Bằng chất ra khác một chút mà thôi, như lấy nước trong ve có hơi rượu hơi thuốc, làm phép Rửa tội thì cũng thành phép, vì nước ấy còn kể là nước thật. Nhưng mà bởi các phép bí-tích là việc rất hệ trọng, nên kẻ làm và người giúp phải lo cho toàn hảo, giữ cho cẩn thận, mới khỏi tội.

13 — H. — *Mô trong phép bí-tích là làm sao ?*

I. — Mô thường là lời đọc đang khi dùng chất mà làm phép bí-tích. Vì chưng nội chất không thì chưa chỉ rõ việc gì, phải có lời đọc giải nghĩa chất ấy, mới chỉ ơn thánh cho rõ cho trọn. *Ví dụ :* Kẻ làm phép Rửa tội xối nước và đọc lời rằng : Tao rửa mày nhưn danh Cha..., thì kẻ nghe thấy mới hiểu việc xối nước trên đầu kẻ chịu phép, là chỉ ơn thiêng liêng trong linh hồn, chẳng phải là rửa cho sạch phần xác.

Mỗi phép bí-tích điều có mô riêng ; kẻ làm phép chẳng nên sửa hay là đổi ra nghĩa khác. Ai cả lòng dám đổi chất hoặc mô khi làm phép bí-tích thì chẳng khỏi tội trọng. Cho nên các bôn đạo, nhưt là chức việc phải thuộc lời mô phép Rửa tội cho rành, để khi phải Rửa tội thì làm cho nên.

ĐIỀU THỨ III

Ai đặt làm, ai đặt chịu phép bí-tích.

14 — H. — *Ai đặt làm, ai đặt chịu phép bí-tích ?*

T. — Chính phép kẻ có chức giám-mục linh-mục trong Hội-thánh mới đặt làm. Có một phép Hôn-phối thì hai người nam nữ và làm và chịu phép bí-tích một lượt.

Lại phép Rửa tội bằng gấp quâ mà chẳng có thầy cả, thì mọi người có trí khôn bất kỳ nam nữ rửa tội cũng thành phép.

(Còn người nào đặt chịu thì sẽ nói riêng trong mỗi một phép.

Trong số 11 trước này đã giải ba điều cần kíp cho thành phép bí-tích. Nhưng mà giữ vừa đủ cho thành phép chưa đủ. Hội-thánh đã ra luật, buộc giữ khi làm hoặc khi chịu các phép bí tích. Dầu thành phép, bằng chẳng ra sức

giữ luật Hội-thánh cho trọn thì phạm tội. Ấy vậy kẻ làm và kẻ toan chịu phép bí-tích nào, thì phải giữ mọi điều y như luật dạy, và càng dọn mình sốt sắng, càng dâng nhờ nhiều ơn ích.

ĐOẠN THỨ III

Về phép Rửa tội

- I — Nói phép Rửa tội là làm sao.
- II — Phép Rửa tội cần kíp thế nào.
- III — Về chất mô, và cách làm phép Rửa tội.
- IV — Về kẻ làm phép Rửa tội.
- V — Về kẻ chịu » » »
- VI — Về cha mẹ đỡ đầu.

ĐIỀU THỨ I

15 — H. — *Phép Rửa tội là gì ?*

T. — Là phép bí-tích Đ. C. G. đã lập mà tha tội tổ tông với các tội riêng mình đã phạm, và làm cho ta đăng làm con cái Đ. C. T. và con Hội-thánh.

Đ. C. G. đã lập phép này khi dạy ông thánh Gioan Baotixita làm phép Rửa cho Người. Chẳng phải là Đ. C. G. có vít-tích bọn nhơ tội lỗi nào mà phải rửa, một có ý làm cho nước trở nên sạch và có sức rửa linh hồn người ta cho sạch tội.

Lại sau, khi Đ. C. G. sai các thánh Tông-đồ, thì Người dạy rằng : *Bay hãy đi mà dạy các dân các nước và rửa tội cho nó.*

16 — H. — *Chịu phép Rửa tội,ặng những ích gì ?*

T. — Đặng những ích sau này :

MỘT là, khỏi tội tổ-tông và các tội mình phạm trước khi chịu phép Rửa tội, theo lời công luận Tridentinô : « Trong lòng kẻ mới chịu phép Rửa tội thì chẳng còn điều gì không đẹp thánh ý Chúa. »

HAI là, bởi khỏi tội thì đặng ơn nghĩa thứ nhứt cùng khỏi hình phạt đời đời, và phần phạt tạm bởi tội mà ra, như ông thánh Phaolô đã dạy rằng : *Kẻ chịu phép Rửa tội đặng vào trong Đ. C. G Kirixitô, nên chẳng còn điều nào đáng phạt nữa.* Cho nên kẻ lớn chịu phép Rửa tội nên, mà chết khi chưa phạm tội gì khác, liền đặng lên nước thiên đàng tức thì, chẳng khác chi con trẻ chết khi mới rửa tội.

BA là, phép Rửa tội nhắc ta lên bậc trọng hơn, cùng giúp ta đặng làm nhiều việc quá sức tự nhiên loài người.

BỐN là, làm cho ta nên con Đ. C. T. yêu dấu, nên em Đ. C. G., nên đền thờ Đ. C. Thánh-Thần ngự, nên con Đức Mẹ, thành con cái Hội-thánh ; cho nên sẽ đặng phần gia tài rất quý trọng Chúa để dành cho ta trên thiên-đàng : và đời này đặng nhờ các phép Bí-tích, cùng thông công nhờ các ơn lành trong Hội-thánh.

NĂM là, in vào linh hồn một dấu thiêng-thiêng chẳng hề mất đặng ; cho nên phép này đặng chịu một lần mà thôi.

Ấy vậy ta hằng phải nhớ mọi ơn trọng đã đặng khi chịu phép Rửa tội, mà ăn ở cho xứng kẻ làm con riêng Đ. C. T.

ĐIỀU THỨ II

Phép Rửa tội cần kíp thế nào

17 — H. — *Phép rửa tội cần kíp cho đang rồi linh hồn chẳng ?*

T. — Phép Rửa tội rất cần kíp cho đang rồi linh-hồn vì chung :

Một là, Đ. C. G. đã phán rằng : *Tao nói thật cho chúng bay, ai chẳng sinh lại bởi nước và bởi Đ. C. Thánh-Thần, (là chịu phép Rửa tội) thì chẳng được vào nước thiên-đàng.... Ai có lòng tin và chịu phép Rửa tội thì nấy được rồi linh hồn mà thôi.*

Hai là, công đồng Tridentinô đã luận rằng : « Ai cả lòng dạy rằng : phép Rửa tội chẳng cần kíp cho đang rồi linh hồn thì phải vạ dứt phép thông công. »

Ba là, hễ làm con, mới được ăn phần gia tài, vậy kẻ chưa chịu phép Rửa tội, chưa làm con Đ. C. T. chưa thành con cái Hội-thánh ; cho nên chẳng được nhờ phép bí-tích khác, và chẳng được lãnh phần phước thiên-đàng.

Ấy vậy buộc mọi người phải chịu phép Rửa tội cho được rồi linh hồn.

18 — H. — *Vậy thì kẻ chết mà chưa chịu phép Rửa tội, chẳng được rồi linh hồn sao ?*

T. — Thật thì chẳng được, trừ ra những người sau này :

a) Kẻ chịu chết vì Chúa, như các thánh Hải-nhi vua Herode đã giết khi Chúa ra đời, và các đấng chịu chết vì đạo.

b) Kẻ đã khôn lớn muốn chịu phép Rửa tội, mà mắc thế ngặt chịu không được ; bằng trước khi chết có lòng sốt sắng kính mến Đ. C. T. hết lòng hết sức, đau đớn ghét tội lỗi mình, là ăn năn tội cách trọn, thì kẻ ấy cũng được khỏi tội và được rồi linh hồn.

ĐIỀU THỨ III

Về chất, mô, và cách làm phép rửa tội

19 - H. - *Lấy vật nào làm chất phép Rửa tội?*

T. - Nước là chính vật Đ. C. G. đã dạy dùng mà làm phép Rửa tội. Vì phép này rất cần kíp cho đặng rồi linh hồn, nên Chúa lòng lành đã chỉ và dạy dùng nước lã cho dễ kiểm.

a) Khi thầy cả rửa tội thì người dùng nước đã làm phép riêng có pha dầu thánh vào. Còn kẻ chẳng có chức thánh mà làm phép Rửa tội (như các thầy, chức việc, thầy thuốc, mục bà...) thì cứ nước lã thường mà rửa : nước sông, nước mưa, nước biển, đều được hết.

b) Các thứ chảy giống như nước. Ví dụ : nước miếng, rượu, dầu, mỡ, nước dừa... dùng mà rửa tội, thì chẳng thành phép.

c) Còn nước lã đã pha thứ khác vào như nước pha thuốc thơm, nước chè lợt lợt... hoặc nước đục quá, vốn chẳng nên dùng. Nhưng mà khi gấp quá kiểm nước khác chẳng đặng, thì cũng phải dùng mà rửa tội, mặc may thành phép. Đến khi kiểm đặng nước lã, nước sạch, thì phải rửa tội lại cách hồ nghi như sau này : « Vì bằng này chưa chịu phép Rửa tội, thì tao rửa này như danh.... »

20 - H. - *Mô phép Rửa tội là đi gì?*

T. - Là lời phải đọc đương khi xối nước mà rằng : « Tao rửa này như \times danh Cha và \times Con và Thánh Thần.

1^o - Tiếng *Tao* cần mà chỉ người làm phép.

2^o - Tiếng *Rửa* chỉ việc làm, chỉ người ta dùng nước làm việc gì.

3^o — Tiếng *Mầy*, chỉ người chịu phép Rửa tội, cho biết Rửa tội cho ai.

4^o — *Nhơn danh* chỉ một tính Đ. C. T.

5^o — *Cha và Con và Thánh Thần* chỉ ba Ngôi Đ. C. T.

Bằng đọc lấp dấp sờ sết, chẳng còn đủ tiếng mà chỉ năm điều ấy, thì chẳng thành phép, phải rửa tội lại.

21 - H. — *Phải xối nước và đọc lời mô thề nào ?*

T. — Một là, phải xối nước cho chảy ướt tới da. Bằng chảy ngoài tóc, không thấm đến da, thì chẳng chắc thành phép.

Hai là, phải xối nước trên đầu ; hoặc nhiều tóc quá, muốn xối nước nơi trán cho dễ hơn, cũng được. Khi không thể rửa nơi đầu, như khi sợ con chết chưa kịp ra khỏi lòng mẹ : chúc ấy rửa được nơi nào trọng hơn trong mình nó thì rửa, như chơn tay... Mà sau có kịp, thì phải rửa tội lại theo cách hồ nghi.

Ba là, chính một người vừa xối nước, vừa đọc lời mô một lượt. Bằng người này đổ nước, người kia đọc, thì không thành phép. Hoặc đọc trước rồi mới xối nước sau, cũng không thành.

Theo luật Hội-thánh, xối nước ba lần, hình thánh Giá đang khi đọc lời mô. Vì dầu ai xối luôn một lần, không làm hình thánh Giá, miễn là đủ ba điều kể trên, thì cũng thành phép.

ĐIỀU THỨ II

Về kẻ làm phép Rửa tội

22 - H. — *Ai dặng làm phép Rửa tội ?*

T. — Một là, hễ ai đã đến tuổi khôn, bất kỳ nam nữ, dầu có đạo dầu kẻ ngoại, miễn là có ý làm và giữ mọi điều như Hội-thánh truyền, thì rửa tội thành phép Bí-tích.

HAI là, song làm phép Rửa tội là chính việc về quyền chức linh-mục ; cho nên khi có thầy cả, thì kẻ bề dưới phải rước phải nhường cho người làm ; chẳng vậy thì có tội. Khi nào gấp quá, đợi thầy cả chẳngặng, vì sợ con trẻ chết đi, thì mới nên làm mà thôi.

Đã có luật Hội-thánh định kẻ rửa tội và kẻ cầm đầu nên bà con thiêng-thiêng với người chịu phép Rửa tội ; cho nên khi có người khác biết rửa tội thì cha mẹ chẳng nên rửa tội con mình, kẻo mắc bà con thiêng liêng. Nhưng mà khi chẳng có người khác, hoặc kêu người khác bất tiện, thì nên và buộc rửa tội con mình khi gấp-gãy.

23 — H. — *Khi chẳng có thầy cả sẵn thì bọn đạo có buộc làm phép Rửa tội chăng ?*

T. — Khi gặp kẻ muốn chịu phép Rửa tội gần chết, hay là con nít liệt nặng, ở xa thầy cả, thì chẳng những là nên, mà lại buộc phải rửa tội mà cứu linh hồn nó. Cho nên bọn đạo ai nấy, nhưt là các thầy, chức việc, thầy thuốc, mục bà, phải lo học biết cách rửa tội cho chắc chắn.

Ai nấy hãy giục lòng sốt sắng mà tìm đàng cứu linh hồn kẻ còn mắc tội tổ-tông : nhưt là khi gặp con nít ngoại đạo chưa có trí-khôn, mà yếu liệt lắm, ít trông sống, hoặc cha mẹ nó không cho, thì cũng phải liệu thể rửa tội lên cho nóặng lên thiên đàng.

Người nào siêng năng lo cứu linh hồn những trẻ con làm vậy, ắt làặng nhờ nhiều ân xá đại xá, và những linh hồn đã cứu sẽ đáp nghĩa cầu bầu cho ; lại sau sẽặng phần thưởng trọng lắm.

Vì Đ. C. G. đã khen kẻ bố thí một chén nước là của hèn mọn ; huống chi kẻ cứu chữa nhiều linh hồn cho khỏi chết vô cùng, thì Chúa sẽ trả công cách rộng rãi là dường nào.

ĐIỀU THỨ V

Về kẻ chịu phép Rửa tội

24 - H. - *Ai đặng chịu phép Rửa tội ?*

T. — 1° - Hễ ai làm con người, còn sống, và chưa chịu phép Rửa tội, thì đặng chịu. Lại mọi người ai có thể chịu đặng thì buộc phải chịu phép Rửa tội cho đặng rồi linh hồn, như đã giải trước.

2° — Con nít và kẻ dại từ bé, dầu mà không có ý tứ gì khi chịu phép Rửa tội, thì cũng khỏi tội tổ tông và nên đáng vào nước thiên-đàng ; vì nó chưa có trí khôn, không mắc tội mình làm, nên không buộc dọn mình trước khi chịu phép này. Vậy cha mẹ phải lo cho con cái mình chịu phép Rửa tội cho sớm, đừng trì hoãn, kéo con nít non yếu, e chết thành linh mà mất phần rồi.

3° — Còn những người đã có trí khôn khi trước mà sau đã phát điên ; như biết hồi nó còn trí khôn đã muốn giữ đạo, muốn chịu phép Rửa tội, thì đến khi nó đau nặng, cũng phải Rửa tội cho nó.

25 - H. — *Có nên Rửa tội cho con nhà kẻ ngoại đạo chẳng ?*

T. — Một là, khi gặp con trẻ kẻ ngoại đạo đau yếu, có lẽ nó mau chết, thì phải liệu thế Rửa tội cho nó như đã dạy trước.

Hai là, còn khi nó khỏe mạnh, hoặc đau nhẹ nhẹ :

a) Như cha mẹ đành cho nó vào nhà mồ côi, hay là cho làm con nuôi nhà có đạo, thì nên rửa tội cho nó.

b) Bằng cha mẹ nó không đành, thường chẳng nên rửa tội, vì không có thể mà lo cho nó giữ đạo đặng.

Còn con nít đã bỏ ngoài đàng sá, thì nên rửa tội ; bằng hồ nghi chẳng biết đã Rửa tội chưa, thì phải rửa tội theo cách hồ nghi.

26 — H. — *Kẻ khôn lớn xin trở lại đạo, có nên rửa tội liền chăng ?*

T. — Cứ theo thói quen Hội-thánh bấy lâu nay, khi chẳng có sự gì vội cần, thì giãn ra ít nhiều tháng đã, mới rửa tội :

a) Có ý cho dễ thử dễ biết kẻ xin theo đạo, bởi lòng ngay thật hay là dối trá.

b) Giãn ra làm vậy mới kịp dạy đủ điều cho kỹ và tập cách ăn nết ở theo phép đạo.

27 — H. — *Kẻ lớn muốn chịu phép Rửa tội, thì phải dọn mình thế nào ?*

T. — I — Cho đặt thành phép Rửa tội, trước hết phải thật lòng muốn chịu. Hội-thánh chẳng ép người ta chịu phép này trái ý mình ; một làm phép cho những người bằng lòng chịu mà thôi. Bởi đó, hễ rửa tội cho ai, thì trước phải hỏi kẻ ấy muốn chịu phép hay không. Bằng rửa tội cho người nào chưa hề có lòng muốn chịu, thì chẳng thành phép.

Nhưng mà kẻ đã muốn theo đạo đã có ý chịu phép Rửa tội, bằng rủi đau nặng, đau mà chưa kịp nghe dạy, đau mà bất tỉnh, cũng phải rửa tội cho nó ; vì nó đã có ý sẵn trong lòng, thì đủ cho thành phép Rửa tội.

II Cho đặt chịu phép Rửa tội nên, nghĩa là cho đặt nhờ ơn phép Rửa tội, thì nội ý muốn chưa đủ, phải có lòng tin, lòng ăn năn chữa cải.

Một là, phải có lòng tin, vì đã có lời Đ. C. G. dạy rằng : *Ai tin và chịu phép Rửa tội, thì sẽ được rồi linh hồn.* Nhưng mà phải tin những điều nào, thì không lẽ mà định một mực chung cho mọi người đặt ; phải tùy theo trí lực mỗi một người :

a) Khi gặp kẻ liệt uể, không kịp dạy, hoặc kẻ tối

tăm mê muội quá, không nhớ đăng đủ điều, thì hãy ra sức dạy nó cho biết và tin ít là ba điều rất cần sau này :

Một là, tin có một Đ. C. T.

Hai là, tin Đ. C. T. hay thưởng kẻ lành lên thiên-đàng, phạt kẻ dữ xuống hỏa ngục vô cùng.

Ba là, tin Đ. C. T. có ba Ngôi và Ngôi thứ hai là Đ. C. G. đã ra đời chuộc tội thiên hạ.

b) Bằng kẻ có lẽ học đăng, thì phải học thêm vừa sức cho biết và tin những điều cần theo luật dạy như đã nói trong *phần thứ VI số 10*.

Hai là, phải có lòng ăn năn tội, ít là cách chẳng trợn, nghĩa là phải có lòng ghét tội lỗi mình đã phạm từ khi có trí khôn, cùng quyết lòng chừa bỏ các thói xấu cho dứt. Hoặc có phạm đến của cải ai thì phải trả, phải đền trước đã, đoạn mới chịu phép Rửa tội.

Ấy vậy, kẻ chịu phép Rửa tội mà chẳng có lòng ăn năn tội lỗi mình, thì chẳng khỏi tội ; nên ông thánh Phaolô đã dạy rằng : *Bay hãy ăn năn mà trở lại cùng Chúa cho đăng khỏi các tội.....* Kẻ toan chịu phép Rửa tội phải chết, nghĩa là phải dứt bỏ đàng tội lỗi cho thật.

Bởi đó cho nên kẻ thật lòng muốn chịu phép Rửa tội, mà có chứng kia tội nọ chưa dứt lòng bỏ, nên thiếu lòng ăn năn tội, hoặc cũng còn tin dị-đoan, nên còn thiếu đức tin thì cũng thành phép ; nhưng mà nó chưa nhờ đăng ơn phép Rửa tội, vì còn mắc sự ngẫu trở trong linh hồn. Đến sau khi nó ăn năn tội và tin cho đủ, thì phải xưng tội đã phạm phép Rửa tội, và xưng đủ các tội đã phạm từ ngày rửa tội sắp về sau.

28 – H. – *Chịu phép Rửa tội, thì buộc mình giữ những điều nào ?*

T. – Khi chịu phép Rửa tội thì buộc mình :

1^o – bỏ ma quỷ — 2^o – hiệp theo Đ. C. G. Vì chúng

khi thầy cả làm phép, trước khi xối nước thì hỏi rằng : Có bỏ ma quỷ chẳng ? Có bỏ mọi sự dối trá ma quỷ chẳng ? Kẻ toan chịu phép Rửa tội có thưa : bỏ, mới nên làm phép Rửa tội cho nó.

Lại thầy cả bảo rằng : Mầy có muốn lên nước thiên-đàng thì hãy giữ mười điều răn, kính mến Đ. C. T. hết lòng hết sức và thương yêu người ta như mình vậy.

Kẻ chịu phép Rửa tội thưa : Amen, nghĩa là xin vâng giữ như vậy. Dầu mà chưa có trí khôn, khi ấy cũng có cha mẹ đỡ đầu thưa thối cho mình. Ấy là như đã khấn hứa và có lời giao cùng thầy cả thay mặt Chúa cùng Hội-thánh, mà buộc mình bỏ ma quỷ và theo Đ. C. G.

Một là, *Bỏ ma quỷ*, là quyết lòng từ nay về sau chẳng tin cây, chẳng nghe lời, chẳng làm tội nó nữa.

Lại *bỏ mọi việc ma quỷ*, là bỏ các thứ tội. Bởi vì ma quỷ hằng xui giục người ta phạm đến luật Đ. C. T. ; cho nên chẳng những là việc đơm-tế cúng quải gọi là việc ma quỷ, mà lại các tội người ta thường phạm cũng đều bởi ma quỷ mà ra.

Bỏ mọi sự dối trá ma quỷ, là chống trả các tính xấu như đã giải trong phần thứ VIII. Cho nên kẻ chịu phép Rửa tội buộc bỏ những sự chơi bời, đám hát, rượu trà,... Đừng tham lam quyền chức danh vọng thế gian, kéo mà liều mình mất linh hồn.

Hai là, buộc hiệp cùng Đ. C. G., nghĩa là :

a) Nhờ đức tin mà tin vững vàng mọi sự Hội-thánh đã truyền dạy.

b) Cả lòng cậy trông Đ. C. T. sẽ giúp sức cho ta đứng chịu khó đời này lập công choặng phần thưởng đời sau.

c) Giục lòng kính mến Chúa đã thương ta, và sẵn lòng chịu khó ép mình làm việc lành, chẳng dám làm điều gì mất lòng Chúa.

d) Vâng giữ mọi điều Đ. C. G. đã phán dạy, và bắt chước gương như đức Người.

29 — H. — *Những điều đã khấn hứa làm vậy có khi nào nên bỏ chăng ?*

T. — Bất kỳ kẻ chịu phép Rửa tội hồi còn thơ bé hay là đã khôn lớn, thì cũng đều buộc giữ luôn cho đến trọn đời ; chẳng có lẽ nào phi đi đặng. Vì Đ. C. T. đã chép tên, đã nhận lời hứa ấy trên trời rồi ; đến ngày phán xét sẽ cứ đó mà đoán xét ta. Cho nên việc rồi linh hồn hoặc mất linh hồn, thì tại giữ hoặc không giữ những điều đã khấn hứa khi chịu phép Rửa tội.

ĐIỀU THỨ VI

Về cha mẹ đỡ đầu

30 — H. — *Cha mẹ đỡ đầu là ai ?*

T. — Cha mẹ cầm đầu là người nhận lấy kẻ chịu phép Rửa tội làm con cái thiêng liêng.

Hội-thánh giữ phép này từ thuở xưa, có ý cho đặng những ích sau này :

a) Cho có kẻ đặng làm chứng người ta đã chịu phép Rửa tội.

b) Cho có kẻ hứa thế cho con trẻ chưa có trí khôn ; bằng kẻ khôn lớn chịu phép Rửa tội, thì cha mẹ làm chứng về những điều hứa cùng Chúa.

c) Cho kẻ chịu phép Rửa đặng cha mẹ thiêng-liêng.

H. — *Ai đặng làm cha mẹ cầm đầu, ai không ?*

T. — Một là, cho đặng làm cha mẹ cầm đầu, phải có những điều sau này :

a) Cần phải chịu phép Rửa tội rồi ; nên kẻ ngoại không dặng.

b) Phải có tuổi khôn, lại muốn làm cha mẹ cầm đầu theo phép Hội-thánh.

c) Phải có cha mẹ kẻ chịu phép Rửa tội, hoặc thầy cả đã chọn làm ; bằng cầm đầu thay mặt người khác, thì mình chẳng thành cha mẹ thiêng liêng.

d) Phải đã đến kẻ chịu phép đang khi thầy cả rửa tội.

Bằng con trẻ đã chịu phép Rửa tội trước rồi, đến khi đem cho thầy cả làm các phép mới đổ dầu, thì chẳng thành bà con thiêng-liêng.

Hai là, những người sau này chẳng dặng làm cha mẹ cầm đầu :

a) Kẻ ngoại và người bỏ đạo.

b) Kẻ giữ đạo rồi, hoặc có tiếng xấu trong đạo, vì chưng kẻ ấy giữ mình không dặng, lẽ nào nó dẫn đảng cho người khác.

c) Vợ chồng chẳng nên cầm đầu cho nhau, kéo thành bà con thiêng-liêng. Lại bằng không gấp rúc, cha mẹ cũng chẳng nên cầm đầu con cái mình ; vì kẻ cầm đầu thì nên bà con thiêng liêng với kẻ mình đổ dầu.

31 — H. — *Cha mẹ cầm đầu buộc làm đi gì ?*

T. — Cha mẹ cầm đầu phải giữ những điều sau này :

Một là, hãy nhớ mình đã lãnh con cái thiêng liêng mà coi sóc, nên buộc thương cách riêng ; bằng chẳng có kẻ lo, thì buộc dạy cho nó biết mấy điều cần trong đạo Đ.C. Giêsu.

Hai là, phải lo cho con thiêng liêng ăn ở cách xứng đáng kẻ có đạo trọn đời nó ; nhưt là khi cha mẹ dễ mất đi thì buộc coi sóc con cái cho khỏi mất phần hồn.

Ba là, bằng thấy con thiêng liêng nguội lạnh trở nải, thì buộc nhắc lại những điều nó đã hứa cùng Đ. C. T.

Bốn là, phải lo cầu nguyện xin Chúa ban ơn cho nó đang giữ đạo nên.

Ông thánh Augutinô dạy cha mẹ cầm đầu rằng :
« Trước hết ta bảo anh em bất kỳ đờn ông đờn bà, ai đã nhận người nào làm con thiêng liêng, thì hãy nhớ trước mặt Đ. C. T. anh em là kẻ bâu chủ những người anh em đã đỡ nơi giếng thánh....

Phải bảo nó ở sạch sẽ, yêu chuộng hơn đức công bình, giữ hơn đức thương yêu người ta. »

ĐOẠN THỨ IV

Về phép Thêm sức

- I — Phép Thêm sức là làm sao ?
 - II — Về chất và mô phép Thêm sức.
 - III — Về những ơn ích bởi phép Thêm sức mà ra.
 - IV — Phép Thêm sức cần kíp thể nào ?
 - V — Ai đặt làm, ai đặt chịu phép Thêm sức ?
 - VI — Về lễ phép giữ khi làm phép Thêm sức.
-

ĐIỀU THỨ I

Phép Thêm sức là làm sao ?

32 H. — Phép Thêm sức là đi gì ?

T. — Phép Thêm sức là Bí-tích Đ. C. G. đã lập cho ta đặt chịu Đ. C. Thánh Thần cùng mọi ơn trọng Người cho đặt mạnh đạo. Gọi là phép Thêm vì chưng kẻ đã chịu phép Rửa tội, mà chịu phép này thì đặt nên người có đạo vững vàng bền chắc mạnh mẽ hơn nữa.

Phép Thêm sức có đủ những điều cần theo như đã giải trước về các phép Bí-tích :

Một là, có dấu nhiệm bễ ngoài là Giám-mục để tay trên đầu, lấy dầu thánh mà xức trán, và đọc lời mô.

Hai là, Đ. C. G. đã lập. Bởi vì xưa khi các thánh Tông đồ đã chịu Đ. C. Thánh Thần thì đã cứ theo lời Đ. C. G. dạy, mà để tay trên đầu các giáo nhơn, cho các kẻ ấy đăng Đ. C. Thánh Thần xuống trong linh hồn.

Ba là, phép Thêm sức sinh ơn thiêng liêng trong lòng, kẻ chịu nên đăng ơn Đ. C. T. Thần như sẽ giải sau này.

33 — H. — *Phép Thêm sức và phép Rửa tội khác nhau thế nào ?*

T. — Hai phép khác lắm ; vì chưng mỗi phép đã có dấu bễ ngoài — là chất và mô — khác nhau và sinh ơn riêng khác nhau.

Nhờ phép Rửa tội thì đã đăng sinh, đăng sống cách mới. Mà khi đã đăng sự sống thiêng liêng thì nhờ phép thứ hai này cho đăng thêm sức mọi dăng, theo lời Đức Giáo tông Melchiadê dạy rằng : Trong phép Rửa tội người ta vào sổ linh, trong phép Thêm sức đăng khi giải mà chiến trận cùng ma quỷ thế gian là kẻ thù bằng làm hại linh hồn.

ĐIỀU THỨ II

Về chất và mô phép Thêm sức

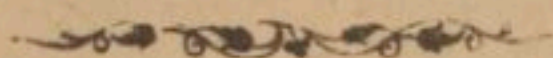
34 — H. — *Trong phép Thêm sức sự gì làm chất, và đọc lời nào ?*

T. — 1^o — Chất trong phép Thêm sức là một thứ dầu thánh, Đức Giám-mục pha tô hấp vào và làm phép trọng thể ngày thứ năm trong tuần thánh.

Dầu là giống hay chảy, dính, thấm ra, thì chỉ ơn Đ. C. Thánh Thần bởi Đ. C. G. mà ra và đổ xuống đầy linh hồn kẻ chịu phép Thêm sức.

Còn tô hạp có mùi thơm tho, thì chỉ mùi thơm các nhơn đức kẻ đã chịu phép Thêm sức mà nên người trọn lành theo lời ông thánh Phaolô : « Ta là mùi thơm tho Đ. C. G. trước mặt Đ. C. T. »

2^o — Khi làm phép Thêm sức Đức Giám-mục đọc lời mô như sau này : « Tao in dấu thánh giá cho mày, và tao xức dầu phần rỗi mà thêm sức cho mày, nhơn danh Cha và Con và Thánh Thần ».



ĐIỀU THỨ III

Những ơn ích bởi phép Thêm sức mà ra

35 — H. — *Chịu phép Thêm sứcặng những ích gì ?*

T. — Đã hay rằng : Kẻ đã có ơn nghĩa thứ nhất, hễ khi chịu phép Bí-tích bất kỳ phép nào, thìặng thêm ơn mới, là ơn nghĩa thứ hai : nghĩa là linh hồn ra thanh sạch xinh tốt đẹp lòng Chúa hơn trước nữa. Nhưng mà phép Thêm sức lại còn ban ơn riêng đặng khác nữa :

1^o Ban ơn thêm sức mạnh thiêng liêng.

2^o — Ban bảy ơn Đ. C. T. Thần.

3^o — In dấu thiêng liêng chẳng hay mất.

36 — H. — *Phép Thêm sức ban ơn sức mạnh, nghĩa là làm sao ?*

T. — Bằng xét sự sống phần xác, người ta mới sinh ra thì còn non yếu dốt nát nhát sợ, song nhờ cha mẹ nuôi dưỡng mới thành người tráng kiện. Cũng một lẽ ấy kẻ đã nhờ phép Rửa tội đặng sự sống phần hồn, vào sổ kẻ có đạo ; tuy đã có sức thiêng liêng, nhưng mà còn yếu đuối ; nhờ phép Thêm sức mới ra mạnh mẽ vững vàng trong việc đạo. Kẻ chịu phép này thì nên quân lính Đ. C. G. ra mạnh mẽ mà chống trả tính xác thịt và thế gian. Lại đặng

thêm lòng tin cậy vững vàng hơn, chẳng còn sợ xưng tên Đ. C. G. trước mặt người ta mà làm sáng danh Người.

Muốn biết ơn Đ. C. T. thêm sức thiêng liêng thế nào, thì hãy nhớ xưa các thánh Tông-đồ khi chưa chịu phép Thêm sức, thì sợ dân Giudêu, bỏ Đ. C. G. mà trốn. Song đến ngày lễ Đ. C. Thánh Thần hiện xuống, thì các đấng ấy ra khác lắm : chẳng còn sợ đi giảng dạy khắp cả thế gian, sẵn lòng chịu xấu hổ, chịu hình khổ đủ thứ và chịu chết vì Chúa.

37 — H. — *Thêm bảy ơn Đ. C. T. Thần nghĩa là làm sao ?*

T. — Đã giải rằng người ta hồi sức riêng chẳng dặng làm việc gì cho rồi linh hồn, phải có ơn Chúa mới dặng. Khi chịu phép Rửa tội đã dặng Đ. C. T. Thần xuống ngự trong linh hồn giúp sức cho ta dặng theo đảng chánh và làm việc lành. Nhưng mà khi chịu phép Thêm sức thì Đ. C. T. Thần ngự vào linh hồn ta mà ban cho ta đầy dẫy bảy ơn hơn trước nữa. Bởi đó kẻ chịu phép này rồi, thì có sức làm nhiều việc lành và dễ làm hơn trước.

38 — H. — *Bảy ơn Đ. C. T. Thần là những ơn nào ?*

T. — 1) Ơn ngoan đạo ; 2) — ơn soi sáng ; 3) ƠN biết lo liệu ; 4 — ơn sức mạnh ; 5) — ơn hiểu biết ; 6) — ơn ái mộ thờ phượng Chúa ; 7) ƠN kính sợ Đ. C. Trời.

1^o — Ơn ngoan đạo — Làm cho ta lấy những việc đạo, như đọc kinh thờ phượng, làm vui làm ngọt ; chẳng còn yêu chuộng những sự dối trá thế gian, một yêu mến Đ. C. T. và mọi sự đẹp ý Người.

Ơn ngoan đạo giúp ta che của cải quờn chức, và mọi sự vui sướng phần xác, cho dặng nắm giữ luật Chúa cho chín chắn.

2^o — Ơn soi sáng — Làm cho ta dặng thông thấu mọi

sự Hội-thánh dạy, nhứt là các điều mẫu nhiệm về hạnh thánh Đ. C. G., lại đặt tin mạnh mẽ hơn nữa.

Nhờ ơn này, thì ta rõ biết mọi sự Đ. C. T. và Hội-thánh buộc ta giữ đều có ích cho ta đặt rồi linh hồn.

— 3^o — **Ơn biết lo liệu** — Làm cho ta biết toan tính cách thế làm sáng danh Chúa và rồi linh hồn. Nhờ ơn này ta biết thánh ý Chúa muốn cho ta làm việc gì, cùng biết thế sửa mình cho mau tấn tới đáng hơn đức.

— 4^o — **Ơn sức mạnh** — Giúp ta chịu khó bằng lòng mà giữ luật Đ. C. T. và chống trả mọi sự nghịch đạo thánh Chúa. Ơn này rất cần cho ta đặt vững vàng mà xưng đạo thánh Chúa ra trước mặt kẻ bất đạo. Từ đời các thánh Tông-đồ đến rày các đảng tử đạo vô ngần vô số, đã nhờ ơn này mà sẵn lòng chịu các giống hình khổ, thà chịu chết chẳng thà chối đạo thánh Đ. C. T.

5^o — **Ơn hiểu biết** — Làm cho ta phân-biệt chơn giả, rõ bề lợi hại, biết việc nào có ích cho ta nhờ đời sau. — Trí khôn biết rõ các việc bòn phận, thì ý muốn mới chịu về những việc ấy, mới dốc lòng giữ cho trọn.

Ơn này rất cần cho kẻ có việc giảng dạy cai trị người ta.

6^o — **Ơn ái mộ thờ phượng Chúa** — Đ. C. T. là Chúa cả sanh dưỡng gìn giữ ta, nên ta phải thờ phượng kính mến Người mọi ngày.

Nhưng bởi ta chẳng có lòng kính mến Chúa cho đủ, nên trễ nải việc lành, chẳng lo cho đẹp lòng Chúa.

Nhờ ơn này ta đặt siêng năng sốt sắng làm việc lành chịu khó đi đáng hơn đức và thương yêu mọi người, giữ luật Chúa chín chắn cho đẹp thánh ý Người.

7^o — **Ơn kính sợ** — Làm cho ta nhớ Đ. C. T. ở gần ta luôn, thấy biết mọi sự, và có phép phạt hồn xác đời đời.

Bằng nhờ được điều này, ắt chẳng dám tưởng muốn sự gì, nói lời gì, làm việc gì mất lòng Chúa.

Nhờ ơn này đặng xa lánh tội-lỗi, ăn-ở cho xứng đáng bậc mình theo lời Đ. C. G. đã dạy ta : « Bay đừng sợ người ta, hãy kính sợ Đ. C. T. là Đấng có phép phạt xác hồn bay đời sau. »

Ấy là bảy ơn Đ. C. T. Thần ban cho kẻ chịu phép Thêm sức đặng sẵn lòng mà giữ đạo Chúa cho trọn.

Nhưng mà biết là mấy người ơ hờ trễ nải, ra như ngã lòng chẳng còn tin cậy ơn Chúa ; hoặc chẳng biết xa lánh dịp tội, những cậy sức riêng liều mình làm mất lòng Chúa.

Vậy phải biết hễ ai muốn nhờ ơn cực trọng ấy, hãy năng kêu xin cùng Chúa và giữ lòng sạch tội thì mới đặng mà chớ.

39 — H. — *Phép Thêm sức in dấu thiêng liêng nào ?*

T. — Trong phép Rửa tội đã dặng dấu thiêng liêng kẻ làm con cái Đ. C. T. ; còn phép Thêm sức in dấu vào sổ làm quân lính Đ. C. T. ; chẳng khác gì Chúa nhắc kẻ chịu phép này lên bậc lính chiến tâm, hăng sẵn lòng chịu khó vì Đ. C. G. Cho nên phép Thêm sức chịu đặng có một lần mà thôi, như đã dạy về phép Rửa tội.

ĐIỀU THỨ IV

Phép Thêm-sức cần kíp thế nào

40 — H. — *Phép Thêm-sức có cần kíp cho đặng rồi linh hồn chẳng ?*

T. — Vốn phép này chẳng cần đến đối không chịu chẳng đặng rồi linh hồn ; vì chừng kẻ mắc tội nhờ phép Rửa tội hoặc phép Giải tội thì đã đặng ơn nghĩa cùng Chúa

cho nên đặt vào nước thiên-đàng. Nhưng mà có luật buộc ta phải chịu phép này :

a) — Đ. C. G. đã lập phép này cho ta đặt thêm sức mà giữ đạo Người cho trọn.

b) — Hội-thánh buộc kẻ đã khôn lớn phải chịu phép này hầu thêm sức cho mạnh đạo.

Cho nên hễ ai có thể chịu phép Thêm-sức, mà khinh hoặc làm biếng trễ nải chẳng muốn chịu, thì mắc tội, lại mất mọi ơn cần cho đặt giữ đạo cho trọn.

Ơn Đ. C. T. đã ban mà giúp ta trong việc rồi, thì mọi người phải hết lòng ước ao và lo cho đặt nhờ.

Ấy vậy các thầy, cha mẹ, chủ nhà đều buộc phải lo liệu cho con cái và kẻ bề dưới nghe dạy và dọn mình chịu phép Thêm-sức.

ĐIỀU THỨ V

Ai đặt làm, ai đặt chịu phép Thêm-sức

41 — H. — Ai đặt làm phép Thêm-sức ?

T. — Chính phép thì có một mình Đấng Giám-Mục đặt làm mà thôi. Song Toà-thánh cũng có khi ban phép cho Đức Giám-mục đặt sai linh-mục làm phép Thêm-sức thay vì Người.

H. — Ai đặt chịu phép Thêm-sức ?

T. — Hễ người nào đã chịu phép Rửa-tội thì đặt chịu phép Thêm-sức. Mà thường chẳng làm phép này cho con trẻ chưa đến tuổi khôn, vì Đ. C. G. lập phép này, một có ý thêm sức cho người ta sẵn lòng chịu khó đánh giặc thiêng-liêng, mà xưng đạo Đ. C. G. Vậy đã rõ việc này chẳng phải việc con trẻ chưa có trí khôn làm đặt ; cho nên Hội-thánh đợi nó đến tuổi khôn mới cho chịu phép Thêm-sức.

42 — H. — *Kẻ muốn chịu phép Thêm-sức phải dọn mình thế nào ?*

T. — 1^o — Phần hồn -- a) Phải biết và tin những điều cần trong đạo, như đã chỉ phải biết cho đáng chịu phép Rửa tội.

b) Phải biết những ơn ích bởi phép Thêm-sức mà ra. Hai điều này hãy lo trước lâu ngày ; cho nên phải đi nghe dạy cho kịp biết.

c) Phải có lòng sạch tội ít nữa là sạch các tội trọng cho nên phải đi xưng tội, và giục lòng tin cậy kính-mến Chúa hết lòng hết sức. Kẻ chịu phép Thêm-sức có dọn mình rước lễ càng hay, mà đều này vốn chẳng buộc. Kẻ toan chịu phép Thêm-sức hãy nhớ xưa Đ. Mẹ và các thánh Tông-đồ đã dọn mình rước Đ. C. Thánh Thần thế nào.

Các đấng ấy ở nơi thanh vắng đủ mười ngày những nguyện cầu kêu xin Đ. C. T. Thần hiện xuống ban ơn như lời Đ. C. G. đã phán hứa.

2^o — Dọn phần xác — Phải lo rửa đầu lau mặt cho sạch, ăn mặc sạch sẽ và quì gối nết na tề chỉnh trước mặt Đấng Giám-mục mà chịu phép ấy.

43 — H. — *Chịu phép Thêm-sức rồi buộc giữ những điều nào ?*

T. — Khi Đức Giám-mục đã làm hoàn tất các lễ phép và đọc những lời nguyện rồi thì :

1. — Kẻ chịu Thêm-sức hãy cảm ơn Đ. C. T. vì ơn rất trọng mới chịu.

2. — Phải cầu xin Đ. C. T. Thần hằng ngự trị lòng mình luôn cho đáng từ nay về sau giữ đạo cho trọn.

3. — Phải dốc lòng vâng theo ý Đ. C. T. Thần mọi đàng, và cả lòng xưng đạo Đ. C. G.

44 — H. — *Xưng đạo Đ. C. T. là làm sao ?*

T. — Kẻ xưng đạo Đ. C. T. phải giữ những điều sau này :

1. — Trong lời nói, — chẳng khi nào nên nói lời không xứng đáng. Bằng nghe kẻ nói phạm đến Đ. C. T. hoặc nói đều trái lẽ, thì lấy lòng hiền lành mà ngăn can.

2. — Trong việc làm, — nắm giữ mười điều răn Đ. C. T., sáu điều luật Hội-thánh, bắt chước các thánh năng suy gẫm những lời Đ. C. G. khuyên dạy trong sách Evang, và gương nhơn đức Người đã làm.

3. — Khi mắc phải rủi ro bằng lòng chịu, chẳng dám phàn nàn mắng chưởi vân vân...

4. — Chăm lo việc bổn phận trước mặt Chúa cho vững vàng, cũng như quân lính vâng phục tướng mình, cho đặng lãnh phần thưởng trên nước thiên-đàng. Đừng sợ lời khinh chê nhạo báng ; dầu phải bắt bớ cũng sẵn lòng xưng đức tin mình ra trước mặt thiên hạ, thà chịu chết chẳng thà bỏ Đ. C. T. Hãy nhớ kẻ nhát sợ chẳng dám xưng Chúa ra trước mặt thiên hạ, thì kẻ nó như tội loạn phải án phạt đời đời. Còn kẻ vững bền xưng mình làm tội Đ. C. G., thì đến sau Chúa sẽ nhìn lấy kẻ ấy trước mặt Đ. C. Cha, và thưởng đời đời trên nước thiên-đàng.

ĐỀU THỨ VI

Về lễ phép giữ khi Thêm-sức

45 — H. — Khi làm phép Thêm-sức Đức Giám-mục giữ những lễ phép nào ?

T. — Đã giải về dầu thánh dùng mà làm phép này ; còn khi xúc dầu thì Đức Giám-mục :

1. — Đọc lời cầu nguyện mà xin Đ. C. G. Thần ngự xuống trong lòng kẻ chịu phép Thêm-sức ; cho nên kẻ chịu

phép ấy, kẻ đỡ đầu, và những người có mặt đó phải hiệp một ý mà xin như vậy.

2. — Giơ tay trên đầu — Có ý chỉ Đ. C. T. Thần binh vực phù hộ kẻ chịu phép Thêm-sức, vì đã thuộc về Chúa cách riêng.

3. — Xức nơi trán — Có ý chỉ kẻ chịu phép này chẳng nên mất cỡ hồ người khi người ta chê cười nhạo báng ; vì chung kẻ ai động lòng hồ người, thì thường thấy đặng trên mặt trên trán.

4. — Vả mặt kẻ chịu phép Thêm-sức — Làm việc này mà dạy kẻ chịu thêm-sức hằng phải sẵn lòng chịu người ta làm mất lòng, làm xấu hổ cùng mọi sự khốn khó vì Chúa, thì mới dặng lòng bằng an, mới giữ đạo cho trọn.

46 — H. — Ý sao mà đặt kẻ đỡ đầu cho người chịu phép Thêm sức?

T. — Khi làm phép Thêm-sức, có kẻ đỡ đầu như khi rửa-tội, vì chung kẻ chịu thêm-sức đã đến ngày mang lấy khí giới mà ra chiến trận thiêng-liêng, cho nên cần phải nhờ kẻ khác dẫn đường và luyện tập cho biết phải giao chiến cùng ba thù rất dữ là ma quỷ, xác thịt, thế gian.

Cũng như linh mới diên, thường nhờ linh cũ đã từng việc giặc-giã, mới biết thế thần cho dặng thắng kẻ nghịch. Nhưng mà chẳng có ai đỡ đầu, thì chịu thêm-sức cũng thành phép.

47 — H — Người làm cha mẹ đỡ đầu khi chịu phép Thêm sức, thì phải có những điều gì?

T. — 1. — Phải là người tuổi khôn đã chịu phép Rửa-tội và phép Thêm-sức rồi.

2. — Kẻ chịu phép Thêm-sức hoặc cha mẹ nó chọn, bên nam một cha bên nữ một mẹ đỡ đầu.

3. — Mỗi người chịu phép, có một người đỡ đầu mà thôi.

4. — Người đó thành bà con thiêng liêng như đã dạy về Rửa-tội, cho nên cho cha mẹ để chẳng nên đỡ đầu con mình.

ĐOẠN THỨ V.

Về phép Thánh-thể

I — Về phép M. T. C. là Bí-tích.

II — Về sự rước lễ.

III — Về việc tế lễ Misa.

ĐIỀU THỨ I

Về phép Mình thánh Chúa là Bí-tích

48 — H. — *Phép Thánh-thể là phép nào ?*

T. — Phép thánh-thể là Bí-tích Đ. C. G. đã lập mà để Mình thánh Máu thánh cùng linh hồn Người với tính Đ. C. T. ngự thật trong hình bánh rượu mà nuôi linh hồn ta.

Một là, nói phép Thánh-Thể là *Bí-tích*, vì chúng có đủ ba điều sau này :

a) — Có dấu bề ngoài ngũ quan thấy biết dặng là hình bánh rượu.

b) — Chính Mình Đ. C. G. đã lập như các đấng chép sách Evang và ông thánh Phaolô đã làm chứng tỏ tường.

c) Phép này chẳng những là sinh ơn thánh như các phép khác, song ta dặng chính Mình Đ. C. G. là mạch mọi ơn thánh.

HAI là, nói để *Mình thánh Máu thánh* linh hồn Đ. C. G. với tính Đ. C. T., có ý chỉ trong phép thánh-Thể có xác rất thánh và linh hồn Đ. C. G. hiệp cùng tính Đ. C. T. ăn mình trong hình bánh rượu, thành một Ngôi thứ hai đủ

tính Đ. C. T. và tính người ta; nghĩa là trong phép này, đủ trót Minh Đ. C. G.

Ba là, nói *ngự thật trong hình bánh rượu*, mà chỉ hình bánh rượu chẳng phải là dấu không, như tượng ảnh hình thánh Giá để ta nhắc lại sự thương khó Chúa đau. Nhưng mà trong phép thánh-*Thề thật là trót cả mình Đ. C. G.* Ngồi thứ hai Cứu-thế ngự thật trong hình bánh rượu; cũng như khi Người còn ở đời này giảng dạy thiên hạ và chịu đóng đinh trên cây thánh Giá.

49 — H. — *Lấy lẽ nào làm chứng có Đ. C. G. ngự thật trong phép thánh-*Thề*?*

T. — Có ba lẽ làm chứng tỏ tường :

1. — Lời sách thánh ; 2. — Hội-thánh dạy ; 3. — Các phép lạ Đ. C. G. đã làm trong phép thánh-*Thề*.

Một là, *Lời Sách Thánh* — a — Trước khi Đ. C. G. lập phép thánh-*Thề*, thì Người đã phán hứa rằng : *Bánh Tao sẽ cho là thịt Tao cho thiên hạ hằng sống*. Dân Giudêu nghe vậy lấy làm lạ, thì Đ. C. Giêsu lại thêm rằng : *Thịt Tao thật là của ăn, Máu Tao thật là của uống*. Và người nói đi nói lại sẽ cho ta ăn uống Minh thánh Máu thánh Người.

b — Thật Đ. C. G. đã giữ trọn như lời Người đã phán hứa đó. Ngày thứ năm là áp ngày chịu nạn, Đ. C. G. ăn lễ Phaxica cùng mười hai Tông-dồ. Ăn bữa tối rồi, Người cầm lấy bánh, cảm ơn Đ. C. Cha, làm phép bánh ; đoạn bẻ miếng ra trao cho đầy tớ mà rằng : *Chúng bay hãy cầm lấy mà ăn, vì chưng này là Minh Tao sẽ phải phú vì chúng bay*. Lại Đ. C. G. cầm lấy chén rượu nho như vậy mà phán rằng : *Chúng bay hãy uống này là Máu Tao, là Máu chúc thơ mới, sẽ phải đổ ra vì chúng bay cùng vì nhiều người khác cho hằng khỏi tội*. Chúng bay hãy làm sự này mà nhớ đến Tao.

Sau Người ban phép cho các thánh Tông-đồ và các thầy cả nối quyền dâng dùng một lời đó mà làm cho bánh rượu trở nên Mình thánh Máu thánh Người.

c — Ông thánh Phaolô kể lại việc Đ. C. Giêsu truyền phép thánh-Thể thêm rằng :

Mỗi một người phải thử mình đã, mới dâng ăn bánh ấy. Ai ăn uống chẳng nên, thì ăn uống án phạt mình, bởi không phân-biệt Mình thánh Đ. C. G.

HAI là, lời Hội-thánh — a — Các bôn đạo đời trước cũng đã tin thật Đ. C. G. ngự trong phép thánh-Thể, và có lòng sốt sắng rước Mình thánh Chúa biết là dường nào.

b — Lời các thánh Sư các đời đều rập một ý mà dạy phải tin điều này.

c — Có nhiều Công luận đã định điều này, sau hết công đồng Tridentinô luận rằng : « Bấy có ai dám nói trong phép thánh-Thể chẳng có thật Mình thánh Máu thánh và linh hồn Đ. C. G. cùng tính Đ. C. T., là trót Đ. C. G., mà nói trong phép này chỉ có dấu hay là hình bóng... thì phải vạ dứt phép thông công »

BẢ là, phép lạ Đ. C. G. đã làm trong phép thánh-Thể nhiều lắm. Có nhiều đấng thánh đã thấy Đ.C.G. hiện ra tỏ tường trong hình bánh rượu. Cũng có khi Đ.C.G. làm phép lạ mà phạt kẻ chẳng tin chẳng kính Mình thánh Chúa, mà lại Đ.C.G. cũng có ý làm phép lạ cho ta thêm đức tin. (*)

(*) Năm 1433, 29 Novembre, ban đêm, tại thành Avignon có một nua thờ nhỏ bị lụt lớn. Đến sáng thầy cả tới đem sang Mình thánh Chúa qua nơi khác, thì thấy hai bên nhà thờ nước đứng không như vách cao hơn bốn thước tây, chừa rỗng giữa nhà thờ khô ráo.

Năm 1608, 26 tháng Maiô, địa phận Besançon các thầy dòng thành Phavenê để Mình thánh Chúa trọng thể. Hào-quang để trên bàn thờ tạm giữa nhà thờ. Tối rủi cháy màn, bông hoa cây ván cuộc tiệc bàn thờ đều cháy nát, mà hào-quang chang phải nao, đứng không trên cao nơi bàn thờ đã cháy. Phép lạ này một vạn dư bon đạo thấy tỏ tường.

50 — H. — Đ. C. G. ngự xuống trong phép thánh-Thể hồi nào ?

T. — Đ. C. G. ngự xuống trong phép thánh-Thể khi thầy cả làm lễ đọc lời truyền phép vừa rồi. Trước khi đọc lời truyền, trên bàn thờ có bánh và rượu không; mà khi thầy cả đọc lời rồi, thì tính bánh và tính rượu biến đi chẳng còn, mà trở nên tính xác và tính máu Đ. C. G. ẩn mình trong hình bánh rượu. Mùi sắc mô dạng là vật ỷ lại chẳng mất, ngũ quan cũng còn thấy biết đặng; nhưng mà tính bánh và tính rượu đã trở nên Mình thật Máu thật Đ. C. G., Người mượn lấy hình bánh rượu mà ẩn che mình.

Điều này thật lạ quá trí khôn người ta, nhưng mà chẳng quá phép tắc vô cùng Đ. C. T. là Đấng bởi không mà dựng nên mọi sự cho có.

Nhưng mà là điều đích thật phải tin, vì chứng chính mình Đ. C. Giêsu đã phán dạy khi lập phép thánh-Thể.

51 — H. — Dùng vật gì làm chất phép thánh-Thể ?

T. — Chính vật dùng cho thành phép thánh-Thể là bánh mì và rượu nho, vì Đ. C. G. đã truyền làm vậy.

Làm bánh thì lấy nước lã sủ với bột lúa mì và đánh cho nhuyễn vào khuôn, rồi nướng cho vừa chín cho thành bánh. Baking phoi nắn cho nó cứng mà thôi, chẳng phải là bánh thiệt, chẳng đặng dùng mà làm lễ.

Các thứ bánh làm bằng bột gì khác, hoặc bằng bột lúa mì đã pha trộn bột khác vào, bằng dùng làm lễ thì chẳng thành phép.

Rượu bất kỳ trắng đỏ chát ngọt, miễn là thật rượu bởi trái nho mà ra, thì là chất nên dùng truyền phép Mình thánh Chúa. Còn các thứ rượu khác, hoặc rượu nho đã pha nước hay là thứ gì khác chẳng còn thật rượu, rồi dùng lỡ thì chẳng thành phép.

Bởi đó cho nên các thầy và học trò giúp các Cha, hãy

lo cất bột mì và rượu lễ cho kỹ, kéo dừa nào lên lấy mà pha thứ khác vào, nên chẳng còn xứng đáng, hoặc hoá ra thứ khác và dùng làm lễ chẳng thành phép.

52 — H. — *Vậy trong hình bánh có Minh thánh, và trong hình rượu có Máu thánh Đ. C. G. mà thôi sao ?*

T. — *Chẳng phải : nội một hình bánh, có trót Minh thánh Máu thánh và linh hồn Đ. C. G. cùng tính Đ. C. T. ; cũng như khi Đ. C. G. chịu chết trên cây thánh Giá vậy ; trong một hình rượu, cũng có trót Minh Đ. C. G. như trong hình bánh vậy. Có lời công đồng Tridentinô đã dạy điều này tỏ tường và buộc ta phải tin. Vì chưng từ khi Đ. C. G. sống lại, thì Người chẳng còn chết đặng nữa, cho nên không lẽ nào mà Minh thánh Máu thánh và linh hồn Người lìa nhau đặng nữa.*

Cũng một lẽ ấy, mỗi một bánh lễ, mỗi hột rượu đều có đủ Minh thánh Máu thánh cùng linh hồn Đ. C. G. và tính Đ. C. T.

Lại khi thầy cả chia hình bánh làm mấy phần thì mỗi phần đều có trót Đ. C. G. cũng như trong hình bánh lớn vậy ; vì phân rẽ hình bánh mà thôi chẳng hề phân Minh thánh Chúa đặng.

Cũng như trong mặt kính thấy có một mặt mình ; mà nếu bể tấm kính ra làm nhiều miếng, thì mỗi một miếng cũng còn thấy đặng đủ mặt mình, như trong tấm lớn vậy.

Bởi vậy khi rước lễ nội một hình bánh, hoặc rước một miếng nhỏ thầy cả đã phân ra mà thôi, thì đặng rước trót Minh Đ. C. G., cũng bằng thầy cả rước hai hình bánh rượu.

53 — H. — *Phải kính phép Minh Chúa thế nào ?*

T. — *Phép Minh thánh Chúa nhắc lại mọi sự mầu nhiệm Đ. C. G. ra đời chịu chết mà cứu chuộc ta, mà lại đã liệu cách thế nên bậu bậu ở cùng ta luôn cho đến tận thế.*

Trong các phép Bí-tích khác, thì ta dâng ơn Chúa, mà trong phép này thì ta dâng chính Đ. C. G. là mạch mọi ơn thiêng liêng, cho nên phép này thật rất trọng, rất đáng kính hơn các phép Bí-tích khác bội phần.

Trong các nhà thờ để Minh thánh Chúa, thì Hội-thánh buộc giữ cho kỹ càng như của rất quý trọng châu báu, lại đã định những lễ phép phải giữ mà cung kính Đ. C. Giêsu cho xứng đáng.

Ấy vậy bốn bạo muốn tỏ lòng cung kính Đ. C. Giêsu trong phép thánh-Thể, hãy lo giữ mấy điều sau này:

Một là, hãy tin vững vàng có Minh thánh Máu thánh Đ. C. G. trong phép thánh-Thể.

Hai là, khi vào nhà thờ phải ở nết na hết lòng cung kính bề trong bề ngoài, nhớ mình đến trước mặt Chúa chớ khá lo ra.

Ba là, hãy cảm tạ đội ơn Chúa đã muốn ở cùng ta, nên lương thực nuôi linh hồn.

Bốn là, năng đi viếng Minh thánh Chúa, nhưt là những nơi người ta bỏ Đ. C. G. hieu quanh một mình.

Lại hãy nhớ trong phép Minh thánh Chúa, Đ. C. G. đã tóm lại muôn vạn sự lạ lùng, mà tỏ lòng Chúa thương yêu ta quá lẽ. Vậy chẳng buộc ta phải hiểu những điều mầu nhiệm Chúa đã làm trong phép Minh thánh Chúa, một buộc phải giữ lòng ngay thật mà vững vàng những điều Hội-thánh dạy về phép trọng này.

ĐIỀU THỨ II

Về sự rước lễ

54 — H. — Rước lễ là làm sao ?

T. — Rước lễ là rước phép thánh-Thể, là chịu Minh thánh, Máu thánh, linh hồn Đ. C. G. và tính Đ.C.T. ngự trong hình bánh.

Kẻ rước lễ đặt Đ. C. C. vào ngực trong lòng, mà bởi Đ. C. G. có tính Đ. C. T., nên khi rước lễ cũng rước Đ. C. Cha, Đ. C. T. Thần ngực vào lòng, vì chung ba Ngôi Đ. C. T. chẳng hề lìa nhau đặt.

Bởi đó việc rước lễ là việc trọng nhứt, nên quen gọi là chịu ơn trọng.

55 — H. — *Có luật buộc ta phải rước lễ chẳng ?*

T. — Một là, vốn phép Minh thánh Chúa chẳng phải là phương thế cần kíp đến đời chẳng có thì chẳng đặt rồi linh hồn. Trẻ con và mấy người chưa có trí khôn, bằng đã chịu phép Rửa tội thì đủ cho đặt lên thiêng đàng.

Lại nhiều người đã khôn lớn, đã xưng tội bao đồng, mà bởi đau nặng lắm, hoặc tại cơ khác nên rước lễ không đặt, thì kẻ ấy cũng đặt rồi. Cho nên phép này chẳng cần kíp như phép Rửa tội.

HAI là, nhưng mà có luật Hội-thánh buộc nhật mọi người có đạo đã đến tuổi khôn phải rước lễ mỗi năm một lần trong mùa Phục-sinh.

Song địa phận ta nhiều nơi xa xuôi, thầy cả tới chẳng kịp, nên chẳng buộc nhật phải rước lễ nội mùa Phục-sinh. Miễn là đừng để qua mười hai tháng mà chẳng rước lễ thì cũng kẻ là giữ luật Hội-thánh.

Lại kẻ đã đến tuổi khôn đau liệt nặng gần chết, thì có luật phải rước lễ cho đặt nhờ Minh thánh Đ. C. G. như của ăn đi đàng đưa mình tới nước thiên-đàng.

56 — H. — *Phải ra sức năng rước lễ chẳng ?*

T. — Ta phải lo dọn mình rước lễ nhiều lần, vì ý Đ. C. G., và Hội-thánh muốn như vậy.

Một là, Đ. C. Giêsu muốn ta năng rước lễ, vì chung :

a — Trước khi Đ. C. G. lập phép thánh-Thể, Người đã phán rằng : *Tao những hết lòng ước ao ăn lễ Phaxica*

này cùng chúng bay. Nghĩa là Đ. C. G. hết lòng muốn kết hiệp cùng ta trong phép thánh-Thể.

b — Trong Sách thánh thấy nhiều lời Đ. C. G. mời ta đi rước lễ, như : *Hãy đến ăn bánh Tao đã dọn cho bay....* — *Ở kẻ lao lực cùng gánh nặng hãy đến cùng Tao, thì Tao sẽ thêm sức cho bay, Tao sẽ an ủi và giúp đỡ bay.* — *Tao là bánh hằng sống, kẻ ăn bánh này sẽ được sống đời đời..* — *Chẳng rước Mình thánh Máu thánh Tao, thì chẳng được sự sống phần hồn.*

c — Nhứt là lời sau này : *Bánh này bởi trời mà xuống chẳng phải là như Manna xưa tổ-tông bay đã ăn mà cũng chết. Kẻ ăn bánh này sẽ được sống đời đời.* Đ. C. G. sánh phép thánh-Thể với Manna xưa hằng ngày ban xuống nuôi dân Hêbrêu, ắt là Đ. C. G. muốn cho ta thường ngày nhờ bánh thiêng-liêng Người đã sắm cho ta.

d — Vả trong kinh Lay Cha có lời nguyện xin cho ta được hằng ngày dùng đủ. Câu này chẳng chỉ về của hèn nuôi phần xác mà thôi, mà cũng chỉ đến phép Mình thánh Chúa là lương thực nuôi linh hồn ta.

HAI là, Hội-thánh khuyên dạy người ta năng rước lễ :

a — Thuở xưa Hội-thánh mới lập thì bốn đạo sốt sắng lắm, đi xem lễ bữa nào cũng rước lễ bữa nấy, nhiều người hằng ngày rước lễ. Lại khi phải bắt bớ đi xem lễ chẳng được, thì các thầy cả thầy sáu lên đi viếng bốn đạo mà trao Mình thánh Chúa cho phò kẻ ấy.

b — Lời công luận Tridentinô : « Hội-thánh ước ao cho mỗi lần bốn đạo đi xem lễ thì đừng dọn mình rước lễ. »

c — Đời ta năm 1905 mới có sắc Toà-thánh giảng rao nhắc lại cho bốn đạo cả thế gian biết rõ thánh ý Đ. C. G. và Hội-thánh muốn cho bốn đạo năng rước lễ.

Bởi có nhiều người lầm về điều rất can hệ này, cho nên Toà-thánh đã ra mẫu mực chắc chắn tỏ tường cho các thầy cả cứ đó mà khuyên dạy môn đạo năng dọn mình rước lễ.

Ba là, vả theo như sắc Tào-thánh đã dạy, thì Hội-thánh muốn người ta năng rước lễ ; chẳng những là cho đặt thêm sáng danh Đ. C. T., cho đặt kính mến Đ. C. Giêsu mà thôi, mà lại muốn cho môn đạo đặt nhờ những ơn ích bởi phép thánh-Thể mà ra.

57 — H. — *Khi rước lễ đặt những ơn ích nào ?*

T. — Rước lễ thường đặt nhờ ơn nghĩa thứ hai và đặt những phương thế giúp linh hồn như giải sau này :

Một là, kẻ rước lễ hiệp làm một cùng Đ. C. T. — Kẻ tin mọi sự Đ. C. Giêsu đã dạy và giục lòng kính mến Người, thì đã hiệp cùng thánh ý Đ. C. G. cách thiêng liêng.

Nhưng mà khi rước lễ ta đặt hiệp cùng Đ. C. Giêsu nhất hơn nữa, vì chung Đ. C. C. phú trót Mình thánh Người cho ta, kết hiệp Mình thánh Người cùng xác ta cho ta đặt nên một xác một linh hồn cùng Đ. C. G. y như lời Người đã phán rằng : *Ai ăn Mình Tao cùng uống Máu Tao thì đặt ở trong Tao, và Tao ở trong nó.*

Cho nên kẻ rước lễ đặt nói như lời ông thánh Phao-lô rằng : *Tôi sống, mà thật chẳng phải là tôi sống, bèn là chính Mình Đ. C. G. sống trong mình tôi.*

Hai là, đặt thêm sự sống linh hồn. Đã biết sự sống thiêng liêng là tại linh hồn sạch tội trọng và đặt nghĩa cùng Đ. C. T.

Vậy phép Mình thánh Chúa là bánh thiêng-liêng là của nuôi linh hồn, cho nên ta đặt nhờ việc rước lễ mà thêm sức mạnh phần hồn, cũng như phần xác nhờ bữa ăn mà giữ sự sống và thêm sức lực.

Chính mình Đ. C. G. đã hứa : *Kẻ nào ăn thịt Người và uống Máu thánh Người thì sẽ được sống.*

Bà là, đặt bớt tình tư dục. Phép thánh-Thể tuy chẳng phá cho tuyệt các tình tư dục, nhưng mà làm cho các ý trái trong mình càng ngày càng bớt càng yếu hơn, cho nên linh hồn :

a — Đặt mạnh mẽ mà chống trả ma quỷ cám dỗ như lời kinh Thánh rằng : *Bằng Chúa bình vực ta thì ai chống với ta nổi.*

b — Linh hồn ái mộ những việc lành phước đức.

c — Theo lời công luận Tridentinô : « Việc rước lễ như thuốc giải độc chữa ta khỏi tội nhẹ quen phạm hằng ngày, lại giữ ta cho khỏi phạm tội trọng. »

Việc rước lễ chẳng những tha tội nhẹ mà lại cũng có sức tha phần phạt tạm nữa.

Bằng xét tội trọng thì việc rước lễ rất có sức giúp ta cho khỏi sa phạm, vì chúng ta kết hiệp cùng Đ. C. G. càng chặt, thì càng khó mà lìa bỏ Người, cho nên khó mà phạm tội trọng.

Bốn là, việc rước lễ nên như của cầm ta đặt trông ngày sau được hưởng phước đời đời, theo lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Kẻ nào ăn thịt Tôi và uống Máu Tôi, thì sẽ được sống đời đời, mà đến ngày sau Tôi sẽ cho xác kẻ ấy được sống lại.*

57 — H. — Ai đặt rước lễ ?

T. — Vốn mọi người chịu phép Rửa-tội thì đặt rước lễ ; nhưng mà bởi phép thánh-Thể rất đáng kính thì con trẻ chưa đến tuổi khôn và mấy người điên cuồng chang nên cho rước lễ, vì chúng nó chẳng biết phân biệt Mình thánh Đ. C. G. và bánh thường, lại cũng chẳng biết dọn phần hồn phần xác cho xứng đáng.

59 — H. — *Phần linh hồn phải dọn Thể nào ?*

T. — Có hai thể, một là, những điều cần kíp phải có cho dâng nên rước lễ, hai là, những việc phải làm cho dâng nhờ ơn ích bởi phép thánh-Thể mà ra.

Một là, những điều cần kíp phải giữ cho dâng nên rước lễ, là :

a — Phải biết vừa đủ và tin những điều Hội-thánh buộc phải tin, nhất là phải tin vững vàng Đ. C. G. ngự trong hình bánh ; cho nên khi rước lễ thì rước cũng một Đ. C. G. đã xuống thế ra đời chịu chết mà cứu chuộc thiên hạ, và đang ngự bên hữu Đ. C, Cha.

b — Phải có lòng sạch tội trọng, vì chưng phép Mình thánh Chúa là phép Bí-tích kẻ sống. Ai mà biết mình mắc tội trọng, thì buộc phải ăn năn và xưng tội trước đã. Hãy nhớ lời ông thánh Phaolô : *« Kẻ nào cả lòng ăn uống chẳng nên, là rước lễ khi còn mắc tội trọng, thì nó ăn uống lý doán phạt mình, vì chẳng biết phân Mình thánh Đ. C. G. »*

Tội phạm đến Mình thánh Chúa là tội Đ. C. Giêsu lấy làm gớm hơn hết mọi sự. Vì chưng kẻ chưa sạch tội trọng, mà cả lòng đi rước lễ, chẳng khác chi nó bắt Đ. C. G. là Đấng rất thánh rất sạch ngự trong lòng ô uế hôi hám nó. Vậy ai nấy hãy nhớ điều cần nhất này : là cho dâng rước lễ nên, thì lo cho sạch tội trọng.

Nhưng mà kẻ có tội trọng quên xưng chẳng có ý giấu, hoặc bởi lầm tưởng chắc là tội nhẹ, mà rước lễ, thì chẳng phạm sự thánh, mà lại bởi có lòng ngay thì Chúa cũng tha tội.

Vậy ai đã xét mình vừa đủ mà lương tâm chẳng trách chẳng cáo đều gì nặng, nên tưởng mình có nghĩa cùng Chúa, bằng có ý ngay lành, dầu còn mắc tội nhẹ thì cũng dâng nhờ ơn chính bởi phép Mình thánh Chúa mà ra, là dâng thêm ơn nghĩa thứ hai.

Hai là, cách dọn mình cho dâng nhờ những ơn ích bởi phép Minh thánh Chúa mà ra thì :

a — Phải có ý ngay lành, đừng theo ý trái, đừng đi rước lễ cho người ta khen hay là vì sợ anh em chúng bạn chê, hoặc bởi quen lệ, vân vân. ý ngay lành nghĩa là phải đi rước lễ cho dâng đẹp lòng Đ. C. G. cho dâng để sửa mình, dâng thẳng tình xác thật, xin Đ. C. G. giúp sức cho dâng chữa tội. Hoặc nghĩ đến mọi ơn Chúa đã ban cho mình, thì muốn rước lễ cho dâng cảm ơn và xin Chúa xuống ơn thêm, hay là dâng việc rước lễ cho dâng phạt tạ vì tội mình và tội kẻ khác.

b — Phải giục lòng khiêm nhượng, nhớ mình là ai ? Đ. C. G. là ai ? và ăn năn tội.

d — Hãy giục lòng tin mọi điều Hội-thánh dạy về phép Minh thánh Chúa.

e — Giục lòng trông cậy Đ. C. G., nhớ Người đã phú dâng Minh trên cây thánh Giá và đã lập phép thánh-Thể cho dâng xuống trong lòng ta mà ban mọi ơn lành.

d — Giục lòng kính mến Đ. C. G. và hết lòng ước ao cho dâng hiệp cùng Người.

60 — H. — *Phải dọn phần xác thế nào ?*

T. — Phải giữ lòng chay từ nửa đêm cho đến khi rước lễ, chẳng nên ăn uống vật gì.

Hội-thánh lập luật này mà tỏ lòng kính phép Minh thánh Chúa. Vậy kẻ vô ý đã ăn đã uống chút gì thì chẳng nên đi rước lễ ngày ấy, phải để ngày sau. Trừ ra kẻ đau liệt nặng gần chết thì Hội-thánh ban phép cho rước lễ mà khỏi giữ lòng chay.

Trước khi đi rước lễ thì súc miệng cho sạch, rồi có hột nước chảy vào cổ chút đỉnh mà thôi, chẳng phải là mình có ý nuốt, thì cũng dâng đi rước lễ.

Còn việc ăn trầu hoặc nhai thuốc thơm, mà chẳng nuốt, cũng chẳng phá chay, nhưng vậy đừng kéo ra vô phép khó coi.

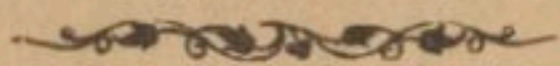
61 — H. — *Rước lễ rồi phải làm đi gì ?*

T. — Một là, mới đặt Mình thánh Chúa vào miệng hãy giục lòng cung kính mà nuốt liền, đừng ngậm trong miệng lâu quá. Bằng Mình thánh Chúa có dính nơi nào trong miệng thì dùng lưỡi mà lừa đi, đừng thọc tay vào miệng làm chi.

Hai là, khi trở về nơi mình trong nhà thờ chẳng cần đọc kinh tức thì, hãy lo chăm chỉ cầm trí mà thờ lạy Đ. C. G. đang ở trong lòng.

Ba là, hãy phủ dăng trót mình cho Đ. C. Giêsu và dốc lòng giữ luật Đ. C. T. và Hội-thánh cho trọn.

Bốn là, hãy giục lòng cảm ơn kính mến Đ. C. G. là bạn lành là mạch sống mọi ơn mọi phước, xưng mình khó hèn yếu đuối, xin mọi sự thiếu thốn, nhứt là xin Đ. C. G. giúp sức cho đặt chữa tội.



ĐIỀU THỨ III

Về việc tế lễ Misa



62 — H. — *Việc tế lễ là đi gì ?*

T. — Là việc kẻ có quờn phép riêng làm khi lấy vật có hình mà dâng cho Đ. C. T., lại làm cho của ấy tiêu hủy hoặc trở nên khác cho đặt kính thờ Đ. C. T. và nhìn Người là Đấng chí tôn đã dựng nên và cai quản mọi loài mọi vật.

Một là, nói tế lễ là việc kẻ có quờn phép riêng, nghĩa là kẻ đã đặt mà tế thay mặt nhiều người, chẳng phải ai ai

cũng được tế lễ mặc ý mình đâu. Bằng kẻ không có chức quyền dâng của lễ gì, thì Đ. C. T. nhận lấy là của riêng người ấy mà thôi, chẳng phải là lễ chung cả dân dâng cho Chúa.

Hai là, lấy vật có hình, nghĩa là của bày ra bề ngoài ngũ quan thấy đặng, vì chưng việc làm bề trong như ăn năn tội, giục lòng khiêm nhượng, không lẽ thành việc chung nên chẳng thành lễ tế đặng.

Ba là, dâng cho Đ. C. T., bởi vì có mình Đ. C. T. làm chủ cả mọi loài mọi vật cầm quờn sửa trị mọi sự.

Bốn là, làm cho của lễ tiêu hủy, nghĩa là làm cho hư cho mất, bởi vì khi tế lễ chẳng có ý dâng của cho Đ. C. T. nhờ, một tỏ lòng nhìn Đ. C. T. có phép phá mọi sự cho nó ra không.

Năm là, cho dâng kính thờ Đ. C. T., vì chính ý việc tế lễ là kính tôn khâm phục Đ. C. T., nhưng mà cũng có ý chỉ về ích riêng người ta, là tạ ơn Đ. C. T. vì mọi ơn lành đã đặng, lại xin Người tha phần phạt mình đáng chịu vì tội đã phạm.

63 — H. — Lễ Misa là đi gì ?

T. — Misa là việc các đấng thầy cả làm khi cầm lấy bánh mì, rượu nho mà đọc lời truyền, làm cho bánh rượu trở nên Mình thánh, Máu thánh Đ. C. G. ; làm vậy có ý nhắc lại sự thương khó Đ. C. G. và dâng lễ rất trọng này cho đấng thờ phượng Đ. C. T. mà xin cho đấng nhờ mọi ơn lành bởi công nghiệp Đ. C. G. đã chịu nạn chịu chết mà ra.

64 — H. — Lễ Misa có phải là lễ tế chẳng ?

T. — Lễ Misa thầy cả làm, thiết là lễ tế vì chưng :

Một là, có lời Đ. C. G. đã phán dạy tỏ tường trong sách Êvang, các thánh Tông đồ mới vâng mà dâng Mình

thánh Người làm của tế-lễ, cho nên ông thánh Phaolô dạy bốn đạo rằng : *Anh em đừng ăn của kẻ ngoại đã cúng bụt, một phải ăn của đã tế lễ cho Đ. C. T. là Mình thánh Máu thánh Đ. C. G.*

Hai là, Hội-thánh buộc ta phải tin điều này ; có lời công đồng Tridentinô luận rằng : « Ai mà nói rằng trong lễ Misa chẳng có dâng cho Đ. C. T. chính của tế-lễ thì phải vạ dứt phép thông công. »

Ba là, trong lễ Misa có đủ những điều như đã giải về việc tế-lễ :

a — Kẻ dâng lễ Misa là đáng có quyền phép riêng. Có mình kẻ đã chịu chức chính tế mới dâng lễ Misa. Lại thầy cả làm lễ thay mặt Đ. C. G. là thầy cả hằng sống dâng Mình cách mẫu nhiệm trên bàn thờ mỗi lần có kẻ làm lễ Misa.

Lại cho dâng kính lễ này cho hết sức, chẳng những giao việc tế-lễ cho một mình thầy cả, mà lại trừ kẻ có chức thánh, thì không ai dâng đá đến chén, đĩa, khăn thánh, cùng đồ cần dùng mà truyền phép Mình thánh Chúa.

b — Của lễ dâng, là của quý trọng vô cùng là chính Mình Đ. C. G. là Đ. C. T. Ngồi thứ hai.

c — Của lễ có hình bề ngoài, có hình bánh hình rượu ngũ quan thấy biết dâng.

d — Của dâng tiêu hủy, là bánh rượu chẳng còn, một trở nên Mình thánh Máu thánh Đ. C. G. Dầu mà Đ. C. G. hằng sống chẳng còn chịu chết dâng, bằng suy xét lời truyền thầy cả đọc, thì làm cho Đ. C. G. ở cách hèn hạ trong hình bánh rượu, chẳng cho ta xem thấy sự sang trọng Người.

e — Dâng lễ Misa mà kính thờ Đ. C. T. Lễ Misa dâng cho một mình Đ. C. T. mà thôi, chẳng hề dâng cho đáng nào khác.

Vũ đời xưa theo luật cũ dâng của lễ là loài vật chiên bò mà Đ. C. T. còn lấy làm vui lòng đẹp ý. Phương chỉ khi dâng của lễ mới là chính mình Đ. C. G. là chính Đấng xưa đã có tiếng trên trời nhận : *Này là con Tao rất ,eu dẫu, này là Đấng thật đẹp lòng Tao*, thì càng có thể kính thờ Đ. C. Cha cho xứng đáng là dường nào !

65 — H. — *Làm lễ Misa có phải là một việc lễ-lễ làm xưa trên cây thánh Giá chăng ?*

T. — Một là, lễ Misa cũng là một lễ Đ. C. G đã làm khi dâng Mình trên cây thánh Giá vì chưng :

a — Trên cây thánh Giá và trên bàn thờ có một của lễ là Đ. C. G.

b — Trên cây thánh Giá và trên bàn thờ cũng một Đấng tế lễ là Đ. C. G. Vốn khi thầy cả dâng lễ Misa, thì người làm việc thay mặt Đ. C. G. là chính Thầy cả dâng Mình cách mẫu nhiệm.

Việc này thấy tỏ tường trong lời truyền phép : Thầy cả làm lễ chẳng nói : *Này là Mình Đ. C. G.*, bèn đọc rằng : *Này là Mình Tao* ; nghĩa là thầy cả thay mặt Đ. C. G. mà làm cho bánh trở nên Mình thánh Máu thánh.

Vậy Đ. C. G. dâng mình lại, chẳng phải là một ngày một lần, mà bởi khắp cả thế giới có nhiều nhà thờ, nhiều bàn thờ, nhiều thầy cả làm lễ, thì giờ nào khắc nào đều có kính lạy Đ. C. Giêsu dâng mình lại như xưa trên núi Calavariô.

Hai là, bằng xét cách dâng của lễ, thì lễ Misa cũng có khác hai ba điều này :

a — Trên cây thánh Giá, Đ. C. G. dâng mình tỏ tường, nên kẻ có mắt đó thấy đặng rõ ràng ; nhưng mà trên bàn thờ, Đ. C. G. dâng mình cách mẫu-nhiệm, ẩn Mình trong hình bánh rượ, con mắt phần xác thấy chẳng đặng.

b — Trên cây thánh Giá Máu thánh Đ. C. G. chảy ra thật và Người chịu chết một lần ; trên bàn thờ, thì Đ. C. G. dâng Mình luôn luôn mà chẳng hề chịu chết nữa.

c — Trên cây thánh Giá Mình thánh Đ. C. G. chịu đau đớn, nhưng mà bây giờ trên bàn thờ có Mình thánh Đ. C. G. đã sống lại vinh hiển hằng sống chẳng còn chịu nạn chịu chết nữa, một dâng cho Đ. C. Cha những đều đã chịu xưa dưới thế gian này.

66 — H. — *Dâng lễ Misa vì những ý nào ?*

T. — Dâng lễ Misa có ý làm cho trọn bốn việc rất cần kẻ có đạo phải làm ; là thờ phượng — tạ ơn — cầu xin Đ. C. T. — và đền tội.

Một là, có ý *thờ phượng*. Vốn Đ. C. T. cao trọng vô lượng vô biên, ta là loài hèn mạt chẳng có sức đủ cho đặt kính thờ Người cho cân xứng, một nương nhờ công nghiệp vô cùng Đ. C. G. trong lễ Misa, thì mới thờ lạy ngợi khen Đ. C. T. cho xứng đáng. Vì chưng dầu Đức Bà, dầu thiên-thần, các thánh hiệp làm một mà chúc tụng ngợi khen Đ. C. T. thì cũng chẳng sáng danh Chúa cho bằng Đ. C. G. dâng Mình mà tế trong lễ Misa.

Hai là, có ý *tạ ơn*.Ơn Đ. C. T. đã ban và hằng ngày xuống vô ngần vô số, nên ta mắc nợ Đ. C. T. biết là chừng nào ! Mà loài rất hèn hạ nghèo cực biết làm sao hầu đền ơn Chúa ? May nhờ có Đ. C. G. trong lễ Misa, mới dâng đặt của lễ quý trọng mà đền ơn trả nghĩa Chúa cho cân xứng. Bởi có ý này thì trót mùa lễ có lời ngợi khen cảm tạ như sau này : Chúng tôi tạ ơn Chúa, vì danh Chúa cả sáng..... Chúng tôi hãy đội ơn Chúa.

Ba là, có ý *cầu xin*. Chẳng có lời cầu xin nào có sức cho bằng lễ Misa ; bởi vì trong lễ Misa, phần thì Đ. C. G. dâng đầu mà nguyện xin cho ta ; phần thì ta hiệp cùng Đ.

C. G. đương ngự trên bàn thờ mà xin ; cho nên lời cầu xin khi làm lễ, chẳng phải là lời thầy cả mà thôi, thật là có Đ. C. G. xin cho ta khỏi mọi sự dữ đáng mọi sự lành, bình yên đời này và đáng thanh nhàn vui vẻ vô cùng đời sau nữa.

BỐN là, có ý đền tội. Lễ Misa có sức tha tội mà lại đền bồi những hình phạt bởi tội mà ra.

a — Đ. C. G. dâng Mình tế-lễ trên bàn thờ cũng một ý như xưa trên cây thánh Giá, là có ý chuộc tội cả và thiên hạ. Vậy trong lễ Misa ta dâng lễ cực trọng vô cùng cân xứng mà xin Chúa tha các tội lỗi người ta đã phạm xưa nay và phạm đời sau.

Nhưng mà lễ Misa chẳng tha tội như phép Rửa tội, phép Giải tội một uốn lòng Đ. C. T. thương xuống ơn cho kẻ có tội ăn năn trở lại và dốc lòng chữa thật chẳng phạm tội nữa ; vì chưng lễ Misa chẳng phải là chính phép Bí-tích tha tội. Vả lại việc xem lễ cũng chẳng đáng nhờ ơn ích cho bằng khi rước lễ.

b — Bằng xét phần phạt tạm ta phải chịu vì tội đã phạm thì lễ Misa chẳng những là giúp ta làm việc lành đền tội, mà lại có sức đền bồi bớt phần phạt cho ta nữa. Dầu kẻ chết phải phạt trong luyện hình đã hết đảng lập công đền tội mặc lòng, cũng nhờ lễ Misa kẻ sống dâng, cho đáng giảm bớt và mau vào nước thiên đàng.

67 — H. — Những ơn ích nào bởi lễ Misa mà ra và ai đáng nhờ ?

T. —Ơn ích bởi lễ Misa mà ra, thường chia như sau này :

Một là, có ích chung cho bốn đạo cả Hội-thánh, kẻ còn sống và các đảng linh hồn trong luyện hình hết thấy đáng nhờ ; vì chưng thầy cả làm lễ Misa làm việc thay mặt

cả Hội-thánh. Dầu mà kẻ không xem lễ, kẻ thầy cả chẳng nhớ đến, thì cũng có phần nhờ trong việc chung này.

HAI là, nhưng mà kẻ giúp lễ, kẻ xem lễ, người thí của cho thầy cả và mọi người lo cho thầy làm lễ thìặng nhờ nhiều hơn.

BÀ là, có ơn riêng cho thầy cả làm lễ.

BỐN là, còn mấy người đã xin lễ, hoặc thầy cả dâng lễ Misa theo ý ai, thì nàyặng nhờ cách riêng.

Lại nhưng kẻ đã kể trước nàyặng nhờ nhiều hay là ít, thì tùy theo ý ngay lành và sốt sắng tin cậy công nghiệp Đ. C. G.

Ấy vậy hễ có thầy cả làm lễ Misa tại sở, thì bốn đạo hãy siêng năng tới xem lễ cho sốt sắng. Vốn chẳng có luật buộc phải xem lễ ngày thường, nhưng mà hễ nhà nào siêng lo cho mỗi ngày có người nhà đi xem lễ, ắt là sẽặng Đ. C. G. thương cách riêng và xuống muôn vàn ơn lành cho đặng gánh nổi những việc khó thường gặp ở đời này.

68 — H. — *Làm sự gì cho đặng xem lễ nên ?*

T. — Một là, khi xem lễ hãy lo tỏ lòng cung kính chăm chỉ cho hết sức.

a — Phải ra sức khỏi những dịp sinh sự lo ra, giữ nết na tề chỉnh, đừng ngó ngang ngó ngửa xem kẻ ra người vào, vân vân...

b — Phải có ý tứ chăm chỉ, giữ lòng, cầm trí kéo lo ra đông dài.

c — Hạ mình xuống ở khiêm-nhượng hết sức và xin Đ. C. G. thêm lòng tin cậy kính mến Người.

d — Mỗi lần xem lễ, muốn cho đặng nhiều ơn ích, thì phải có ý xin một hai ơn gì riêng cho mình hay là cho kẻ khác.

Hai là, còn sự đọc kinh, suy gẫm hoặc làm việc gì cho dễ chăm chỉ thì ai nấy liệu cách nào tiện tùy sức mình.

Đây ta chỉ một ít cách dễ dùng mà xem lễ cho sốt sắng :

Cách thứ nhất : Hiệp một lòng một ý cùng thầy cả đương làm lễ. Người làm việc gì, đọc kinh gì, thì mình bắt chước đọc theo hiệp ý cùng người như đã dạy trong sách Mục-lục.

Cách thứ hai : Bằng chẳng thuộc kinh, không có sách, lại chẳng ai đọc kinh trong nhà thờ, thì nên bắt chước một thầy dòng kia dốt nát ít oi, mà xem lễ sốt sắng lắm ;

a — Từ đầu lễ đến khi thầy dâng bánh rượu thì coi *tờ đen* : là suy nhớ tội lỗi đã phạm mà giục lòng ăn năn thảm thiết.

b — Từ khi dâng bánh rượu đến khi chịu lễ, thì coi *tờ đỏ* : là suy gẫm về những sự thương khó Đ. C. Giêsu.

c — Từ khi chịu lễ, đến hết lễ, thì coi *tờ trắng* : là giục lòng cảm ơn Đ. C. G. và cầu xin cho mình và cho kẻ khác.

Cách thứ ba : Suy gẫm theo bốn ý lễ Misa như đã dạy số 64 trước này.

Trong sách dẫn đường nhưn đức (*cuốn thứ hai đoạn 14*) ông thánh Phanxicô Salesiô chỉ một cách xem lễ cũng hay lại vừa sức nhiều người,

69 — H. — *Kẻ xin lễ Misa có ý nào ?*

T. — Xin lễ có ý xin thầy cả làm lễ Misa mà cầu xin theo ý mình.

Còn tiền đem cho thầy cả, chẳng phải là có ý mua lễ đâu. Lễ Misa là của có giá trọng vô cùng, chẳng nên sánh cùng tiền bạc là của hèn đời này. Dâng tiền bạc mà xin

lễ cho dâng trả công thầy cả làm lễ, hầu người dâng nuôi dưỡng mình, lại có ý chịu phần sở tồn : bánh rượu, đồ lễ, vân vân....

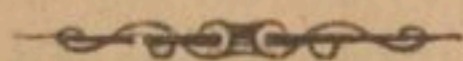


THỨ ĐOẠN VI

Về phép Giải-tội

I — Nói chung về phép Giải-tội

II — Về những việc phải làm mà chịu phép Giải tội nên.



ĐIỀU THỨ I

Nói chung về phép Giải-tội

70 — H. — *Phép Giải tội là gì ?*

T — Là phép Bí-tích Đ. C. G. đã lập để mà tha những tội lỗi người ta đã phạm từ khi chịu phép Rửa tội về sau.

Một là, *Phép Bí-tích*, bởi vì có đủ ba điều sau này :

a — Có dấu bề ngoài ngũ quan biết dâng, là những việc kẻ chịu phép này phải làm : ăn năn tội, xưng tội, đền tội, ra như chất phép Giải tội. Lại có lời mô thầy cả giải tội rằng : « Tao giải tội cho mày khỏi tội mày, nhưn danh Cha,.... » Lời này cũng là dấu bề ngoài nghe biết dâng.

b — Đ. C. G. lập phép Giải tội khi Người hiện đến các thánh Tông-đồ mà phán rằng : *Bay hãy chịu lấy Đ. C. Thánh Thần, bay tha tội cho ai thì nấy dâng khỏi tội.*

c — Phép này sinh ơn thiêng-liêng trong linh hồn ; vì chúng kẻ dâng khỏi tội, ắt là dâng ơn nghĩa Chúa vào trong lòng, làm cho linh hồn hoá nên trong sạch đẹp để trước mặt Đ. C. T.

Vậy trong phép Giải tội có đủ ba điều cần kíp cho đăng gọi là phép Bí-tích.

Hai là, *đề mà tha tội*. Vả phép này Đ. C. G. đã lập như toà đoán xét tội lỗi người ta. Có kẻ cáo, kẻ làm chứng, kẻ tội hơn cũng là người chịu phép Giải tội. Lại có đăng đoán xét là thầy cả ngồi toà thay mặt Chúa mà định án tha hay là buộc, theo quờn Đ. C. G. đã ban : *Bay tha tội cho ai, thì nấy đăng khỏi, bay cầm tội ai thì nấy còn mắc*.

Ấy vậy kẻ thật lòng ăn năn xưng ngay, đăng chịu phép Giải tội, thì khỏi hết các tội. Còn những người chẳng xưng ngay, chẳng ăn năn dốc lòng chữa, thầy cả chẳng giải tội, thì nó chẳng đăng khỏi tội.

Ba là, *tội phạm từ khi chịu phép Rửa tội về sau*. Những lời này chỉ đủ các tội ta khỏi đăng trong phép Giải tội :

a — Kẻ chưa chịu phép Rửa tội, chẳng đăng chịu phép Giải tội ; cho nên phép Giải tội chẳng tha tội tổ-tông và các tội mình đã phạm trước khi chịu phép Rửa-tội.

b — Còn các tội lỗi nặng nhẹ đã phạm sau khi chịu phép Rửa tội rồi, thì phép Giải tội tha đăng hết thầy, miễn là kẻ xưng tội làm đủ điều y như luật dạy. Xét theo lời Đ. C. G. đã phán, thì Người lập phép này có ý tha tội cho người ta đăng rồi, chẳng trừ tội nào, chẳng trừ người nào. Dầu tội lỗi bao nhiêu, nặng nề thế nào, thì lòng lành và công nghiệp vô cùng Đ. C. G. cũng còn dư sức mà tha thứ ; cho nên hễ kẻ có tội thật lòng ăn năn chữa cải, thì chẳng có tội nào mà phép này giải không đăng.

71 — H. -- *Phép Giải tội cần kíp thế nào ?*

Chẳng cần như phép Rửa tội, nhưng mà cần hơn các phép Bí-tích khác.

a — Chẳng cần bằng phép Rửa tội, bởi vì phép Rửa

tội cần kíp cho mọi người, còn phép Giải tội cần cho kẻ phạm tội trọng sau khi chịu phép Rửa tội mà thôi. Như con trẻ chưa có trí khôn, kẻ lớn chết khi mới chịu phép Rửa tội, thì khỏi chịu phép Giải-tội.

b — Cần hơn các phép Bí-tích khác. Xét theo tính hư hèn loài người, chịu phép Rửa tội rồi, chẳng mấy ai giữ mình được luôn cho khỏi phạm tội trọng.

Mà bề mặc tội trọng thì mất sự sống thiêng liêng ; bằng muốn nhờ các phép Bí-tích kẻ sống, thì cần kíp phải nhờ phép Giải tội, là thuốc linh nghiệm Đ. C. G. đã sắm cho kẻ mắc tội nặng sống lại phần hồn ; cho nên phép này cần hơn các phép khác.

72 — H. — Buộc chịu phép Giải tội khi nào ?

T. — Một là, buộc chịu phép Giải tội khi mắc tội trọng, mà phải chịu phép Bí-tích khác. Ví dụ : Khi muốn rước lễ, chịu phép Thêm-sức..., mà biết mình mắc tội trọng.

Hai là, khi đau liệt nặng, hoặc bởi cơ nào sợ phải chết. Ví dụ : lính gần vào trận, mẹ gần sinh con.

Ba là, kẻ thường bị cám dỗ mà hay phạm tội trọng, thì buộc chịu phép Giải-tội cho nặng chống trả và khỏi tội ; vì chung luật Đ. C. T. cấm phạm tội, cũng buộc dùng phương thế cho nặng khỏi tội.

Bốn là, có luật Hội-thánh buộc mọi người đã đến tuổi khôn phải xưng tội ít là một năm một lần.

Nhưng mà ai muốn cho nặng chắc chắn phần rồi, thì đừng trễ nải việc xưng tội. Hễ khi nào mắc tội trọng, hãy đến cùng thầy giải tội, cho mau nặng nhờ thuốc thiêng liêng chữa các bệnh linh hồn. Dầu mà kẻ có tội nhẹ mà thôi, thì sự xưng tội là phương thế linh diệu cho nặng giữ nghĩa cùng Chúa luôn, khỏi sa phạm tội trọng.

73 — H. — *Chịu phép Giải-tội đặng những ơn ích nào ?*

T. — Đặng những ích này :

Một là, đặng khỏi tội phạm sau khi chịu phép Rửa tội, như đã giải trước rồi.

Hai là, đặng khỏi hình phạt đời đời.

Ba là, hình phạt tạm đặng khỏi một hai phần mà thôi, cho nên còn phải lo làm việc đền tội.

Bốn là, công nghiệp những việc lành phước đức đã làm khi có ơn nghĩa Chúa, mà tội trọng đã làm mất đi, khi chịu phép Giải-tội, khỏi tội rồi, thì đặng lại y như trước vậy.



ĐIỀU THỨ II

Về những việc phải làm cho đặng chịu phép Giải tội nên



74 — H. — *Muốn chịu Phép Giải-tội phải làm những việc nào ?*

T. — Phải làm bốn điều sau này :

I Xét mình ;

II Ăn năn tội dốc lòng chữa ;

III Xưng tội ;

IV Quyết làm việc đền tội.

Cho nên đây chia ra làm bốn khoản.

§ I — Về việc xét mình

75 — H. — *Xét mình là làm sao ?*

T. — Xét mình là suy đi nghĩ lại, từ khi xưng tội lần sau hết đến rày, trong việc làm, lời nói, lòng lo tưởng, có việc gì nghịch luật Đ. C. T. và luật Hội-thánh.

Luật buộc xưng tội cũng buộc phải xét mình ; vì chẳng suy xét, thì chẳng nhớ tội mình, lẽ nào mà xưng cho đủ. Cho nên kẻ dọn mình chịu phép Giải-tội, buộc phải ân cần lo việc xét mình ít nữa là bằng khi lo việc đại sự vậy. Nhưng mà chẳng có luật nào buộc mọi người phải xét biết rõ bằng nhau. Hễ là cứ theo sức trí khôn mình mà xét cho thật lòng, thì đã đủ.

76 — H — Làm sao cho dễ xét mình ?

T. — Một là, kẻ đã lâu xưng tội, thường cứ thứ tự theo mười giải răn Đ. C. I., sáu điều luật Hội-thánh, bảy mối tội đầu, nghĩ lại coi mình đã làm đều gì luật cấm, đã bỏ mấy việc luật buộc phải làm.

Mỗi điều hãy xét coi mình đã phạm mấy thứ tội, mỗi thứ đã phạm mấy lần ? Ví dụ : Xét mình về điều răn thứ ba thì nghĩ lại : có bỏ xem lễ chẳng ? bỏ mấy lần ? — Có làm việc xác chẳng ? làm mấy lần ? làm bao lâu ?

Lại ai nấy có việc bổn phận riêng, như đã giải về điều răn thứ bốn. Hãy xét cho kỹ-lưỡng mình đã lỗi bổn phận thế nào.

Hai là, ai đã biết mình đã phạm phép Giải tội khi trước, thì phải xét lại từ phen xưng tội nên lần sau hết cho đến rày.

Ba là, kẻ xét mình biết chắc chắc không có tội trọng, thì xét tội nhẹ, nhưt là tội nhẹ tự ý phạm, và đã dốc lòng chữa, mà cũng còn thường phạm.

Bốn là, còn kẻ năng xưng tội, ít khi phạm tội trọng ; thì xét việc làm hằng ngày coi có đều gì đã lỗi cùng Đ. C. T., cùng mình, cùng người ta ; xét việc bổn phận, nhưt là những tội đã dốc lòng chữa.

Năm là, còn sự xét mình bao lâu, không định một mực đặng. Như kẻ quen xét mình hằng ngày, kẻ hay sợ

tội, kẻ năng xưng tội, thì xét mình năm mươi phút đã đủ ; có kẻ phải xét lâu hơn. Việc xét mình lễ đã lo vừa đủ ; rồi có sót tội nào, cũng chịu phép Giải tội nên.

§ II — Về sự ăn năn tội dộc lòng chưa

77 — H. — Ăn năn tội là đi gì ?

T. — Ăn năn tội là đau đớn lo buồn trong lòng, chê ghét tội đã phạm và dộc lòng quyết chí chẳng còn phạm tội nữa.

Vậy cho đặt gọi là ăn năn tội thì phải có đủ hai điều sau này :

a — Đau đớn, là buồn bực rầu rĩ trong lòng và ghét tội ; cũng như con cái đã làm mất lòng cha mẹ, nên nó thâm sâu giận ghét trách mình đã làm đã nói phạm đến cha mẹ, thì lấy làm khó chịu lắm.

b — Phải quyết định sẽ đi xưng tội và từ này về sau chẳng còn dám phạm điều gì nghịch thánh ý Đ. C. T. nữa.

78 — H. — Ăn năn tội có phải là sự cần kíp chẳng ?

T. — Trong phép Giải tội, chẳng có việc gì cần kíp cho bằng sự ăn năn tội, vì chưng :

Một là, trong Kinh thánh đã có lời rằng : *Có một kẻ ăn năn tội nên, mới đáng cho Đ. C. T. tha tội cho nó mà thôi.*

Lại chính mình Đ. C. G. đã phán rằng : *Bay chẳng lo ăn năn tội cho thật lòng, thì bay chẳng khỏi mất phần rồi ; cho nên công đồng Tridentinô đã luận rằng : Chẳng có ai chẳng thật lòng ăn năn tội, mà đặt khỏi tội bao giờ.*

Hai là, bằng xét bao giờ luật buộc phải giục lòng ăn năn tội, thì :

a — Khi đã gần chết hoặc đã nên sợ chết.

b — Khi đã phạm tội trọng nào, chẳng nên để lâu mà

chẳng ăn năn tội, kéo mà liều mình chết khốn nạn trở lại không kịp ; vì chưng kẻ mắc tội trọng mà trì hoãn đề lâu quá, ra như phạm tội khinh dể Đ. C. T. nên chẳng còn đáng Chúa thương nữa.

c — Phải ăn năn tội khi dọn mình chịu phép Giải tội. Bằng chẳng có lòng ăn năn, hoặc trước, hoặc đang khi thầy cả giải tội, thì chẳng thành phép, chẳng khỏi tội.

Thường khi xét mình vừa rồi, thì cũng lo giục lòng ăn năn tội trước khi vô tòa xưng tội.

79 — H. — *Ăn năn tội cách trọn là làm sao và đặt khỏi tội thế nào ?*

T. — Ăn năn tội cách trọn (cũng gọi là ăn năn tội vì Chúa) là lo buồn đau đớn ghét tội, bởi vì tội đã phạm làm mất lòng Chúa là Đấng rất thánh tốt lành vô cùng, đã thương ta quá lẽ, và đáng ta kính mến trên hết mọi sự.

Kẻ ăn năn tội theo lẽ nói trước này thật, là bỏ việc tội lỗi mà trở một ý một lòng cùng Chúa, cùng dốc lòng sẽ giữ luật Đ. C. T. cho trọn, quyết sẽ xưng tội, dầu chưa chịu phép Giải tội, thì đã khỏi tội mà đặt nghĩa lại cùng Chúa liền.

Còn kẻ dốt nát, bởi không biết, hoặc quên, chẳng nhớ luật buộc xưng tội, bằng có lòng ăn năn tội vì Chúa như đã nói trước, thì cũng đặt khỏi tội.

80 — H. — *Làm sao cho đặt ăn năn tội cách trọn ?*

T. — Ai có lòng khiêm nhượng cậy ơn Đ. C. T., thì dễ ăn năn tội cách trọn ; miễn là có ba điều sau này thì đủ :

Một là, giục lòng tin suy nghĩ Đ. C. T. là Đấng rất tốt lành rất hơn từ.

Hai là, xét việc tội là đều mất lòng Chúa, nghịch ý Chúa lắm.

Ba là, giục lòng đau đớn trong lòng, kính mến Đ. C.

T. đã thương nhin tội lỗi, và quyết chữa, chẳng còn phạm tội nữa.

Ai có bấy nhiêu điều ấy cho thật, mà chăm chỉ đọc kinh « *Ăn năn tội* » thì đã đủ ; chẳng cần phải động lòng nước mắt chảy ra đâu.

Ấy vậy ta hãy cảm ơn Đ. C. T. đã ban phép cho ta đăng nghĩa lại trước khi đi xưng tội, và nhớ mấy điều sau này :

a — Hễ rủi ngã sa phạm tội, thì phải giục lòng ăn năn tội liền.

b — Khi liệt nặng, hoặc bởi cơ nào khác sợ phải chết, mà chẳng có thầy cả làm phước cho, thì chẳng nên bối rối ngã lòng ; hãy giục lòng ăn năn tội vì Chúa, giục lòng kính mến mà xin Chúa tha tội.

c — Khi giữ kẻ liệt đã gần sinh thì, hãy năng nhắc lại một hai lời giục lòng trông cậy mà ăn năn tội vì Chúa.

d — Lại những tội đã ăn năn cách trọn dầu đã đăng tha thứ, thì đến sau cũng còn phải xưng các tội ấy cho đăng giữ trọn lề luật dạy phải xưng các tội trọng đã phạm.

81 — H. — *Ăn năn tội cách chẳng trọn là làm sao và đăng khỏi tội thế nào ?*

T. — Ăn năn tội cách chẳng trọn (cũng nói ăn năn tội vì mình) là đau đớn lo buồn ghét tội đã phạm vì tội là sự xấu, hoặc tại sợ hoả ngục, sợ mất mọi sự vui vẻ trên trời, hoặc bởi cơ nào khác ; chẳng phải buồn rầu vì đã làm mất lòng Chúa, vì lòng mến Chúa như ăn năn tội cách trọn ; cho nên gọi là ăn năn cách chẳng trọn.

Kẻ ăn năn tội cách này, cũng có lẽ khỏi đăng tội nhẹ. Nhưng mà tội trọng, còn phải chịu phép Giải tội, khỏi mới đăng. Ấy vậy ăn năn tội cách chẳng trọn cũng đủ mà chịu phép Giải tội nên.

82 - H. *Những điều nào cần cho thành sự ăn năn tội ?*

T. — Có bốn điều này mới thật là ăn năn tội :

Một là, phải ăn năn thật *trong lòng*, vì chừng lòng đã phạm tội, thì lòng phải ăn năn tội trở lại cùng Đ. C. T. Bằng làm bộ bề ngoài mà thôi, hoặc suy nghĩ đến tội một chút, chẳng phải là ăn năn thật. Nhưng mà kẻ thiết lo buồn đau đớn, trong lòng thiết ghét tội, thì đã đủ, chẳng cần động lòng bề ngoài.

Hai là, phải ăn năn tội *bởi ơn Đ. C. T. Thần soi sáng*, lại phải cứ những lẽ Đ. C. T. đã truyền cho ta tin mà ăn năn tội. — Ví dụ : lo buồn vì sợ quan phạt, vì sợ mang tiếng, là ăn năn tội theo lẽ tự nhiên, chẳng thành sự ăn năn, không đủ mà chịu phép Giải tội nên.

Hãy suy nghĩ Đ. C. T. dựng nên ta, đã ban ơn cho ta, cùng làm Chúa mọi loài mọi vật....

Ba là, phải buồn ghét tội *trọng trên hết mọi sự*. Nghĩa là phải sẵn lòng thà chịu mọi sự dữ, chẳng thà phạm tội nào nữa. Hãy quyết lòng, dầu đều khổ thế nào, cũng cam chịu mà chẳng dám làm mất lòng Chúa nữa.

Bốn là, phải ăn năn *đủ các tội trọng*, đừng trừ tội nào. Ai mà còn muốn phạm một tội nào, dầu có lòng ghét chưa các tội khác, thì chịu phép Giải-tội, chẳng khỏi tội nào hết.

Nhưng mà chẳng cần ăn năn riêng ra mỗi một tội ; miễn là giục lòng ăn năn chung hết các tội trọng đã phạm, thì đã đủ.

83 - H. — *Sự dốc lòng là làm sao ?*

T. — Dốc lòng là quyết chí từ nay về sau chẳng dám phạm tội nữa. Vốn sự dốc lòng đã có trong lòng khi ăn năn tội nên ; vì chừng kẻ đau đớn ghét bỏ tội thật, ắt là đã quyết lòng chưa cái chẳng dám tái phạm.

Về sự dốc lòng hãy nhớ ba điều này :

Một là, phải dốc lòng vững vàng chắc chắn, là quyết dứt bỏ sự tội chẳng còn bịn rịn chút nào.

Hai là, phải quyết tình lánh các dịp tội và lo phương thế cho mình khỏi phạm tội. Ví dụ : Muốn chữa chứng say sưa, thì dốc lòng bỏ, đừng theo bọn thường rủ đi uống.

Ba là, phải dốc lòng chữa hết các tội, bằng còn tiếc một tội trọng nào chưa đành dứt bỏ cho thật, thì chưa phải là dốc lòng ăn năn tội nên.

84 — H. — *Kẻ dốc lòng chữa tội, song sợ sau còn sa ngã, có đáng gọi là dốc lòng nên chăng ?*

T. — Bằng thật lòng ghét tội và ra sức lánh dịp tội, dầu sợ sau còn sa phạm, thì cũng gọi là dốc lòng nên.

Kẻ hay lo sợ làm vậy, hãy nhớ khi lâm cơn cám dỗ, thì Đ. C. T. sẽ xuống ơn thêm sức cho khỏi sa ngã.

Còn kẻ dốc lòng chữa mà chẳng lo tránh dịp tội, lẽ nào mà đoán là dốc lòng nên ăn năn thật. Ví dụ : sợ tội lòng động lòng lo, mà chẳng lo giữ ngũ quan, nào có phải dốc lòng thật đâu.

H. — *Kẻ cứ ngã đi ngã lại trong các tội đã xưng nhiều lần có nên đoán thiếu sự dốc lòng chăng ?*

T. — Kẻ đã xưng tội nào rồi, gặp dịp liền phạm lại, chẳng chống trả, chẳng nghi ngại chút nào, thì nên sợ chưa có dốc lòng chữa thật.

Còn kẻ đã quen phạm tội, xưng rồi, gặp dịp cũng chống trả giữ mình đặng ít lâu ; mà sau chịu theo xác thịt yếu đuối ngã lại, thì chẳng nên đoán chưa dốc lòng chữa tội.

85 — H. — *Phải ăn năn tội dốc lòng chữa cho hết các tội trọng, chẳng nên trừ tội trọng nào, còn tội nhẹ thì làm sao ?*

T. — Vốn kẻ mắc tội nhẹ cũng còn đặng ơn nghĩa

cùng Đ. C. T. ; dầu chẳng ăn năn đủ hết các tội, miễn là có ăn năn quyết chữa một hai tội nhẹ nào cho thật lòng, thì cũng chịu phép Giải-tội nên.

Sự ăn năn dốc lòng chữa là cần nhứt cho thành phép Giải-tội. Cho nên kẻ năn xưng tội, phải giục lòng ăn năn một hai tội nhẹ cách riêng, nhứt là tội nào mình thường phạm và làm hại linh hồn hơn ; hoặc xưng lại một hai tội trọng cũ mà giục lòng ăn năn cho chắc chắn.

§ III — Về sự xưng tội

86 — H. — *Sự xưng tội là làm sao ?*

T. — Xưng tội là cáo những tội mình đã phạm, tỏ cho thầy cả có quyền tha tội, đặng người làm phép Giải-tội cho mình khỏi tội.

a — Nói cáo : vì chính mình kể có tội đến toà như trước mặt quan xét, mà thú khai tội lỗi ; chẳng đợi tra hỏi, chẳng kiểm lễ chữa mình.

b — Tội mình đã phạm : nghĩa là xưng khai vừa đủ các tội mình đã phạm ; chẳng phải là tỏ sự xấu sự tội người ta, hay là nói những điều dông dài vô ích.

c — Tỏ cho thầy cả : vì có một kẻ có chức thầy cả mới làm phép Giải-tội đặng.

d — Thầy cả có quyền phép, vì chưng thầy cả đặng quyền phép Đấng Giám-mục ban cho, mới đặng giải tội cho người ta.

87 — H. — *Ai lập phép cáo tội mình cho thầy cả giải-tội ?*

T. — Một là, Đ. C. G. đã lập phép Giải-tội như toà đoán xét, mà ban phép cho các thánh Tông-đồ và các kẻ nối quờn đặng phép đoán xét tha buộc. Cũng một khi ấy, Đ. C. G. lập việc xưng tội ; vì chưng, chẳng xưng tội, thì thầy cả biết đâu mà đoán phải giải hay là phải cầm.

Vã toà giải tội là phương linh nghiệm chữa tật linh hồn, cho nên kẻ liệt phải tỏ chứng bệnh mình ra, thì thầy thuốc mới chữa được.

HAI là, việc xưng tội tự nhiên ai nấy lấy làm khó. Giả như Đ. C. G. chẳng dạy xưng ra cho khỏi tội, thì nào ai có sức đủ mà buộc bốn đạo tố cáo mọi tội mình đã phạm.

Lại cứ theo sử-ký Hội-thánh và sách các thánh tổ phụ để lại, thì chẳng thấy Đức Giáo-tông hay là Giám-mục nào đã lập phép ấy ; một gặp nhiều lời làm chứng tỏ-tường sự xưng tội đã có từ thuở đầu Hội-thánh đến rày.

88 — H. — *Những ơn ích nào bởi sự xưng tội mà ra ?*

T. — *Đặng những ích này :*

Một là, giúp người ta dẹp tính kiêu ngạo, là cội rễ mọi sự dữ ; vì chúng buộc mọi người mọi bậc phải hạ mình xuống mà tỏ tội lỗi mình trước mặt thầy cả.

HAI là, buộc người ta xét mình : Nhờ việc xét mình, mới biết tính mình thế nào, mới rõ những cơ những dịp mở đường tội lỗi ; cho nên việc xưng tội rất hay cho dặng chữa cái và giữ nghĩa cùng Đ. C. T.

BA là, xưng tội, mới dặng nhờ thầy cả dạy bảo, như thầy thuốc chỉ phương linh nghiệm mà chữa các chứng bệnh phần hồn, chỉ dặng ngay nẻo chính cho mau nên trọn lành.

BỐN là, xét việc chung, người ta nhờ việc xưng tội cho dặng nhớ tam cương ngũ thường, biết ân cần lo việc bổn phận cho chín chắn và thuận hoà với nhau.

89 — H. — *Phải giữ những điều nào trong việc xưng tội ?*

T. — Muốn xưng tội nên, thì phải giữ những điều sau này :

Một là, phải giữ khiêm nhượng bề trong và bề ngoài.

HAI là, phải xưng ngay thật, có sao nói vậy, đừng nói xa gần quanh quèo, đừng nói cách chữa mình.

BẢ là, thừa nội việc tội mình đã phạm mà thôi : đừng nói nhiều chuyện dông dài vô ích ; nhứt là đừng nói đến chuyện kẻ khác.

BỐN là, tỏ cáo đủ hết các tội buộc phải xưng ; nhớ đừng mấy tội, mấy lần thì nói thật như mình biết.

90 H. - Khi xưng tội, buộc phải tỏ những tội nào ?

T. — Có tội buộc nhứt phải xưng ; có tội chẳng buộc bằng xưng ra thì đừng ích trọng lắm.

MỘT là, những tội trọng đã phạm từ khi chịu phép Rửa-tội về sau, mà chưa xưng với thầy cả nào bao giờ, thì buộc phải xưng cho đủ số như mình biết. Bằng cố ý giấu một tội trọng nào, thì các tội đã xưng cũng chẳng khỏi, mà lại phạm thêm một tội rất nặng, gọi là tội phạm sự thánh, vì làm hư phép Giải-tội.

Còn khi biết tội, mà chẳng kịp xưng, như lúc chìm tàu ; hoặc muốn xưng song mệt quá, như khi đau liệt nặng lắm ; thì xưng tội cách trống cũng đáng chịu phép Giải tội nên.

HAI là, các tội lương tâm đoán là nhẹ, các tội trọng cũ đã xưng đã đáng giải rồi, vốn chẳng buộc phải xưng ; mà muốn xưng cho dễ giục lòng ăn năn và chịu phép Giải-tội nên thì càng tốt.

Tội nhẹ và tội cũ chẳng buộc phải xưng cho hết từ tội mấy lần ; muốn xưng cách trống, hoặc xưng một hai tội cũng được.

Nhưng mà phải nhớ điều này : Muốn chịu phép Giải tội, cần phải xưng một hai điều đáng gọi là tội thật ; cho nên kẻ năng xưng tội, hãy lo xưng ra ít là một tội nhẹ, hoặc một tội trọng cũ cho rõ, kéo thiếu chất phép Giải-tội mà chẳng thành phép.

91 — H. — *Khi xưng tội có buộc tỏ ra những cách thể phạm tội chăng ?*

Một là những cách thể làm cho tội vốn nhẹ ra nặng, thì buộc phải tỏ ra. Ví dụ : kẻ lấy 4, 5 tiền của người nghèo lắm, đi xin... hoặc con cái mắng chửi đánh đập cha mẹ, bằng xưng tội ăn cắp của người ta, mắng chửi đánh đập người ta thì chưa đủ ; thấy cả chưa rõ tội nặng nhẹ thế nào.

Hai là, những cách thể làm cho tội này ra giống tội khác thì buộc phải xưng. Ví dụ : kẻ phạm đến của thánh, người phạm tội với bà con, vợ chồng người ta..... thì phải tỏ ra cho thấy cả giải tội, cũng như buộc xưng tội trọng.

Ba là, còn những cách thể chẳng làm cho tội ra nặng hơn bao nhiêu, thì chẳng cần phải xưng, nhưng mà khi thấy cả có hỏi, thì phải thưa cho ngay thật.

92 — H. — *Kẻ biết có tội nào mà chẳng nhớ rõ mấy lần, thì phải xưng thế nào ?*

T. — Tội nào chẳng nhớ chắc chắn đã phạm mấy lần, thì phải nói cách ước chừng theo như sức mình đã xét đắn.

Bằng có thói quen xấu, nhưt là về các tội bề trong đã phạm nhiều lần, thì phải xưng có thói xấu ấy đã bao lâu, và nói một tuần, một tháng, phạm ước chừng mấy lần.

Ví bằng sau nhớ lại biết mình đã xưng ước chừng làm vậy không nhằm, còn thiếu nhiều quá, thì khi xưng tội lần sau, phải sửa lại mà nói ra cho đủ số.

Nhưng mà khi nói phỏng ước gần nhằm, thiếu một ít mà thôi, như mười hai lần mà nói chín lần, mười lần, thì thôi, chẳng buộc sửa lại làm chi.

93 — H. — *Còn tội hồ nghi, không rõ đã phạm hoặc chẳng nhớ đã xưng hay là chưa, thì phải nói thế nào ?*

Một là, hễ tội nào biết là tội trọng, mà hồ nghi, xét đi xét lại cũng còn ngại, không rõ đã phạm hay không, thì vốn chẳng buộc phải xưng. Nhưng mà có tỏ ra cho cha linh hồn biết tội mình hồ nghi làm vậy, thì yên tâm hơn.

Hai là, tội trọng nào biết chắc đã phạm mà hồ nghi không rõ đã xưng hay là chưa, bằng có lẽ mạnh mà tin đã xưng rồi, thì chẳng buộc xưng nữa. Bằng có lẽ mạnh mà đoán chưa xưng, thì phải tỏ cho thầy cả biết mình đã phạm tội này mà không rõ đã xưng hay chưa.

Nhưng mà kẻ thường áy náy, dầu xưng đi xưng lại cũng còn nghi sợ hoặc chưa xưng đủ số, chưa nói rõ ràng, thì đừng có xưng lại làm chi, kéo thêm lo lắng bối rối, mà phải thiệt hại phần hồn.

Ba là, còn những tội chắc đã phạm và chưa xưng khi nào, mà hồ nghi có phải tội trọng hay là tội nhẹ, thường cứ xưng theo như mình biết vậy, choặng an lòng và khỏi ngại sau nhớ lại và áy náy.

94 — H. — Khi sắp sửa vào toà xưng tội, phải giữ những điều nào?

T. — Khi đã xét mình và ăn năn tội vừa đủ thì vô toà. Bằng có ai xưng tội, đừng lại gần quá, kéo nghe tội người ta ; tình cờ có nghe tội ai, thì buộc nhứt phải giữ kín, chẳng nên nói ra bao giờ.

Khi vô toà, thì giữ những điều sau này :

Một là, đến gần toà, cúi lạy mà nói rằng : « Lạy cha, xin cha làm phép lành cho con vì con là kẻ có tội ».

Hai là, lấy dấu thánh-Giá mà nhớ công ơn Đ. C. G. đã lập phép cho mìnhặng khỏi tội.

Ba là, như chưa đọc kinh « Cáo mình » ngoài toà, thì cúi đầu đọc cho đến câu « Lỗi tại tôi ». Bằng đọc rồi, thì nói : Thừa cha con đọc kinh « Cáo mình » ngoài rồi.

Bốn là, thừa ba điều sau này :

a — Từ khi xưng tội lần sau hết đến nay đã đặn mấy tháng, mấy tuần.

b — đã chịu phép Giải-tội, đã rước lễ chưa ?

c — đã làm việc đền tội đủ chưa ?

Kẻ xưng tội một tuần, một tháng, với một cha linh hồn, chẳng cần nói đủ ba điều ấy.

NĂM là, xưng đủ các tội đã phạm, cứ thứ tự như đã dạy về sự xét mình. Bằng có tội gì lấy làm khó nói, thà xưng tội đó trước hết cho dễ hơn. Lại hễ khi nào bối rối quên đi, thì xin cha linh hồn giúp hỏi tội cho mình dễ nhớ, mà thưa cho ngay thật.

SÁU là, khi đã xưng tội vừa hết, liền thưa rằng : « Con xưng tội này cùng các tội khác, tội quên, tội sót, phạm trót cả đời con, cúi xin Chúa tha ; vì bằng có đẹp lòng Chúa, xin cha làm phép Giải-tội cho con, vì con là kẻ có tội. »

BẢY là, rồi cúi đầu xuống mà đọc rằng : Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi. . . . cho đến hết kinh « Cáo mình ».

95 - H. — *Xưng tội rồi làm đều gì nữa chẳng ?*

T. — Một là, xưng tội rồi, thì phải chăm chỉ mà nghe hoặc thầy cả có hỏi đều gì, thì thưa, và cầm trí mà hiểu những lời người dạy bảo giục lòng ăn năn.

HAI là, khi thầy cả chỉ việc đền tội thì nghe cho kỹ. Nhược bằng không nghe thì phải thưa xin cha nói lại cho rõ ; hoặc bởi có cho rước lễ hay không.

BA là, đang khi thầy cả giải tội thì cúi xuống mà đọc kinh « Ăn năn tội »

BỐN là, khi thầy cả dạy ra, thì cúi đầu lạy mà nói : « Lạy cha xin cha cầu nguyện cho con. »

ẤY là những điều thường giữ theo thói quen ; dầu có

quên có sai, cũng đừng bối rối ; miễn là xưng ngay, ăn năn thật, thì đã đủ mà chịu phép Giải-tội nên.

96 - H. — Khi ra khỏi toà rồi phải làm gì ?

T. — Một là, hãy giục lòng trông cậy vui mừng và cảm ơn Đ. C. T. đã tha tội.

Hai là, cầm trí mà ôn lại những điều cha linh hồn đã dạy.

Ba là, dốc lòng về việc sửa mình và tránh dịp tội.

Bốn là, lo mà làm việc đền tội.

H. — Khi nhớ lại còn sót tội trọng quên xưng, thì liệu thế nào ?

T. — Những tội quên tội sót, vốn cũng khỏi một lược với các tội đã xưng ; nên chẳng buộc phải xưng liền ; để chừng xưng tội lần sau sẽ xưng, cho đặng giữ trọn luật dạy phải xưng hết các tội trọng đã phạm.

97 - H. — Xưng tội chung, xưng tội lại là làm sao, và cần kịp thế nào ?

T. — Xưng tội chung là xưng lại các tội đã phạm từ khi có trí khôn, hoặc từ khi chịu phép Rửa tội, cho đến bây giờ ; hay là xưng lại các tội đã phạm lâu năm lâu tháng.

Hễ ai biết rõ có lần nào mình đã chịu phép Giải-tội chẳng nên mà phạm sự thánh, thì buộc phải xưng lại các tội đã phạm từ lần xưng tội nên sau hết cho đến rày.

98 - H. — Người ta chịu phép Giải-tội chẳng nên có mấy thế ?

T. -- Nhất là hai cách sau này :

Một là, khi biết chắc chẳng ăn năn tội, chẳng dốc lòng chữa, mà cả lòng chịu phép Giải-tội. Ví dụ : Chịu phép Giải-tội mà chưa có ý sửa mình, chẳng chịu bồi thường phần thiệt hại đã làm cho người ta....

Hai là, khi có điều gì mình biết là tội trọng phải xưng mà cả lòng giấu hoặc bớt chẳng tỏ ra cho đủ hoặc nói quanh-quẹo phỉnh thầy cả trong việc nặng. Ví dụ: Kẻ phạm tội trọng sáu lần, nói có ba lần mà thôi; kẻ đã làm việc tội nặng, song xưng nội sự ước ao mà thôi... Hễ khi nào có lẽ mạnh mà nghi hoặc đã làm hư phép Giải-tội, thì phải xưng lại và thưa từ khi đó đến rày xưng tội và rước lễ mấy lần.

99 — H. — *Có khi nào việc xưng tội chung chẳng cần mà có ích cho linh hồn chẳng?*

T. — Một là, dầu mà đã xưng tội nên, thì có nhiều lần sự xưng tội lại có ích lắm, bởi vì xưng tội lại, thì :

a -- Thêm lòng khiêm-nhượng thêm sự bình-an.

b — Giúp ta ăn năn đền tội cho trọn.

c — Làm cho cha linh hồn đặng biết tính nết ta rõ hơn.

Thường người ta xưng tội lại khi rước lễ lần đầu hết; khi cấm phòng chọn đấng bậc mình, khi chịu phép Hôn-phối và khi đau liệt dọn mình chết.

Nhưng mà kẻ có tật hay nghi ngại về việc xưng tội, thì đừng xưng tội lại làm chi, vì xưng xưng tội lại chừng nào thì thêm bối rối chừng nấy. Sự xưng tội chung có ích cho mình hay là chẳng, thì hãy bàn tính với cha linh hồn và sẵn lòng vâng lời người dạy bảo.

§ IV — Về việc đền tội

100 — H. — *Việc đền tội là làm sao và cần kịp thế nào?*

T. — Đền tội là bằng lòng chịu phần phạt cho đấng phạt ta Đ. C. T. vì sự sỉ nhục tội mình đã làm cho người; lại bồi thường phần thiệt hại tội mình đã làm cho người ta.

Kẻ chịu phép Giải-tội, buộc phải làm việc thầy cả dạy làm mà đền tội, vì những lẽ sau này :

Một là, việc đền tội là một phần trong phép Giải-tội, nên chưa có việc đền tội thì chưa trọn phép Giải-tội.

Hai là, ai có tội thì phải chịu vạ chịu phạt, mới nhằm theo phép công bình Đ. C. T.

Ba là, chịu phép Giải-tội, thì khỏi án phạt đời đời mà chẳng khỏi hết các phần phạt tạm còn phải chịu hoặc đời này, hoặc đời sau trong lửa luyện ngục. Vậy việc đền tội hiệp theo phép Giải-tội, thì có sức mà phạt tạ cho khỏi đền đời sau hơn là việc riêng tự ý ta làm mà đền bội phần:

101 — H. — *Việc đền tội thầy cả đã dạy, phải làm khi nào, cách nào ?*

Hễ cha linh hồn đã dạy rõ ràng, đã chỉ việc đền tội nào, dạy làm khi nào, thế nào, thì kẻ xưng tội phải vâng giữ làm như vậy. Bằng thầy cả chẳng định ngày chẳng chỉ cách, thì làm việc đền tội ngày nào cách nào cũng đặng. Ví dụ : Thầy cả dạy lần hột chuỗi năm mươi, thì lần hột tại nhà, hoặc nhà thờ ; ngày thường, ngày Chúa-nhật cũng đặng.

Nhưng mà khi thầy cả chẳng định khi nào, thì cũng lo làm cho sớm ; đừng để lâu quá, kéo quên hay là sinh trễ nải v v...

102 — H. — *Bằng thầy cả quên dạy việc đền tội, thì phải liệu cách nào ?*

T. — Bằng kẻ chịu phép Giải-tội còn trong toà, thì phải xin thầy cả chỉ việc đền tội. Bằng đã ra khỏi nhà thờ, thì đề sau, xưng tội lần khác sẽ thưa lại với cha linh hồn.

Còn kẻ quên việc đền tội thầy cả đã dạy, kẻ làm có một nửa, hoặc bỏ, thì cũng buộc phải thưa khi đi xưng tội lần sau.

103 — H. — *Việc thầy cả dạy làm, có đủ mà đền tội cho trọn chẳng ?*

T. — Dầu mà việc thầy cả chỉ trong toà có sức riêng mà đền tội, thường cũng chưa đáng đền bồi cho trọn ; vì chưng các việc ta làm phải nhờ công nghiệp Đ. C. G. mới đền tội đáng, mà nhờ công nghiệp chừng nào, thì tùy theo việc lành ta làm nhiều hay là ít ; sốt sắng lắm hay là thường. Cho nên Hội-thánh còn khuyên kẻ chịu phép Giải tội, tự ý dâng nhiều việc lành khác mà đền tội.

Việc thường làm mà đền tội tóm đáng những cách sau này :

- a — Việc ăn chay hãm mình chịu khổ khó bằng lòng.
- b — Cúng thí giúp đỡ người ta phần hồn và phần xác.
- c — Các việc thờ phượng : việc đọc kinh nguyện gẫm, tập nhưn đức, coi sách thiêng liêng, nghe giảng, rước lễ, nhờ ân tứ trong Hội-thánh.

ĐIỀU PHỤ THÊM

Về phép ân tứ

104 — H. — Ân tứ là gì ?

T. — Ân tứ nói đây là ơn rộng Toà-thánh lấy công nghiệp Đ. C. G., Đ. Bà cùng các thánh còn dư đã tích trong kho thiêng liêng Hội-thánh mà phân phát cho giáo hữu nhờ lấy đó cho khỏi phần phạt tạm bởi tội mà ra. Phần phạt tạm này là những phần và kẻ đã khỏi tội còn phải đền ở đời này, hay là trong lửa luyện bình.

Ấy vậy đã rõ phép ân tứ chẳng tha tội, chẳng tha án phạt đời đời như phép Ri-tích, cũng chẳng tha phép cho khỏi bồi thường các phần thiệt hại đã làm cho người ta.

Ân tứ này quen kêu là tiểu xá (ản xá) đại xá, toàn xá.

a — Tiểu xá là ơn tha một ít phần phạt tạm.

b — Đại-xá là ơn tha hết các phần phạt tạm.

c — Toàn-xá cũng là ơn đại-xá mà ban cách cả thể hơn. Thường lệ hễ giáp 25 năm, thì Đức Giáo-tông mở kho thiêng liêng cách trọng thể, mà ban phát cho các giáo nhơn khắp cả thế gian. Lại cũng có khi Đ. Giáo-tông nhơn dịp Hội-thánh có việc đại sự mà ban Toàn-xá thể ấy nữa.

105 — H. — Ai có quyền ban đại-xá tiểu-xá ?

T. — Đức Giáo-tông cai trị cả và Hội-thánh, là chính đấng kế vị ông thánh Phêrô, mới có quyền mở kho thiêng liêng Hội-thánh mà phân phát cho các giáo hữu khắp mọi nơi.

Vì xưa Đ. C. G. đã ban quyền cho ông thánh Phêrô mà phán rằng : « Tao giao chìa khóa nước thiên đàng cho mày ; hễ sự gì mày mở dưới đất, thì trên trời cũng mở.

106 — H. — Phải có những điều nào cho được nhờ đại-xá tiểu-xá ?

T. — Một là, phải có ý nhờ : như sáng ngày mình quyết ý nhờ các ân tứ nội ngày ấy, thì đã đủ mà đặng những ân tứ sẽ gặp trong ngày ấy. Dầu đương khi làm chính việc có ân tứ, mà mình quên chẳng nghĩ tới, thì cũng được nhờ.

Hai là, phải có ơn nghĩa thánh trong linh hồn ít nữa là khi làm việc sau hết ; vì chừng như còn mắc tội trọng, mắc án phạt đời đời, thì chẳng lẽ mà nhờ ân tứ cho khỏi phần phạt tạm đặng. Ấy vậy kẻ biết mình có tội nặng mà chưa kịp xưng. thì hãy ăn năn cách trọn cho được nghĩa lại cùng Chúa hầu nhờ những ân tứ sẽ gặp hằng ngày.

Ba là, phải làm đủ mọi việc, cho nhằm thì, nhằm chỗ, trúng cách, y như thể Đức Toà-thánh dạy.

Tiểu xá, thì Toà-thánh dạy ít việc : như kêu tên cực trọng Giêsu, Maria, Giuse, hoặc đọc kinh vắn vắn...

Còn đại xá, thì dạy làm nhiều việc hơn. Thường dạy

làm ba sự này : xưng tội, rước lễ, đọc kinh cầu nguyện theo ý Đức Giáo-tông ; lại cũng có khi dạy đi viếng nhà thờ, nhưng mà cũng có đại-xá chẳng buộc làm ba điều ấy ; như việc gắm khăn thánh Giá.

107 — H. — Các đấng linh hồn trong lửa luyện hình, có đặng nhờ phép tiểu xá đại xá chẳng ?

T. — Có hai điều này thì nhờ đặng :

Một là, những tiểu xá, đại xá Đức Giáo-tông cho phép nhường.

Hai là, kẻ sống đặng tiểu-xá đại-xá có ý nhường cho thì mới đặng.

ĐOẠN THỨ VII

Về phép Xức dầu thánh

108 — H. — Phép xức dầu thánh là đi gì ?

T. — Phép Xức dầu thánh là phép Bí-tích Đ. C. G. đã lập cho thầy cả xức dầu thánh và đọc kinh cầu nguyện cho kẻ liệt nặng gần chết, đặng nhờ phần hồn, lại cũng có khi khoẻ mạnh về phần xác nữa.

Vả phép này là phép Bí-tích, vì chúng có đủ ba điều sau này :

Một là, có dấu nhiệm bề ngoài, là sự xức dầu trên mình kẻ liệt, và lời thầy cả đọc rằng : « Tao xức dầu thánh này mà xin Đ. C. T. lòng lành vô cùng đoái thương tha các tội lỗi mày đã phạm bởi mắt xem, tai nghe. »

Hai là, Đ. C. G. đã lập. Dầu mà chẳng rõ lập khi nào, song đã có lời ông thánh Giacôbê bảo rằng : « Bằng có ai trong anh em phải đau liệt, thì hãy rước thầy cả đến cho người đọc kinh và xức dầu trên mình kẻ liệt, mà nhờ lời cầu nguyện bởi đức tin, thì Chúa sẽ cứu chữa kẻ liệt ; lại

nếu kẻ ấy có mắc tội, thì sẽ đặng khỏi. » Lại có lời Toà-thánh bảo rằng : « Bằng ai dám nói phép Xức dầu thánh chẳng phải là thật phép Bí-tích Đ. C. G. đã lập, cùng dám nói ông thánh Giacôbê chẳng rao truyền, thì phải vạ dứt phép thông công. »

Ba là, phép này chỉ và ban ơn thiêng-liêng bề trong, là thêm ơn nghĩa cùng Đ. C. T. và cũng tha tội lỗi nữa.

109 — H. — *Chia phép Xức dầu thánh đặng những ơn ích nào ?*

T. — Phép Xức dầu thánh thêm ơn nghĩa cùng Đ. C. T. như các phép Bí-tích kể sống, lại sinh những ơn ích như sau này :

Một là, ban sức mạnh cho kẻ liệt đặng chống trả chước ma quỷ hay cám dỗ trong thì lâm tử.

Hai là, thêm lòng tin cậy vững vàng, nên bớt sợ sự chết, mà ước trông cho mau đặng hưởng phước trên nước thiên đàng.

Ba là, tha các tội nhẹ còn trong linh hồn. Bằng kẻ liệt còn mắc tội trọng mà xưng chẳng đặng, thì phép này cũng tha nữa.

Bốn là, tha bớt phần phạt tạm.

Năm là, rửa linh hồn cho sạch vết tích bởi tội mà ra.

Sáu là, sau hết phép xức dầu thánh cũng có sức làm cho kẻ liệt khoẻ mạnh về phần xác. Nhưng mà Chúa biết ơn này sẽ có ích về phần rồi, thì Người mới ban mà thôi.

110 — H — *Ai đặng làm ai đặng chịu phép Xức dầu thánh ?*

T. — Một là, các đấng linh mục làm phép này cho ai, thì đặng thành phép luôn.

Nhưng mà khi chẳng gặp rúc và dễ rước cha bổn sở, thì có một mình người nên làm phép này.

HAI là, cho đặng chịu phép Xức dầu thánh, phải có ba điều này :

a — Đã chịu phép Rửa tội.

b — Đã đến tuổi khôn.

c — Mặc bệnh nặng có lẽ sợ phải chết.

Kẻ liệt mới chịu phép Rửa tội, chưa kịp phạm tội mặc lòng, cũng nên chịu phép này cho nó thêm sức mạnh, và để chống trả ma quỷ cám dỗ khi gần chết.

Còn những người gần chết bởi cơ nào khác, chẳng phải là bởi đau bệnh như linh hồn vào trận, hay là tù gần phải chém, thì chẳng đặng chịu phép này.

Nhưng mà kẻ già yếu mòn sức lần lần, chẳng còn sống đặng bao lâu, thì nên chịu phép Xức dầu thánh, nhất là ở nơi xa xuôi, sợ rước thầy cả không kịp.

111 — H. — *Con trẻ đau liệt, có đặng chịu phép Xức dầu thánh chăng ?*

T. — Một là, hễ đứa nào đã có trí khôn vừa hiểu biết sự tội, dầu chưa xưng tội rước lễ bao đồng, cũng phải chịu phép Xức dầu thánh. Cho nên cha mẹ và chức việc đừng vội vàng đoán thẳng nọ con kia còn khờ. Bằng không rõ, hãy rước thầy cả cho người xét nó đã biết đủ mà chịu phép Xức dầu thánh hay là chẳng.

HAI là, nhưng mà con trẻ chưa đến tuổi khôn và mấy người điên luôn cho đến chết, thì chẳng đặng chịu phép Xức dầu thánh.

112 — H. — *Vậy phép Xức dầu thánh, cần kíp cho mọi người đã đến tuổi khôn và mắc tội sao ?*

T. — Một là, vốn phép này chẳng cần cho bằng phép Giải-tội.

HAI là, song cũng có khi cần kíp cho đặng rồi linh hồn ; là khi kẻ liệt mắc tội trọng, mà xưng chẳng đặng ;

bằng giục lòng ăn năn tội cách chẳng trọn, thì chịu phép Xức dầu thánh, mớiặng khỏi tội.

Ba là, ai mà trể nải quá lẽ, hoặc có lòng khinh dễ chẳng sá kể phép này, thì chẳng khỏi tội, vì nó cả lòng liều mình mất mọi ơn trọng Chúa đã sắm choặng chết lành,

113 - H. - *Phép Xức dầu thánh chịuặng mấy lần ?*

T. - Một là, mỗi một cơn bịnh thì nên chịu một lần mà thôi ; cho nên kẻ chịu phép này rồi, mà chẳng khá, cứ năm đó, dầu mà có bữa nặng có bữa nhẹ hơn, thì chẳng nên chịu xức dầu thánh nữa.

Hai là, kẻ đã chịu xức dầu, đoạn khá mạnh chẳng còn sợ chết nữa, mà sau trở nặng như trước :

a) - Bằng hai cơn bịnh cách nhau vài ba tuần, thì đặng chịu xức dầu thánh lại.

b) - Nhưng mà khi đã khoẻ khoẻ bốn năm bữa, rồi trở nặng thì chẳng nên xức dầu nữa làm chi.

114 - H. - *Muốn chịu phép này nên, thì phải dọn mình thế nào ?*

T. - Một là, bằng kẻ liệt mắc tội trọng mà còn tỉnh xưng đặng, thì phải xưng trước đã, bởi vì phép Xức dầu thánh là phép Bí-tích kẻ sống.

Hai là, bằng bất tỉnh, hoặc bởi cơ nào khác xưng tội chẳng đặng, thì phải có lòng ăn năn tội ít nữa là cách chẳng trọn, mới đặng chịu phép này. Cho nên người giúp kẻ liệt, cần kíp phải lo giúp nó ăn năn tội đặng khi còn tỉnh.

Ba là, kẻ muốn chịu phép Xức dầu thánh, đã giục lòng ăn năn tội rồi bất tỉnh, chẳng hay thấy cả xức dầu, cũng có lẽ nhờ phép Xức dầu thánh, bởi vì đã dọn mình sẵn

trước. Nhưng mà chịu phép Bí-tích thể ấy, chẳng nhờ trọn mọi ơn ích cho bằng khi còn tỉnh táo.

Vì vậy chức việc và bà con thân nhơn phải lo rước thầy cả xứ dầu khi kẻ liệt còn tỉnh biết dọn mình sốt sắng; đừng đợi binh nặng quá, kéo liễu nó chết hụt, hoặc bất tỉnh hay là đã ngất mình, mà dọn linh hồn chẳng đặng tử tế chẳng.

ĐOẠN THỨ VIII

Về phép Truyền chức thánh

115 — H. — *Phép Truyền chức thánh là gì ?*

T. — Là phép Bí-tích Đ. C. G. đã lập mà phong chức cho các đấng làm thầy đặng giúp mọi việc trong Hội-thánh, cùng ban ơn riêng cho đấng làm những việc ấy cho nên.

Vả phép Truyền chức thánh có đủ những điều cần cho thành một phép Bí-tích :

Một là, có dấu nhiệm bề ngoài nghe thấy đặng : là Đấng giám-mục trao đồ thánh, để tay trên đầu kẻ chịu chức và đọc lời truyền chức.

Hai là, Đ. C. G. đã lập ra. Đ. C. G. đã chọn 12 Tông-đồ dạy dỗ cách riêng rồi ban quờn chức rất trọng cho các đấng ấy đặng cai trị Hội-thánh (*coi phần thứ IV số 23 đến 27*) cùng ban phép dâng lễ Misa và tha tội cho người ta như đã giải trong đoạn thứ VII, thứ VIII trước này.

Ba là, ban ơn riêng cho kẻ chịu đặng lo việc chức phận mình, theo như ông thánh Phaolô đã nhắc bảo ông thánh Timôthêô rằng : « *Con hãy nhớ lại ơn Đ. C. T. con đã đặng ngày cha để tay trên đầu con, mà truyền chức cho con.* »

116 — H. — Các chức trong Hội-thánh phân ra mấy bậc ?

T. — Có bảy bậc :

Một là, bậc thầy giữ cửa nhà thờ — Khi phong chức này trao chìa khoá nhà thờ cho kẻ chịu chức lãnh việc giữ nhà thờ, và coi sửa kẻ vào nhà thờ cho nhằm phép luật.

Hai là, thầy đọc sách. — Khi phong chức, trao sách thánh, ban phép đọc sách trong nhà thờ.

Ba là, thầy trừ quỷ. — Trao sách các phép và ban phép trừ quỷ. Song bây giờ việc trừ quỷ thì để thầy cả làm.

Bốn là, thầy cầm đèn. — Đấng Giám-mục trao cây đèn và chơn đèn ; kẻ chịu chức lãnh việc thắp đèn và cầm đèn khi châu lễ ; lại dọn bánh lễ, nước rượu, và giúp lễ thường.

Năm là, thầy tụng-phó-tế. Đấng Giám-mục trao chén thánh và đĩa thánh không. Kẻ chịu chức lãnh việc giúp thầy phó-tế, đọc bài thơ trong khi làm lễ, lại lãnh việc giặt khăn thánh.

Sáu là, thầy phó-tế. — Khi Đấng Giám-mục phong chức thì giơ tay trên đầu kẻ chịu chức, trao sách Evang, cho mặc dây stola và áo riêng thầy sáu. Thầy phó-tế lãnh việc giúp thầy cả khi làm lễ, hát bài Evang, đặt phép cầm và đem Mình thánh Chúa trong bình Ciborium hoặc hào-quang.

Bằng có phép Giám-mục, thì thầy sáu nên trao Mình thánh Chúa cho kẻ xin rước lễ, lại khi rửa tội thì được làm đủ các phép như thầy cả.

Bảy là, chức thầy-cả (enánh tế) — Khi phong chức này thì Giám-mục giơ tay trên đầu và trao chén thánh và đĩa thánh có bánh và rượu lễ. Việc này chỉ thầy cả đặt phép dâng lễ Misa. Lại thầy cả lãnh việc làm các phép và giảng dạy coi sóc bầy đạo....

Bốn chức kẻ trước gọi là bốn chức nhỏ, còn ba chức

sau : từng-phó-tế, phó-tế, chánh-tế gọi là chức thánh. Những người chịu chức thánh đã đặt tới gần Minh thánh Chúa, buộc mình nhất giữ việc bốn phận trọn đời.

117 -- H. -- *Phép cắt tóc là phép nào ?*

T. — Phép cắt tóc chẳng phải là chức như bảy bậc nói trước này ; chẳng qua là lễ phép Hội-thánh lập mà phân rẽ một ít người ra khỏi bậc bốn đạo thường, và giúp dọn mình cho được chịu chức trong Hội-thánh.

118 H. — *Còn chức Giám-mục và chức Giáo-tông là chức nào ?*

Một là, chức Giám-mục gồm trọn chức thầy cả. Kẻ chịu chức này đặt phép cai trị các hàng linh mục cùng bốn đạo mà xử đoán và ra luật theo phép Hội-thánh trong địa phận mình.

Hai là, chức Giáo-tông là chức riêng Đ. C. G. đã ban cho ông thánh Phêrô và cho các đấng nối quyền Người mà làm đầu các đấng Giám-mục cai trị cả Hội-thánh như đã dạy trong phần IV từ số 17 đến 27.

119 H. -- *Vậy nhiều bậc nhiều chức khác nhau có phải là nhiều phép Bí-tích chẳng ?*

T. — Chẳng phải, dầu có nhiều phẩm trật đặt quờn phép khác nhau cho thành lớp lang thứ tự trong Hội-thánh song cũng tóm về một phép Bí-tích truyền.

120 — H. -- *Chức phẩm trong Hội-thánh là trọng và đáng kính là thế nào ?*

T. — Chức phẩm trong Hội-thánh rất trọng và đáng kính vì những lễ sau này :

Một là, quyền phép thể gian cai trị phần xác, còn quyền phép Hội-thánh thì sửa trị linh hồn. Vậy linh hồn trọng hơn xác thể nào, thì quyền Hội-thánh cũng trọng hơn quyền phần đời thể ấy.

HAI là, quyền phép thầy cả trời xa hơn phép thiên thần, vì chưng thiên thần chẳng đặt phép dâng lễ Misa mà truyền phép Minh thánh Chúa, và chẳng đặt phép tha tội cho người ta.

BA là, kẻ làm thầy cả thay mặt Đ. C. G. mà làm những việc Người làm khi còn ở thế gian này. Cho nên trong Kinh thánh thì gọi các đấng làm thầy cả là *Đấng Đ. C. T. sai*, là *Người Đ. C. T.*, là *thiên thần Đ. C. T.*

Ấy vậy :

a — Ta hãy cảm ơn Đ. C. T. đã lập phép Truyền chức thánh cho có kẻ giúp ta về đảng rồi linh hồn.

b — Phải lo cầu xin Đ. C. T. xuống ơn cho các đấng có phẩm trật trong Hội-thánh đừng lo việc bổn phận nên.

c — Đừng có làm cho ai mất ơn Chúa gọi lên chức thánh.

d — Kẻ dâng con mình học nhà trường, kẻ có lòng rộng rãi thí của giúp nhà chung nuôi dưỡng học trò, thì Chúa sẽ ban phần thưởng rất trọng trên nước thiên đàng.

e — Ai nấy hãy hiệp một ý nài xin Đ. C. T. sai nhiều người sốt sắng chịu chức thánh mà cai trị xem sóc bổn đạo và giảng dạy an ủi kẻ ngoại trở lại thêm số kẻ thờ phượng Chúa.

ĐOẠN THỨ IX

Về phép Hôn-phối

I — Phép Hôn-phối là làm sao.

II — Về những điều ngăn trở phép Hôn-phối.

III — Về các việc làm trước và sau khi chịu phép Hôn-phối.

ĐIỀU THỨ I

Phép Hôn-phối là làm sao.

121 — H. — *Phép Hôn-phối là phép nào ?*

T. — Việc hôn-phối luận được hai cách : một là hôn phối không, hai là, hôn-phối thành Bí-tích, theo phép đạo.

Một là, *hôn-phối không* là lời hai người đờn ông đờn bà giao kết phối hiệp cùng nhau, cùng buộc mình chịu lấy nhau theo thói vợ chồng mà sinh con nối đời.

Vốn thánh ý Đ. C. T. đã định cho loài người cứ lẽ phải mà phối hiệp cùng nhau dặng sinh con nối đời ; cho nên bất kỳ xứ nào đời nào, hễ hai người nam nữ ngoại đạo giao kết phối hiệp cùng nhau theo luật đời thói xứ, thì nên thật vợ chồng.

Hai là, bằng luận về phép Hôn-phối thành *Bí-tích* : là phép hai người nam nữ có đạo kết bạn cùng nhau theo phép Hội-thánh, nên thật vợ chồng mà sinh con cái dạy dỗ nó, cùng giúp đỡ nhau cho đến chết ; lại dặng mọi ơn cần kíp mà giữ việc bền phận nên.

Vậy hễ người có đạo giao kết làm vợ chồng theo phép thì liền thành Bí-tích Hôn-phối. Hễ lời giao kết hôn-phối thành hồi nọ, thì thành phép Bí-tích hồi nấy, lại hễ thành phép Bí-tích thì một trật ấy cũng thành việc giao kết làm vợ chồng.

122 — H. — *Sao mà phép này gọi là phép nhứt phu nhứt phụ ?*

T. — Phép Hôn-phối gọi là phép nhứt phu nhứt phụ vì chúng có luật Đ. C. T. cấm nặt chẳng cho một người nhiều vợ nhiều chồng một lượt.

Vốn ban đầu có một người nam, một người nữ làm nguyên tổ cả loài người ta. Đến sau Đ. C. T. cũng có chuẩn cho đờn ông đời xưa dặng nhiều vợ. Nhưng mà Đ. C. G.

ra đời đã lập lại phép này như cũ, là buộc cho có một vợ một chồng mà thôi. Cho nên vợ chồng phải giữ trọn nghĩa với nhau cho đến chết, chẳng nên cưới vợ, hay là lấy chồng khác bao giờ.

Dẫu có có gì được ở riêng mặc lòng, hễ bạn còn sống, thì chẳng bên nào nên giao kết với người khác.

123 — H. — *Kẻ ngoại đã phối hiệp cùng nhau, sau khi trở lại đạo có đặng lia nhau chăng ?*

T. — Kẻ ngoại trở lại đạo, mà lúc còn ngoại đã cứ phép giao tự nhiên, cùng giữ theo phép đời thói nước, phối hiệp cùng nhau mà nên vợ chồng thật, thì phải luận thế này :

Một là, bằng cả hai vợ chồng đành trở lại chịu phép Rửa tội một lượt, thì chẳng đặng lia nhau mà cưới vợ lấy chồng khác.

Hai là, bằng một bên chịu phép Rửa tội, bên kia không, mà bên đạo toan cưới vợ lấy chồng khác, thì trước phải hỏi như sau này :

a — Chồng mầy (vợ mầy) trở lại đạo thánh Chúa rồi, bây giờ nó muốn kiếm bạn khác ; vậy mầy có chịu trở lại đạo chẳng ?

Bằng nó thừa chịu trở lại, thì bên có đạo chẳng nên bỏ nó.

Bằng nó trả lời không chịu trở lại, thì phải hỏi nữa :

b — Mầy không chịu theo đạo, mà mầy có muốn ở hoà thuận cùng chồng (cùng vợ) mầy và để nó thông thả giữ đạo chẳng ?

Như nó thừa chịu ở hoà thuận cùng bên đạo, dẫu nó còn ngoại cũng chẳng nên lia nhau.

Bằng nó trả lời, không chịu đều nào, hay là nó làm lơ không trả lời gì, chúc ấy bên đã trở lại đạo mới đặng cưới vợ lấy chồng khác.

124 – H. – *Sao rằng phép Hôn-phối là phép Bí-tích ?*

T. – Vì có đủ ba điều sau này :

Một là, có dấu bề ngoài là hai bên tỏ ý đồng ưng thuận kết bạn cùng nhau.

Hai là, từ khi Đ. C. G. lập phép này lại, là từ thuở mới có Hội-thánh, thì đã nhận cùng giữ phép Hôn-phối làm phép Bí-tích luôn cho đến rày.

Ba là, xuống ơn thiêng liêng cho kẻ chịu phép này đăng thương yêu giúp đỡ nhau mà giữ trọn niềm bền phận.

Ấy vậy phép này có đủ ba điều cần cho thành phép Bí-tích.

Lại trong phép này có đủ chất, đủ mô, là chính mình hai người nam nữ phối hiệp cùng nhau, và lời nói hoặc dấu gì tỏ lòng ưng chịu làm bạn với nhau.

Còn thầy cả làm phép nhân, chẳng qua là đấng thay mặt Hội-thánh mà đọc kinh nguyện xin Chúa xuống ơn cho hai người đương phối hiệp. Mà chính kẻ làm và kẻ chịu phép Hôn-phối thì cũng là hai người nam nữ giao nhận làm bạn với nhau.

Nhưng vậy có luật Hội-thánh buộc nhất kẻ có đạo, hễ muốn nên đôi bạn với nhau, phải làm phép giao trước mặt thầy cả. Chẳng vậy thì mắc tội, lại chẳng thành phép Hôn-phối, chẳng nên thật vợ chồng.

125 – H. – *Phải có lòng ưng muốn thế nào cho thành phép Hôn-phối ?*

T. – Một là, phải ưng muốn cho thật lòng. Bằng miệng nói ưng mà lòng chưa muốn thật, chẳng có ý kết bạn với người kia, thì chẳng thành phép.

Hai là, hai bên nam nữ phải đồng lòng ưng chịu, bằng một bên muốn, một bên không, thì chưa thành phép.

Ba là, cả hai phải tự ý muốn, nghĩa là chủ ý mình

thong thả, chẳng phải tại ai ép uồn quá. Bằng có bên nào bởi sợ quá phải nói ưng chịu, mà trong lòng chẳng muốn chút nào, thì chẳng thành phép Hôn-phối.

BỐN là, sự ưng chịu trong lòng, thì cả hai phải tỏ ra bề ngoài, hoặc nói, hoặc làm dấu gì cho nhau biết. Điều này rất cần, cho nên khi chịu phép Hôn-phối, thì thầy cả hỏi riêng từ người, có muốn lấy nhau theo phép Hội-thánh ?

NĂM là, phải có ý buộc mình nên thật vợ chồng bây giờ.

126 — H. — *Ai dặng chịu phép Bí-tích Hôn-phối ?*

T. — Hai người nam nữ đã đến tuổi khôn và đã chịu phép Rửa tội, mà chẳng mắc điều gì ngăn trở, thì dặng chịu phép Hôn-phối. Vả có luật Hội-thánh cấm ngặt, nam chưa đầy 16 tuổi, nữ chưa tròn 14, dầu đã có trí khôn thì cũng không dặng chịu phép Hôn-phối.

Lại các Đấng Giám-mục cũng ra luật riêng tùy xứ tùy sức người ta, kéo nhiều người phải thiệt hại bởi lo đôi bạn sớm quá.

— Nói người đã chịu phép Rửa tội, vì hễ ai chưa chịu phép Rửa tội, thì không dặng chịu phép Bí-tích khác, cho nên chẳng thành phép Bí-tích Hôn-phối.

Bằng hai người ngoại đạo, hoặc châu nhưng chưa chịu phép Rửa tội, có kết bạn với nhau theo phép đời, thì thành Hôn-phối tự nhiên, nên thật vợ chồng, song chẳng phải phép Bí-tích Hôn-phối.

127 — II. — *Chịu phép Hôn-phối dặng những ơn ích gì ?*

T. — Chịu phép Hôn-phối, dặng thêm ơn nghĩa cùng Chúa như khi chịu phép Bí-tích kẻ sống ; dặng ơn riêng mà giữ mọi việc bổn phận nên : là thương yêu, hoà-thuận, giữ tín ngãi với nhau và nuôi dưỡng dạy dỗ con cái cho tử tế.

ĐIỀU THỨ II

Về những điều ngăn trở phép Hôn-phối

128 — H. — *Những sự ngăn trở phép Hôn-phối chia mấy thứ ?*

T. — Chia hai thứ : một là, ngăn trở cấm, hai là, ngăn trở dứt.

Một là, ai mắc sự ngăn trở cấm, thì chẳng nên kết bạn cùng nhau ; có phép bề trên chuẩn, mới khỏi tội. — Bằng kẻ mắc sự ngăn trở cấm mà cả lòng phối hiệp cùng nhau, thì mắc tội trọng, nhưng mà cũng thành vợ chồng thật.

Hai là, kẻ mắc sự ngăn trở dứt, mà phối hiệp cùng nhau, thì chẳng những là mắc tội trọng, mà lại chẳng thành Hôn-phối, chẳng thành vợ chồng.

129 — H. — *Ngăn trở cấm là những điều nào ?*

T. — Kể ba sự ngăn trở cấm như sau này :

Một là, kẻ đã khấn giữ mình đồng trinh, hay là chẳng kết bạn, hay là khấn đơn giữ mình sạch sẽ, hay là vào dòng, hay là chịu chức thánh, phải có phép chuẩn mới dặng lấy vợ chồng.

Hai là, Hội-thánh cấm kẻ có đạo lấy vợ chồng đạo lạc.

Hội-thánh cấm làm phép Hôn-phối trọng thể :

a) — Từ ngày Chúa-nhật thứ nhất mùa Apventô cho đến ngày lễ Ba-Vua.

b) Từ ngày lễ tro cho đến ngày Chúa-nhật thứ nhất sau lễ Phục-sinh.

Hai mùa này chẳng nên đi cưới đưa dâu trọng thể ; thầy cả chẳng nên làm lễ Hôn-phối, không dặng làm phép lành riêng trong khi làm lễ Misa.

Còn sự làm phép giao, làm phép nhận theo như « sách các phép », chẳng có sự trọng thể thì không có mùa nào cấm.

Dầu đều này chẳng thuộc về những điều ngăn trở cấm, song luật Hội-thánh còn buộc phải giữ luôn.

Những điều ngăn trở trước này, bằng có lẽ gì xin, và chuẩn đăng rồi, thì đăng phép phối hiệp mà khỏi tội.

130 — H. — *Những điều nào ngăn trở dứt hôn-phối ?*

T. — Đây chẳng giải hết các sự ngăn trở dứt hôn-phối, một kẻ qua những sự thường gặp sau này :

1^o — Người nam chưa đủ 16 tuổi trọn (đủ năm, đủ ngày tháng), người nữ chưa đủ 14 tuổi trọn.

2^o — Sự lầm lạc, là phối hiệp cùng người nào, mà tưởng là người khác.

3^o — Đã khấn trọng thề trong nhà dòng, hoặc đã chịu chức thánh (từ chức thầy năm sắp lên).

4^o — Người ta ép quá, cho nên cực chẳng đã chịu, mà chẳng có lòng muốn.

5^o — Đang có bạn còn sống, dầu mà tưởng chết rồi, bằng còn sống khi làm bạn với người khác, thì chẳng thành phép ; phải lìa người vợ, hoặc người chồng sau, mà về cùng bạn trước.

6 — Kẻ lén kết bạn, chẳng có thầy cả và hai người khác có mặt đó mà làm chứng.

7^o — Người đạo chẳng đăng cưới vợ lấy chồng ngoại.

8^o — Bà con thân thích trong các đời hàng ngang và trong ba đời hàng ngang chẳng đăng làm bạn với nhau.

9^o — Bà con thân-quyến bởi phép hôn-phối thành, thì ngăn trở dứt phép hôn-phối trong các đời hàng ngang và hai đời hàng ngang. Còn kẻ thân-quyến bởi phép Hôn-phối không thành, hay là kẻ theo nhau cách trốn tránh mà người ta biết nó không phải vợ chồng, thì cấm dứt cho tới hai đời hàng ngang : nghĩa là người nữ nào bà con thân thích với người vợ giả ấy trong một hay là hai đời hàng ngang, thì

không được kết bạn với người chồng giả đó ; cũng vậy, người nam nào bà con thân thích với người chồng giả ấy trong một hay là hai đời hàng ngay, thì chẳng kết bạn được với người vợ giả ấy.

10° — Bà con thiêng liêng bởi phép rửa tội cũng không được kết bạn cùng nhau : là người làm phép rửa tội nên họ thiêng liêng với kẻ chịu phép ấy ; còn hễ làm cha mẹ đỡ đầu cho ai trong phép rửa tội, thì nên họ thiêng liêng với người đó.

Những sự ngăn trở dứt phép hôn-phối, có đều tại luật tự nhiên có đều tại luật Hội-thánh. Sự ngăn trở bởi luật tự nhiên, Toà-thánh chẳng chuẩn bao giờ. Còn sự ngăn trở bởi luật Hội-thánh đã lập, có đều buộc nhất ít khi chuẩn ; có đều thường chuẩn khi có lẽ có cơ gì khó cho kẻ muốn lo đôi bạn. Ví dụ : nơi nào hẹp thế lo đôi bạn, vì kẻ có đạo có ít lắm hay là có lẽ gì cần, thì Hội-thánh thường chuẩn cho kẻ bà con ba đời ; hoặc thân quyến hai đời đăng phép phối hiệp với nhau.

Kẻ biết chắc hay là nghi đời nào có sự ngăn trở dứt, thì phải thưa thầy cả xét có nên xin phép chuẩn, hay là kiếm nơi khác cho tiện hơn.

ĐIỀU THỨ III

Về các điều giữ trước và sau khi chịu phép Hôn-phối

131 — H. — *Lễ hỏi là đi gì ?*

T. — Theo thói xứ này, khi toan lo việc hôn nhơn, thì thường bên trai cậy một người làm mai ước tới đàng gái hỏi có đành chịu giao hôn với đàng trai chẳng. Khi hai bên cứ theo phép tự nhiên mà giao hứa mình sẽ làm bạn cùng nhau thì theo phép đời gọi là lễ hỏi.

Nhưng mà các việc kể trên này, lại đâu có đi lễ gì nữa mặc lòng, như lễ thăm gia, sơ vấn... thì cũng chưa phải là lễ hỏi thật.

132 — H. — Lễ hỏi theo phép Hội-thánh là làm sao ?

T. — Lễ hỏi theo phép Hội-thánh, phải có những điều sau này :

Một là, hai bên tự ý đành chịu làm tờ giao hứa sẽ làm bạn với nhau.

Hai là, cả hai đảng trai đảng gái ký tên mình trong tờ ấy.

Ba là, cha chính sở, hay là Giám-mục xứ hoặc ít nữa là hai người chứng sự phải ký vào tờ ấy nữa.

« Bằng hai bên hay là một bên không biết viết ký, thì phải nói trong tờ, lại phải thêm một người khác nữa thì thiềng mà ký chứng cùng cha chính sở, hay là với hai người chứng sự đã nói trên. »

Có làm trọn đủ các điều như vậy, thì Hội-thánh mới nhận là lễ hỏi thật.

Bằng làm lễ hỏi mà sai cách nào như đã dạy trước này, thì Hội-thánh kể như không vậy.

Kẻ giữ dặng đủ điều thì càng hay càng tốt ; song kẻ chẳng giữ, hoặc cứ theo thói bấy lâu nay mà làm lễ hỏi, thì không đoán là lỗi luật Hội-thánh đâu ; sau có chịu phép Hôn-phối thì cũng nên thật vợ chồng và chẳng mắc tội, vì chung Hội-thánh chẳng buộc nhất kẻ chịu phép Hôn-phối phải lập tờ giao hứa như vậy.

133 — H. — Muốn chịu phép Hôn-phối nên, phải dọn mình thế nào ?

T. — Kẻ toan cưới vợ lấy chồng thì :

Một là, phải hết lòng cầu nguyện xin nhờ ơn Chúa giúp kéo lăm trong việc đại sự này. Hãy chuộng nét na lòng đạo đức hơn của cải nhan sắc,

HAI là, phải bàn tính với cha mẹ, lại cũng nên thưa Cha giải-tội ; có biết điều gì ngăn trở, thì phải tỏ cho người biết.

BA là, phải dọn linh hồn cho sạch tội, vì chưng phép này là Bí-tích kẻ sống, và biết những điều phải tin cho đáng rồi linh hồn.

BỐN là, phải dốc lòng giữ đủ mọi việc bốn phận vợ chồng như sẽ giải sau này :

NĂM là, đến ngày chịu phép Hôn-phối, giục lòng sốt sắng cầu nguyện xưng tội rước lễ, xin H. C. G. xuống mọi ơn cần kíp cho đáng giữ đủ việc bốn phận, đáng khỏi mọi sự nghịch đạo thánh Chúa đáng rồi linh hồn trong bậc vợ chồng.

134 — H. — *Kẻ chịu phép Hôn-phối, buộc mình giữ những điều nào ?*

T. — Chịu phép Hôn-phối, buộc giữ những điều sau này :

Một là, phải thương yêu nhau cho thật lòng, chẳng phải là nói ngoài miệng mà thôi.

HAI là, phải nhắc bảo nhau làm lành lánh dữ mà giữ đạo nên.

BA là, buộc giúp đỡ nhau, chẳng những là hồi lành mạnh, mà nhứt là khi thốn thiếu trong nhà, phải cam lòng chịu khó với nhau ; khi đau ốm phải sẵn lòng lo cơm thuốc an ủi nhau.

BỐN là, phải giữ lòng hoà-thuận nhin nhục nhau khi lầm lỗi, siêng năng làm ăn giữ của, mà đừng phía nào làm riêng tư giấu giếm chẳng cho bên kia hay biết.

NĂM là, phải giữ tín ngãi cùng nhau. Đã quyết phú trót mình cho nhau, thì ở chung một chỗ, chồng đâu vợ

đó và giữ mọi sự theo thói vợ chồng đạo đức. Chớ bao giờ làm sự gì mở đảng sinh nghi sự trái cho nhau.

SÁU là, hãy nhớ Đ. C. G. đã lập phép Hôn-phối cho cha mẹ nhờ đó mà sinh dưỡng dạy dỗ con cái dặng thêm số kẻ thờ phượng Chúa dưới thế gian này.

Sau hết kẻ lo đời bạn hãy năng nhớ lời ông Tôbia khuyên bà Sara là vợ người rằng : *Ta là con cháu các thánh nên không lẽ ở với nhau như kẻ ngoại chẳng biết Đ. C. T.* — Kẻ ngoại đạo có ý theo tính xác thịt theo thói đời mà thôi ; còn kẻ làm con Đ. C. T. phải có ý thêm số kẻ thờ phượng Chúa và giúp nhau trong việc rồi linh hồn.

PHẦN THỨ MƯỜI

Về sự đọc kinh cầu-nguyện

Đoạn I Việc đọc kinh cầu-nguyện.

Đoạn II — Về kinh Lạy cha.

ĐOẠN THỨ I

Việc đọc kinh cầu-nguyện

1 - H. — Đọc kinh cầu-nguyện là làm sao ?

T. — Đọc kinh cầu-nguyện là nhắc lòng nhắc trí lên mà thờ phượng cảm tạ Đ. C. T. mà xin mọi sự ta thiếu-thốn phần hồn phần xác.

Một là, nói nhắc lòng, nhắc trí lên, bởi vì việc cầu-nguyện là đem trí giục lòng tin cậy kính mến Đ. C. T. mà xin Người thương giúp. Bằng miệng đọc kinh mà lòng trí lo ra đảng khác, thì chưa kể là cầu-nguyện.

Hai là, thờ phượng cảm tạ nghĩa là ta nhìn biết Đ. C.

T. là cội rễ mọi ơn lành, đáng cho ta kính thờ cầu khẩn, là Đấng đã ban cho ta muôn vàn ơn trọng, nên ta phải cảm ơn ngợi khen. Lại nhiều lần ta phạm tội nên khi đọc kinh có ý phạt tạ và xin ơn tha thứ.

BA là, *xin mọi sự thiếu thốn*, vì chừng khi ta cầu-nguyện thì chạy đến cùng Đ. C. T. cũng như kẻ ăn mày đến kẻ giàu có mà nài xin thương giúp.

2 — H. — *Sự cầu-nguyện cần kíp cho đăng rỗi linh hồn chẳng ?*

T. — Sự cầu nguyện rất cần kíp cho đăng rỗi linh hồn vì chừng :

Một là, có luật buộc ta phải thờ phượng tạ ơn Đ. C. T. cho đăng rỗi linh hồn. Vậy sự cầu nguyện là một phần trong việc thờ phượng, cho nên cần kíp về phần rỗi lăm.

Hai là, ơn Đ. C. T. rất cần cho ta đăng chống trả chước ma quỷ và giữ luật Chúa cho trọn, như đã giải (Phần thứ IX, đoạn thứ I). Nhưng mà theo lời ông thánh Augutinô, Đ. C. T. muốn ban ơn cho mọi người, song buộc người ta phải xin mới đăng.

BA là, chính mình Đ. C. G. đã dạy rằng : *Bay hãy xin, thì sẽ đăng.... Bay hãy cầu nguyện luôn*. Lời ấy chẳng những là nhắc bảo ta năng cầu nguyện, mà lại chỉ luật buộc ta phải cầu nguyện mới đăng rỗi linh hồn. Lại Đ. C. G. cũng đã cầu nguyện làm gương cho ta bắt chước.

Ấy vậy sự cầu nguyện rất cần kíp cho ta, đến đổi ông thánh Gioan Kim-khẩu luận rằng : « Cá chẳng nhờ hơi nước, thì không sống đặng ; cũng một lẽ ấy, linh hồn chẳng nương dựa sự đọc kinh cầu nguyện thì không lẽ mà giữ sự sống thiêng liêng đặng. »

3 — H. — *Khi cầu nguyện phải xin những sự gì ?*

T. — Trước hết ta hãy xin mọi sự có thể làm sáng danh Chúa, và giúp người ta rỗi linh hồn.

Một là, xin cho sáng danh Chúa.

a — Xin cho các con Hội-thánh giữ đạo nên và lặn tới trong đảng nhưn đức, cho Hội-thánh càng ngày càng thanh, cho thơm danh đạo Chúa.

b — Xin Chúa xuống ơn cho kẻ ngoại đạo và kẻ có tội trở lại, hầu thêm số kẻ thờ phượng kính mến Đ. C. T.

Hai là, hãy xin Đ. C. T. ban ơn giúp sức cho ta dặng rồi linh hồn :

a — Xin cho dặng án năn tội cùng chống trả ma quỷ, mà giữ luật Chúa cho trọn.

b — Xin cho dặng dùng ơn Chúa cho nên và dặng thêm lòng tin cậy kính mến Chúa.

c — Xin cho dặng vững vàng bền đỗ làm tôi Chúa đời này cho đến cùng, và dặng lãnh phần thưởng đời sau.

Ba là, luật Đ. C. T. buộc thương người ta, cũng buộc cầu nguyện cho kẻ khác ; cho nên ta hãy xin Đ. C. T. thương giúp cha mẹ bà con thân thuộc, và mọi người mọi bậc hầu đời này thờ Chúa yêu nhau, đời sau hiệp nhau trên nước thiên đàng.

4 — H. — Còn mọi sự về phần xác, của cái thế gian, có nên xin chăng ?

T. — Mọi sự chẳng cần mà rồi linh hồn như khoẻ mạnh phần xác, tiền tài, là những sự vốn chẳng lành chẳng dữ.. thì cũng nên xin . Nhưng mà khi ta cầu xin những sự ấy, thì phải có ý dùng mà làm việc lành cho sáng danh Chúa, và nhờ phần linh hồn mà thôi.

5 — H. — Sự đọc kinh cầu nguyện có sức trước mặt Chúa thế nào ?

T. — Bằng ta có lòng tin cậy Đ. C. T., hề sự gì ta xin mà vừa thánh ý Chúa, thì Người sẽ ban sự ấy cho ta chẳng sai, vì chưng :

Một là, Đ. C. T. đã hứa rằng : *Bay phải khổ cực mà kêu xin cùng Tao, thì Tao sẽ cứu giúp. . . . Có ai kêu xin Đ. C. T. mà Người chẳng cứu chữa ?* — Trong Sấm-truyền cũ có nhiều truyện làm chứng điều ấy, dân Ysaraê thắng đảng nhiều dân ngoại đạo, thì nhờ lời ông Môisen và các thầy cả cầu nguyện. Nhờ sự đọc kinh cầu nguyện thì dân Ninivê khỏi chết, Bà Giudit cứu thành Bétulia, ông tiên tri Đaniê khỏi miệng sư tử...

Hai là, có lời Đ. C. G. phán rằng : *Tao nói thật cùng chúng bay, hễ bay lấy danh Tao mà xin sự gì cùng Đ. C. Cha thì Người sẽ ban cho bay. . . Bay hãy xin thì bay sẽ được.*

Vã bà thánh Maria và Martha cầu xin Đ. C. G. thì Người đã làm cho ông thánh Ladarô sống lại ra khỏi mồ.

Ba là, các thánh cũng đều rập một ý mà dạy sự đọc kinh cầu nguyện rất có thể trước mặt Đ. C. T. Ông thánh Bênadô dạy rằng : « Lời cầu nguyện mạnh hơn các thần dữ hoả ngục. » Ông thánh Augutinô nói rằng : « Sự đọc kinh chẳng khác chi roi dùng mà đánh đuổi ma quỷ ». Lại coi Hạnh các thánh, thì dễ biết Đ. C. T. hay ban ơn trọng cho kẻ cầu xin vô ngần vô số.

Bốn là, đời bây giờ bốn đạo cả thế gian hằng ngày nhờ sự cầu nguyện choặng mọi ơn lành phần hồn phần xác ; mà nhứt là đến mùa các địa phận bên Tây đi viếng thăm cầu khẩn với Đức Mẹ hiện ra tại Lộ-đức. Bởi nhiều người hiệp nhau cầu nguyện sốt sắng chí thiết, thì biết là mấy người tật bệnh dặng lành đã ; biết là mấy người tội lỗi dặng ăn năn trở lại cách phi thường.

6 — H. — Phải cầu nguyện làm sao cho đắc lời ?

T. — Muốn cho đắc lời cầu nguyện, thì hãy giữ những điều sau này :

Một là, phải xin *vi công nghiệp Đ. C. G.* theo lời Hội-thánh thường xin « *vi công nghiệp Chúa Kirixitô là Chúa chúng tôi* », vì chưng Đ. C. G. đã dạy cách xin và hứa rằng : *Bay lấy danh Tao mà xin sự gì thì sẽặng.*

Cũng nên kêu cùng Đức Mẹ và các thánh mà xin các Đấng ấy cầu nguyện cho ta, như đã dạy (*Phần thứ VI, số 41.*)

Hai là, phải *chăm chỉ*, nghĩa là lòng trí chỉ đến sự kính thờ cầu xin Đ. C. T. Bằng khua môi miệng mà chẳng có ý tứ ; một lo ra sự khác, thì lẽ nào Chúa nhậm lời đặng. Đọc mà chẳng chống trả sự lo ra, thì ra như chẳng có lòng muốn đặng sự mình xin ; một nói dối khinh dể Đ. C. T., cho nên đáng trách theo lời Sách thánh rằng : *Dân này kính thờ Tao ngoài môi miệng, mà lòng nó cách xa Tao lắm.*

Ba là, phải *khiêm-nhượng*, nghĩa là phải nhìn biết mình là kẻ thiếu thốn mọi sự, mà chẳng đáng Chúa thương vì đã phạm tội làm mất lòng Chúa.

Hãy cầm mình như đứa con đi hoang-đàng xa xí, tội lỗi kia trở về cùng cha lành mà thú tội xin thương. Có lời Thánh kinh dạy rằng : *Đ. C. T. ban ơn cho kẻ khiêm nhượng, mà trừ rẫy kẻ kiêu-ngạo.* Hãy nhớ lời ví dụ Đ. C. G. đã phán đoán về người Phariseu và Publicanô cầu nguyện trong đền thánh.

Bốn là, phải có *lòng tin cậy*, nghĩa là phải nhớ Đ. C. T. là Đấng phép tắc vô cùng có sức cứu chữa ta ; là cha rất nhơn từ, muốn xuống ơn cho ta hơn là ta xin ; là Đấng rất khôn ngoan biết rõ sự gì làm ích cho ta, cho nên khi ta cầu nguyện thì hãy hết lòng trông sể đặc lời.

Cũng có khi Chúa thấy sự ta xin, eó phần làm hại cho ta, thì Người chẳng ban theo lời ta xin, một ban ơn khác thế lại hầu làm ích cho linh hồn ta.

Ta phải giục lòng tin cậy khi đọc kinh, vì chứng chính mình Đ. C. G. đã dạy ta : *Hễ sự gì bay xin mà có lòng tin cậy thì bay sẽặng*. Lại ông thánh Giacôbê cũng dạy rằng : *Kẻ xin thì phải có lòng tin cậy, chớ khá hồ nghi.*

NĂM là, phải xin cho bền đỗ. Ông thánh Giacôbê dạy rằng : *Lời cầu nguyện bền đỗ đắc thể trước mặt Chúa lắm.*

Vốn thật Đ. C. T. đã hứa sẽ nhậm lời ta xin mà chẳng hứa sẽ ban ơn tức thì, chẳng hứa ngày nào, giờ nào sẽ ban ; cho nên ta hãy bắt chước người kia trong Sách Êvang mà nài xin luôn, đến khi đặng mới thôi, kẻo hoặc ta bỏ nguyện xin nhằm ngày Chúa định ban ơn, mà ta chẳng được chịu lấy chẳng.

7 — H — *Có mấy cách cầu xin ơn Chúa ?*

T. — Nhiều cách lắm : thường cứ lời kinh đọc ra mà cầu xin. Nhưng mà cũng có hai cách sau này dễ dùng và thần hiệu trước mặt Chúa.

Một là, dùng lời vắn vắn mà than thở nhắc lòng lên cùng Chúa như các thánh tu rừng hay dùng xua mà giữ mình trước Đ. C. T. luôn. Lời nguyện vắn tắt làm vậy là phương linh nghiệm cho đặng khỏi chước cám dỗ và giữ ơn nghĩa cùng Chúa. Vì chưng những lời vắn vắn năng thấu đến toà Chúa làm cho Chúa ghé mắt đoái thương xuống ơn phù hộ ta.

Hai là, đặt mình trước mặt Đ. C. T., miệng chẳng nói lời gì, mà trong lòng trong trí nhớ đến Chúa cùng gần vớ ước trông Người xuống ơn cho ta. Cách cầu xin này thường gọi là *nguyện gấm*, bởi vì thường dùng trí nhớ trí hiểu mà suy đi gấm lại một hai lễ đạo cho đặng giục lòng muốn kính mến Chúa và ước ao cầu khẩn cho sốt sắng.



ĐOẠN THỨ II

Về kinh Lạy cha

8 — H. — Trong các kinh, kinh nào trọng hơn ?

T. — Kinh *Lạy cha* trọng, cần, được ích và đẹp lòng Chúa hơn mấy kinh khác ; bởi vì chính mình Đ. C. G. đã đặt và dạy mười hai Tông đồ mà truyền cho các người giáo hữu.

« Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy. Xin Cha cho chúng tôi rày hằng ngày dùng đủ, và tha nợ chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, lại chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ, bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ. Amen. »

H. — Sao mà kêu Đ. C. T. là « Cha chúng tôi » ?

T. — Một là, kêu Đ. C. T. bằng *Cha* vì chưng Đ. C. T. đã dựng nên dưỡng nuôi gìn giữ ta, và đã nhận ta làm con Người. Đ. C. T. đã thương ta hơn cha mẹ thương con ; Người đã cho ta nhờ công nghiệp Đ. C. G. choặng lãnh phần thưởng trên nước thiên đàng

Hai là, nói Đ. C. T. là *Cha chúng tôi*. Thêm tiếng chúng tôi có ý chỉ các giáo nhưn là anh em với nhau, con một nhà có một Cha chung là Đ. C. T. Cho nên khi đọc kinh LẠY CHA chẳng những phải cầu nguyện riêng cho mình, mà lại phải có ý cầu nguyện chung cho nhau nữa.

Ba là, trong kinh LẠY CHA nói rằng : « Cha chúng tôi ở trên trời »

a — Bởi vì dầu mà Đ. C. T. ở khắp mọi nơi, song Người ngự trên trời cách riêng. Đ. C. T. đã chọn lấy các tầng trời mà tỏ sự sáng láng vô cùng cho các thánh Nam Nữ đặng vui mừng.

b — Đ. C. T. đã dựng loài người ta có ý gọi lên trời hiệp làm một với Người ; cho nên khi đọc kinh LẠY CHA, thì phải đem lòng đem trí nhớ nước thiên đàng là chính quê ta. Bởi đó ta hãy bằng lòng chịu khó đời này cho ngày sau được hiệp cùng các thánh trên trời mà ngợi khen Chúa đời đời.

Đ — H. — *Nguyện « danh Cha cả sáng » nghĩa là làm sao ?*

T. — Khi đọc « *danh Cha cả sáng* » ta có ý xin cho mọi người đều nhìn biết tôn kính và thờ phượng Đ. C. T.

Một là, kẻ có đạo làm con Đ. C. T. và có lòng kính mến Người ; khi thấy trong thế gian này còn lắm kẻ vô đạo tối tăm u ám chưa biết Chúa Cứu-thế ; há chẳng đem lòng thương xót kẻ vô phước ấy sao ?

Vậy khi đọc kinh LẠY CHA hãy hết lòng ước ao và cầu xin Đ. C. T. soi sáng mở lòng kẻ ngoại nhìn biết và thờ phượng Đ. C. T. như mình vậy.

Hai là, xét kẻ có đạo, cũng có nhiều người xấu tính xấu nết hoặc nguội lạnh trề nải, làm ố danh đạo thánh mà chẳng đáng Chúa thương. Vậy đọc kinh LẠY CHA có ý xin cho nó trở lại ăn năn tội giữ mình sạch tội và lo việc linh hồn cho trọn.

Ba là, đọc kinh LẠY CHA ta có ý xin cho chính mình được làm sáng danh Chúa những cách sau này :

a — *Trong lòng* giữ như đức khiêm nhường, hạ mình xuống trước mặt Đ. C. T. và giục lòng tin cậy kính mến Người trên hết mọi sự.

b — *Trong lời nói*, chớ nói lời gì không xứng đáng kẻ làm con Đ. C. T. ; một dùng những lời lành mà khuyên bảo kẻ khác thờ phượng và ngợi khen Chúa.

c — *Trong việc làm*, chớ làm việc gì nên gương xấu cho anh em, một phải ra sức làm nhiều việc lành phước

đức nên gương sáng cho người ta bắt chước; cho kẻ ngoại biết danh thơm đạo Đ. C. T. đừng ăn năn trở lại.

Ấy là cách thể cầu xin cho sáng danh Đ. C. T. cho kẻ khác và cho chính mình ta được nhờ.

10 — H. — *Khi nguyện « xin Nước Cha trị đến » ta xin những điều nào ?*

T. — Đ. C. T. phép tắc vô cùng cầm quyền sửa sang cai trị mọi sự trên trời dưới đất; không ai trốn khỏi quyền phép Người đấng; cho nên chẳng phải ta xin cho phép tắc Đ. C. T. đấng thêm đâu; nhưng mà khi đọc lời « Nước Cha trị đến », thì chỉ ta có ý xin hai điều sau này :

Thứ nhất — Xin Đ. C. T. đến lập nước Người trong lòng ta, là làm cho ta nên tội dân Chúa, đừng giữ ơn nghĩa cùng Chúa luôn; vì chúng kẻ giữ lòng sạch tội trọng mới đấng Đ. C. T. ngự trị trong lòng; mới đấng mọi sự lành và khỏi mọi sự dữ phần hồn.

Thứ hai — Xin cho đấng lên thiên-đàng hưởng phước đời đời. Trên nước thiên-đàng ta sẽ đấng làm tội làm dân Đ. C. T. cho trọn; bởi vì ma quỷ thế gian xác thịt chẳng còn thế làm hại linh hồn ta đấng nữa. Lại trên thiên-đàng ta sẽ đấng hiệp trị làm một cùng Đ. C. Giêsu.

11 — H. — *« Vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy » nghĩa là làm sao ?*

T. — Các thánh thiên-thần và các thánh Nam Nữ ở trên trời bằng vâng theo ý thánh Đ. C. T. vẹn tuyền. Vậy khi ta nguyện rằng : « Vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời » thì có ý xin Đ. C. T. ban ơn thêm sức cho ta đấng theo ý thánh Người trong mọi sự cho trọn như các đấng thiên-thần và các thánh ở trên trời vậy.

Muốn theo thánh ý Đ. C. T., thì phải giữ mọi điều sau này :

Một là, phải giữ mười giải răn Đ. C. T., sáu điều luật Hội-thánh, lại chịu lụy vâng lời các đấng bề trên thay mặt Chúa.

Bằng ước ao ra sức giữ làm vậy, thì mới kể là cầu nguyện nên.

Hai là, bề khi sắp sự khốn khó nghịch ý mình, thì phải bằng lòng chịu ; hãy nhớ mọi sự thế gian này bởi Đ. C. T. mà ra. Lại khi Đ. C. T. cho ta mắc phải sự khốn khó, chẳng phải người có lòng ghét ta đâu, nhưng mà Chúa để vậy cho ta đăng lập công đền tội. Cho nên khi đọc kinh, ta phải xin Đ. C. T. phù hộ giúp sức cho ta đăng vác cây thánh Giá Người đã phú cho ta. Hoặc phải buồn bực ốm đau, đói khát.... thì hãy chịu bằng lòng mà bắt chước Đ. C. G. đã chịu chết trên cây thánh Giá.

12 — H. — « Xin Cha cao chúng tôi rày bằng ngày dùng đủ » là xin sự gì ?

Γ. — Ta ở dưới thế gian này, thì phải có sự cần kíp thường dùng mới đăng giữ sự sống phần xác và phần hồn ; cho nên khi đọc lời « xin bằng ngày dùng đủ », thì ta chẳng khác chi kẻ ăn mày đến trước mặt Chúa xin lương thực phần xác và phần hồn.

Một là, *phần xác* — a — Xin cho đăng đủ ăn mặc xứng theo bậc mình ; chẳng phải cầu cho đăng giàu có dư dật thông thả sung sướng làm chi. Hãy nhớ lời ông thánh Phaolô : *Ta có lương thực cùng áo che thân, thì ta hãy lấy làm đủ.*

b — Đ. C. G. dạy ta xin vừa đủ dùng một ngày, nghĩa là Người không muốn ta lo lắng quá lẽ. Chúa chẳng cấm ta làm việc tích để dự phòng, song Người muốn ta lo vừa vừa kéo mát sự bình yên và chẳng còn trông cậy lòng lành Đ. C. T. cho đủ.

HAI là, phần hồn — Xin hai đều sau này :

a — Xin cho đăng năng rước lễ nên, vì chúng Minh thánh và Máu thánh Đ. C. G. là bánh thiêng liêng là lương thực rất cần kíp cho linh hồn đăng sống.

b — Xin cho đăng thêm ơn nghĩa thánh cùng mọi ơn giúp hầu đăng chống trả ma quỷ thế gian xác thịt mà giữ sự sống linh hồn.

13 — H. — « Và tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi », nghĩa là làm sao ?

T. — Một là, khi ta làm hư của người ta thì buộc phải bồi thường, bằng chẳng thì mắc nợ với người ta. Vậy Đ. C. T. đã ban linh hồn và xác cùng các tài năng và nhiều ơn lành cho ta dùng làm việc lành. Nhưng mà nhiều khi việc lành ta đã chẳng làm, lại dùng của Đ. C. T. ban mà phạm tội làm phản nghịch cùng Người ; cho nên nợ ta mắc cùng Đ. C. T. vô ngần vô số.

Vậy khi đọc kinh « LẠY CHA », ta xin Đ. C. T. tha nợ, nghĩa là xin Chúa tha các tội trọng nhẹ đã phạm, và những hình phạt ta đáng chịu mà đền tội.

HAI là, ta nguyện rằng : Như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, vì chúng khi Đ. C. T. hứa sẽ tha tội cho ta, thì Người đã phán rằng : *Vì bằng bay chẳng tha tội cho kẻ khác, thì Chúa không tha tội cho bay đâu.*

Ấy vậy kẻ còn tích lòng giận hờn thù oán, chẳng muốn tha sự lỗi kẻ khác ; bằng đọc kinh « LẠY CHA » thì cũng ra như xin Chúa đừng tha tội cho nó. Cho nên ta muốn Chúa tha tội ta, thì hãy vâng lời Chúa dạy và bằng lòng tha mọi sự lỗi cho người ta.

14 — H. — « Chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ » nghĩa là làm sao ?

T. — Đã hay rằng thế gian này cũng như đám chiến

trường, ai đánh giặc mạnh mẽ toàn công thắng trận, nấy đặng lãnh phần thưởng đời đời. Các đấng thánh dầu giữ trọn nghĩa cùng Chúa mặc lòng, song cũng không khỏi bị cám dỗ dẫu. Vậy ta chẳng có ý xin cho khỏi hết mọi chước cám dỗ, nhưng mà bởi biết sức lèn hạ yếu đuối, tính hay chiều về sự xấu, thì ta xin Đ. C. T. giúp đỡ đừng bỏ ta trong lúc phải cám dỗ.

Ta giục lòng trông cậy Đ. C. T. xin thêm ơn thần lực mà đánh trả kẻ thù kéo ngã sa phạm tội, theo như lời ông thánh Phaolô đã viết rằng: *Đ. C. T. chẳng để bay phải cám dỗ quá sức bay dẫu; nhưng mà Người sẽ gìn giữ phù hộ cho chúng bay đặng nhờ sự cám dỗ mà lập công trước mặt Chúa.*

15 — H. — *Nguyễn « xin chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ » nghĩa là làm sao?*

T. — Một là, sự dữ trên hết mọi sự dữ là tội làm cho ta mất sự sống phần hồn; cho nên khi ta xin khỏi sự dữ thì trước hết hãy xin Chúa cho đặng khỏi tội.

HAI là, sự dữ ta xin cho khỏi là mọi sự khốn khó đời này: như thần khí, mất mùa, giặc giã, tai nạn, tật nguyền, bắt bớ... là những điều làm hại phần xác; mà sự này chẳng thể cho ta đặng khỏi hết. Ta một xin Đ. C. T. giảm bớt sự khốn khó để vừa sức ta, lại giúp sức cho ta đặng chịu những sự khốn khó ta gặp mà lập công đền tội. Vì chúng đặng lên thiên-đàng rồi mới khỏi lo sợ mới đặng bình yên cho trọn.

Sau hết thêm tiếng « Amen » mà kết lại mọi điều ta đã xin trong kinh « LẠY CHA »

Tiếng Amen chỉ ta muốn cho có thật như vậy, nghĩa là chớ chi Chúa ban cho ta mọi sự như đã xin cùng Người.

Lại tiếng Amen cũng chỉ ta hết lòng trông cậy Chúa sẽ nhậm lời ta xin, vì chúng chính mình Đ. C. G. đã truyền dạy kinh « LẠY CHA »



THÀNH ĐẠO ĐẠI NGUYÊN

CUỐN THỨ HAI

MỤC LỤC

Phần thứ sáu

GIẢNG VỀ LUẬT Đ. C. T.

ĐOẠN THỨ I — Nói chung về các thứ lễ luật....	1
ĐOẠN THỨ II — Giải răn thứ nhứt	
« Kính chuộng một Đ. C. T. trên hết mọi sự »	.
Về nhơn đức tin, cây, kính mến.....	4
Điều thứ 1 - Về nhơn đức tin	5
2 — Về nhơn đức trông cây.....	8
3 — Về nhơn đức kính mến.....	10
§ 1 — Về sự kính mến Đ. C. T.	11
§ 2 — Người ta buộc thương nhau.....	12
§ 3 — Người ta buộc giúp đỡ nhau.....	14
§ 4 — Về sự bố thí cho kẻ khó khăn.....	15
§ 5 — Về việc khuyên bảo kẻ có tội đặng chữa.....	17
4 — Về tội nghịch cùng nhơn đức thương yêu người ta.....	17
§ 1 — Về tội làm gương xấu.....	18
§ 2 — Về sự giúp trong việc tội.....	20
ĐOẠN THỨ III — Về việc thờ phượng Đ. C. T....	24
Điều thứ 1 — Nói chung về sự thờ phượng.	24
Điều thứ 2 — Về những tội nghịch cùng nhơn đức thờ phượng.....	27
§ 1 — Về tội thờ ma quỷ bụt thần.....	27
§ 2 — Về việc tin cây dị đoan.....	28
§ 3 — Về tội khinh dể của thánh.....	28

ĐOẠN THỨ IV — Giải răn thứ hai

« Chớ lấy tên Đ. C. T. mà thề dối ».....	29
Điều thứ 1 — Về sự thề.....	30
2 — Về sự nói lộng ngôn và rửa mình.....	32
3 — Về sự khẩn.....	34

ĐOẠN THỨ V — Giải răn thứ ba

« Giữ ngày Chúa nhật ».....	36
Điều thứ 1 — Việc phải làm mà giữ ngày Chúa-nhật.....	36
2 — Về sự kiêng việc xác ngày Chúa-nhật... ..	40

ĐOẠN THỨ VI — Giải răn thứ bốn

« Thảo kính cha mẹ ».....	41
Điều thứ 1 — Về việc bồng phận cha mẹ và con cái.....	42
§ 1 — Những điều con cái buộc giữ với cha mẹ.....	42
§ 2 — Những điều cha mẹ buộc giữ với con cái.....	45
§ 3 — Việc bồng phận kẻ bề trên, kẻ bề dưới.....	47

ĐOẠN THỨ VII — Giải răn thứ năm

« Chớ giết người ».....	51
Điều thứ 1 — Sự hại mạng sống mình....	51
2 — Sự hại mạng sống người ta.	52

ĐOẠN THỨ VIII — Giải răn thứ sáu và thứ chín

« Chớ làm tà dâm. Chớ muốn vợ chồng người ».....	54
Điều thứ 1 — Về những tội nghịch cùng hai điều răn này.....	54
2 — Về nhơn đức sạch sẽ.....	58

ĐOẠN THỨ IX — Giải răn thứ bảy và thứ mười	
Nói chung về phép công bình và	
sự làm chủ của.....	63
ĐOẠN THỨ X — Về cách làm tài chủ.....	66
Điều thứ 1 — Về sự chiếm, bắt được của gì	67
§ 1 — Về sự bắt loài vật.....	67
§ 2 — Về của rơi rớt, của bỏ.....	68
§ 3 — Về của lâu năm lâu đời.....	69
§ 4 — Về của bồi của thêm.....	70
Điều thứ 2 — Của người ta để lại, trối,	
bán, cho.....	70
§ 1 — Nói chung về sự giao kết.....	70
§ 2 — Nói riêng một ít cách hay giao kết..	74
ĐOẠN THỨ XI — Tội nghịch nhưn đức công bình	80
Điều thứ 1 — Về sự ăn trộm.....	80
2 — Về sự làm thiệt của người ta	83
3 — Về bậc tội phạm đến của cải	
người ta.....	84
4 — Về sự đền bồi.....	87
ĐOẠN THỨ XII — Giải răn thứ tám	
« Chớ làm chứng gian ».....	90
Điều thứ 1 — Về sự nói dối.....	91
2 — Về sự làm chứng dối.....	92
3 — Về sự nói bành, bỏ vạ cho	
người ta.....	93
4 — Về sự chưởi rửa, làm sỉ nhục	
người ta.....	96
5 — Về việc nghi và đoán sự trái	
cho người ta.....	97
6 — Về việc tố sự kín người ta..	98



Phần thứ bảy

VỀ LUẬT HỘI-THÀNH

ĐOẠN THỨ I — Nói chung về sáu điều luật.....	99
ĐOẠN THỨ II — Về việc giữ ngày lễ buộc.....	100
ĐOẠN THỨ III — Về việc ăn chay.....	101
ĐOẠN THỨ IV — Về việc kiêng thịt.....	103

Phần thứ tám

PHÂN BIỆT VIỆC LÀNH VIỆC DỮ..... 107

ĐOẠN THỨ I — Về lương tâm	107
ĐOẠN THỨ II — Về việc người ta làm đáng thưởng đáng phạt thế nào....	110
ĐOẠN THỨ III Về công nghiệp bởi việc lành mà ra.....	114
ĐOẠN THỨ IV — Nói chung về tội.....	116
ĐOẠN THỨ V — Về bảy mối tội đầu.....	122
Điều thứ 1 — Về sự kiêu ngạo.....	123
2 — Về sự hà tiện.....	126
3 — Về sự ghen ghét.....	127
4 Về sự mê ăn uống.....	128
5 — Về sự bòn giận.....	131
6 — Về sự làm biếng.....	133

Phần thứ chín

VỀ ƠN Đ. C. T. VÀ BẢY PHÉP BÍ-TÍCH

ĐOẠN THỨ I — Về ơn Đ. C. T.....	135
ĐOẠN THỨ II — Nói chung về các phép Bí-tích..	139
Điều thứ 1 — Bí-tích là đi gì và chia mấy thứ.....	140

2 — Về chất và mô trạng phép	
Bí-tích	143
3 — Ai dâng làm, ai dâng chịu	
phép Bí-tích	144
ĐOẠN THỨ III — Về phép Rửa tội	143
Điều thứ 1 — Nói phép Rửa tội là làm sao	145
2 — Phép Rửa tội cần kíp thế	
nào	147
3 — Về chất, mô và cách làm phép	
Rửa tội	148
4 — Về kẻ làm phép Rửa tội	149
5 — Về kẻ chịu phép Rửa tội	151
6 — Về cha mẹ đỡ đầu	155
ĐOẠN THỨ IV — Về phép Thêm-sức	157
Điều thứ 1 — Phép Thêm-sức là làm sao ..	157
2 — Về chất và mô phép	
Thêm-sức	158
3 — Về những ơn ích bởi phép	
Thêm-sức mà ra	159
4 — Phép Thêm-sức cần kíp	
thế nào	162
5 — Ai dâng làm, ai dâng chịu	
phép Thêm-sức	163
6 — Về lễ phép giữ khi	
Thêm-sức	165
ĐOẠN THỨ V — Về phép Thánh-Thể	167
Điều thứ 1 — Về phép Minh-thánh Chúa	
là Bí-tích	167
2 — Về sự rước lễ	172
3 — Về việc tế lễ Misa	179
ĐOẠN THỨ VI — Về phép Giải-tội	187
Điều thứ 1 — Nói chung về phép Giải-tội ..	187

2 — Về những việc phải làm cho đặng chịu phép Giải tội nên.	190
§ 1 — Về việc xét mình.....	190
§ 2 — Về sự ăn năn tội dốc lòng chữa....	192
§ 3 -- Về sự xưng tội.....	197
§ 4 — Về việc đền tội.....	204
§ 5 — Về phép ân tứ.....	206
ĐOẠN THỨ VII — Về phép Xức dầu thánh.....	208
ĐOẠN THỨ VIII — Về phép Truyền chức thánh...	212
ĐOẠN THỨ IX — Về phép Hôn-phối.....	215
Điều 1 — Phép Hôn-phối là làm sao.....	216
2 — Về những điều ngăn trở.....	220
3 — Về các điều giữ trước và sau.....	222

Phần thứ mười

VỀ SỰ ĐỌC KINH CẦU NGUYỆN

ĐOẠN THỨ I — Việc đọc kinh cầu nguyện.....	225
ĐOẠN THỨ II — Về kinh Lạy Cha.....	231



